

2.5 Kết quả 2-3 (WG 2-4): Thanh tra

2.5.1 Giới thiệu

2.5.1.1 Thanh tra nguồn ô nhiễm tại Việt Nam

Công tác thanh tra được thực hiện theo Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 nhằm đánh giá tình hình tuân thủ các chỉ thị trong các quy định pháp luật liên quan của các tổ chức, cá nhân và đưa ra các hướng dẫn và xử phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm. Công tác thanh tra do Sở TNMT thực hiện không chỉ liên quan đến lĩnh vực môi trường mà còn mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác như là quản lý đất đai. Đoàn thanh tra về quản lý môi trường gồm đại diện của một số phòng ban chức năng như Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng quản lý tài nguyên nước, và Trung tâm quan trắc môi trường. Đoàn thanh tra do Thanh tra Sở chủ trì.

Các hoạt động kiểm tra môi trường được tiến hành theo Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 (Luật BVMT). Luật quy định rằng cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu trong luật tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ... như tuân thủ về giấy phép ĐTM/CK BVMT, giấy phép cần thiết khác và việc triển khai các hành động bảo vệ môi trường khi xả nước thải, chất thải rắn và quản lý chất nguy hại. Các hoạt động kiểm tra môi trường thường do Chi cục Bảo vệ môi trường (Chi cục BVMT) đảm nhiệm. Trong khi kiểm tra, nếu phát hiện thấy các vi phạm nghiêm trọng, Thanh tra Sở sẽ đưa ra hướng dẫn hành chính hoặc chế tài xử phạt.

Bảng 2.5-1 Tóm tắt khung pháp lý liên quan đến thanh tra và kiểm tra môi trường trong lĩnh vực quản lý môi trường nước.

Bảng 2.5-1 Khung pháp lý liên quan đến công tác thanh tra tại Việt Nam

| Luật | Nội dung liên quan | Nghị định, quyết định và thông tư liên quan |
|--|---|--|
| Luật Bảo vệ môi trường (số 52/2005/QH11) | Luật BVMT quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp phát sinh chất ô nhiễm trong việc bảo vệ môi trường và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc kiểm tra thực trạng hệ thống/các hoạt động quản lý môi trường của doanh nghiệp. | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Nghị định số 80/2006/ND về Hướng dẫn thực hiện Luật BVMT ➢ Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCMNT về việc ban hành quy chế BVMT tại khu công nghiệp: được áp dụng đối với công tác thanh tra về BVMT tại các khu công nghiệp. ➢ Nghị định số 88/2007/ND-CP về thoát nước đô thị và khu công nghiệp ➢ Nghị định số 29/2011/ND-CP quy định về Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường. ➢ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT hướng dẫn Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường. ➢ Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp. ➢ Thông tư số 08/2010/TT-BTNMT quy định việc xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo ĐTM của ngành, lĩnh vực và Báo cáo về hiện trạng môi trường cấp tỉnh. |
| Luật Thanh tra (số 56/2010/QH12) | Luật Thanh tra quy định việc tổ chức đoàn thanh tra, lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động thanh tra. Luật quy định hai loại hình hoạt động thanh tra, bao gồm “thanh tra hành chính” và “thanh tra chuyên ngành”. Các hoạt động thanh tra liên quan đến các vấn đề môi trường thuộc loại thanh tra chuyên ngành. | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Nghị định số 07/2012/ND-CP Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành ➢ Nghị định số 86/2011/ND-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra ➢ Nghị định số 117/2009/ND-CP về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT ➢ Quyết định số 2151/2006/QĐ-TTTP về Quy chế hoạt động của đoàn thanh tra ➢ Nghị định số 35/2009/NĐ - CP về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường ➢ Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT hướng dẫn xác định và quyết định về danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần bị xử phạt hành chính. |

Nguồn: JET

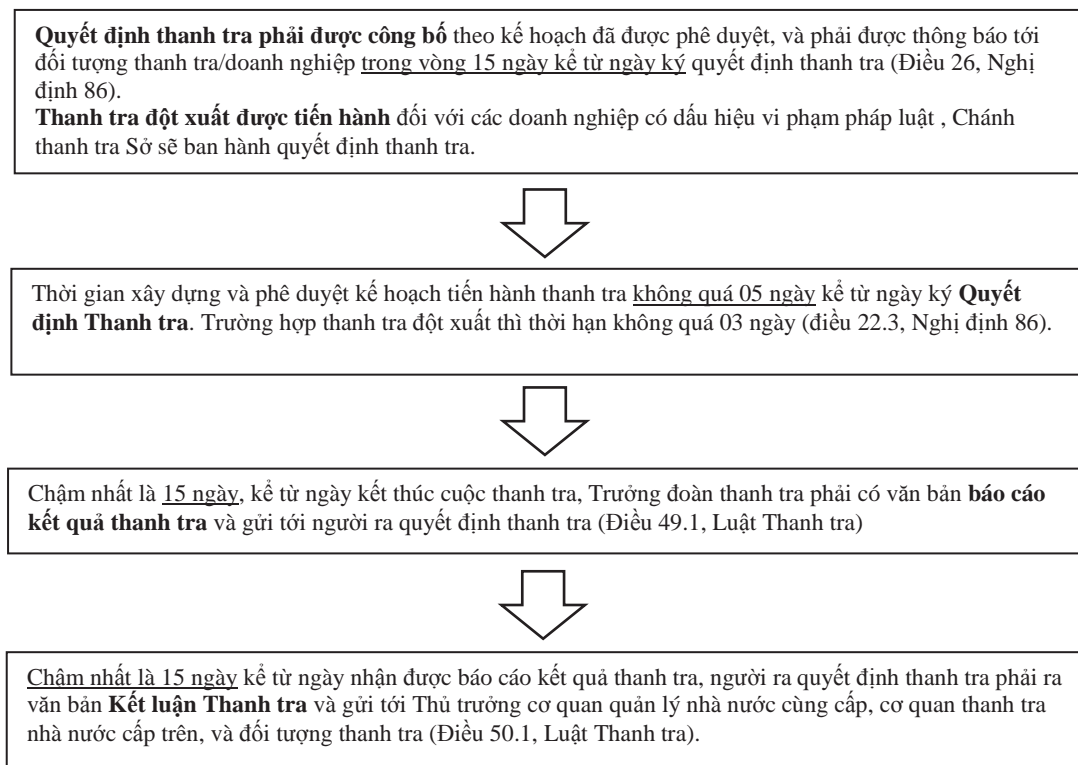
Bảng 2.5-2 liệt kê một số tổ chức có liên quan đến công tác thanh tra và kiểm tra môi trường ở cấp tỉnh. Trong khuôn khổ Dự án này, các hoạt động phát triển năng lực tập trung vào các phòng ban chức năng trực thuộc các Sở TNMT cấp tỉnh/thành như Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng Quản lý tài nguyên nước (Phòng QLTNN) và Trung tâm Quan trắc môi trường (Trung tâm QTMT). Bên cạnh đó, các đơn vị liên quan khác như Phòng TNMT quận huyện, và Cảnh sát môi trường cũng đã tham gia vào dự án để tăng hiệu quả của các hoạt động phát triển năng lực.

Bảng 2.5-2 Các đơn vị liên quan đến các hoạt động thanh tra và kiểm tra môi trường ở cấp tỉnh/thành

| Đơn vị | Hoạt động và nhiệm vụ |
|---|--|
| Thanh tra Sở trực thuộc Sở TNMT | Thực hiện thanh tra chuyên ngành về môi trường để đưa ra và áp dụng xử phạt hành chính đối với các vi phạm bị phát hiện. |
| Chi cục BVMT (EPA) trực thuộc Sở TNMT | Thực hiện kiểm tra môi trường đối với các nguồn ô nhiễm và đưa ra đề xuất thực hiện các biện pháp bảo vệ phù hợp. |
| Trung tâm Quan trắc môi trường trực thuộc Sở TNMT | Tiến hành lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường, và phân tích để kiểm tra tình hình tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc gia về nước thải. |
| Phòng Quản lý TNN trực thuộc Sở TNMT | Tham gia thanh tra và kiểm tra môi trường liên quan đến việc xả nước thải và khai thác tài nguyên nước . |
| Cảnh sát môi trường | Thực hiện kiểm tra môi trường để áp dụng xử phạt hành chính và kết tội hình sự đối với các trường hợp vi phạm . |
| UBND cấp huyện | Thực hiện kiểm tra môi trường đối với các dự án đăng ký CK BVMT/ Đề án BVMT để đưa ra kiến nghị và áp dụng chế tài xử phạt đối với các trường hợp vi phạm. |

Nguồn: JET

Hình 2.5-1 dưới đây tóm tắt về quy trình thanh tra chung được quy định trong Nghị định 86/2011/ND-CP hướng dẫn thi hành một số điều trong Luật Thanh tra.



Nguồn: JET

Hình 2.5-1 Quy trình thanh tra chung

2.5.1.2 Ma trận thiết kế dự án (PDM) và Kế hoạch hoạt động (PO)

PDM và PO đã được thống nhất vào giai đoạn đầu của Dự án trong tháng 1 năm 2010 và sau đó đã được sửa đổi trong tháng 8 năm 2012 dựa theo các hoạt động thực tế của các nhóm công tác. Bảng 2.5-3 trích các nội dung về thanh tra, kiểm tra môi trường (nhóm WG 2-4) trong bản PDM và PO sửa đổi. Trong Dự án này, từ “thanh tra” được dùng chung cho các hoạt động thanh tra và kiểm tra môi trường trừ khi có sự phân biệt rõ ràng giữa hai từ này.

Bảng 2.5-3 Các nội dung liên quan đến Thanh tra nguồn ô nhiễm trong PDM và PO

| Tài liệu | Nội dung | Mô tả |
|----------|-------------------------------|--|
| PDM | Kết quả | Năng lực của các Sở TNMT mục tiêu về thực thi kiểm soát ô nhiễm nước cơ bản (quan trắc môi trường, kiểm kê nguồn ô nhiễm, thanh tra nguồn ô nhiễm) được tăng cường. |
| | Chỉ số đánh giá theo mục tiêu | 2-3-1 Kết quả đánh giá năng lực về công tác chuẩn bị trước khi thanh tra, thanh tra tại hiện trường, và các hoạt động sau khi tiến hành thanh tra cho thấy sự tiến bộ so với giai đoạn đầu của dự án. 2-3-2 Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/ trọng điểm được làm rõ trong kế hoạch thanh tra của Sở TNMT. 2-3-3 Tăng số lượng cán bộ có năng lực thanh tra tại hiện trường như đo đạc thực địa và kiểm tra hệ thống xử lý nước thải. 2-3-4 Tăng số lượng cán bộ có năng lực đánh giá tình hình quản lý nước thải từ các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và đề xuất cải thiện tình hình thông qua việc đưa ra chỉ thị hành chính và hướng dẫn hành chính. |
| | Phương tiện đánh giá | 2-3-1 Kết quả đánh giá năng lực 2-3-2 Tài liệu giải thích tiêu chí lựa chọn các ngành công nghiệp sẽ được thanh tra/ kiểm tra. 2-3-3 Báo cáo về đào tạo/tập huấn 2-3-4 Báo cáo về đào tạo/tập huấn |
| | Các hoạt động | C3-1 Tiến hành đánh giá năng lực của các Sở TNMT trong khu vực dự án về thanh tra kiểm soát ô nhiễm môi trường nước. C3-2 Đánh giá các tài liệu hướng dẫn hiện hành về thanh tra. C3-3 Xác định tiêu chí lựa chọn nguồn ô nhiễm chính cần thanh tra và được đưa vào nội dung kế hoạch thanh tra của các Sở TNMT thuộc dự án. C3-4 Dựa trên các kế hoạch thanh tra đã được xây dựng, tiến hành thanh tra và/ hoặc kiểm tra môi trường. C3-5 Cùng phân tích kết quả thanh tra/ kiểm tra môi trường để cải thiện các năng lực liên quan cho các Sở TNMT thuộc dự án thông qua các hoạt động đào tạo. C3-6 Tiến hành tập huấn về quản lý nước thải để cải thiện việc ban hành các chỉ thị và/ hay hướng dẫn hành chính của các Sở TNMT trong khu vực dự án. C3-7 Tiến hành đào tạo về thanh tra tại hiện trường. |
| PO | C3-1 | Từ tháng năm đến tháng tám năm 2011 |
| | C3-2 | Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2011 |
| | C3-3 | Tháng 8 năm 2011 – tháng 11 năm 2012 |
| | C3-4 | Tháng 1 năm 2012 – tháng 12 năm 2012 |
| | C3-5 | Tháng 10 năm 2011 – tháng 11 năm 2012 |
| | C3-6 | Tháng 10 năm 2011 – tháng 1 năm 2013 |
| | C3-7 | Tháng 6 năm 2012 – tháng 1 năm 2013 |

Nguồn: JET

2.5.1.3 Hoạt động C3-1: Tiến hành đánh giá năng lực của các Sở TNMT trong khu vực dự án về thanh tra kiểm soát ô nhiễm môi trường nước

Tháng 8 năm 2011, JET đã xây dựng phiếu khảo sát đánh giá năng lực (CA), và đã gửi tới các Sở TNMT để kiểm tra năng lực ban đầu ở cả cấp cá nhân (cấp cán bộ) và cấp tổ chức (cấp quản lý). Đã thu được tổng số 23 phiếu khảo sát được trả lời từ các Sở TNMT mục tiêu. Qua phiếu khảo sát sử dụng phương pháp đánh giá với 5 thang điểm, cán bộ tại các đơn vị làm thanh tra và kiểm tra môi trường như Thanh tra Sở, Chi cục BVMT và Phòng QL TNN đã tự đánh giá năng lực của mình. Các nội dung năng lực dưới đây được đánh giá là tương đối kém hơn so với các nội dung năng lực khác và cần được tăng cường.

- Kinh nghiệm tiếp cận các thông tin cần tham vấn khi chuẩn bị thanh tra,
- Kiến thức đánh giá hệ thống xử lý nước thải và điều kiện vận hành, và
- Kinh nghiệm quan trắc khối lượng và chất lượng dòng thải sử dụng các công cụ/thiết bị tại hiện trường ,

Bảng 2.5-4 Tóm tắt Kết quả đánh giá năng lực về thanh tra và kiểm tra môi trường

| Giai đoạn | Kiến thức/Kinh nghiệm/Kỹ năng | Phản trả lời về mức năng lực | | | | | Điểm trung bình | |
|---------------------------------------|---|------------------------------|----|----|---|------------------|-----------------|-----|
| | | 5 (cao nhất) | 4 | 3 | 2 | 1 (thấp nhất) | | |
| Chuẩn bị thanh tra | Kinh nghiệm xây dựng kế hoạch thanh tra/kiểm tra môi trường | 1 | 9 | 5 | 0 | 1 | 3,6 | 3,4 |
| | Kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch thanh tra/kiểm tra môi trường | 0 | 8 | 6 | 2 | 1 | 3,2 | |
| | Kiến thức về tài liệu và thiết bị cần phải chuẩn bị cho công tác thanh tra/kiểm tra môi trường | 1 | 8 | 5 | 1 | 1 | 3,4 | |
| | Kiến thức về tiêu chuẩn dòng thải và tiêu chuẩn môi trường mới nhất | 4 | 8 | 8 | 0 | 1 | 3,7 | |
| | Kiến thức về thông tin cần được thu thập trước khi tiến hành thanh tra/kiểm tra môi trường | 1 | 9 | 6 | 0 | 1 | 3,5 | |
| | Kinh nghiệm tham khảo báo cáo ĐTM/Đề án BVMT/CK BVMT để xác định các vấn đề chính | 3 | 9 | 8 | 1 | 1 | 3,5 | |
| | Kinh nghiệm tham khảo báo cáo thanh tra/kiểm tra môi trường trước đây | 2 | 11 | 6 | 1 | 1 | 3,6 | |
| | Kinh nghiệm hợp tác với các phòng ban khác để thu thập thông tin cần thiết trước khi thực hiện thanh tra/kiểm tra môi trường | 2 | 11 | 6 | 1 | 1 | 3,6 | |
| | Kinh nghiệm tiếp cận thông tin liên quan cần tham khảo trong công tác chuẩn bị thanh tra/kiểm tra | 1 | 3 | 11 | 4 | 1 | 3,0 | |
| | Kỹ năng xác định các ngành công nghiệp cần thanh tra kỹ lưỡng, có xét đến đặc điểm các hoạt động công nghiệp tại mỗi tỉnh/thành phố | 1 | 5 | 10 | 0 | 1 | 3,3 | |
| Thanh tra tại hiện trường | Kiến thức về thông tin cần phỏng vấn tại hiện trường | 1 | 6 | 5 | 1 | 1 | 3,4 | 3,2 |
| | Kiến thức về tài liệu cán bộ cần kiểm tra tại hiện trường theo Luật Thanh tra/Luật BVMT | 1 | 6 | 8 | 0 | 1 | 3,4 | |
| | Kiến thức về thông tin cần kiểm tra trong báo cáo tự quan trắc của các doanh nghiệp được thanh tra. | 1 | 6 | 7 | 1 | 1 | 3,3 | |
| | Kiến thức đánh giá hệ thống XLNT và điều kiện vận hành | 0 | 4 | 8 | 4 | 2 | 2,8 | |
| | Kinh nghiệm đưa ra kiến nghị nhằm cải thiện hệ thống quản lý ô nhiễm nước trong quá trình thanh tra tại hiện trường | 2 | 3 | 9 | 4 | 0 | 3,2 | |
| | Kinh nghiệm quan trắc chất lượng và khối lượng nước thải bằng các công cụ/thiết bị tại hiện trường | 2 | 4 | 7 | 6 | 1 | 3,0 | |
| Hoạt động sau khi tiến hành thanh tra | Kinh nghiệm lập báo cáo thanh tra/kiểm tra môi trường | 2 | 10 | 5 | 1 | 1 | 3,6 | 3,5 |
| | Kiến thức về những thông tin cần đưa vào báo cáo thanh tra/kiểm tra môi trường theo Luật Thanh tra và Sổ tay hướng dẫn thanh tra môi trường của Bộ TNMT | 0 | 8 | 7 | 1 | 1 | 3,3 | |
| | Kinh nghiệm tham khảo những báo cáo có liên quan trước đây về thanh tra/kiểm tra môi trường để lập báo cáo mới | 2 | 11 | 5 | 0 | 1 | 3,7 | |
| | Kinh nghiệm chia sẻ với các đơn vị/phòng ban khác về thông tin các nguồn ô nhiễm nước thu được từ các đợt thanh tra/kiểm tra môi trường | 1 | 9 | 9 | 0 | 1 | 3,5 | |
| | Kinh nghiệm đưa ra chế tài xử phạt hành chính | 2 | 8 | 6 | 3 | 1 | 3,4 | |
| | Kinh nghiệm lập báo cáo tóm tắt năm về thanh tra/kiểm tra môi trường | 3 | 9 | 6 | 1 | 1 | 3,6 | |

Ghi chú: Qua đợt khảo sát, đã thu được 23 phiếu trả lời từ các Sở TNMT thuộc dự án. Tuy nhiên, một số cán bộ đã không trả lời hết các câu hỏi trong phiếu. Do vậy, tổng số các câu trả lời của mỗi câu hỏi thấp hơn 23.

Các nội dung năng lực được đánh dấu đậm có điểm số thấp hơn so với các nội dung năng lực khác.

Nguồn: JET

Qua đợt khảo sát đánh giá năng lực, các buổi thảo luận tại mỗi Sở TNMT và dựa trên số liệu thu thập từ các Sở TNMT, đã xác định được năng lực ban đầu của cán bộ và những nội dung năng lực cần cải thiện qua hoạt động dự án tại mỗi Sở TNMT (Bảng 2.5-5).

Bảng 2.5-5 Các nội dung trong PDM và PO liên quan đến Thanh tra nguồn ô nhiễm

| Nội dung | Hà Nội | Hải Phòng | TT - Huế | tp. Hồ Chí Minh | BRVT |
|---|--|--|--|---|--|
| 1) Số lượng cán bộ thuộc Thanh tra Sở | 25 cán bộ | 13 cán bộ | 6 cán bộ | 20 cán bộ | 6 cán bộ |
| 2) Thực hiện thanh tra và kiểm tra môi trường | Số lần thanh tra về các vấn đề môi trường và kiểm tra môi trường đã tiến hành. 2008: 110 lần 2009: 216 lần 2010: 256 lần Chế tài xử phạt đã áp dụng và số tiền phạt đã thu về các vấn đề môi trường như sau: 2008: 18 trường hợp (tổng tiền phạt: 308 triệu đồng) 2009: 87 trường hợp (tổng tiền phạt: 1.217 triệu đồng) 2010: 90 trường hợp (tổng tiền phạt: 3.948 triệu đồng) | Số lần thanh tra về các vấn đề môi trường và kiểm tra môi trường đã tiến hành. 2007: 50 lần 2008: 33 lần Chế tài xử phạt đã áp dụng và số tiền phạt đã thu về các vấn đề môi trường như sau: 2007: 8 trường hợp (tổng tiền phạt: 79 triệu đồng) 2008: 9 trường hợp (tổng tiền phạt: 118 triệu đồng) | Số lần thanh tra về các vấn đề môi trường và kiểm tra môi trường đã tiến hành. 2010: 3 lần Năm 2010, không có trường hợp nào bị xử phạt và phạt tiền về các vấn đề môi trường. | Số lần thanh tra về các vấn đề môi trường đã tiến hành 2010: 318 lần Chế tài xử phạt đã áp dụng và số tiền phạt đã thu về các vấn đề môi trường như sau: 2010: 160 trường hợp (tổng tiền phạt: 1.024 triệu đồng) | Số lần thanh tra về các vấn đề môi trường đã tiến hành 2010: 78 lần Chế tài xử phạt đã áp dụng và số tiền phạt đã thu về các vấn đề môi trường như sau: 2010: 21 trường hợp (tổng tiền phạt: 319 triệu đồng) |
| 3) Kỹ năng thanh tra tại hiện trường | Mẫu biên bản thanh tra (danh sách cần kiểm tra tại hiện trường: đã có Quy trình thanh tra tại hiện trường: công tác thanh tra và kiểm tra môi trường đã được tiến hành theo một quy trình đã quy định. | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Mẫu biên bản thanh tra (danh sách cần kiểm tra tại hiện trường: đã có Quy trình thanh tra tại hiện trường: kiểm tra môi trường đã được tiến hành theo quy trình đã quy định bởi TT-Huế đối với trang trại nuôi tôm . | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Mẫu biên bản thanh tra (danh sách cần kiểm tra tại hiện trường: đã có Quy trình thanh tra tại hiện trường: kiểm tra môi trường đã được tiến hành theo quy trình đã quy định bởi tỉnh BRVT đối với cơ sở chăn nuôi. |
| 4) Lấy mẫu và phân tích nước thải | Thanh tra Sở hợp tác với Trung tâm Quan trắc môi trường trong phân tích mẫu nước thải . | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Hiện đang xây dựng PTN. Do vậy, Sở đã thuê đơn vị bên ngoài lấy mẫu và phân tích nước thải. | Sở TNMT t/p HCM không có PTN nên đã thuê lấy mẫu và phân tích ở bên ngoài. | Giống như Sở TNMT Hà Nội |
| 5) Quản lý hồ sơ và báo cáo về thanh tra và kiểm tra môi trường | Lập và nộp UBND tỉnh báo cáo năm về thanh tra và kiểm tra môi trường. | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Giống như Sở TNMT Hà Nội |
| 6) Kế hoạch thanh tra và kiểm tra môi trường năm 2011 | Kế hoạch thanh tra: đã được xây dựng Kế hoạch kiểm tra môi trường: đã được xây dựng | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Giống như Sở TNMT Hà Nội | Giống như Sở TNMT Hà Nội |
| 7) Yêu cầu về các nội dung năng lực chính cần cải thiện | [Năng lực ở cấp cá nhân] - Cần cung cấp thông tin kỹ thuật phục vụ công tác chuẩn bị trước khi thanh tra/ kiểm tra, thanh tra/ kiểm tra tại hiện trường và hoạt động sau khi tiến hành thanh tra/ kiểm tra. - Cần tăng cường kiến thức kiểm tra tính phù hợp của hệ thống XLNT. [Năng lực cấp tổ chức] - Không có tài liệu cụ thể về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. | [Năng lực ở cấp cá nhân] Giống như Sở TNMT Hà Nội [Năng lực cấp tổ chức] - Không có tài liệu cụ thể về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. - Đã đề xuất xây dựng công cụ hỗ trợ công tác thanh tra/ kiểm tra tại hiện trường. | [Năng lực ở cấp cá nhân] - Cần cung cấp thông tin kỹ thuật phục vụ công tác chuẩn bị trước khi thanh tra/ kiểm tra, thanh tra/ kiểm tra tại hiện trường và hoạt động sau khi tiến hành thanh tra/ kiểm tra. - Cần tăng cường kiến thức kiểm tra tính phù hợp của hệ thống XLNT. - Cần tăng cường năng lực về thanh tra tại hiện trường đối với một số ngành công nghiệp ưu tiên . [Năng lực cấp tổ chức] Giống như Sở TNMT Hà Nội | [Năng lực ở cấp cá nhân] Giống như Sở TNMT Hà Nội [Năng lực cấp tổ chức] Giống như Sở TNMT Hà Nội | [Năng lực ở cấp cá nhân] - Cần cung cấp thông tin kỹ thuật phục vụ công tác chuẩn bị trước khi thanh tra/ kiểm tra, thanh tra/ kiểm tra tại hiện trường và hoạt động sau khi tiến hành thanh tra/ kiểm tra. - Cần tăng cường kiến thức kiểm tra tính phù hợp của hệ thống XLNT. - Cần cải thiện năng lực đề xuất các biện pháp cải thiện công tác quản lý nước thải [Năng lực cấp tổ chức] Giống như Sở TNMT Hà Nội |

Nguồn: JET

2.5.1.4 Kế hoạch phát triển năng lực (CD)

Sau khi nắm rõ khoảng cách giữa năng lực khi bắt đầu dự án và năng lực cần cải thiện cho Sở TNMT, nhóm công tác WG2-4 đã xây dựng kế hoạch Phát triển năng lực (CD). Kế hoạch CD được tiến hành qua 4 giai đoạn; mở đầu (GĐ I), giữa kỳ 1 (GĐ II), giữa kỳ 2 (GĐ III), và cuối kỳ (GĐ IV); trong mỗi giai đoạn, đã xây dựng các mục tiêu CD, nội dung công việc, kết quả dự kiến, đơn vị hỗ trợ và nhóm đối tượng. Kế hoạch CD được trình bày trong Bảng 2.5-6.

Bảng 2.5-6 Kế hoạch phát triển năng lực trong Kết quả 2-4

| Giai đoạn Mục | Giai đoạn I (Đầu kỳ) | Giai đoạn II (Giữa kỳ 1) | Giai đoạn III (Giữa kỳ 2) | Giai đoạn IV (Cuối kỳ) |
|-------------------------------|---|--|--|---|
| Mục tiêu phát triển năng lực | -Xác định và chia sẻ các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của dự án - Xác định năng lực và những vấn đề hiện tại - Xây dựng kế hoạch công tác về tăng cường năng lực về thanh tra/ kiểm tra cho đối tác | - Xây dựng dự thảo tiêu chí về các nguồn ô nhiễm chính - Tăng cường kiến thức về hệ thống xử lý nước thải | - Tăng cường năng lực thanh tra trong công tác chuẩn bị trước khi thanh tra, thanh tra tại hiện trường và các hoạt động sau khi tiến hành thanh tra nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý môi trường nước. | - Hoàn thiện bản dự thảo các tiêu chí lựa chọn nguồn ô nhiễm chính. - Tăng cường năng lực kiểm tra tính phù hợp của hệ thống xử lý nước thải và quy trình sản xuất - Chia sẻ các bài học rút ra từ quá trình thực hiện các hoạt động |
| Nội dung công việc | 1) Đánh giá năng lực hiện tại về thanh tra/ kiểm tra môi trường 2) Phân tích những khoảng cách giữa năng lực cần có và hiện trạng vào thời điểm bắt đầu dự án. 3) Xây dựng Kế hoạch công tác dựa trên Kế hoạch hành động dự kiến và phân tích những yếu kém/khoảng cách về năng lực | 1) Xây dựng dự thảo các tiêu chí lựa chọn nguồn ô nhiễm chính. 2) Nâng cao kiến thức kiểm tra điều kiện vận hành của hệ thống xử lý nước thải tại hiện trường | 1) Cải thiện kỹ năng lấy mẫu nước thải, phân tích sơ bộ và đo đạc thực địa 2) Nâng cao kiến thức kiểm tra điều kiện vận hành của hệ thống xử lý nước thải tại hiện trường | 1) Hỗ trợ xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2) Hỗ trợ xây dựng báo cáo thanh tra năm 3) Tuyên truyền và chia sẻ các sản phẩm của Kết quả 2-4 tại hội thảo tổng kết |
| Những kết quả dự kiến | - Kế hoạch công tác về Kết quả 2-4 | - Cán bộ được cải thiện kiến thức về cách thức kiểm tra điều kiện vận hành của hệ thống xử lý nước thải tại hiện trường - Tài liệu dự thảo về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính | - Cán bộ được cải thiện kỹ năng lấy mẫu nước thải, phân tích sơ bộ và đo đạc thực địa - Cán bộ được cải thiện về cách thức phân tích những vấn đề đã phát hiện vào hướng dẫn hành chính về hệ thống quản lý nước thải | - Cán bộ được cải thiện về kiến thức kiểm tra điều kiện vận hành của hệ thống xử lý nước thải tại hiện trường và phân tích những vấn đề đã phát hiện vào hướng dẫn hành chính. - Tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính - Sổ tay cải thiện công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường |
| Hỗ trợ | JET | JET | JET | JET |
| Đối tượng | Cán bộ nhóm WG 2-4 và các cán bộ khác liên quan | Cán bộ nhóm WG 2-4 và các cán bộ khác liên quan | Cán bộ nhóm WG 2-4 và các cán bộ khác liên quan | Cán bộ nhóm WG 2-4 và các cán bộ khác liên quan |
| Hoạt động Phát triển năng lực | Phối hợp làm việc giữa đối tác VN và JET | Phối hợp làm việc giữa đối tác VN và JET | Phối hợp làm việc giữa đối tác VN và JET | Phối hợp làm việc giữa đối tác VN và JET |
| Thời gian | Tháng 4/ 2011 – tháng 8/ 2011 | tháng 9/2011- tháng 3/ 2012 | Tháng 4/2012 – tháng 9/ 2012 | Tháng 10/2012 – tháng 6/ 2013 |

Nguồn: JET

2.5.1.5 Xây dựng kế hoạch công tác (WPs)

Kế hoạch công tác về thanh tra môi trường đã được xây dựng tại mỗi Sở TNMT mục tiêu dựa theo: Kế hoạch hành động (AP) do các Sở xây dựng, kế hoạch phát triển năng lực, kết quả đánh giá năng lực ban đầu, các hoạt động được xác định trong Ma trận thiết kế dự án (PDM) và Kế hoạch hoạt động (PO), và các buổi thảo luận với các Sở. Bảng 2.5-7 tóm tắt khung kế hoạch công tác để thực hiện các hoạt động phát triển năng lực về thanh tra.

Bảng 2.5-7 Khung Kế hoạch công tác để thực hiện các hoạt động phát triển năng lực và thanh tra

| Hoạt động | Nội dung kỹ thuật | Phương pháp tiếp cận | Hoạt động thực tế | Đối tượng |
|---|---|--|---|--|
| C3-1 Tiến hành đánh giá năng lực của các Sở TNMT trong khu vực dự án về thanh tra kiểm soát ô nhiễm môi trường nước. | 1) Xác định năng lực cụ thể cần được cải thiện về thanh tra/ kiểm tra môi trường | Trước hết, tiến hành đánh giá năng lực ban đầu qua thảo luận với các Sở TNMT mục tiêu từ tháng 5 năm 2011. Sau đó, xác định năng lực cụ thể cần cải thiện, thực hiện khảo sát sử dụng phiếu khảo sát về công tác chuẩn bị trước khi thanh tra/ kiểm tra, thanh tra/ kiểm tra tại hiện trường và các hoạt động sau khi thanh tra/ kiểm tra. | 1. Tổ chức các buổi họp thảo luận để đánh giá thực trạng thanh tra/ kiểm tra môi trường và tiến hành đánh giá năng lực ban đầu 2. Khảo sát đánh giá năng lực đối với cán bộ các Sở TNMT mục tiêu | 1. Cấp tổ chức Các Sở TNMT Hà Nội, Hải Phòng, TT-Huế, t/p HCM, BRVT 2. Cấp cá nhân Cán bộ phụ trách thanh tra/ kiểm tra môi trường |
| C3-2 Đánh giá các tài liệu hướng dẫn hiện hành về thanh tra. | 2) Xác định các nội dung cần đưa vào Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường | Cán bộ liên quan đến thanh tra/ kiểm tra môi trường tham khảo “Sổ tay Hướng dẫn thanh tra chuyên ngành về môi trường” do Bộ TNMT soạn thảo. Để xác định năng lực cần cải thiện, tiến hành đánh giá cuốn sổ tay này cùng với các Sở TNMT mục tiêu. | 1. Tổ chức các buổi họp thảo luận để đánh giá “Sổ tay Hướng dẫn thanh tra chuyên ngành về môi trường” do Bộ TNMT xây dựng. | nt |
| C3-3 Xác định tiêu chí lựa chọn nguồn ô nhiễm chính cần thanh tra và được đưa vào nội dung kế hoạch thanh tra của các Sở TNMT thuộc dự án. | 3) Xây dựng tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính | Vào thời kỳ đầu của Dự án, tất cả các Sở TNMT mục tiêu đã không có tài liệu cụ thể về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính. Để lên kế hoạch thanh tra/ kiểm tra môi trường tốt hơn, Dự án sẽ xây dựng tài liệu về tiêu chí lựa chọn dựa trên đặc điểm các nguồn ô nhiễm tại mỗi khu vực do các Sở TNMT thuộc dự án kiểm soát. | 1. Tổ chức các buổi họp thảo luận để mỗi Sở có thể xác định tiêu chí cần thiết đối với việc lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính 2. Tổ chức hội thảo để mỗi Sở TNMT có thể xác định các tiêu chí cần thiết để lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính | nt |
| C3-4 Dựa trên các kế hoạch thanh tra đã được xây dựng, tiến hành thanh tra và/ hoặc kiểm tra môi trường. | 4) OJT về thanh tra/ kiểm tra môi trường | Xác định vấn đề cần cải thiện và cải thiện năng lực về thanh tra/ kiểm tra môi trường, JET phối hợp với Sở TNMT trong việc thực hiện thanh tra/ kiểm tra môi trường để đào tạo OTJ. | 1. Tổ chức các buổi họp thảo luận để lập kế hoạch OJT về thanh tra và kiểm tra môi trường. 2. Đào tạo OJT thông qua việc phối hợp thanh tra/ kiểm tra môi trường giữa các Sở TNMT mục tiêu và JET | nt |
| C3-5 Cùng phân tích kết quả thanh tra/ kiểm tra môi trường để cải thiện các năng lực liên quan cho các Sở TNMT thuộc dự án thông qua các hoạt động đào tạo. | 5) Kết quả phân tích về thanh tra/ kiểm tra môi trường nhằm cải thiện năng lực liên quan cho các Sở TNMT mục tiêu | Dựa trên kinh nghiệm và kết quả thu được từ việc phối hợp thực hiện trong thanh tra/ kiểm tra môi trường, JET và các Sở TNMT mục tiêu tổ chức thảo luận phân tích các vấn đề cần giải quyết nhằm tăng cường năng lực thanh tra/ kiểm tra môi trường. Hướng dẫn cải thiện/giải quyết các vấn đề đã xác định qua phối hợp phân tích giữa hai bên được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường. | 1. Tổ chức họp đánh giá về việc phối hợp thực hiện trong thanh tra/ kiểm tra môi trường 2. Xây dựng Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường trong đó có hướng dẫn cải thiện các vấn đề được xác định qua phối hợp phân tích về thanh tra/ kiểm tra môi trường | nt |
| C3-6 Tiến hành tập huấn về quản lý nước thải để cải thiện việc ban hành các chỉ thị và/ hay hướng dẫn hành chính của các Sở TNMT trong khu vực dự án. | 6) Kết quả phân tích về thanh tra/ kiểm tra môi trường nhằm cải thiện năng lực liên quan cho các Sở TNMT mục tiêu | Cán bộ tại mỗi Sở TNMT mục tiêu đề nghị Dự án tăng cường kiến thức về hệ thống XLNT và kỹ thuật sản xuất sạch hơn. JET tổ chức hội thảo nhằm cung cấp kiến thức liên quan và thực hiện đào tạo phối hợp với các chuyên gia tư vấn trong nước, có xét đến các ngành công nghiệp chính trong khu vực. | 1. Hội thảo về cách thức kiểm tra hệ thống XLNT. 2. Đào tạo về hệ thống XLNT và kỹ thuật SXSH | 1. Cấp tổ chức Các Sở TNMT Hà Nội, Hải Phòng, TT-Huế, t/p HCM, BRVT 2. Cấp cá nhân Cán bộ phụ trách thanh tra/ kiểm tra môi trường tại các Sở TNMT thuộc dự án và các tổ chức liên quan như Phòng TNMT quận huyện |
| C3-7 Tiến hành đào tạo về thanh tra tại hiện trường. | 7) Đào tạo kỹ thuật về thanh tra tại hiện trường như đo lưu lượng nước, phân tích chất lượng nước bằng máy cầm tay, và cách thức kiểm tra hệ thống XLNT tại chỗ | Thanh tra tại hiện trường là một trong những phần quan trọng của công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường, và có một số nội dung năng lực chuyên môn cần cải thiện như đo lưu lượng nước, phân tích chất lượng nước bằng máy cầm tay và cách thức kiểm tra hệ thống XLNT tại chỗ. Tổ chức đào tạo thông qua phối hợp thanh tra tại hiện trường giữa các Sở TNMT và JET. | 1. Đào tạo OJT thông qua phối hợp thanh tra/ kiểm tra môi trường tại hiện trường giữa các Sở TNMT và JET. 2. Đào tạo về hệ thống XLNT và kỹ thuật SXSH | 1. Cấp tổ chức Các Sở TNMT Hà Nội, Hải Phòng, TT-Huế, t/p HCM, BRVT 2. Cấp cá nhân Cán bộ phụ trách thanh tra/ kiểm tra môi trường tại các Sở TNMT thuộc dự án |

Nguồn: JET

| |
|---|
| <p>2.2.2 Cấp địa phương</p> <p>2.3. Chức năng và nhiệm vụ của cảnh sát môi trường và sự phối hợp với đơn vị thanh tra ở tất cả các cấp</p> <p>2.3.1. Chức năng và nhiệm vụ của cảnh sát môi trường</p> <p>2.3.2. Phạm vi hoạt động của cảnh sát môi trường</p> <p>2.3.3 Phối hợp giữa thanh tra môi trường và cảnh sát môi trường ở tất cả các cấp</p> <p>2.4. Các tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam</p> <p>2.4.1. Tiêu chuẩn môi trường áp dụng đối với công tác bảo vệ môi trường đất</p> <p>2.4.2. Tiêu chuẩn môi trường áp dụng đối với công tác bảo vệ môi trường nước</p> <p>2.4.3. Tiêu chuẩn môi trường áp dụng đối với công tác bảo vệ môi trường không khí</p> <p>2.4.4. Tiêu chuẩn môi trường về tiếng ồn</p> <p>2.4.5. Tiêu chuẩn môi trường về chất thải rắn</p> <p>3. Công tác thanh tra môi trường</p> <p>3.1. Quy trình thanh tra chung</p> <p>3.1.1. Chuẩn bị trước khi thanh tra</p> <p>3.1.2. Thanh tra tại hiện trường</p> <p>3.1.3. Kết thúc thanh tra</p> <p>3.2. Kỹ năng thanh tra</p> <p>3.2.1. Chuẩn bị trước khi thanh tra</p> <p>3.2.2. Thanh tra tại hiện trường</p> <p>3.2.3. Báo cáo về kết quả thanh tra</p> <p>3.2.4 Kết luận thanh tra</p> <p>3.2.5 Lưu trữ các tài liệu về thanh tra</p> |
|---|

Nguồn: JET

Các vấn đề đã được xác định qua đợt đánh giá này (Bảng 2.5-8), qua đó có thể lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động phát triển năng lực trong Dự án.

Bảng 2.5-8 Những kết quả đánh giá chính về Sổ tay hướng dẫn thanh tra

| Nội dung | Mục liên quan | Kết quả chính | Phương pháp tiếp cận phát triển năng lực |
|--|---------------------|--|---|
| Chung | - | Sổ tay đưa ra hướng dẫn chung chung về thanh tra trong lĩnh vực môi trường. Để phát triển năng lực về thanh tra trong lĩnh vực quản lý môi trường nước, cần có các hoạt động phát triển năng lực cụ thể. | - Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực về thanh tra/ kiểm tra môi trường trong lĩnh vực môi trường nước. - Xây dựng Sổ tay cải thiện công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. |
| Yêu cầu pháp lý | Mục 2.1 và 2.4 | Sổ tay liệt kê các quy định liên quan đến thanh tra. Tuy nhiên, sổ tay đã được soạn thảo năm 2008, và do vậy, có một số quy định đã được sửa đổi. | - Các quy định mới nhất liên quan đến thanh tra được liệt kê trong Sổ tay cải thiện công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường. |
| Quy trình thanh tra | Mục 3.1 | Sổ tay mô tả quy trình thanh tra tại mỗi giai đoạn thanh tra: chuẩn bị, thanh tra tại hiện trường và hoạt động sau thanh tra. | - Theo kết quả đánh giá năng lực, nhìn chung, các cán bộ liên quan đến thanh tra/ kiểm tra môi trường hiểu về quy trình thanh tra và kiểm tra môi trường. Tiến hành phối hợp thanh tra/ kiểm tra theo quy trình này. |
| Khung thể chế | Mục 2.2 và 2.3 | Sổ tay xác định trách nhiệm của mỗi tổ chức trong thanh tra/ kiểm tra môi trường. | Dự án hỗ trợ phát triển năng lực cho cán bộ Sở TNMT cấp tỉnh/thành phố liên quan đến thanh tra/ kiểm tra môi trường. |
| Năng lực liên quan đến công tác chuẩn bị thanh tra | Mục 3.2.1 | Sổ tay nêu ra các hành động cần thực hiện trong công tác chuẩn bị thanh tra, và thông tin chung cần thu thập. Tuy nhiên, không đưa ra thông tin cụ thể cần thu thập cho đợt thanh tra liên quan đến lĩnh vực quản lý môi trường nước. | Trong khuôn khổ dự án, thông tin cần thu thập cho đợt thanh tra liên quan đến lĩnh vực quản lý môi trường nước được xác định rõ qua đợt thanh tra/ kiểm tra môi trường được phối hợp thực hiện giữa hai bên. |
| Năng lực liên quan đến thanh tra tại hiện trường | Mục 3.2.2 | Sổ tay đặc biệt đề cập đến các tài liệu cần kiểm tra khi thanh tra tại hiện trường. Tuy nhiên, không đưa ra hướng dẫn về một số vấn đề kỹ thuật như xác định lưu lượng nước, quan trắc chất lượng nước thải, và cách thức kiểm tra hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. | Dự án đã tiến hành đào tạo về các nội dung sau. ✓ Đo lưu lượng nước thải ✓ Xác định chất lượng nước ✓ Đánh giá hệ thống xử lý nước thải và điều kiện của hệ thống tại hiện trường |
| Năng lực liên quan đến hoạt động sau thanh tra | Mục 3.2.3 đến 3.2.5 | Sổ tay đề cập đến phương pháp tiếp cận chung về viết báo cáo và đưa ra xử phạt hành chính. Để cải thiện công tác quản lý nước thải của doanh nghiệp, dự kiến cán bộ thanh tra được nâng cao năng lực đưa ra hướng dẫn thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề về hệ thống nước thải và điều kiện vận hành đã được phát hiện qua quá trình thanh tra. | Dự án cung cấp những kiến thức sau. ✓ Hệ thống xử lý nước thải phù hợp đối với các ngành công nghiệp chính ✓ Nội dung chính cần cải thiện để hệ thống XLNT được vận hành hiệu quả/phù hợp ✓ Kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong việc giảm tác động của nước thải đến môi trường |

Nguồn: JET

2.5.2.3 Hoạt động C3-3: Xác định tiêu chí lựa chọn nguồn ô nhiễm chính

Để xây dựng kế hoạch thanh tra và kiểm tra môi trường, một trong những vấn đề quan trọng là phải lựa chọn cẩn thận các nguồn ô nhiễm chính cần được thanh tra và kiểm tra. Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2011, nhóm WG4 tại mỗi Sở TNMT và JET đã thảo luận về cách thức lựa chọn các nguồn ô nhiễm và xác định các quan điểm quan trọng để chọn ra các nguồn ô nhiễm chính (Bảng 2.5-9).

Bảng 2.5-9 Các quan điểm chính về lựa chọn các nguồn ô nhiễm trọng điểm

| Stt | Mục | Ví dụ về các quan điểm | Nội dung cần kiểm tra | Các nguồn thông tin |
|-----|---|---|---|--|
| 1 | Chiến lược và chỉ thị của chính phủ | Hướng dẫn về chuẩn bị kế hoạch thanh tra từ cấp trung ương đến cấp thành phố/tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hướng dẫn của Bộ TNMT về việc lập kế hoạch thanh tra hàng năm ✓ Hướng dẫn của UBND tỉnh/ thành phố về việc lập kế hoạch thanh tra hàng năm | Văn bản chỉ thị/ hướng dẫn |
| 2 | Giám sát việc thi hành các hướng dẫn hành chính tại các nguồn ô nhiễm | Các nguồn ô nhiễm có tên trong các quyết định và thông tư có liên quan... | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ✓ Các quyết định và thông tư khác, nếu có | Biên bản/ báo cáo về các biện pháp dự kiến và đã thực hiện |
| 3 | | Số lần xử phạt hành chính hoặc hướng dẫn hành chính cho nguồn ô nhiễm | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các mức phạt đã áp dụng ✓ Các hướng dẫn hành chính đã đưa ra | Danh sách các lần phạt và hướng dẫn hành chính |
| 4 | | Các biện pháp xử lý mà nguồn ô nhiễm đã áp dụng để thực hiện các hướng dẫn hành chính | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các biện pháp mà nguồn ô nhiễm đã áp dụng để thực thi các hướng dẫn hành chính | Báo cáo hậu thanh tra/ hậu kiểm tại các nguồn ô nhiễm Báo cáo của doanh nghiệp về tình hình thực hiện theo các chỉ thị/hướng dẫn |
| 5 | | Báo cáo về các khiếu nại liên quan đến các nguồn ô nhiễm | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Khiếu nại về các vấn đề môi trường nước | Thông tin từ Phòng TNMT quận huyện |
| 6 | Phản hồi về các thông tin có được thông qua kiểm tra môi trường | Các nguồn ô nhiễm cần thanh tra dựa vào kết quả kiểm tra môi trường | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các nguồn ô nhiễm không tiến hành đăng ký môi trường ✓ Các nguồn ô nhiễm không trả đủ phí BVMT đối với nước thải ✓ Các nguồn ô nhiễm xả nước thải trái phép (theo kết quả quan trắc chất lượng nước thải) ✓ Các nguồn ô nhiễm có các vấn đề về hệ thống xử lý nước thải và hoạt động của hệ thống này. | Báo cáo kiểm tra môi trường Hồ sơ/tài liệu của cơ sở công nghiệp/doanh nghiệp về tình hình thực hiện theo chỉ thị/hướng dẫn hành chính |
| 7 | Phản hồi về các thông tin từ các đợt thanh tra do Cảnh sát môi trường thực hiện | Các nguồn ô nhiễm cần thanh tra dựa vào thông tin của cảnh sát môi trường | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các nguồn ô nhiễm xả nước thải trái phép ✓ Các nguồn ô nhiễm có vấn đề về hệ thống xử lý nước thải và vận hành hệ thống xử lý. | Báo cáo của cảnh sát môi trường |
| 8 | Các ngành công nghiệp chính và các nguồn ô nhiễm cần kiểm soát nước thải | Loại ngành công nghiệp cần kiểm tra | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Mỗi Sở TNMT lại cần tập trung vào một số ngành công nghiệp khác nhau. | Danh sách các nguồn ô nhiễm của các ngành công nghiệp cần tập trung |
| 9 | | Lượng nước xả thải / Công suất thiết kế của hệ thống XLNT | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Sản lượng hàng năm của mỗi doanh nghiệp ✓ Số phí BVMT đối với nước thải mà mỗi doanh nghiệp đã nộp | Số liệu thống kê cơ bản của các doanh nghiệp tại mỗi tỉnh/thành Báo cáo về thu phí BVMT |
| 10 | | Hiện trạng hệ thống XLNT | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hiện trạng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải ✓ Điều kiện vận hành hệ thống xử lý nước thải | - Biên bản thanh tra và kiểm tra môi trường |
| 11 | Khác | Các khu vực/vùng cần chú ý | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng ✓ Vùng nước phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày/nông nghiệp/ngư nghiệp nhận nước thải ra từ doanh nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thông tin quan trắc môi trường ✓ Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm nước tại mỗi tỉnh |

Nguồn: Nhóm công tác WG 2-4 gồm Sở TNMT và JET

Hai quan điểm, gồm quan điểm chung cho cả năm (5) Sở TNMT như là các quan điểm về chiến lược của chính phủ và b) quan điểm riêng tại mỗi Sở TNMT, như loại ngành công nghiệp tại khu vực được quản lý/kiểm soát. Bất kỳ Sở TNMT nào cũng có thể áp dụng “quan điểm chung” để chọn ra các nguồn ô nhiễm chính. Tuy nhiên, mỗi Sở cần xác định được các “quan điểm riêng” cho tỉnh mình có xét đến đặc điểm của từng tỉnh.

Để chọn ra các tiêu chí, nhóm nghiên cứu đã xem xét đến các nhân tố dưới đây (Bảng 2.5-10).

Bảng 2.5-10 Tính sẵn có của các nguồn thông tin cần thu thập để xác định các tiêu chí

| Stt | Mục | Ví dụ về các quan điểm | Tính sẵn có của thông tin | Những nhân tố chính để thu thập thông tin cần thiết đối với việc đánh giá các tiêu chí |
|-----|---|---|---|--|
| 1 | Chiến lược và chỉ thị của chính phủ | Hướng dẫn về chuẩn bị kế hoạch thanh tra từ cấp trung ương đến cấp thành phố / tỉnh | Sẵn có | Chính quyền trung ương và cấp tỉnh/thành đưa ra những hướng dẫn. |
| 2 | Giám sát việc thi hành các hướng dẫn hành chính của các nguồn ô nhiễm | Các nguồn ô nhiễm có tên trong các quyết định và thông tư có liên quan... | Danh sách các nguồn ô nhiễm nghiêm trọng trong Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT do mỗi Sở TNMT xây dựng. | Các doanh nghiệp cần được xác định thông qua đợt thanh tra và kiểm tra môi trường. |
| 3 | | Số lần xử phạt hành chính hoặc hướng dẫn hành chính cho nguồn ô nhiễm | Sẵn có | Cần tham khảo hồ sơ thanh tra và kiểm tra môi trường trước đây. |
| 4 | | Các biện pháp xử lý mà nguồn ô nhiễm đã áp dụng để thực hiện các hướng dẫn hành chính | Sẵn có | Cần tham khảo hồ sơ thanh tra và kiểm tra môi trường trước đây. |
| 5 | | Báo cáo về các khiếu nại liên quan đến các nguồn ô nhiễm | Một số khiếu nại được lưu tại Phòng TNMT quận/huyện, và việc thu thập đầy đủ thông tin không dễ dàng. | Cần thu thập hồ sơ khiếu nại từ các tổ chức liên quan. |
| 6 | | Phản hồi về các thông tin có được thông qua kiểm tra môi trường | Các nguồn ô nhiễm cần thanh tra dựa vào kết quả kiểm tra môi trường | Sẵn có |
| 7 | Phản hồi về các thông tin từ các đợt thanh tra do Cảnh sát môi trường thực hiện | Các nguồn ô nhiễm cần thanh tra theo thông tin của cảnh sát môi trường | Cần hợp tác với Phòng Cảnh sát môi trường để thu thập thông tin. | Thông tin cần được thu thập từ Phòng Cảnh sát môi trường. |
| 8 | Các ngành công nghiệp chính và các nguồn ô nhiễm chính cần kiểm soát nước thải | Loại ngành công nghiệp cần kiểm tra | Cần lập danh sách các nguồn ô nhiễm. | Đề xuất sử dụng kiểm kê nguồn ô nhiễm. |
| 9 | | Lượng nước xả thải | Cần đánh giá về lượng và độ tin cậy của thông tin trước khi sử dụng. | Đề xuất sử dụng kiểm kê nguồn ô nhiễm. Cũng cần tham khảo hồ sơ thanh tra và kiểm tra môi trường trước đây. |
| 10 | | Hiện trạng công trình XLNT | Hiện tại, lượng thông tin không nhiều. Tuy nhiên, cần tham khảo thông tin sẵn có. | Đề xuất sử dụng kiểm kê nguồn ô nhiễm. Cũng cần tham khảo hồ sơ thanh tra và kiểm tra môi trường trước đây. |
| 11 | Khác | Các khu vực/vùng cần chú ý | Sẵn có | Cần tham khảo thông tin liên quan như kế hoạch quản lý môi trường khu vực, sự phân bố các nguồn ô nhiễm, ... |

Nguồn: Nhóm WG 2-4 gồm Sở TNMT và JET

Bảng 2.5-11 tóm tắt các tiêu chí được đề xuất để chọn ra các nguồn ô nhiễm trọng điểm trong lĩnh vực quản lý môi trường nước; các tiêu chí này đã được xác định qua các hoạt động dự án.

Bảng 2.5-11 Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính

| Stt | Tiêu chí | Nội dung cần kiểm tra | Nguồn thông tin | Tổ chức/phòng ban cần liên hệ |
|-----|--|---|---|---|
| 1 | Các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng | <input type="checkbox"/> Các doanh nghiệp trong Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT <input type="checkbox"/> Các doanh nghiệp được hướng dẫn hành chính <input type="checkbox"/> Các nguồn ô nhiễm không có giấy phép đăng ký môi trường cần thiết <input type="checkbox"/> Các nguồn ô nhiễm vi phạm về xả nước thải (được phát hiện qua kiểm tra về quan trắc chất lượng nước thải) <input type="checkbox"/> | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ➢ Danh sách hướng dẫn hành chính được đưa ra trong năm qua ➢ Hồ sơ về thanh tra và kiểm tra môi trường trong năm qua | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thanh tra Sở ➢ Chi cục BVMT ➢ Phòng QL TNN ➢ Trung tâm Quan trắc môi trường ➢ Phòng Cảnh sát môi trường |

| Stt | Tiêu chí | Nội dung cần kiểm tra | Nguồn thông tin | Tổ chức/phòng ban cần liên hệ |
|-----|---|---|---|--|
| 2 | Các doanh nghiệp bị dân địa phương khiếu nại | <input type="checkbox"/> Khiếu nại về các vấn đề môi trường nước <input type="checkbox"/> | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Hồ sơ về các khiếu nại | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thanh tra Sở ➢ Chi cục BVMT ➢ Phòng TNMT quận/huyện ➢ Phòng Cảnh sát môi trường |
| 3 | Các doanh nghiệp không có hệ thống XLNT hoặc không vận hành hệ thống XLNT hiện có | <input type="checkbox"/> Các nguồn ô nhiễm có vấn đề về hệ thống XLNT và sự vận hành của hệ thống | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Hồ sơ thanh tra và kiểm tra môi trường trong năm qua | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thanh tra Sở ➢ Chi cục BVMT |
| 4 | Các doanh nghiệp không được thanh tra trong những năm gần đây | <input type="checkbox"/> Các nguồn ô nhiễm không được thanh tra trong ba năm qua | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Hồ sơ thanh tra | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Thanh tra Sở |
| 6 | Ngành công nghiệp và nguồn ô nhiễm chính cần kiểm soát nước thải | <input type="checkbox"/> Ngành chế biến hải sản | [Sở TNMT Hà Nội] <input type="checkbox"/> Thực phẩm/nước ngọt <input type="checkbox"/> Khách sạn và nhà hàng <input type="checkbox"/> Cơ khí <input type="checkbox"/> Bệnh viện <input type="checkbox"/> Bãi đổ chất thải rắn <input type="checkbox"/> Chăn nuôi [Sở TNMT Hải Phòng] <input type="checkbox"/> Thực phẩm/nước ngọt/chế biến thức ăn chăn nuôi <input type="checkbox"/> Giấy/nhà máy giấy <input type="checkbox"/> Cơ khí/đóng tàu <input type="checkbox"/> Thép <input type="checkbox"/> Thuộc da [Sở TNMT TT-Huế] <input type="checkbox"/> Nước ngọt <input type="checkbox"/> NTTS <input type="checkbox"/> Dệt/may mặc <input type="checkbox"/> Du lịch/khách sạn [Sở TNMT t/p HCM] <input type="checkbox"/> Giấy/nhà máy giấy <input type="checkbox"/> Hóa chất <input type="checkbox"/> Cơ khí [Sở TNMT BRVT] <input type="checkbox"/> Chế biến hải sản | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Chi cục BVMT ➢ Sở Công nghiệp ➢ Phòng QL TNN ➢ Trung tâm Quan trắc môi trường ➢ Phòng Cảnh sát môi trường ➢ Sở Công nghiệp <ul style="list-style-type: none"> ➢ Các ban quản lý liên quan |

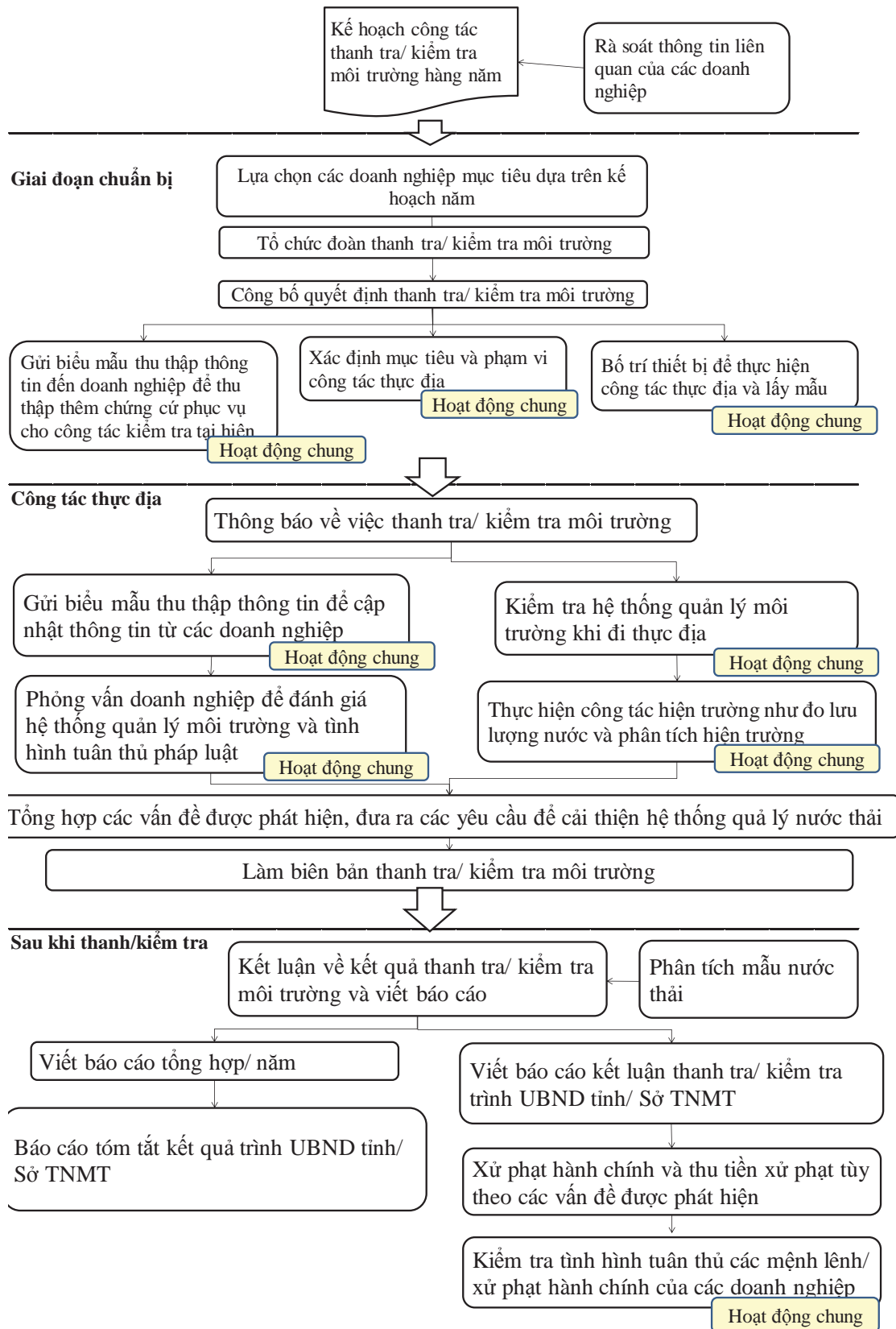
Nguồn: nhóm WG 2-4 gồm Sở TNMT và JET

2.5.2.4 Hoạt động C3-4: Tiến hành thanh tra và/hay kiểm tra môi trường

Hoạt động C3-4 bắt đầu từ tháng 1 năm 2012. JET đã thực hiện các hoạt động OJT về thanh tra và kiểm tra môi trường tại từng Sở TNMT, nhằm cung cấp kiến thức và đề xuất về mỗi giai đoạn thanh tra/ kiểm tra môi trường như công tác chuẩn bị, thanh tra tại hiện trường và hoạt động sau khi tiến hành thanh tra và nhằm trao đổi ý kiến để tăng cường năng lực cho họ.

Hình 2.5-3 cho thấy các nhiệm vụ chính trong thanh tra và kiểm tra môi trường đã được xác nhận với các Sở TNMT. Trong số các nhiệm vụ này, các Sở TNMT đã chọn ra những nhiệm vụ cần thực hiện để cải thiện năng lực cho cán bộ thông qua sự phối hợp thực hiện giữa hai bên; các nhiệm vụ này được chọn ra dựa trên kết quả đánh giá năng lực được tiến hành trong tháng 8/2011 và qua các buổi thảo luận và được trình bày trong Hình 2.5-3 và

Bảng 2.5-12.



Ghi chú: “Hoạt động chung” ở đây nghĩa là hoạt động cần được tăng cường năng lực, các Sở TNMT và JET cùng phối hợp thực hiện để cải thiện năng lực của Sở TNMT.

Nguồn: JET

Hình 2.5-3 Các nhiệm vụ chính trong thanh tra và kiểm tra môi trường

Bảng 2.5-12 Các nhiệm vụ cần tiến hành các hoạt động chung và nhu cầu về cải thiện năng lực

| Giai đoạn | Nhiệm vụ cần tiến hành các hoạt động chung | Nhu cầu về cải thiện năng lực |
|-----------------------------|--|---|
| Chuẩn bị thanh tra | Đánh giá thông tin liên quan như kết quả thanh tra/kiểm tra môi trường trước đây, báo cáo tự quan trắc của doanh nghiệp, và các tài liệu liên quan khác. | Cần cải thiện khả năng tiếp cận thông tin cần rà soát/đánh giá và tham khảo trong quá trình chuẩn bị. |
| | Gửi biểu mẫu thu thập thông tin để cập nhật thông tin từ các doanh nghiệp | Cần đánh giá và chỉnh sửa mẫu thu thập thông tin hiện có nếu cần thiết. |
| Thanh tra tại hiện trường | Kiểm tra tình hình quản lý môi trường khi đi thực địa | Cần tăng cường năng lực kiểm tra bằng quan sát điều kiện của hệ thống XLNT. |
| | Công tác hiện trường như đo lưu lượng nước và phân tích hiện trường | Cần tăng cường khả năng đo lưu lượng nước thải |
| Hoạt động sau khi thanh tra | Kiểm tra tình hình tuân thủ các mệnh lệnh/ xử phạt hành chính của các doanh nghiệp | Để đảm bảo các đơn vị vi phạm tuân thủ các mệnh lệnh/ xử phạt hành chính, cần có sự phối hợp rộng rãi giữa các đơn vị trực thuộc Sở TNMT. |

Nguồn: JET

Đề cương thực hiện OJT được trình bày trong Bảng 2.5-13. Kinh nghiệm thu được từ đào tạo OJT đã được ghi lại trong “Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường”.

Bảng 2.5-13 Đề cương đào tạo OJT đã được tiến hành về thanh tra và kiểm tra môi trường

| Sở TNMT | Thanh tra/ Kiểm tra môi trường | Doanh nghiệp mục tiêu | Số cán bộ tham gia OJT | Thời gian thực hiện | Nhận xét |
|-----------|--------------------------------|--|------------------------|--------------------------------------|--|
| Hà Nội | Thanh tra | 5 doanh nghiệp mục tiêu thuộc ngành cơ khí, sơn, chế tạo/sản xuất. | 5 | tháng 9/2012 | Do bị doanh nghiệp từ chối nên JET không tham gia thanh tra tại hiện trường. |
| Hải Phòng | Thanh tra | 7 doanh nghiệp tại khu vực sông Rê thuộc ngành tái chế giấy, chế biến thực phẩm và cơ khí | 10 | tháng 8 đến tháng 9/2012 | - |
| TT - Huế | Thanh tra | Các doanh nghiệp thuộc KCN Phú Bài | 16 | tháng 9/2012 | Đào tạo về thanh tra tại hiện trường được thực hiện độc lập với công tác thanh tra chính thức. |
| t/p HCM | Kiểm tra môi trường | 8 doanh nghiệp thuộc CCN Tân Quy thuộc ngành tái chế giấy, nhuộm, chế biến thực phẩm và cơ khí | 8 | tháng 6, tháng 8 và tháng 9 năm 2012 | Công tác sau kiểm tra môi trường được lên kế hoạch và thực hiện. |
| BRVT | Thanh tra | 31 cơ sở chế biến hải sản tại khu vực Cửa Lấp | 4 | tháng 6/2012 | - |

Nguồn: JET

2.5.2.5 Hoạt động C3-5: Cùng phân tích kết quả thanh tra/ kiểm tra môi trường

Sau khi tiến hành các hoạt động chung, các Sở TNMT mục tiêu và JET đã thảo luận về kết quả thanh tra. Các thành viên đã chỉ ra một số khó khăn vướng mắc trong việc có kết quả thanh tra tốt ở từng giai đoạn như sau: giai đoạn chuẩn bị thanh tra/ kiểm tra, giai đoạn thanh tra/ kiểm tra hiện trường và giai đoạn sau khi thanh tra/ kiểm tra. Các Sở TNMT mục tiêu và JET đã tập trung giải quyết những vướng mắc này.

(1) Nhu cầu về cải thiện khả năng tiếp cận thông tin cần thu thập trong quá trình chuẩn bị cho thanh tra

Về nguyên tắc, cần có đầy đủ tất cả các tài liệu liên quan đến các nội dung kỹ thuật và cả quy trình/ thủ tục hành chính về doanh nghiệp (có thể do doanh nghiệp nộp hoặc do Sở thu thập) và các tài liệu này phải được xem xét kỹ lưỡng. Tuy nhiên, trên thực tế, các thông tin, tài liệu sẵn có phục vụ công tác thanh tra/kiểm tra môi trường của Sở TNMT thường rất hạn chế vì nhiều lý do; và vì không có đầy đủ thông tin nên khó có thể triển khai hiệu quả công tác thanh tra tại hiện trường. Để cải thiện thực trạng này, các Sở TNMT mục tiêu đã nghiên cứu/xem xét và làm rõ một số nhân tố sau:

- a) Xác định thông tin cần tham khảo: trên thực tế, tồn tại rất nhiều các quy định, tài liệu, chứng cứ liên quan và các vi phạm hành chính bị nghi ngờ; tuy nhiên, một số cán bộ đối tác phụ trách thanh tra và kiểm tra môi trường đã xác định được các tài liệu và thông tin cần rà soát (Bảng 2.5-14).

Thông tin cần tham khảo trong giai đoạn chuẩn bị này được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường đối với các nguồn ô nhiễm.

Bảng 2.5-14 Thông tin cần được tham khảo trong quá trình chuẩn bị cho công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường

| Mục | Ví dụ về thông tin cần tham khảo |
|--|--|
| Thông tin chung về cơ sở công nghiệp | - Bản đồ thể hiện vị trí của cơ sở, bao gồm vị trí đường ống xả nước thải, và các điểm lấy mẫu nước thải - Sơ đồ nhà máy và quy trình - Mô tả quá trình xử lý và xả nước thải - Sản lượng sản xuất |
| Yêu cầu, quy định và hạn chế | - Tài liệu ĐTM/CK BVMT - Giấy phép xả nước thải - Giấy phép khai thác nước ngầm - Thực trạng trả phí bảo vệ môi trường |
| Tình hình tuân thủ và thực thi của cơ sở | - Các báo cáo thanh tra trước đây - Trao đổi liên lạc giữa cơ sở, địa phương, cơ quan nhà nước và liên tỉnh - Tài liệu về những vi phạm trước đây, vượt tiêu chuẩn môi trường, tình hình thực hiện các hành động khắc phục theo yêu cầu, nếu có - Trách nhiệm/nhiệm vụ và hướng dẫn hành chính trước đây được đưa ra đối với cơ sở - Thỏa thuận về các hành động thực thi như kế hoạch thực hiện các yêu cầu/quy định và mệnh lệnh |
| Các hệ thống xử lý và kiểm soát ô nhiễm | - Mô tả hệ thống xử lý nước thải - Số liệu và báo cáo tự quan trắc - Đơn vị kiểm soát ô nhiễm, phương pháp xử lý và hệ thống quan trắc/giám sát |

Nguồn: nhóm WG2-4 và JET

- b) Sử dụng PSI để thực hiện đánh giá kịp thời và đầy đủ đối với các thông tin cần thiết: Sở TNMT đã sử dụng PSI để đánh giá thông tin liên quan đến các doanh nghiệp mục tiêu. Cán bộ Sở TNMT đều cho rằng các bảng PSI rất hữu ích đối với công tác chuẩn bị thanh tra/ kiểm tra môi trường.
- c) Thu thập thông tin còn thiếu trước khi tiến hành thanh tra tại thực địa: Không phải tất cả thông tin liên quan đến doanh nghiệp mục tiêu, đặc biệt thông tin về hệ thống quản lý nước thải, đều có thể tìm thấy tại Sở TNMT. Bởi vậy, Sở TNMT Hà Nội và Hải Phòng đã sử dụng biểu mẫu bổ sung do Dự án xây dựng để thu thập những thông tin còn thiếu.
- d) Hợp tác với Cảnh sát môi trường: Các doanh nghiệp thuộc đối tượng thực hiện OJT tại BRVT là các cơ sở chế biến hải sản cỡ vừa và nhỏ; các cơ sở này đã được UBND tỉnh BRVT chọn là đối tượng cần thanh tra. Tuy nhiên, Sở TNMT BRVT không có đầy đủ thông tin về các doanh nghiệp này nên đã sử dụng số liệu và thông tin do Phòng Cảnh sát môi trường điều tra và thu thập được trong những năm gần đây.

(2) Nhu cầu cải thiện năng lực thanh tra tại hiện trường

Trong quá trình thanh tra tại hiện trường, đoàn thanh tra/ kiểm tra môi trường thực hiện hai nhiệm vụ chính, xác nhận các tài liệu và chứng cứ về tình hình tuân thủ trong quản lý môi trường và triển khai công tác thực địa để quan/giám sát về tình hình quản lý môi trường tại các doanh nghiệp mục tiêu (Bảng 2.5-15). Các vấn đề chính sau được xác định qua đợt công tác thực địa bao gồm a) năng lực kiểm tra lưu lượng xả nước thải b) kiến thức kiểm tra bằng quan sát hệ thống xử lý nước thải, bao gồm điều kiện vận hành và bảo trì hệ thống c) năng lực đo đạc tại thực địa để kiểm tra chất lượng nước thải.

Để giải quyết các vấn đề trên, dự án đã tiến hành đào tạo về thanh tra tại hiện trường (xem mục 2.5.2.7). Nội dung cụ thể được trình bày trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường.

Bảng 2.5-15 Giai đoạn thanh tra/kiểm tra tại hiện trường

| Mục | Hoạt động | Điểm mạnh và vấn đề được phát hiện |
|---|---|---|
| Xác nhận về tài liệu và chứng cứ tuân thủ | Đoàn thanh tra/kiểm tra môi trường kiểm tra những tài liệu sau: - Báo cáo ĐTM/ CK BVMT - Giấy phép xả nước thải - Giấy phép xả/loại bỏ chất thải nguy hại - Giấy phép khai thác nước ngầm - Hóa đơn trả phí xả nước thải | <u>Điểm mạnh</u> Mỗi Sở TNMT có một biểu mẫu liệt kê các tài liệu cần kiểm tra và các cán bộ thực hiện công việc văn phòng một cách trôi chảy. <u>Vấn đề</u> Do hạn chế về thời gian nên chưa thể đánh giá triệt để các tài liệu/hồ sơ đặc biệt đoàn thanh tra chưa đánh giá |

| Mục | Hoạt động | Điểm mạnh và vấn đề được phát hiện |
|-------------------|--|--|
| | Đoàn lập biên bản về thanh tra/ kiểm tra môi trường dựa trên kết quả kiểm tra tài liệu/hồ sơ và giám/quan sát điều kiện quản lý môi trường. | các tài liệu liên quan trong giai đoạn chuẩn bị. Khó có thể đánh giá số liệu về lưu lượng xả nước thải được ghi trong các hồ sơ/tài liệu do thiếu năng lực trong việc kiểm tra lưu lượng nước xả thải. |
| Công tác thực địa | Đoàn thanh tra/ kiểm tra môi trường giám sát tình hình quản lý môi trường tại doanh nghiệp. - Điều kiện vận hành của quy trình sản xuất - Thực trạng lưu trữ chất nguy hại và chất thải nguy hại - Điều kiện vận hành của hệ thống xử lý nước thải và khí thải - Hệ thống xả nước thải và nước mưa - Cửa cống xả nước thải - Lấy mẫu nước thải | Điểm mạnh Cán bộ có kinh nghiệm kiểm tra thực trạng lưu trữ chất nguy hại và chất thải nguy hại. Vấn đề - Cần tăng cường năng lực kiểm tra lưu lượng nước thải. - Cần nâng cao kiến thức kiểm tra bằng cách quan sát chu trình của hệ thống XLNT và điều kiện vận hành. - Cần tăng cường năng lực đo đạc tại thực địa để kiểm tra chất lượng nước thải. |

Ghi chú: Khi gặp khó khăn trong việc kiểm tra lưu lượng nước thải, có thể tính giá trị này bằng 0,8 lần lượng nước sử dụng theo Nghị định số 88/2007/ND-CP ngày 28/05/2007

Nguồn: JET

(3) Các phát hiện liên quan đến giai đoạn sau khi thanh tra/ kiểm tra hiện trường

Ngay sau khi thanh tra, Đoàn thanh tra của Sở TNMT có nghĩa vụ phải lập báo cáo kết luận thanh tra nêu ra kết quả thanh tra và xử phạt phù hợp được áp dụng đối với các doanh nghiệp và sau đó nộp báo cáo cho Sở TNMT và UBND tỉnh/t/p để xin phê duyệt cuối cùng. Tuy nhiên, trong quá trình này, vẫn còn một số vấn đề cần cải thiện như sau:

- Xử phạt được áp dụng đối với doanh nghiệp một cách hệ thống dựa theo Nghị định 117/2009/ND-CP. Tuy nhiên, điều này không góp phần cải thiện công tác quản lý nước thải do có một số vấn đề liên quan đến doanh nghiệp như nhận thức của doanh nghiệp về quản lý nước thải còn hạn chế và thiếu ngân sách xử lý/quản lý nước thải.
- Cần xác định rõ các đối tượng ưu tiên cần cải thiện về quản lý môi trường nước và cần chỉ đạo sát sao việc thực hiện công tác hậu thanh tra/ kiểm tra đối với các đối tượng này.
- Thông tin được thu thập qua đợt thanh tra/ và kiểm tra môi trường thường không được sử dụng để xây dựng các chính sách hay kế hoạch nhằm cải thiện công tác quản lý nước. Cần sử dụng thông tin không chỉ để đưa ra hình thức xử phạt đối với doanh nghiệp mà còn để lên kế hoạch quản lý môi trường nước tốt hơn.
- Cần hợp tác với các phòng ban trực thuộc Sở TNMT và UBND tỉnh/t/p trong việc thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo và cải thiện công tác môi trường của các cơ sở vi phạm. Do đó, thông tin thu thập qua đợt thanh tra có thể sử dụng để cải thiện công tác quản lý môi trường nước của doanh nghiệp và cho các hoạt động nâng cao nhận thức của doanh nghiệp.

2.5.2.6 Hoạt động C3-6: Tiến hành tập huấn về quản lý nước thải để cải thiện việc ban hành các chỉ thị và/hay hướng dẫn hành chính của các Sở TNMT trong khu vực dự án.

(1) Hội thảo nội bộ

Hội thảo nội bộ đã được tổ chức tại từng Sở (Bảng 2.5-16) nhằm cung cấp thông tin về hệ thống thanh tra và các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước của Nhật Bản, kiến thức kỹ thuật về hệ thống xử lý nước thải tại một số ngành công nghiệp và thảo luận về cách thức lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính.

Bảng 2.5-16 Hội thảo nội bộ về thanh tra và kiểm tra môi trường

| Sở TNMT | Chủ đề | Nội dung | Thành phần tham dự |
|-----------|---|---|---|
| Hà Nội | Hội thảo nội bộ lần thứ nhất (14/11/2011) | Thuyết trình về kiến thức và kỹ năng đánh giá các biện pháp BVMT tại hiện trường trong ngành thực phẩm/nước giải khát | 12 đại biểu tham dự đến từ Thanh tra Sở và Chi cục BVMT thuộc Sở TNMT Hà Nội |
| Hải Phòng | Hội thảo nội bộ lần thứ 2 (17/02/ 2012) | 1) Bài giảng về quy trình sản xuất, quản lý nước thải, đặc tính nước thải và nghiên cứu trường hợp về hệ thống XLNT trong ngành công nghiệp giấy và bột giấy. 2) Thảo luận về sửa đổi Phiếu hướng dẫn thanh tra – công cụ kiểm tra quản lý nước thải tại nguồn | 33 đại biểu tham dự đến từ Thanh tra Sở và Chi cục BVMT, Phòng QL TNN và Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở TNMT Hải Phòng, Thanh tra Sở TNMT HN và Sở TNMT TT-Huế, và Phòng Cảnh sát môi trường |

| Sở TNMT | Chủ đề | Nội dung | Thành phần tham dự |
|-----------------|--|--|---|
| TT - Huế | Hội thảo nội bộ lần thứ 1 (1/12/ 2011) | Thông tin kỹ thuật về XLNT trong ngành thực phẩm/nước giải khát và NTTS | 16 đại biểu tham dự đến từ Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QL TNN, Phòng TNMT quận huyện và Phòng Cảnh sát môi trường |
| tp. Hồ Chí Minh | Hội thảo nội bộ lần thứ 2 (13/01/2012) | 1) Kiến thức và kỹ năng về cách thức đánh giá các biện pháp BVMT tại nguồn 2) Công tác thực địa tại một doanh nghiệp đã lựa chọn thuộc CNN Tân Quy | 18 đại biểu tham dự đến từ Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng TNN, Phòng QLMT |
| BRVT | Hội thảo nội bộ lần thứ 1 (23/02/2012) | 1) Thuyết trình về hệ thống XLNT có thể sử dụng trong ngành công nghiệp chế biến hải sản 2) Thuyết trình về quy trình sản xuất, hệ thống XLNT thuộc ngành chế biến hải sản địa phương và cách thức thanh tra ngành công nghiệp chế biến hải sản | 14 đại biểu tham dự đến từ Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QL TNN thuộc Sở TNMT BRVT DONRE và Phòng Cảnh sát môi trường |

Nguồn: JET

(2) Đào tạo kỹ thuật về xử lý nước thải và sản xuất sạch hơn

Qua thảo luận với các Sở TNMT mục tiêu, JET đã xác nhận rằng tất cả các Sở TNMT đều có nhu cầu đào tạo về XLNT và cải thiện quy trình sản xuất. Do vậy, dự án đã lên kế hoạch và tổ chức đào tạo kỹ thuật về XLNT và kỹ thuật sản xuất sạch hơn (SXSH). Phạm vi đào tạo cơ bản được trình bày trong Bảng 2.5-17.

Bảng 2.5-17 Phạm vi đào tạo cơ bản về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn

| Mục | Nội dung |
|----------------------------|--|
| Mục tiêu | - Cung cấp kiến thức về các điểm chính cần kiểm tra nhằm đánh giá hệ thống xử lý nước thải và điều kiện vận hành trong ngành công nghiệp mục tiêu trong quá trình thanh tra/ kiểm tra môi trường tại thực địa, và - Cung cấp kiến thức về quy trình SXSH trong ngành công nghiệp mục tiêu và khả năng ứng dụng tại Việt Nam |
| Ngành công nghiệp mục tiêu | Ngành công nghiệp giấy/nhà máy giấy Ngành dệt nhuộm Ngành chế biến hải sản |
| Thời gian đào tạo | 2 ngày |
| Nội dung | Đặc tính nước thải của ngành công nghiệp mục tiêu Kỹ thuật XLNT trong ngành công nghiệp mục tiêu Tiêu chí đánh giá quy trình XLNT và điều kiện vận hành Phương pháp đánh giá điều kiện vận hành Bài tập thực hành về cách thức đánh giá quy trình XLNT và điều kiện vận hành Giới thiệu về kỹ thuật SXSH Đào tạo tại hiện trường |

Nguồn: JET

Theo phạm vi đào tạo ở trên, dự án đã tổ chức đào tạo tại các Sở TNMT như được trình bày trong Bảng 2.5-18.

Bảng 2.5-18 Đào tạo về xử lý nước thải và quy trình sản xuất

| Mục | Nội dung | | |
|--------------------------------|---|-----------------|------------------|
| | Sở TNMT HN | Sở TNMT t/p HCM | Sở TNMT BRVT |
| Địa điểm | | | |
| Ngày tháng | 10 – 11/01/2013 | 06 – 07/11/2012 | 02 – 03/10/2012 |
| Số lượng đại biểu tham dự | 37 | 39 | 15 |
| Nội dung đào tạo | - Các biện pháp đánh giá tính phù hợp của quy trình XLNT và xác định các vấn đề của quy trình - Kiến thức về cách thức hướng dẫn cải thiện hệ thống XLNT - Kiến thức về cải thiện quy trình sản xuất trong đó có giới thiệu về công nghệ SXSH - Kiến thức về tính toán tải lượng ô nhiễm - Đi thực địa tới các ngành công nghiệp dưới đây | | |
| Ngành công nghiệp được đào tạo | Giấy/nhà máy giấy | Dệt nhuộm | Chế biến hải sản |
| Ghi chú | Đã mời cán bộ của Sở TNMT khác | | - |

Nguồn: JET

a) Kiểm tra bằng quan sát điều kiện vận hành của công trình XLNT tại hiện trường

Tại hiện trường các cán bộ cần kiểm tra điều kiện vận hành của công trình XLNT qua việc quan sát và đánh giá các hồ sơ vận hành. Ví dụ về các nội dung cần kiểm tra được trình bày trong Bảng 2.5-19.

Bảng 2.5-19 Các nội dung cần kiểm tra bằng cách quan sát tại hiện trường

| Mục | Nội dung |
|--------------------------|---|
| Quy trình xử lý vật lý | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng ồn lớn phát ra từ công trình có thể cho thấy thiết bị cơ học không được bảo dưỡng đúng cách. - Nếu phát hiện thấy hiện tượng tắc nghẽn hoặc vết nứt nghiêm trọng, điều này có nghĩa là công trình XLNT không được bảo dưỡng tốt |
| Quy trình xử lý hóa học | <ul style="list-style-type: none"> - Cần kiểm tra về loại và lượng chất hóa học dựa trên các tài liệu rà soát. - Cần kiểm tra hồ sơ xử lý bùn phát sinh - Cần kiểm tra độ pH để xác định quy trình xử lý hóa học có diễn ra hiệu quả. |
| Quy trình xử lý sinh học | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu bể thông khí sử dụng phương pháp xử lý bằng bùn hoạt tính có màu nâu rất sẫm kèm theo mùi hydro sunfua, điều này cho thấy quá trình ô xy hóa kém/nghèo. Màu nâu sẫm với mùi đất có nước thải bị ô xy hóa trong bể thông khí biểu hiện hệ thống vận hành tốt. - Khi quan sát thấy bong bóng khí xuất hiện trên bề mặt bể thông khí, điều này cho thấy bể bùn hoạt tính hoạt động hiệu quả. - Những lớp váng bọt mỡ với màu nâu vàng xuất hiện trên bề mặt bể thông khí cho thấy tuổi bùn quá cao và có thể bùn đã bị ô xy hóa quá mức. - Xuất hiện quá nhiều váng bọt màu trắng nổi trong bể thông khí có thể do tuổi bùn thấp. |

Nguồn: JET

b) Điều kiện vận hành của hệ thống bùn hoạt tính

Nếu doanh nghiệp mục tiêu lắp đặt hệ thống bùn hoạt tính, cán bộ cần đánh giá xem điều kiện vận hành của hệ thống có tốt hay không qua việc kiểm tra hồ sơ vận hành của hệ thống, độ pH, nhiệt độ nước, nồng độ ô xy hòa tan và chất lượng nước thải đầu vào chưa qua xử lý. Ví dụ về các giá trị phù hợp của các thông số này được trình bày trong Bảng 2.5-20.

Bảng 2.5-20 Giá trị phù hợp chung đối với một số thông số liên quan đến việc vận hành hệ thống bùn hoạt tính

| Nhân tố | Giá trị phù hợp chung |
|---|-----------------------|
| pH | 6-8 |
| Nhiệt độ nước | 20 -30 °C |
| DO | 2 – 5 mg/L |
| Chất lượng nước thải đầu vào chưa qua xử lý | càng ổn định càng tốt |

Nguồn: JET

c) Khái niệm cải thiện quy trình sản xuất (SXSH)

Một trong những cách thức để cải thiện quy trình sản xuất là ứng dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Theo yêu cầu của các cán bộ Sở TNMT Năm 2012, dự án đã tổ chức tập huấn thông qua các bài giảng về giới thiệu công nghệ sản xuất sạch hơn.

SXSH là một phương pháp tiếp cận phòng ngừa ô nhiễm trong dây chuyền sản xuất, tập trung vào việc tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm. SXSH có thể được thực hiện theo các bước sau:

- Thiết kế/thiết kế lại quy trình nhằm loại trừ hoặc giảm sự phát thải khí, nước và giảm sự hình thành chất thải cũng như tiêu thụ năng lượng;
- Thay thế nhiên liệu, hóa chất, vật liệu thô, ... bằng những vật liệu ít hại tới môi trường hơn;
- Giảm thiểu và giảm ô nhiễm thông qua việc kiểm soát quy trình sản xuất, bảo trì/bảo dưỡng, công nghệ xử lý “cuối đường ống” ...

Sản xuất sạch hơn (SXSH) là một phương pháp phổ biến có thể áp dụng để cải tiến các quá trình sản xuất công nghiệp. SXSH có thể được sử dụng hữu ích hơn với vai trò một công cụ quản lý, khi nó được áp dụng cùng với: hiệu quả năng lượng; quản lý chất thải nguy hại; an toàn và sức khỏe môi trường; xử lý cuối đường ống; và hệ thống quản lý môi trường (EMS) qua ISO 14001 hoặc các phương tiện tương tự.

Nhìn chung, các công nghệ SXSH được tiến hành thông qua các đánh giá nhanh, và sau đó, là các đánh giá tổng thể trong toàn bộ nhà máy về SXSH do các viện chuyên môn trong các lĩnh vực liên quan thực hiện, như trình bày trong Hộp 2.2.4-2.

Khung 2.2.4-2 Các bước áp dụng các công nghệ SXSH**Bước 1: Đánh giá nhanh**

Đánh giá nhanh bao gồm phần rà soát nhanh và đánh giá tiềm năng cải thiện SXSH cho một ngành công nghiệp nghiên cứu. Trong suốt chuyến khảo sát ngắn, nhà tư vấn đánh giá xem trong quá trình nào của tiến trình sản xuất của một công ty có tiềm năng cải thiện nhiều nhất về khía cạnh kinh tế và khía cạnh môi trường thông qua việc áp dụng SXSH và nhà tư vấn đưa ra ước tính sơ bộ các cải tiến này có thể đến mức nào.

Bước 2: Đánh giá SXSH toàn diện

Mục đích của đánh giá SXSH toàn diện là để phân tích tình hình của một ngành công nghiệp nghiên cứu; xây dựng, phát triển các ý tưởng cho những cải tiến; xác định tính khả thi về mặt kỹ thuật và tài chính cũng như các vấn đề liên quan về mặt môi trường; và xây dựng, phát triển một kế hoạch hành động cho việc thực hiện các cải tiến đó.

Việc đánh giá được thực hiện trên toàn bộ công ty hoặc tập trung vào các quá trình lựa chọn. Trong khi nhân viên công ty đang thực hiện công việc dưới trách nhiệm của nhóm SXSH, các nhà tư vấn thường xuyên đến công ty để hỗ trợ nhóm và đảm bảo việc đánh giá đang được thực hiện theo như kế hoạch.

Mục đích cuối cùng là công ty có thể tiếp tục áp dụng SXSH ngay cả sau khi các nhà tư vấn đã hoàn thành phần việc hỗ trợ của họ. Điều này đòi hỏi không chỉ những kết quả về kỹ năng chuyên môn, mà còn những thay đổi ý nghĩa về thái độ trong đội ngũ nhân viên và các nhà quản lý của công ty.

Nguồn: Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Tài liệu phân tích tình hình SXSH ở Việt Nam (2005)

(3) Xây dựng công cụ hỗ trợ cán bộ đánh giá hệ thống xử lý nước thải tại hiện trường

Trong khuôn khổ hoạt động của Kết quả 2-3, Sở TNMT Hải Phòng đã quyết định tăng cường năng lực nhằm đánh giá tình hình quản lý nước thải trong quá trình thanh tra/ kiểm tra môi trường tại hiện trường. Sở TNMT Hải Phòng và JET đã xây dựng công cụ cho cán bộ đảm nhiệm thanh tra/ kiểm tra môi trường tại hiện trường; công cụ này bao gồm thông tin kỹ thuật về đặc tính nước thải và hệ thống XLNT, cần phản ánh được nhu cầu của cán bộ, có tính thực tiễn và dễ tham khảo. Để đáp ứng được những yêu cầu này, Sở TNMT Hải Phòng và JET đã quyết định lập các Phiếu thông tin có tên là “các Phiếu hướng dẫn thanh tra” (dưới đây được gọi là “các Phiếu hướng dẫn”). Các phiếu hướng dẫn cung cấp những thông tin kỹ thuật và có thể sử dụng tham khảo khi đi công tác thực địa.

So với tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, dự kiến các Phiếu hướng dẫn có những điểm lợi thế sau:

- Mỗi phiếu được xây dựng cho một chủ đề, do vậy cán bộ có thể dễ dàng tìm thấy thông tin họ cần khi thanh tra/ kiểm tra tại hiện trường,
- Thông tin có thể được cải thiện và cập nhật theo từng phiếu dựa trên thông tin đã thu thập qua công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường.

Các Phiếu hướng dẫn dự kiến cung cấp những thông tin sau cho cán bộ phụ trách thanh tra/ kiểm tra môi trường:

- Đặc tính nước thải (đặc tính chung và cụ thể theo từng ngành công nghiệp mục tiêu)
- Hệ thống XLNT (sơ đồ chung và chi tiết về hệ thống XLNT)
- Các mục cần hỏi, tài liệu cần rà soát/đánh giá và điều kiện vận hành cần kiểm tra qua quan sát nhằm đánh giá tính phù hợp của hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống.
- Mẫu ghi chép/biên bản đề xuất có thể sử dụng tại hiện trường

Sau khi xem xét các ngành công nghiệp hoạt động tại t/p Hải Phòng, các ngành sau được chọn làm đối tượng của các Phiếu hướng dẫn.

- Thực phẩm/nước ngọt/chế biến thức ăn chăn nuôi
- Giấy/nhà máy giấy
- Cơ khí/đóng tàu
- Thép
- Thuộc da
- Dệt
- Chăn nuôi

Một số ví dụ về Phiếu hướng dẫn được trình bày trong Hình 2.5-4. Trong quá trình đánh giá giữa kỳ, Sở TNMT Hà Nội và Sở TNMT TT-Huế đã bày tỏ mối quan tâm đối với công cụ này và tại hội thảo lần thứ hai, các Sở TNMT Hải Phòng, Hà Nội và TT-Huế đã được giới thiệu về nội dung của các Phiếu hướng dẫn thanh tra. Dưới đây là các đề xuất của các cán bộ tham dự hội thảo.

- Đề xuất đưa thêm thông tin về quy trình sản xuất, loại và lượng hóa chất được sử dụng trong quy trình sản xuất vào các Phiếu hướng dẫn.
- Cần tìm hiểu thêm về thực trạng công trình XLNT trong mỗi ngành công nghiệp.

- Đề xuất đưa thêm thông tin hỗ trợ việc đưa ra hướng dẫn và xử phạt hành chính vào các phiếu hướng dẫn.

Sau đó, dự án đã bổ sung các đề xuất này vào nội dung các Phiếu hướng dẫn. Vào giai đoạn cuối Dự án, các nội dung chính trong Phiếu đã được trình bày Sở tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường.

A: Wastewater Characteristics
A-2: Sectoral General Characteristics of Wastewater

Food Processing
Chapter 3 High concentration of organic materials and oil/fats
Chapter 4 High concentration of particulates and semisolids
Chapter 5 Seasonal change caused by amount of raw material supply and consumption
Note: Wastewater characteristic is differ from type of raw materials and operation process

Pulp and Paper
Chapter 6 Large amount of effluents
Chapter 7 Colored and high concentration of COD from cooking wastewater on pulping process
Chapter 8 A lot of fibers generated from paper making process, but no toxic substances

Examples of Wastewater from Paper Manufacturing Industry in Vietnam

| Contaminant | Concentration |
|---------------------------|-----------------------------|
| pH | 8.4 |
| Suspended Solids | TSS: 2346 mg/L |
| Biochemical Oxygen Demand | BOD ₅ : 802 mg/L |
| Chemical Oxygen Demand | COD: 1,410 mg/L |
| Nitrogen | T-N: 12 mg/L |
| Phosphorus | T-P: 16 mg/L |
| Heavy Metals | As: 0.002 mg/L |
| | Pb: 0.001 mg/L |
| | Cd: 0.0003 mg/L |
| | Hg: <0.0002 mg/L |

Source: <http://www.cmy.gov.vn/tech/techasia/Vietnam/Noch/VT.html>

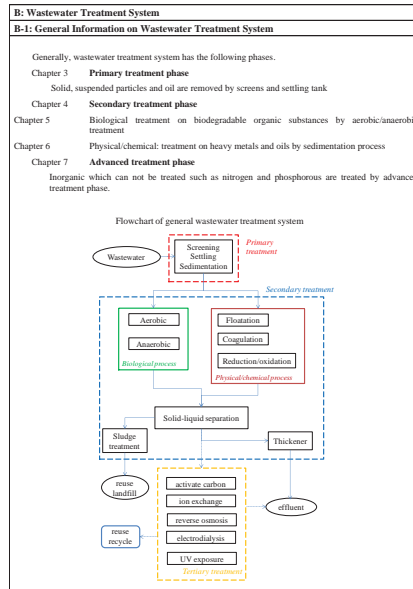
Steel Industry
Chapter 9 Ammonium, phenol and cyanide may contained in rinse water from coking process
Chapter 10 Acidic wastewater generated from pickling process
Chapter 11 Oil/grease contains in coolant and rinse water in varying degrees

Machinery
Chapter 12 Oil/grease and organic solvents in coolant and rinse water
Chapter 13 High turbidity with heavy metals from dust separating process
Chapter 14 Paint and thinner components from coating process

Leather
Chapter 15 Fibers, fats with color from fur cleaning process
Chapter 16 Alkaline wastewater from dehairing process
Chapter 17 Chromium may contained in wastewater from tannery process

We would like to add examples of wastewater characteristics based on the inspection and environment check by Hai Phong DONRE on this card.

Đặc tính nước thải



Hệ thống xử lý nước thải

C: Evaluation of Wastewater Treatment System and Its Operation Condition
C-1: Biological Treatment Process (Activate Sludge)

Visible Condition to be Checked

Can you see aeration in aeration tank?
For activate sludge treatment process, aeration is essential for biological treatment.
Is color of treated water brown to red-brown?
If color of treated water is black, biological treatment may be insufficient due to lack of DO.
Is there any bulking sludge floating caused by filamentous microorganism?
If sludge floats as bulking sludge, sedimentation process after biological treatment does not work well. Example of good condition and bad condition.

Records to be Checked

Ask entities to submit record of pH, water temperature, DO and Inflowing untreated wastewater quality.
If entities operate activate sludge treatment systems continuously, the entity should monitor and control pH, water temperature and DO concentration. Additionally, inflowing wastewater quality should be checked to avoid insufficient treatment due to large fluctuation of inflowing wastewater quality.

| Factor | General | Appropriate Place |
|-------------------|----------|-----------------------|
| pH | 6-9 | 6-9 |
| Water Temperature | 20-30°C | 20-30°C |
| DO | 2-3 mg/L | As stable as possible |

Items to be Questioned

How do you treat excess sludge?
If sludge floats as bulking sludge, sedimentation process after biological treatment does not work well, and treated water would have high concentration of SS.

Các mục cần hỏi, tài liệu cần đánh giá, và nội dung cần kiểm tra qua quan sát nhằm đánh giá điều kiện vận hành của hệ thống XLNT

Nguồn: JET

Hình 2.5-4 Ví dụ về các Phiếu hướng dẫn thanh tra

2.5.2.7 Hoạt động C3-7: Tiến hành đào tạo về thanh tra tại hiện trường

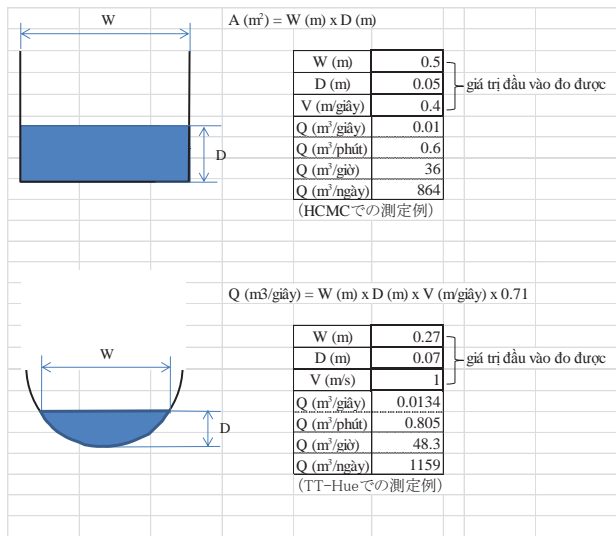
(1) Đo lưu lượng nước thải

Đã tổ chức đào tạo thực hành về đo lưu lượng nước thải bằng máy đo lưu lượng do Dự án trang bị cho cán bộ các Sở TNMT trừ Sở TNMT Hà Nội (Bảng 2.5-21). Máy đo lưu lượng nước rất dễ sử dụng và cán bộ các Sở đã có thể thực hành đo lưu lượng. Trong quá trình triển khai công tác thực địa, cán bộ đã xác định được lưu lượng nước thải phát sinh qua việc đọc kết quả đo lưu lượng trong máy và dựa trên hình dáng kênh/cống xả tại điểm được đo; và sau đó họ đã kiểm tra giá trị đo được dựa trên lưu lượng nước dự kiến tiêu thụ trong báo cáo ĐTM và các giấy tờ khác như chứng từ trả phí sử dụng nước.

Bảng 2.5-21 Đo lưu lượng nước thải

| Loại | Model | Doanh nghiệp mục tiêu |
|----------------|--------------------|--|
| Máy đo lưu tốc | Global Water FP211 | Kiểu sensor (cảm biến): Turbo-Prop (tuabin) kiểu chân vịt với pickup điện từ Khoảng đo: 0,1 – 6,1 m/s Độ dài tay cầm: từ 1,5 đến 4,5 m |

Nguồn: JET



Nguồn: JET

Hình 2.5-5 Kinh nghiệm đo lưu lượng nước thải và tính toán lượng xả nước thải

(2) Đo đạc tại hiện trường bằng máy phân tích chất lượng nước cầm tay

Cán bộ các Sở TNMT Hải Phòng, t/p HCM, và BRVT đã thực hành phân tích chất lượng nước thải tại thực địa bằng máy phân tích chất lượng nước cầm tay do Dự án trang bị (Bảng 2.5-22). Mặc dù thiết bị này không thể xác định nồng độ của tất cả các thông số quy định trong tiêu chuẩn về chất lượng nước thải, thiết bị giúp các cán bộ thực hiện đo đạc một số thông số tại hiện trường và do vậy giúp họ kiểm tra được điều kiện/tình hình xử lý nước thải:

- Có thể đánh giá sơ bộ về chất lượng nước thải dựa trên các thông số pH, độ dẫn điện và tổng chất rắn hòa tan (TDS) được đo tại điểm xả nước thải.
- Có thể đánh giá hiệu quả của hệ thống XLNT dựa trên các thông số pH, độ dẫn điện và TDS được đo trong nước thải trước và sau khi xử lý.
- Có thể đánh giá về sự vận hành của quy trình xử lý dựa trên thông số DO được đo trong quy trình xử lý bằng bùn hoạt tính.

Kinh nghiệm thu được từ đào tạo OJT đã góp phần tăng cường năng lực kiểm tra hệ thống XLNT trong quá trình công tác thực địa.

Bảng 2.5-22 Đo đạc tại hiện trường bằng máy phân tích chất lượng nước cầm tay

| Loại | Model | Doanh nghiệp mục tiêu |
|------------------------------------|-------------|---|
| Máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu | Horiba U-52 | pH: dải đo: 0 – 14, độ phân giải 0,01 pH DO: dải đo: 0 – 50 mg/L, độ phân giải 0,01 mg/L EC: dải đo 0 – 10 S/m, độ phân giải 0,1 mS/m Độ mặn: dải đo: 0 – 70 ppt (%), độ phân giải 0,1 ppt Tổng chất rắn hòa tan (TSS): dải đo 0 – 100 g/L, độ chính xác 0, 1 % của toàn dải đo Nhiệt độ: dải đo: -10 – 55 °C, độ phân giải 0,01 °C Độ đục: 0 – 800 NTU, độ phân giải 0,01 NTU Thế ô xy hóa khử (ORP): -2000 – +2000 mV, độ phân giải 1 mV |

Nguồn: JET



Hình 2.5-6 Kinh nghiệm đo một số chỉ tiêu tại hiện trường bằng máy phân tích chất lượng nước cầm tay

Kiểm tra bằng quan sát điều kiện vận hành của hệ thống xử lý nước thải

Tại một số doanh nghiệp, hệ thống XLNT không được bảo trì đúng quy cách. Qua đào tạo, cán bộ đảm nhiệm thanh tra và kiểm tra môi trường đã được thực hành về cách thức kiểm tra điều kiện vận hành của hệ thống XLNT. Qua đào tạo OJT, các mục cần kiểm tra được trình bày trong Bảng 2.5-23.



Hình 2.5-7 Kiểm tra bằng cách quan sát điều kiện vận hành của hệ thống XLNT

Bảng 2.5-23 Các mục cần kiểm tra về tình hình bảo trì công trình XLNT

| Stt | Công trình/thiết bị | | Mục cần kiểm tra |
|-----|------------------------------------|-----------------------------------|--|
| 1 | Tổng quan | Vỡ bê & thiết bị đi kèm | Kiểm tra vết nứt, tình trạng biến dạng hay hư hỏng khác |
| | | Tách riêng đường ống xả nước thải | Xác nhận về thực trạng đường ống xả nước thải (nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và nước mưa được xả theo đường ống riêng hay chung). |
| 4 | Bể kết bông/keo tụ | Lượng chất keo tụ | Thiếu hoặc thừa chất keo tụ có thể dẫn đến tình trạng keo tụ không đầy đủ hoặc cản trở quá trình keo tụ. Điều chỉnh thiết bị để có được nồng độ tối ưu. |
| | | Tốc độ khuấy trộn | Khuấy trộn quá mạnh hoặc yếu đều ảnh hưởng không tốt đến quá trình keo tụ. Do đó, cần phải khuấy trộn ở tốc độ vừa phải. |
| | | Khoảng pH phù hợp | Quá trình keo tụ sẽ KHÔNG hiệu quả nếu giá trị pH của dòng thải không được điều chỉnh trong khoảng phù hợp. |
| 7 | Bể xử lý sinh học | Bể thông khí | (1) Kiểm tra bông cặn/chất tạo bông hoặc các mẫu bùn nhỏ (nếu thấy xuất hiện bông cặn/chất tạo bông hoặc các mẫu bùn nhỏ, nghĩa là nước được xử lý có tải trọng quá nhỏ hoặc rất thừa không khí). (2) Kiểm tra bằng quan sát lượng chất rắn lơ lửng trong bể xử lý (trong trường hợp chất rắn lơ lửng tồn tại với một lượng lớn, điều này có nghĩa là nước qua xử lý có tải trọng quá lớn hoặc rất thiếu không khí). (3) Kiểm tra màu nước trong bể xử lý (nếu nước được xử lý có màu nâu, quy trình xử lý bằng bùn hoạt tính được xem là vận hành tốt). |
| 9 | Thiết bị lọc, khử nước ra khỏi bùn | Lọc | (1) Kiểm tra về tình trạng hư hỏng hoặc tắc nghẽn trong môi trường lọc (2) Kiểm tra xem mực nước thải có vượt quá bề mặt bể lọc cát hay không. |

Nguồn: "Tài liệu hướng dẫn Quản lý nước thải công nghiệp", JICA, Dự án tăng cường năng lực của VAST về bảo vệ môi trường nước GD II, tháng 3 năm 2009.

2.5.3 Tình hình thực hiện các chỉ số đánh giá

2.5.3.1 Tình hình thực hiện chung

Bảng dưới đây tóm tắt về các chỉ số trong PDM liên quan đến Kết quả 2-4 (thanh tra), kết quả cần đạt được tại mỗi Sở và các vấn đề liên quan và hành động phản hồi khi kết thúc dự án.

Bảng 2.5-24 Tình hình thực hiện các chỉ số PDM tính đến thời điểm kết thúc Dự án (Nhóm WG2-4: Thanh tra)

| Các chỉ số đánh giá | Mục tiêu cần đạt được | Tình hình khi bắt đầu dự án | Tình hình vào cuối dự án |
|---|---|--|--|
| 2-3-1 Các kết quả đánh giá năng lực đối với công tác chuẩn bị, thanh tra tại hiện trường, công tác sau thanh tra cho thấy sự tiến bộ so với giai đoạn bắt đầu tiến hành dự án. | <ul style="list-style-type: none"> Thông qua đánh giá năng lực (CA) dự kiến sẽ thực hiện trong tháng 11/2012, mức độ tăng cường năng lực của các cán bộ liên quan sẽ được đánh giá. Việc đánh giá năng lực sẽ được thực hiện có xem xét các yêu cầu trong các hướng dẫn về thanh tra do MONRE, OECD, US-EPA, và Bộ Môi trường Nhật Bản (MOE) lập. Các nội dung chính cần đánh giá như sau: <ul style="list-style-type: none"> Công tác chuẩn bị thanh tra: khả năng tiếp cận các thông tin liên quan cần tham khảo được cải thiện. Công tác thanh tra tại hiện trường: Năng lực thu thập thông tin và kiểm tra các vấn đề về quản lý nước thải được tăng cường. Công tác sau thanh tra tại hiện trường/hậu thanh tra: Phối hợp rộng rãi giữa các đơn vị/phòng ban của Sở TNMT để đảm bảo các cơ sở vi phạm sẽ thực hiện theo các cảnh cáo và hướng dẫn hành chính. | <ul style="list-style-type: none"> Về công tác chuẩn bị, các Sở đã gặp khó khăn trong việc tham khảo thông tin cần rà soát để nắm rõ thực trạng quản lý môi trường tại các doanh nghiệp cần thanh tra/ kiểm tra môi trường. Về công tác thanh tra tại hiện trường, nhiều cán bộ liên quan đã yêu cầu được nâng cao kiến thức về cách thức đánh giá hệ thống XLNT và điều kiện vận hành để phân ánh những vấn đề đã phát hiện vào biên bản thanh tra tại hiện trường. Về công tác sau thanh tra: các cán bộ liên quan yêu cầu được nâng cao kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. | <ul style="list-style-type: none"> Về công tác chuẩn bị, các Sở đã làm rõ được thông tin cần rà soát/đánh giá và phòng ban cần liên hệ. Qua đợt đánh giá nội bộ sử dụng các thang điểm từ 1 đến 5, có thể thấy năng lực theo các hạng mục liên quan đã được cải thiện qua dự án. Các điểm số đánh giá cụ thể theo từng Sở TNMT được trình bày trong Bảng 2.5-25. Về công tác thanh tra tại hiện trường, các Sở TNMT Hải Phòng, TT-Huế, t/p HCM và BRVT đã tiến hành đào tạo OJTs về (i) đo lưu lượng nước thải tại hiện trường, và (ii) kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. Cán bộ Sở TNMT Hà Nội được đào tạo về kỹ thuật XLNT, cụ thể là về kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT tại hiện trường và điều kiện vận hành của hệ thống. Điểm số đánh giá cụ thể theo từng Sở TNMT được trình bày trong Bảng 2.5-25. Về công tác sau thanh tra, các cán bộ liên quan đã chia sẻ kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. Qua đợt đánh giá nội bộ có thể thấy năng lực theo các hạng mục liên quan đã được cải thiện qua dự án. Các điểm số đánh giá cụ thể theo từng Sở TNMT được trình bày trong Bảng 2.5-25. Kiến thức và kinh nghiệm thu được từ Dự án đã được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường nhằm chia sẻ cho các cán bộ phụ trách thanh tra/ kiểm tra môi trường. |
| 2-3-2 Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong kế hoạch thanh tra của mỗi Sở TNMT được xác định rõ. | <ul style="list-style-type: none"> Mỗi Sở TNMT đặt ra các tiêu chí để lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. | <ul style="list-style-type: none"> Trước khi có dự án, tại tất cả các Sở TNMT, không có tài liệu nào về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm liên quan đến nước thải. | <ul style="list-style-type: none"> Tất cả các Sở TNMT đã xác định được các tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm thông qua việc xây dựng kế hoạch thanh tra cho năm 2012. Mỗi Sở TNMT hiện đang xem xét các hành động cần thực hiện để chọn ra các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong giai đoạn sau dự án dựa trên các tiêu chí đã xây dựng và soạn thảo tài liệu về các hành động cần thiết. Các Sở TNMT Hà Nội, Hải Phòng TT-Huế và BRVT đã lập kế hoạch thanh tra năm 2013. |
| 2-3-3 Số lượng cán bộ có năng lực thực hiện thanh tra tại hiện trường, như thực hiện đo nhanh tại hiện trường và kiểm tra hệ thống XLNT, tăng. | <ul style="list-style-type: none"> Tài liệu ghi nhận về tập huấn cho thấy số lượng cán bộ nắm rõ các hạng mục chính cần kiểm tra đối với điều kiện vận hành hệ thống XLNT và có kiến thức về công tác thanh tra tại hiện trường tăng lên. | <ul style="list-style-type: none"> Kết quả đánh giá năng lực ban đầu cho thấy cần cải thiện các nội dung năng lực sau: <ul style="list-style-type: none"> Năng lực và kiến thức đo lưu lượng nước thải Kiến thức đo các chỉ số chất lượng nước thải tại hiện trường | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT Hải Phòng, TT-Huế, t/p HCM và BRVT đã triển khai đào tạo và thu được kinh nghiệm về kiểm tra công trình XLNT và triển khai công tác thực địa như đo lưu lượng nước và phân tích tại hiện trường. Số lượng thành phần tham dự và thời gian đào tạo OJT cho từng Sở được trình bày trong Bảng 2.5-25. Kiến thức và kinh nghiệm thu được từ Dự án được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra nhằm chia sẻ cho các cán bộ phụ trách thanh tra/ kiểm tra môi trường. |
| 2-3-4 Số lượng cán bộ có năng lực đánh giá tình hình quản lý nước thải của các cơ sở gây ô nhiễm và đưa ra các kiến nghị thông qua hướng dẫn hành chính để cải thiện tình trạng này được tăng lên | <ul style="list-style-type: none"> Tài liệu ghi nhận về tập huấn cho thấy số lượng cán bộ có năng lực đánh giá tình hình quản lý nước thải của các cơ sở gây ô nhiễm và đưa ra các chỉ thị dưới dạng văn bản cảnh cáo, hướng dẫn hành chính để cải thiện tình trạng này được tăng lên. | <ul style="list-style-type: none"> Mỗi Sở TNMT yêu cầu được cải thiện kiến thức về sơ đồ hệ thống XLNT phù hợp trong các ngành công nghiệp chính và các nhân tố chính để vận hành hệ thống XLNT trong điều kiện phù hợp. Kỹ thuật sản xuất sạch hơn là một khái niệm tương đối mới đối với các cán bộ liên quan; SXSH được áp dụng để giảm tác động của nước thải. Do vậy, kiến thức về chủ đề này cần được tăng cường. | <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức hội thảo về cách thức đánh giá công trình XLNT tại từng Sở TNMT trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 2/2012. Ngoài ra, dự án cũng đã triển khai nhiều đợt tập huấn về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn đối với ngành chế biến hải sản, dệt nhuộm và ngành giấy từ tháng 10/2012 đến tháng 1/2013. Tổng số lượng thành phần tham dự tại các hội thảo và tập huấn theo từng Sở được trình bày trong Bảng 2.5-25. Sau buổi tập huấn về xử lý nước thải và sản xuất sạch hơn, kết quả Phiếu khảo sát được phát cho các đại biểu cho thấy sự cải thiện kiến thức về xử lý nước thải và kỹ thuật SXSH; kết quả điểm số đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 như sau: |

| Các chỉ số đánh giá | Mục tiêu cần đạt được | Tình hình khi bắt đầu dự án | Tình hình vào cuối dự án |
|---------------------|-----------------------|-----------------------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong ngành chế biến hải sản: từ 2,7 đến 3,7 - Xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong ngành dệt nhuộm: từ 2,8 đến 4,0 - Xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong ngành giấy: từ 2,7 đến 4,1 • Kiến thức và kinh nghiệm thu được qua dự án đã được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra nhằm chia sẻ cho các cán bộ phụ trách thanh tra/kiểm tra môi trường. |

Nguồn: JET

2.5.3.2 Tình hình thực hiện chỉ số đánh giá theo từng Sở TNMT

Bảng 2.5-25 tóm tắt về tình hình thực hiện các chỉ số PDM liên quan đến các hoạt động của nhóm WG2-4 (thanh tra) tính đến thời điểm kết thúc Dự án.

Bảng 2.5-25 Tình hình thực hiện các chỉ số theo từng Sở TNMT tính đến thời điểm kết thúc Dự án

| Sở TNMT | Chỉ số | Thời gian hoàn thành | Tình hình thực hiện đến cuối dự án |
|-----------|--------------|--------------------------------|---|
| Hà Nội | Chỉ số 2-3-1 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Về công tác chuẩn bị, Sở TNMT đã làm rõ được thông tin cần rà soát/đánh giá và phòng ban cần liên hệ. Sở TNMT đã thu thập các thông tin liên quan theo mẫu thu thập số liệu bổ sung. Qua đợt đánh giá nội bộ, điểm số đánh giá tăng từ 3,5 lên 4,5 trong CA 2-3-1 (1) trong Hình 2.5-8 • Về công tác thanh tra tại hiện trường, Sở TNMT Hà Nội đã được đào tạo về kỹ thuật XLNT, cụ thể là về kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. Điểm số đánh giá tăng từ 3,5 lên 4,5 điểm trong CA 2-3-1 (2) trong Hình 2.5-8 • Về công tác sau thanh tra, các cán bộ đối tác đã chia sẻ kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,5 lên 4,5 điểm CA 2-3-1 (3) trong Hình 2.5-8 |
| | Chỉ số 2-3-2 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Qua Dự án, đã xây dựng được tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. |
| | Chỉ số 2-3-3 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Sở TNMT đã thực hiện đào tạo OJT, và thu được kinh nghiệm về kiểm tra công trình XLNT và triển khai công tác thực địa như đo lưu lượng nước và phân tích tại hiện trường qua các bài giảng. Năm (5) cán bộ Thanh tra Sở tham gia đào tạo OJT trong tháng 9 năm 2012. Ngoài ra, có 4 cán bộ Thanh tra Sở được đào tạo về kỹ thuật sản xuất sạch hơn và xử lý nước thải và kỹ thuật thanh tra tại hiện trường trong tháng 11 năm 2012 và tháng 1 năm 2013. Số lượng cán bộ thanh tra thuộc Sở TNMT là 10 và hơn nửa trong số các cán bộ này đã được dự án đào tạo. |
| | Chỉ số 2-3-4 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Sở TNMT Hà Nội đã tổ chức hội thảo về cách thức đánh giá công trình XLNT trong tháng 11/2011. Bên cạnh đó, đã triển khai đào tạo về XLNT và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong ngành dệt nhuộm và ngành giấy vào tháng 11/2012 và tháng 1/2013. Tổng số cán bộ tham gia đào tạo là hai mươi (20) người. Hơn một nửa trong tổng số 10 cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT đã được dự án đào tạo. |
| Hải Phòng | Chỉ số 2-3-1 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Về công tác chuẩn bị, Sở TNMT đã làm rõ được thông tin cần rà soát/đánh giá và phòng ban cần liên hệ. Sở TNMT đã thu thập các thông tin liên quan theo biểu mẫu PSI tại sông Rế và theo mẫu thu thập số liệu bổ sung. Qua đợt đánh giá nội bộ, điểm số đánh giá tăng từ 3,3 lên 4,8 trong CA 2-3-1 (1) trong Hình 2.5-8. • Về công tác thanh tra tại hiện trường, Sở TNMT Hải Phòng đã được đào tạo OJT về (i) đo lưu lượng tại hiện trường (ii) kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,3 lên 4,3 điểm trong CA 2-3-1 (2) trong Hình 2.5-8. • Về công tác sau thanh tra, các cán bộ đối tác đã chia sẻ kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,5 lên 4,5 điểm trong CA 2-3-1 (3) trong Hình 2.5-8. |
| | Chỉ số 2-3-2 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Đã xây dựng tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. |
| | Chỉ số 2-3-3 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Sở TNMT đã triển khai đào tạo OJT, và thu được kinh nghiệm về kiểm tra công trình XLNT và triển khai công tác thực địa như đo lưu lượng nước và phân tích tại hiện trường qua các bài giảng. Có 14 cán bộ thuộc Thanh tra Sở và HACEM tham gia đào tạo OJT trong tháng 8 và tháng 9 năm 2012. Phần lớn trong số các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT (11) được dự án đào tạo. |
| | Chỉ số 2-3-4 | Đã đạt được trong tháng 3/2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Sở TNMT đã xây dựng các Phiếu hướng dẫn thanh tra - công cụ hỗ trợ cán bộ trong việc đánh giá tình hình quản lý nước thải. Thông tin chính về các phiếu này sẽ được trình bày trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra. • Sở TNMT đã tổ chức hội thảo về cách thức đánh giá công trình XLNT trong tháng 2/2012. Trong giai đoạn từ tháng 11/2012 đến tháng 1/2013, đã tiến hành đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH trong ngành dệt nhuộm và ngành giấy. Tổng số cán bộ tham gia đào tạo là 35. Phần lớn trong số các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT |

| Sở TNMT | Chỉ số | Thời gian hoàn thành | Tình hình thực hiện đến cuối dự án |
|-----------------|--------------|---------------------------------|---|
| | | | (11) đã được Dự án đào tạo. |
| TT - Huế | Chỉ số 2-3-1 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Về công tác chuẩn bị, Sở TNMT đã làm rõ được thông tin cần rà soát/đánh giá và phòng ban cần liên hệ. Sở TNMT đã thu thập các thông tin liên quan theo mẫu thu thập số liệu bổ sung. Qua đợt đánh giá nội bộ, điểm số đánh giá tăng từ 3,5 lên 4,8 trong CA 2-3-1 (1) trong Hình 2.5-8. Về công tác thanh tra tại hiện trường, Sở TNMT đã được đào tạo OJT về (i) đo lưu lượng tại hiện trường (ii) kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 4,0 lên 4,8 điểm trong CA 2-3-1 (2) trong Hình 2.5-8. Về công tác sau thanh tra, các cán bộ đối tác đã chia sẻ kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,0 lên 4,0 điểm trong CA 2-3-1 (3) trong Hình 2.5-8. |
| | Chỉ số 2-3-2 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Qua Dự án, đã xây dựng được tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. |
| | Chỉ số 2-3-3 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT đã triển khai đào tạo OJT, và thu được kinh nghiệm về kiểm tra công trình XLNT và triển khai công tác thực địa như đo lưu lượng nước và phân tích tại hiện trường. Có 16 cán bộ thuộc Thanh tra Sở, Chi cục BVMT và Phòng QL TNN tham gia đào tạo OJT trong tháng 9 năm 2012. Tất cả các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT (3) đã được dự án đào tạo. |
| | Chỉ số 2-3-4 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT đã tổ chức hội thảo cách thức đánh giá công trình XLNT trong tháng 12/2011. Trong giai đoạn từ tháng 11/2012 đến tháng 1/2013, đã tiến hành đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH trong ngành dệt nhuộm và ngành giấy. Tổng số cán bộ tham gia đào tạo là 20. Phần lớn trong số các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT (3) đã được Dự án đào tạo. |
| Tp. Hồ Chí Minh | Chỉ số 2-3-1 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Về công tác chuẩn bị, Sở TNMT đã làm rõ được thông tin cần rà soát/đánh giá và phòng ban cần liên hệ. Sở TNMT đã thu thập các thông tin liên quan theo mẫu PSI cho CNN Tân Quy. Qua đợt đánh giá nội bộ, điểm số đánh giá tăng từ 4,0 lên 5,0 điểm trong CA 2-3-1 (1) trong Hình 2.5-8. Về công tác thanh tra tại hiện trường, Sở TNMT đã được đào tạo OJT về (i) đo lưu lượng tại hiện trường (ii) kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 4,0 lên 5,0 điểm trong CA 2-3-1 (2) trong Hình 2.5-8. Về công tác sau thanh tra, các cán bộ liên quan đã chia sẻ kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. Sở TNMT đã lựa chọn các doanh nghiệp cần kiểm tra lại về quản lý nước thải và triển khai công tác sau thanh tra. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,0 lên 4,5 điểm trong CA 2-3-1 (3) trong Hình 2.5-8. |
| | Chỉ số 2-3-2 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Qua Dự án, đã xây dựng được tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. |
| | Chỉ số 2-3-3 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT đã triển khai đào tạo OJT, và thu được kinh nghiệm về kiểm tra công trình XLNT và triển khai công tác thực địa như đo lưu lượng nước và phân tích tại hiện trường. Có 8 cán bộ thuộc Thanh tra Sở, Chi cục BVMT và Trung tâm Quan trắc môi trường tham gia đào tạo OJT trong tháng 6, tháng 8 và tháng 9 năm 2012. Hơn nửa trong số các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT (11) đã được dự án đào tạo. Sở TNMT đã yêu cầu triển khai đào tạo về lấy mẫu nước thải và kiểm soát chất lượng phân tích mẫu của đơn vị tư vấn. Đào tạo được tiến hành trong tháng 11/2012. |
| | Chỉ số 2-3-4 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT đã tổ chức hội thảo về cách thức đánh giá công trình XLNT trong tháng 1/2012. Bên cạnh đó, cũng đã tiến hành các đợt đào tạo về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong ngành dệt nhuộm và ngành giấy vào tháng 11/ 2012 và tháng 1/2013. Tổng số 18 cán bộ đã tham dự các đợt đào tạo này. Hơn nửa trong số 11 cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT đã được Dự án đào tạo. |
| BRVT | Chỉ số 2-3-1 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Về công tác chuẩn bị, Sở TNMT đã làm rõ được thông tin cần rà soát/đánh giá và phòng ban cần liên hệ. Sở TNMT đã thu thập các thông tin liên quan từ nguồn thông tin của Phòng Cảnh sát môi trường. Qua đợt đánh giá nội bộ, điểm số đánh giá tăng từ 3,0 lên 4,0 điểm trong CA 2-3-1 (1) trong Hình 2.5-8. Về công tác thanh tra tại hiện trường, Sở TNMT đã được đào tạo OJT về (i) đo lưu lượng tại hiện trường (ii) kiểm tra bằng quan sát hệ thống XLNT và điều kiện vận hành của hệ thống. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,0 lên 4,0 điểm trong CA 2-3-1 (2) trong Hình 2.5-8. Về công tác sau thanh tra, các cán bộ liên quan đã chia sẻ kiến thức về các mục chính cần hướng dẫn doanh nghiệp để cải thiện công tác quản lý nước thải. Điểm số đánh giá nội bộ tăng từ 3,0 lên 4,0 điểm trong CA 2-3-1 (3) trong Hình 2.5-8. |
| | Chỉ số 2-3-2 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Qua Dự án, đã xây dựng được tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm trong lĩnh vực quản lý môi trường nước. |
| | Chỉ số 2-3-3 | Đã đạt được trong tháng 3/ 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT đã triển khai đào tạo OJT, và thu được kinh nghiệm về kiểm tra công trình XLNT và triển khai công tác thực địa như đo lưu lượng nước và phân tích tại hiện trường. Có 4 cán bộ thuộc Thanh tra Sở, Phòng QL TNN và Trung tâm Quan trắc môi trường tham gia đào tạo OJT trong tháng 6/2012. Tất cả các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT (2) đã được dự án đào tạo. Sở TNMT yêu cầu được nghe giảng về sử dụng đập chắn để xác định lưu lượng nước thải. Buổi đào tạo đã được tiến hành trong tháng 11/2012 |
| | Chỉ số | Đã đạt được trong | <ul style="list-style-type: none"> Sở TNMT đã tổ chức hội thảo về cách thức đánh giá công trình XLNT trong tháng |

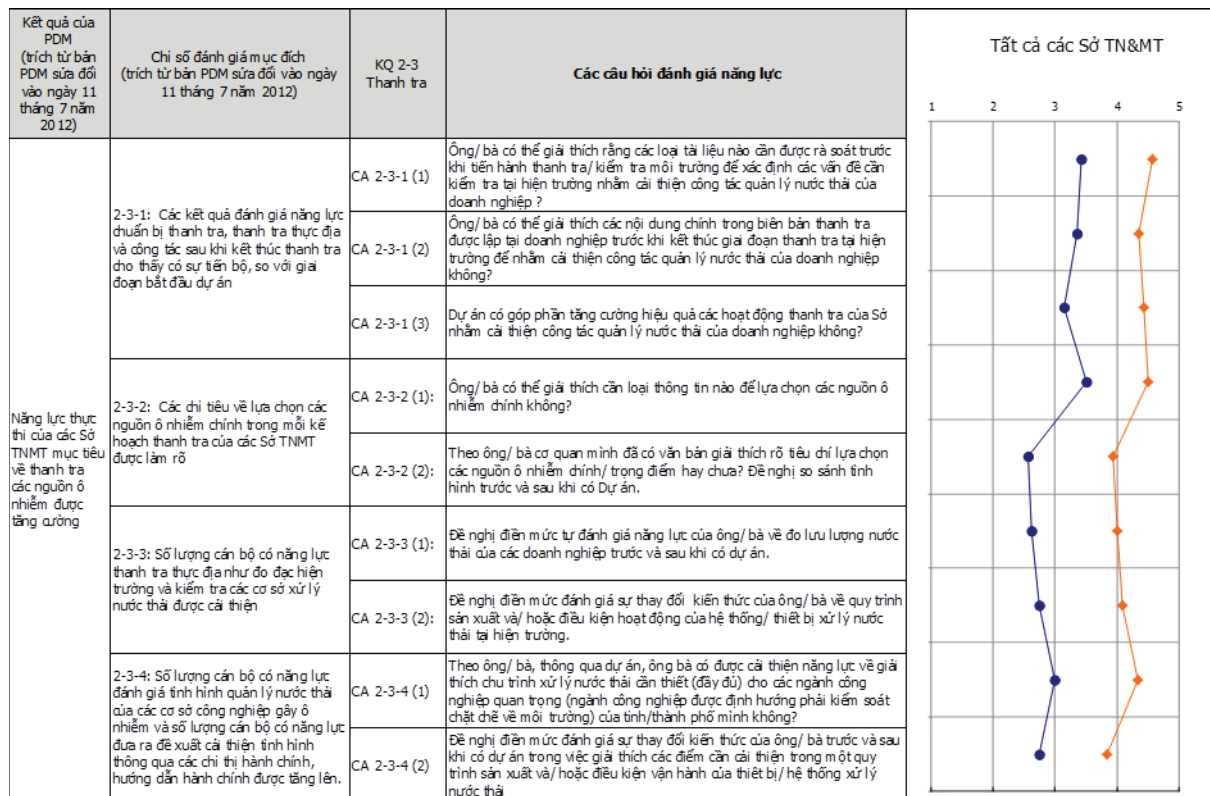
| Số TNMT | Chỉ số | Thời gian hoàn thành | Tình hình thực hiện đến cuối dự án |
|---------|--------|----------------------|---|
| | 2-3-4 | tháng 3/ 2013 | 2/2012. Bên cạnh đó, cũng đã tiến hành các đợt đào tạo về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong ngành chế biến hải sản, dệt nhuộm và ngành giấy vào tháng 10/ 2012 và tháng 1/2013. Tổng số 42 cán bộ đã tham dự các đợt đào tạo này. Tất cả các cán bộ thanh tra môi trường thuộc Sở TNMT (2) đã được Dự án đào tạo. |

Nguồn: JET

2.5.3.3 Đánh giá năng lực

(1) Kết quả đánh giá nội bộ

Đánh giá nội bộ được tiến hành trong tháng 1/2013. Hình 2.5-8 mô tả các câu hỏi liên quan đến mỗi chỉ số đánh giá theo mục tiêu trong PDM, điểm đánh giá trung bình trong thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, và tự đánh giá theo phương pháp bán định lượng tại tất cả các Sở TNMT trong hợp phần thanh tra nguồn ô nhiễm (Kết quả 2-3). Trước khi dự án bắt đầu, tất cả các nội dung năng lực được đánh giá từ mức “kém” đến “tốt”. Tính đến tháng 1 năm 2013, các nội dung năng lực được đánh giá trong mức “trung bình” đến “rất tốt”. Điều này cho thấy Dự án đã góp phần cải thiện năng lực của Sở TNMT trong công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường.



Ghi chú: 5: Rất tốt, 4: Tốt, 3: Trung bình, 2: Kém, 1: Không hiệu quả

Nguồn: JET tập hợp từ các phiếu đã được Sở TNMT trả lời

Hình 2.5-8 Kết quả chung về trả lời phiếu khảo sát cho Kết quả 2-3 (Trung bình các Sở)

(2) Phát triển năng lực ở giai đoạn cuối của Dự án

1) Chỉ số 2-3-1: Năng lực chuẩn bị, thanh tra/ kiểm tra ngoài hiện trường và hoạt động sau khi thanh tra/ kiểm tra môi trường

Qua các câu trả lời ở mục CA 2-3-1 (1) đến (3), có thể thấy rằng Dự án đã góp phần nâng cao năng lực cá nhân của cán bộ thực hiện quá trình chuẩn bị, công việc ngoài hiện trường và các công việc theo dõi tiếp theo của hoạt động thanh tra, kiểm tra môi trường.

Về công tác chuẩn bị, một trong những hoạt động tập trung là rà soát các tài liệu hiện có về các doanh nghiệp mục tiêu. Một số trong các đối tác quan trọng cho rằng ngay cả trước dự án, họ vẫn thường xuyên tiến hành công việc rà soát, nhưng có nhiều các quy định có liên quan và các thông tin cần được kiểm tra. Vì vậy, họ đã gặp khó khăn trong việc rà soát các thông tin cần thiết. Ngoài ra, họ đã không thực hiện theo một quy trình cụ thể nào nên có thể bỏ qua thông tin quan trọng cần rà soát. Dự án đã góp phần chỉ ra nội dung cần rà soát kỹ và các văn bản cần kiểm tra.

Liên quan đến công tác ngoài hiện trường, theo đánh giá của các cán bộ được khảo sát cho thấy, dự án đã giúp họ thu được các kiến thức về quản lý nước thải; những kiến thức này hỗ trợ họ trong việc thu thập thông tin cần thiết về quản lý nước thải, và viết biên bản thanh tra nêu ra các vấn đề được phát hiện trong lĩnh vực quản lý nước thải.

Đối với công việc theo dõi tiếp theo, dự án đã tăng cường sự hiểu biết về cách thức hướng dẫn các doanh nghiệp để cải thiện việc quản lý nước thải của họ. Đặc biệt, qua đợt tập huấn về các kỹ thuật xử lý nước thải và các quy trình sản xuất sạch hơn cho ngành giấy, dệt may và nhuộm, và ngành công nghiệp chế biến hải sản, cán bộ thanh tra/ kiểm tra MT tại Sở TNMT đã được cung cấp kiến thức về cách thức hướng dẫn doanh nghiệp cải thiện công tác quản lý nước thải.

Trong giai đoạn sau dự án, chúng tôi mong rằng cán bộ phụ trách thanh tra và kiểm tra môi trường của Sở TNMT sẽ chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm thu được từ Dự án để tăng cường năng lực tổ chức trong các hoạt động thanh tra và kiểm tra môi trường. Các kiến thức trang bị cho những cán bộ đã tham gia Dự án được lưu lại trong các sản phẩm đầu ra của dự án, như Sổ tay Cải thiện Công tác thanh tra hoặc Phiếu hướng dẫn thanh tra trong đó mô tả quy trình xử lý nước thải cho các ngành công nghiệp chính, theo như đề xuất của Sở TNMT Hải Phòng. Điều mong đợi ở giai đoạn sau dự án là các sản phẩm này sẽ được sử dụng như là những công cụ để chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm đạt được từ Dự án.

2) Chỉ số 2-3-2: Các tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm

Thông qua các hoạt động của dự án trong việc xác định các dữ liệu và thông tin quan trọng để lựa chọn ra các cơ sở công nghiệp cần thanh tra hoặc kiểm tra, các cán bộ Sở TNMT đã nghiên cứu kỹ các thông tin cần thiết để lựa chọn các nguồn gây ô nhiễm chính/quan trọng. Các kết quả khảo sát của câu CA 2-3-2 (1) cho thấy sự tiến bộ về nhận thức của các cán bộ về nội dung này. Tất cả các Sở TNMT đều đã xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/ trọng điểm, đây là một bước tiến bộ lớn về năng lực tổ chức của các Sở TNMT bởi vì bộ tiêu chí này sẽ giúp các Sở TNMT đưa ra những quyết định rõ ràng, ít tùy ý hơn trong việc lựa chọn các ngành công nghiệp để thanh tra hoặc kiểm tra. Điều này được minh chứng trong những phần trả lời câu hỏi CA 2-3-2 (2). Ở giai đoạn sau của dự án, dự kiến các đơn vị làm công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường tại mỗi Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ chia sẻ và sử dụng bộ tiêu chí này để lập kế hoạch thanh tra/ kiểm tra hàng năm.

3) Chỉ số 2-3-3: Các kỹ năng và Kiến thức liên quan đến Công việc ngoài Hiện trường

Kiểm tra thể tích nước thải thải ra là một trong những vấn đề quan trọng trong thanh tra và kiểm tra môi trường do các doanh nghiệp thiếu nhận thức và khả năng đo lưu lượng nước thải. Trong dự án, để cải thiện tình trạng này, thiết bị đo lưu lượng nước thải đã được trang bị, và các cán bộ đã được đào tạo sử dụng thiết bị đo này. Tất cả các Sở TNMT đánh giá rằng khả năng đo lưu lượng nước thải đã được cải thiện thông qua Dự án, dựa trên các câu trả lời cho câu hỏi CA 2-3-3 (1). Sở Tài nguyên và Môi trường Bà Rịa - Vũng Tàu đã rất quan tâm đến việc xây dựng tiêu chí để đo thể tích nước thải bằng phương pháp tạo đập nước, vì vậy Dự án đã thiết kế một bài giảng cho các bộ Sở về phương pháp này. Thông qua các hoạt động trên, năng lực của Sở TNMT về có số liệu đáng tin cậy về lưu lượng dòng thải đã được cải thiện, góp phần tăng cường năng lực thực thi của Sở TNMT về quản lý nước thải của doanh nghiệp bằng cách thanh tra và kiểm tra môi trường.

Về năng lực thanh tra/ kiểm tra quá trình sản xuất và công trình XLNT tại các doanh nghiệp, Dự án cung cấp một loạt các tập huấn về xử lý nước thải và các kỹ thuật sản xuất sạch hơn về giấy, dệt may và nhuộm, và các ngành công nghiệp chế biến hải sản, và các hoạt động chung trong công tác thanh tra tại hiện trường. Thông qua các hoạt động này, tất cả các cán bộ Sở TNMT tham gia Dự án trả lời rằng

năng lực của họ đã được nâng cao, có thể thấy rõ điều này qua các câu trả lời của các cán bộ đối tác cho câu hỏi CA 2-3-3 (2).

Có thể kết luận rằng Dự án đã có hiệu quả cải thiện năng lực cá nhân về thanh tra hiện trường. Sau khi kết thúc dự án, hy vọng các cán bộ đối tác sẽ sử dụng những kinh nghiệm có được từ dự án (năng lực cá nhân) để định hướng cải thiện năng lực của Sở TNMT (năng lực của tổ chức). Sở TNMT cần tổ chức thường xuyên các chương trình tập huấn cho cán bộ hiện trường, trong đó, các cán bộ đã tham gia dự án có thể trực tiếp tập huấn hoặc và hợp tác với các chuyên gia ngoài Sở (nếu cần) để tập huấn cho các cán bộ khác.

4) Chỉ số 2-3-4: Năng lực đánh giá hệ thống quản lý nước thải của doanh nghiệp

Khóa đào tạo về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn cho ngành giấy, dệt may và nhuộm, và ngành công nghiệp hải sản đã góp phần tăng cường kiến thức cho cán bộ về hướng dẫn cơ sở công nghiệp cải thiện công tác quản lý nước thải. Một số cán bộ đối tác nói rằng trước khi tham gia Dự án, họ đã có kiến thức cơ bản về quy trình xử lý nước thải. Họ nắm được sự khác biệt chung giữa "xử lý sơ cấp – thứ cấp – cấp ba", nhưng họ đã không thể xác định được các quy trình cần thiết đối với mỗi loại ngành công nghiệp. Dự án đã góp phần nâng cao kiến thức về các quy trình xử lý nước thải cụ thể, và các kiến thức này dự kiến sẽ giúp các cán bộ trong việc đưa ra hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp nhằm cải thiện quản lý nước thải trong quá trình thanh tra, kiểm tra môi trường. Các câu trả lời trong phần CA 2-3-4 (1) và 2-3-4 (2) cho thấy sự tiến bộ năng lực của cán bộ về nội dung này. Đặc biệt, sản xuất sạch hơn là một chủ đề tương đối mới cho các cán bộ tham gia tập huấn, và việc nâng cao nhận thức về chủ đề này có hiệu quả rất lớn.

Có một số cán bộ mong muốn được đào tạo thêm về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong giai đoạn sau dự án: ví dụ như được đào tạo thực tế cụ thể hơn về công tác thanh tra/ kiểm tra hiện trường hoặc đào tạo về XLNT cho các ngành công nghiệp khác những ngành đã được lựa chọn giảng dạy trong khuôn khổ Dự án. Trước những đề xuất này, Dự án đã khuyến khích các Sở TNMT xây dựng các chương trình đào tạo và tổ chức các khóa đào tạo, xem xét mức độ năng lực của các cán bộ liên quan, và đặc điểm khu vực của các hoạt động công nghiệp và các vấn đề ô nhiễm trong khu vực. JET sẽ cung cấp các ví dụ về các chương trình đào tạo, và các nội dung cần đào tạo trong những khóa học này ở giai đoạn sau dự án.

Sau khi dự án kết thúc, dự kiến năng lực tổ chức của mỗi Sở TNMT về đánh giá hệ thống quản lý nước thải của doanh nghiệp sẽ được cải thiện hơn nữa. Việc Sở TNMT tự thực hiện các chương trình đào tạo như đã đề cập ở trên là một trong những ý tưởng để nâng cao năng lực tổ chức. Theo Chánh Thanh tra Sở TNMT t/p HCM, tổ chức đào tạo sẽ tạo cơ hội cho các cán bộ liên quan tự nâng cao kiến thức về quá trình sản xuất và công trình xử lý nước thải. Đào tạo qua công việc OJT nhằm chuyển giao kiến thức từ những cán bộ giàu kinh nghiệm cho cán bộ mới; hoạt động này có thể giúp các cán bộ tự nâng cao năng lực của họ. Dự án rất mong muốn và khuyến khích các cán bộ đã tham gia Dự án sẽ trở thành giảng viên OJT cho các cán bộ mới trong giai đoạn sau dự án.

2.5.3.4 Đề xuất các hoạt động sau khi kết thúc Dự án

(1) Sử dụng Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường nhằm chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm thu được từ Dự án

Những bài học và khuyến nghị đưa ra qua đào tạo OJT trong hoạt động thanh tra và kiểm tra môi trường đã được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. Cuốn sổ tay cũng nêu ra các điểm chính cần đánh giá về tính phù hợp của hệ thống xử lý nước thải và các điều kiện vận hành của hệ thống. Trong giai đoạn sau dự án, Sở TNMT được khuyến khích sử dụng cuốn sổ tay nhằm chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm thu được từ Dự án giữa các cán bộ liên quan trong lĩnh vực thanh tra và kiểm tra môi trường. Bộ TNMT có thể sử dụng cuốn sổ tay cho mục đích tham khảo khi lên kế hoạch sửa đổi Sổ tay Hướng dẫn Thanh tra Chuyên ngành Môi trường trong tương lai.

(2) Chia sẻ tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm với phòng ban liên quan để xây

dựng kế hoạch thanh tra năm

Trước Dự án, mỗi Sở TNMT có tiêu chí riêng để lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm; tuy nhiên, các tiêu chí này không được viết thành tài liệu rõ ràng. Trong khuôn khổ dự án, các tiêu chí đã được đánh giá và đưa vào tài liệu tại từng Sở TNMT. Thanh tra Sở yêu cầu các phòng ban chức năng lựa chọn các đối tượng cần thanh tra khi lập kế hoạch thanh tra hàng năm được xây dựng. Và các tiêu chí lựa chọn có thể được sử dụng làm cơ sở để thống nhất các phòng ban chức năng trong việc lựa chọn loại nguồn ô nhiễm cần ưu tiên thanh tra về quản lý môi trường nước. Chính vì vậy, việc chia sẻ tài liệu về tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm là cần thiết.

(3) Thời gian phối hợp chuẩn bị cho công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường tại hiện trường

Hiện tại, các phòng ban chức năng tham gia thanh tra/ kiểm tra môi trường thường có một buổi họp chuẩn bị trước khi thanh tra tại hiện trường. Tuy nhiên, buổi họp này được tổ chức sau khi có quyết định về thanh tra/ kiểm tra môi trường và do vậy, không có nhiều thời gian để đánh giá/rà soát các thông tin cần thiết. Vì các hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị phần lớn quyết định sự thành công hoặc thất bại của hoạt động thanh tra, nên cần phải hiệu quả hóa quy trình chuẩn bị này ví dụ như tập trung thu thập các thông tin sơ cấp mà theo Dự án là cần thiết, thông báo trước với các phòng ban liên quan về việc thu thập thông tin và quy ước về các nội dung cần kiểm tra trong quá trình chuẩn bị.

(4) Sử dụng thông tin thu được từ công tác thanh tra phục vụ quản lý môi trường nước

Các mục tiêu chính của công tác thanh tra là đánh giá sự tuân thủ (theo đề xuất của dự án) đối với các mệnh lệnh/chỉ dẫn được quy định trong các quy định pháp luật liên quan và đưa ra các hướng dẫn hành chính và xử phạt đối với các trường hợp vi phạm. Qua công tác thanh tra, Sở TNMT cập nhật thông tin về thực trạng quản lý nước thải và tuân thủ môi trường của doanh nghiệp; và thông tin này có thể sử dụng không chỉ cho mục đích thanh tra mà còn phục vụ việc lập kế hoạch và đánh giá các biện pháp hành chính về quản lý môi trường nước. Để có thể sử dụng thông tin thu được từ thanh tra phục vụ công tác quản lý môi trường nước, cần xem xét các nội dung sau:

- Hiện tại, báo cáo tóm tắt định kỳ về thanh tra chỉ nêu ra số đợt thanh tra đã thực hiện, số lần xử phạt hành chính và lượng phí phạt. Để có thể sử dụng thông tin thu được từ thanh tra phục vụ công tác quản lý môi trường nước, dự kiến cần đưa thêm thông tin cập nhật về thực trạng quản lý nước thải vào trong báo cáo, và
- Thông tin thu được từ công tác thanh tra cần được đưa vào mẫu Kiểm kê nguồn ô nhiễm (PSI) để nâng cấp và cập nhật thông tin được lưu trữ trong PSI.

(5) Tổ chức đào tạo thêm về cách thức đánh giá hệ thống xử lý nước thải trong giai đoạn sau dự án

Như được trình bày trong phần “ 2.5.3.3 Đánh giá năng lực”, dự kiến năng lực tổ chức về đánh giá hệ thống quản lý nước thải của doanh nghiệp sẽ cải thiện thêm trong giai đoạn sau dự án. Để đạt được mục tiêu này, các Sở TNMT cần tổ chức đào tạo thực hành về cách thức đánh giá hệ thống xử lý nước thải. Khi các Sở TNMT lập kế hoạch đào tạo, cần xem xét các nội dung sau:

- Có thể tham khảo các chương trình đào tạo kỹ thuật về xử lý nước thải và kỹ thuật sản xuất sạch hơn trong khuôn khổ dự án,
- Cần xây dựng một số chương trình đào tạo và xem xét sự khác nhau về trình độ kiến thức của cán bộ,
- Cần tập trung vào các ngành công nghiệp khác bên cạnh các ngành mà dự án đã đào tạo,
- Sở TNMT có thể hợp tác với các chuyên gia trong nước đã phối hợp đào tạo với Dự án, và
- Cán bộ được dự án đào tạo dự kiến sẽ là những thành viên chủ chốt trong việc lập kế hoạch đào tạo.

2.6. Kết quả 3 (WG 3): Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm

2.6.1 Giới thiệu

2.6.1.1 Cơ sở

Nhìn chung, ở Việt Nam, các biện pháp bảo vệ môi trường dành cho nước thải công nghiệp thường không hoàn chỉnh. Ví dụ như tiêu chuẩn dòng thải dành cho nước thải công nghiệp đã được quy định trong QCVN và các chủ doanh nghiệp có trách nhiệm xử lý nước thải để đạt tiêu chuẩn dòng thải quốc gia, trước khi xả ra các vực nước. Tuy nhiên, nhiều chủ doanh nghiệp không tuân thủ các tiêu chuẩn. Nước thải không qua xử lý được xả trực tiếp gây ô nhiễm môi trường nước. Cần phải có phản hồi về mặt quản lý hành chính để xác định các nguyên nhân dẫn đến việc không tuân thủ này.

Ở cấp chính phủ, ngoài Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và môi trường đã xây dựng nhiều công cụ quản lý môi trường (hệ thống ĐTM, xác định các nguồn ô nhiễm nghiêm trọng, hệ thống phí nước thải...) để thực thi các chính sách và chương trình quốc gia về quản lý môi trường. Sở TNMT chịu trách nhiệm giám sát các biện pháp BVMT do chủ đơn vị kinh doanh thực hiện. Sở TNMT là cơ quan tiền tuyến trong việc thực thi quản lý hành chính đối với nước thải công nghiệp, thông qua các công cụ quản lý. Mặc dù Sở TNMT có nhiều hệ thống quản lý kiểm soát ô nhiễm nước đa dạng, nhưng các hệ thống này chưa hoạt động tốt hoặc chưa đủ tích cực. Điều này cho thấy công tác kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT cần được cải thiện nhiều hơn để có thể bảo tồn và phục hồi môi trường nước.

Theo PDM, mục tiêu của Kết quả 3 là “Năng lực của Sở TNMT về xây dựng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước được tăng cường”, và mục tiêu này sẽ đạt được thông qua việc xây dựng kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước phù hợp. Cùng với mục tiêu và phương pháp tiếp cận này, bản “Đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội” (sau đây gọi tắt là “Kế hoạch cải thiện”) đã được dự thảo sau khi tiến hành một loạt các hoạt động dự án. Các hoạt động này của Kết quả 3 bao gồm việc rà soát các công cụ quản lý môi trường hiện hành, đánh giá việc sửa đổi chính sách, khảo sát/ điều tra các biện pháp bảo vệ môi trường tại nguồn ô nhiễm...

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng phó với ô nhiễm công nghiệp tại thành phố Hà Nội, Kế hoạch cải thiện được lập riêng để tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm nước, đặt biệt tập trung vào nước thải công nghiệp của các cơ sở sản xuất. Với mục tiêu này, quận Hà Đông và huyện Từ Liêm đã được chọn làm khu vực thí điểm để khảo sát thu thập số liệu.

2.6.1.2 Ma trận thiết kế dự án (PDM) và kế hoạch hoạt động chung (PO)

Bảng 2.6-1 cho thấy các nội dung liên quan đến các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước (Kết quả 3) đã được điều chỉnh trong bản PDM và PO cuối cùng.

Bảng 2.6-1 Sản phẩm, chỉ số và các hoạt động của Kết quả 3 trong PDM và PO

| Mục | Nội dung |
|---------------------|---|
| Kết quả | Năng lực của Sở TNMT mục tiêu về xây dựng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả được cải thiện. |
| Các chỉ số đánh giá | 3-1 Thành lập nhóm công tác tập trung nghiên cứu và xây dựng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước, nhóm công tác tiếp tục tiến hành các hoạt động của mình, tổ chức 10 buổi họp thường kỳ với tỷ lệ tham dự là 70% trong quá trình thực hiện dự án. 3-2 Báo cáo tiến độ thực hiện của Kết quả 3 được gửi tới Giám đốc Sở TNMT 6 tháng một lần. 3-3 Đề cương dự thảo các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả được nộp cho UBND thành phố thông qua Giám đốc Sở TNMT. |
| Các hoạt động | 3-1 Đánh giá việc thực thi của các Sở TNMT mục tiêu về kiểm soát ô nhiễm nước, bao gồm cả các hệ thống đa dạng đã được áp dụng trước đây, và tổ chức các vấn đề để cải thiện. 3-2 Lựa chọn tỉnh sẽ tiến hành các hoạt động 3-3 và 3-4, sau khi đánh giá tính khả thi của các chính sách được dự thảo trong mục 1-5. 3-3 Xác định khu vực và/ hoặc ngành mục tiêu sẽ áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả. 3-4 Dự thảo đề cương các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước |

Nguồn: JET

2.6.1.3 Đánh giá năng lực ban đầu

(1) Vai trò chính của các đơn vị thành viên của WG-3

WG-3 được thành lập bởi các thành viên là đại diện của Chi cục BVMT Hà Nội, Thanh tra Sở TNMT, Phòng Quản lý tài nguyên nước và khí tượng thủy văn và Phòng TNMT quận huyện (huyện Từ Liêm). Mỗi đơn vị đảm nhiệm các nhiệm vụ khác nhau, và vì thế cũng cần phải có những năng lực khác nhau và có vai trò khác nhau trong WG-3, (xem Bảng 2.6-2). Chi cục BVMT có trách nhiệm thực hiện nhiều nhiệm vụ quản lý môi trường khác nhau và là cơ quan chủ trì về kiểm soát ô nhiễm nước.

Bảng 2.6-2 Các vai trò và nhiệm vụ quản lý của các cơ quan thành phần của WG 3

| Cơ quan | Các nhiệm vụ quản lý hàng ngày | Vai trò chính trong các hoạt động của WG 3 |
|-------------------------|--|---|
| 1. Chi cục BVMT | 1. Chứng nhận môi trường (ĐTM, Đề án BVMT) 2. Kiểm tra môi trường 3. Cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng 4. Phí nước thải công nghiệp 5. Khác | - Chủ trì việc dự thảo và đề xuất các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước với các phương pháp kiểm soát ô nhiễm nước tích hợp, được hỗ trợ bởi các đơn vị khác - Đánh giá và đề xuất cải thiện các công cụ quản lý (chứng nhận môi trường, kiểm tra môi trường, các cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng, phí nước thải công nghiệp, và các công cụ khác. |
| 2. Thanh tra Sở TNMT | Thanh tra môi trường (bao gồm cả việc xử phạt hành chính) | - Đánh giá và đề xuất cải thiện công tác thanh tra môi trường, tập trung vào sự ảnh hưởng của thanh tra trong quản lý môi trường. - Hỗ trợ Chi cục BVMT dự thảo các biện pháp KSON nước |
| 3. Phòng QL TNN và KTTV | Giấy phép xả nước thải | - Đánh giá và đề xuất việc cải thiện công tác cấp phép xả nước thải - Hỗ trợ Chi cục BVMT Hà Nội dự thảo các biện pháp KSON nước |

Nguồn: JET

(2) Đánh giá năng lực (CA)

Khi bắt đầu dự án, WG3 đã tự đánh giá (bởi các thành viên nhóm WG-3) về năng lực thực thi các nhiệm vụ quản lý môi trường để làm rõ tình hình năng lực “trước Dự án”. Một loạt các phiếu khảo sát đã được JET chuẩn bị và các phiếu được thành viên WG 3 trả lời cũng đã được thu thập. Bảng 2.6-3 tóm tắt kết quả tự đánh giá năng lực thực thi các nhiệm vụ quản lý môi trường.

Bảng 2.6-3 Kết quả tự đánh giá năng lực thực thi các nhiệm vụ quản lý môi trường

| Các nhiệm vụ quản lý | Đơn vị chuyên trách | Số lượng cán bộ đánh giá | Hiệu quả chung |
|----------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------|
| Chứng nhận môi trường | Chi cục BVMT Hà Nội | 3 | 3.3 |
| Kiểm tra môi trường | Chi cục BVMT Hà Nội | 3 | 3.7 |
| Phí nước thải công nghiệp | Chi cục BVMT Hà Nội | 3 | 2.7 |
| Các biện pháp KSON nước tích hợp | Chi cục BVMT Hà Nội | 3 | 3.7 |
| Giấy phép xả nước thải | Phòng QL TNN & KTTV | 3 | 3.7 |
| Thanh tra môi trường | Thanh tra Sở TNMT | 3 | 5.0 |

Ghi chú: Tính hiệu quả chung được đánh giá theo 5 mức: 5 Rất tốt, 4: Tốt, 3: Trung Bình, 2 Kém, 1 Không hiệu quả

Nguồn: JET

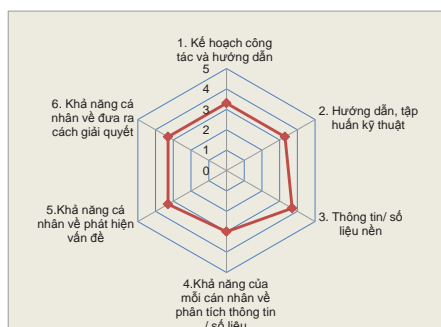
Năng lực về các nhiệm vụ quản lý được đánh giá theo các nhân tố ở cả cấp cá nhân và tổ chức như sau:

- Các nhân tố về tổ chức
 - Kế hoạch & chỉ thị/hướng dẫn công việc;
 - Hướng dẫn và tập huấn kỹ thuật ;
 - Các thông tin/ số liệu nền

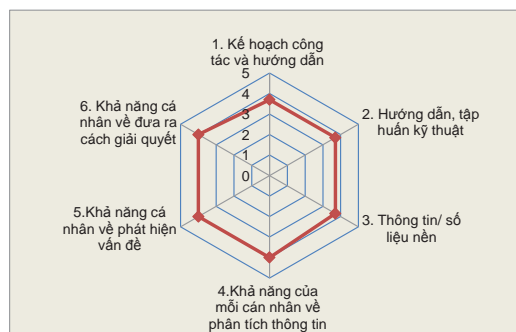
- Các nhân tố về cá nhân
 - Năng lực cá nhân về phân tích thông tin/ số liệu;
 - Năng lực cá nhân về phát hiện vấn đề;
 - Năng lực cá nhân về nâng cao hiệu quả các biện pháp

Kết quả đánh giá các đơn vị liên quan được trình bày Hình 2.6-1 (1/2 và 2/2).

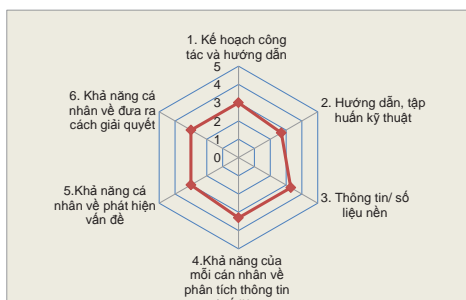
Chi cục BVMT Hà Nội



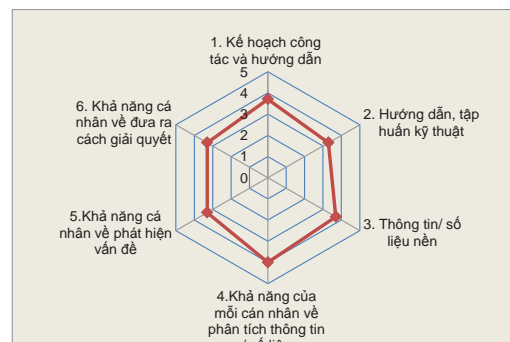
(Chứng nhận môi trường)



(Kiểm tra môi trường)



(Phí nước thải công nghiệp)

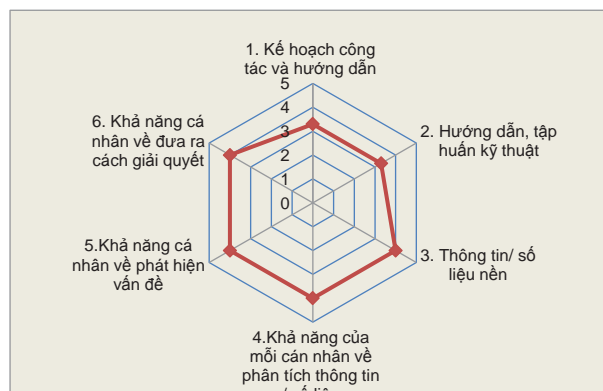


(Kiểm soát ô nhiễm nước tích hợp)

Nguồn: JET xây dựng theo số liệu phía Việt Nam cung cấp

Hình 2.6-1 Kết quả đánh giá năng lực (1/2) (Chi cục BVMT Hà Nội)

Phòng QL TNN và KTTV

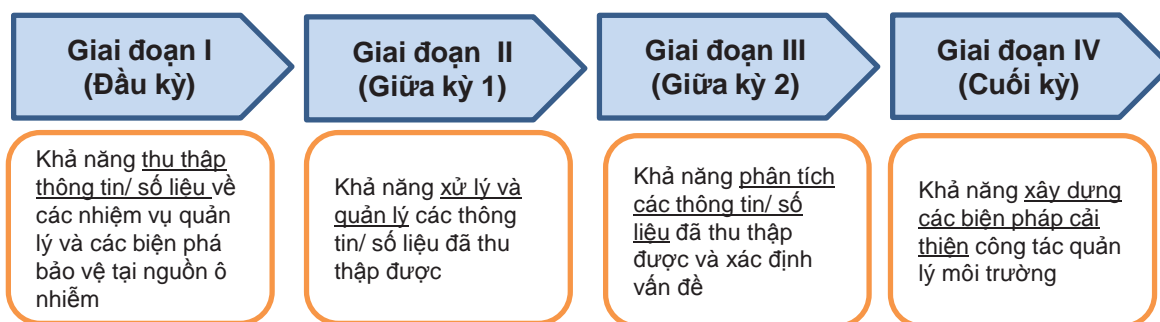


Nguồn: JET xây dựng theo số liệu phía Việt Nam cung cấp

Hình 2.6-1 Kết quả đánh giá năng lực (2/2) (giấy phép xả nước thải)

2.6.1.4 Kế hoạch phát triển năng lực (CD)

Mục tiêu cuối cùng của phát triển năng lực cho Kết quả 3 được xác định là "Tăng cường năng lực của Sở TNMT trong việc xây dựng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả". Mục tiêu này sẽ đạt được vào giai đoạn cuối của dự án, bằng phương pháp phát triển năng lực theo từng giai đoạn từ Giai đoạn I đến Giai đoạn IV trong suốt thời gian của Kết quả 3, như thể hiện trong Hình 2.6-2.



Nguồn: JET

Hình 2.6-2 Phương pháp tiếp cận phát triển năng lực

Kế hoạch phát triển năng lực trong từng giai đoạn được xây dựng để đạt được mục tiêu trên và được thể hiện trong Bảng 2.6-4.

Bảng 2.6-4 Kế hoạch phát triển năng lực của Kết quả 3

| Giai đoạn CD | Giai đoạn I (Đầu kỳ) | Giai đoạn II (Giữa kỳ1) | Giai đoạn III (Giữa kỳ 2) | Giai đoạn IV (Cuối kỳ) |
|----------------------|--|---|--|---|
| Mục tiêu CD | Tăng cường khả năng thu thập dữ liệu / thông tin về quản lý môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường tại nguồn. | Tăng cường khả năng xử lý và quản lý dữ liệu/thông tin về quản lý môi trường thu thập được. | Tăng cường khả năng phân tích dữ liệu/thông tin thu thập và xác định các vấn đề. | Tăng cường khả năng xây dựng các biện pháp cải thiện quản lý môi trường. |
| Nội dung công việc | 1) Thảo luận kế hoạch công tác và lập nhóm công tác 2) Thảo luận khu vực thí điểm và ngành công nghiệp mục tiêu 3) Xây dựng phiếu khảo sát cho thành phố Hà Nội và thu thập thông tin/ số liệu để trả lời 4) Xây dựng mẫu bảng PST (Bảng thống kê nguồn ô nhiễm) và thu thập dữ liệu / thông tin sẵn có tại Chi cục BVMT Hà Nội để lập bảng PST 5) Khảo sát thực địa lần thứ nhất để xác định các biện pháp bảo vệ môi trường hiện có và các công tác/nhiệm vụ quản lý (tiên hành ở khoảng 30 cơ sở công nghiệp) | 1) Xử lý và quản lý dữ liệu/thông tin thu thập cho Tp. Hà Nội 2) Xây dựng PST cho khu vực thí điểm 3) Xử lý và quản lý dữ liệu/thông tin thu thập từ buổi khảo sát thực địa lần thứ nhất. | 1) Xác định các vấn đề trong quản lý môi trường ở Tp. Hà Nội 2) Phân tích PST và thảo luận về việc cải thiện và huy động các công cụ quản lý 3) Khảo sát thực địa lần thứ hai để đánh giá việc cải thiện và huy động các công cụ quản lý (tại khoảng 10 cơ sở công nghiệp) 4) Ước tính hiệu quả giảm tải lượng ô nhiễm nhờ vào việc cải thiện và huy động các công cụ quản lý | 1) Xây dựng việc cải thiện và huy động các công cụ quản lý 2) Dự thảo đề cương về các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước 3) Có được sự phê duyệt dự thảo đề cương từ Sở TNMT Hà Nội 4) Đánh giá hoạt động của các cơ sở công nghiệp thông qua việc đánh giá xếp hạng quản lý nước thải công nghiệp (IWMR). |
| Các kết quả mong đợi | Biên bản thảo luận về kết quả xử lý và phân tích dữ liệu thu thập, bao gồm các vấn đề cần được giải quyết | Biên bản kết quả khảo sát, bao gồm cả các vấn đề cần giải quyết | Biên bản thảo luận về hiệu quả giảm tải lượng ô nhiễm tại các cơ sở công nghiệp | Báo cáo cuối cùng về đề cương về các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả. |
| Đơn vị hỗ trợ | JET | JET | JET | JET |
| Nhóm mục tiêu | Các thành viên của WG-3 và các thành viên cộng tác (công sự) | Các thành viên của WG-3 và các thành viên cộng tác (công sự) | Các thành viên của WG-3 và các thành viên cộng tác (công sự) | Các thành viên của WG-3 và các thành viên cộng tác (công sự) |
| Các hoạt động CD | Hoạt động chung giữa đối tác Việt Nam và các chuyên gia nhóm JET | Hoạt động chung giữa đối tác Việt Nam và các chuyên gia nhóm JET | Hoạt động chung giữa đối tác Việt Nam và các chuyên gia nhóm JET | Hoạt động chung giữa đối tác Việt Nam và các chuyên gia nhóm JET |
| Thời gian | Từ tháng 4/2011 đến tháng 8/2012 | Từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2012 | Từ tháng 4/2012 đến tháng 11/2012 | Từ tháng 8/2012 đến tháng 4/2013 |

Nguồn: JET

2.6.1.5 Chuẩn bị Kế hoạch công tác (WPs)

Kế hoạch làm việc của Kết quả 3 đã được các thành viên nhóm thảo luận và thống nhất như sau:

(1) Mục tiêu và định nghĩa của Kết quả 3

Các thuật ngữ và định nghĩa được sử dụng trong Kết quả 3 đã được thảo luận và xác nhận như sau:

- | | |
|--|--|
| 1. Mục tiêu của Kết quả 3 là gì? | Tăng cường năng lực của Sở TNMT trong việc xây dựng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả. |
| 2. Sản phẩm cuối cùng của Kết quả 3 là gì? | Xây dựng "Đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước" tại thành phố Hà Nội. |
| 3. "Kiểm soát ô nhiễm nước" là gì? | Các hoạt động quản lý hành chính do Sở TNMT Hà Nội thực hiện nhằm phòng ngừa ô nhiễm nước bằng các hệ thống quản lý môi trường đa dạng. |
| 4. Khu vực thí điểm là gì? | Vị trí hành chính nơi thực hiện khảo sát thực địa nhằm nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội (huyện Từ Liêm và quận Hà Đông). |

(2) Các hoạt động chung cho Kết quả 3

Kế hoạch làm việc của Kết quả 3 đã được xây dựng cho suốt thời gian thực hiện dự án từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 3 năm 2013 bao gồm một loạt các hoạt động chi tiết được trình bày tại Bảng 2.6-5:

Bảng 2.6-5 Các hoạt động cụ thể của Kết quả 3

| Các hoạt động (Số thứ tự của hoạt động) | Nội dung công việc | Thời gian |
|--|---|----------------------|
| 1. Đánh giá hoạt động và xác định vấn đề tại thành phố Hà Nội (3-1) | Hiệu quả của công tác kiểm soát ô nhiễm nước hiện có được đánh giá thông qua việc làm rõ những khó khăn và hạn chế của các biện pháp bảo vệ môi trường tại nguồn và các nhiệm vụ quản lý của Sở TNMT. | T4/ 2011– T6/ 2011 |
| 2. Xác định tình/thành cần nghiên cứu (3-2) | Tình/thành triển khai Kết quả 3 của Dự án được xác định. | T6/ 2011 |
| 3. Xác định khu vực thí điểm và các nhóm ngành công nghiệp (3-3) | Khu vực thí điểm và các nhóm ngành công nghiệp được xác định. | T7 – T8/2011 |
| 4 ~ 7. Dự thảo đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước (3-4) | Đề cương về kiểm soát ô nhiễm nước cho khu vực thí điểm được soạn thảo thông qua các hoạt động sau đây | T9/2011 – T4/2013 |
| 4. Xác định hiện trạng các biện pháp về nước thải công nghiệp (3-4-1) | Hiện trạng công tác KSON nước và các biện pháp về nước thải công nghiệp tại khu vực thí điểm đã được khảo sát và làm rõ bằng cách: 1. Xây dựng CSDL nguồn ô nhiễm (PSD) và Bảng các nguồn ô nhiễm (PST) (3-4-1A) 2. Khảo sát các cơ sở công nghiệp (khảo sát lần 1 3-4-1B) 3. Khảo sát bổ sung về các biện pháp đối với nước thải công nghiệp (khảo sát thực địa bổ sung, 3-4-1C) | T9/2011– T10/2012 |
| 5. Xác định các vấn đề cần được giải quyết, gồm Đánh giá sự tuân thủ và Thái lượng ô nhiễm (3-4-2) | Các vấn đề của kiểm soát ô nhiễm nước và các biện pháp về nước thải công nghiệp cần giải quyết đã được xác định. | T5/ 2012 – T10/ 2013 |
| 6. Đánh giá và dự thảo Kế hoạch cải thiện (3-4-3) | Việc củng cố, tăng cường kiểm soát ô nhiễm nước được đánh giá theo các bước sau: 1. Thảo luận về việc củng cố, tăng cường các công cụ quản lý môi trường (3-4-3A), bao gồm: a. Cải thiện các công cụ quản lý hiện có, b. Giới thiệu các chính sách và công cụ quản lý mới sẽ được đề xuất cho Kết quả 2, và c. Áp dụng Hệ thống xếp hạng về tuân thủ nước thải công nghiệp (IWMR). 2. Đánh giá và thẩm tra/kiểm tra công tác kiểm soát ô nhiễm nước đã được củng cố, cải thiện (Khảo sát thực địa lần hai, 3-4-3B) 3. Ước tính hiệu quả giảm tải lượng ô nhiễm (3-4-3C) 4. Dự thảo đề cương về các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả (3-4-3D) 5. Tổ chức hội thảo ngành về quản lý nước thải công nghiệp (3-4-3E) | T10/2012 – T4/2013 |

Nguồn: JET

Trong khuôn khổ các hoạt động của Kết quả 3, nhóm WG3 đã tiến hành khảo sát thực địa (tổng số là 3 lần) tại khu vực thí điểm để xác định tình hình các biện pháp về nước thải công nghiệp tại các cơ sở.

Thông qua việc thu thập số liệu tại văn phòng Sở TNMT và từ các đợt khảo sát, Dự án đã tập hợp được một lượng thông tin, số liệu lớn. Để xử lý và lưu trữ những thông tin/ số liệu này, WG-3 đã giới thiệu một số công cụ thông tin như CSDL về nguồn ô nhiễm (PSD), Bảng các nguồn ô nhiễm (PST) và bản đồ các nguồn ô nhiễm (PSM). Việc xây dựng và áp dụng các công cụ này vào thực tế đã được thực hiện trong các hoạt động của Kết quả 3.

Các hoạt động của WG-3 đã được phối hợp thực hiện giữa phía Việt Nam và phía chuyên gia JET. JET đã hỗ trợ và tư vấn đầy đủ cho phía Việt Nam, dựa vào nhu cầu thực tế của đối tác. Các buổi họp thảo luận có sự tham gia của cả thành viên WG-3 và các chuyên gia JET chính là những cơ hội chuyển giao kỹ thuật. Các buổi họp này được tổ chức khoảng 3 tuần một lần.

2.6.2 Các hoạt động

2.6.2.1 Tiến độ các hoạt động so với PO

Bảng 2.6-6 so sánh tiến độ thực tế các hoạt động dự án với Kế hoạch hoạt động chung (PO). Kế hoạch hoạt động cũng có thay đổi để phù hợp với từng giai đoạn công tác.

Như thấy trong biểu đồ, các hoạt động của Kết quả 3 đã giải quyết và hoàn thiện trong suốt kế hoạch làm việc, tất nhiên là có một số điều chỉnh nhỏ.

| Kế hoạch hoạt động | | 2010 | | | | | | | | | | | | 2011 | | | | | | | | | | | | 2012 | | | | | | | | | | | | 2013 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|---|----------|---|---|---|----|----|----|---|---|---|---|---|---------|---|---|---|----|----|----|---|---|---|---|---|------|---|---|---|----|----|----|---|---|---|---|---|------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Kết quả 3. Năng lực của Sở TNMT mục tiêu về xây dựng các biện pháp KSON nước hiệu quả được cải thiện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-1 | Đánh giá việc thực thi KSON nước của các Sở TNMT mục tiêu, bao gồm cả các hệ thống đã áp dụng trước đây và tổ chức các vấn đề cải thiện | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | [Bar chart showing actual progress for 3-1] | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-2 | Lựa chọn (các) tỉnh/ thành phố mục tiêu để thực hiện các hoạt động 3-3 và 3-4 sau khi đánh giá tính khả thi của các bản dự thảo sửa đổi của kết quả 1-5 | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | [Bar chart showing actual progress for 3-2] | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-3 | Xác định khu vực mục tiêu và ngành công nghiệp mục tiêu để áp dụng các biện pháp KSON nước | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | [Bar chart showing actual progress for 3-3] | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3-4 | Dự thảo đề cương cải thiện các biện pháp KSON nước . Hoạt động 3-4-1: Các biện pháp KSON nước Hoạt động 3-4-2: Đánh giá sự tuân thủ và xác định các vấn đề Hoạt động 3-4-3: Đánh giá và dự thảo Kế hoạch cải thiện | Kế hoạch | | | | | | | | | | | | Thực tế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | [Bar chart showing actual progress for 3-4] | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Nguồn: JET

Hình 2.6-3 Tiến độ các hoạt động dự án

2.6.2.2 Hoạt động 3-1: Đánh giá tình hình KSON nước của Sở TNMT

(1) Tổng quan

Hoạt động 3-1 (Đánh giá tình hình và xác định vấn đề) đã được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011, và từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2012. Thông qua hoạt động này, hiện trạng công tác kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT Hà Nội đã được đánh giá theo nhiều mặt khác nhau như tổ chức hành chính, nguồn lực quản lý, năng lực, hệ thống quảng lý được áp dụng và các hoạt động thực tế, hệ thống thông tin... Do vậy, nhiều thông tin/ số liệu có liên quan đã được thu thập từ cả các số liệu sẵn có tại Sở và từ các buổi phỏng vấn với các cán bộ phụ trách các nhiệm vụ quản lý môi trường khác nhau và các văn bản về kiểm soát ô nhiễm nước.

Thông tin/ số liệu tại Sở TNMT Hà Nội và các phòng TNMT quận/ huyện đã được thu thập, cho thấy tình hình thực hiện các nhiệm vụ quản lý môi trường khác nhau, xét về mặt KSON nước. Các nguồn thông tin bao gồm các báo cáo thanh tra, kiểm tra môi trường, danh sách các dự án được phê duyệt

ĐTM, hồ sơ các dự án BVMT, hồ sơ về phí nước thải công nghiệp... Các thông tin thu được từ 1,370 hồ sơ/tài liệu (xem Bảng 2.6-6), đã được nhập và xử lý trên bảng tính (trong excel).

Bảng 2.6-6 Nguồn số liệu của PST

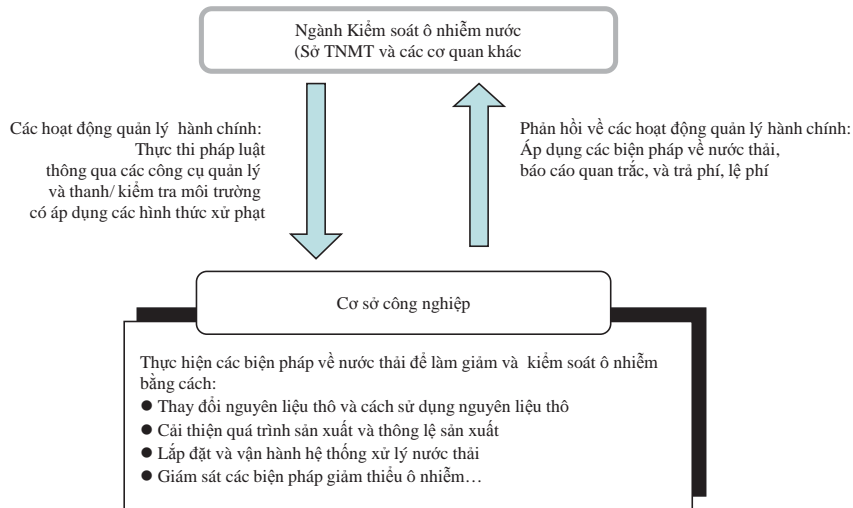
| Nguồn số liệu | Đơn vị cung cấp | Số lượng hồ sơ/tài liệu |
|--|---------------------|-------------------------|
| Báo cáo thanh tra và kiểm tra môi trường (2008) | Chi cục BVMT Hà Nội | 110 |
| Báo cáo thanh tra và kiểm tra môi trường (2009) | Chi cục BVMT Hà Nội | 323 |
| Báo cáo thanh tra và kiểm tra môi trường (2010) | Chi cục BVMT Hà Nội | 295 |
| Danh sách phê duyệt ĐTM (2004-2009) | Chi cục BVMT Hà Nội | 335 |
| Danh sách phê duyệt Đề án BVMT (EPP) (2009) | Chi cục BVMT Hà Nội | 109 |
| Danh sách trả phí nước thải công nghiệp (IWW) (2009) | Chi cục BVMT Hà Nội | 82 |
| Danh sách cấp giấy phép xả nước thải (2010) | Cục QLNN & KTTV | 91 |
| Danh sách các nguồn ô nhiễm nghiêm trọng | Chi cục BVMT Hà Nội | 26 |
| Tổng | | 1,371 |

Nguồn: JET

Sau khi xử lý và phân tích các thông tin/và số liệu trên đây, hiện trạng công tác KSON nước tại Sở TNMT tại thành phố Hà Nội đã được xác định, như sau:

(2) Cơ cấu tổ chức và nguồn lực quản lý của Sở TNMT

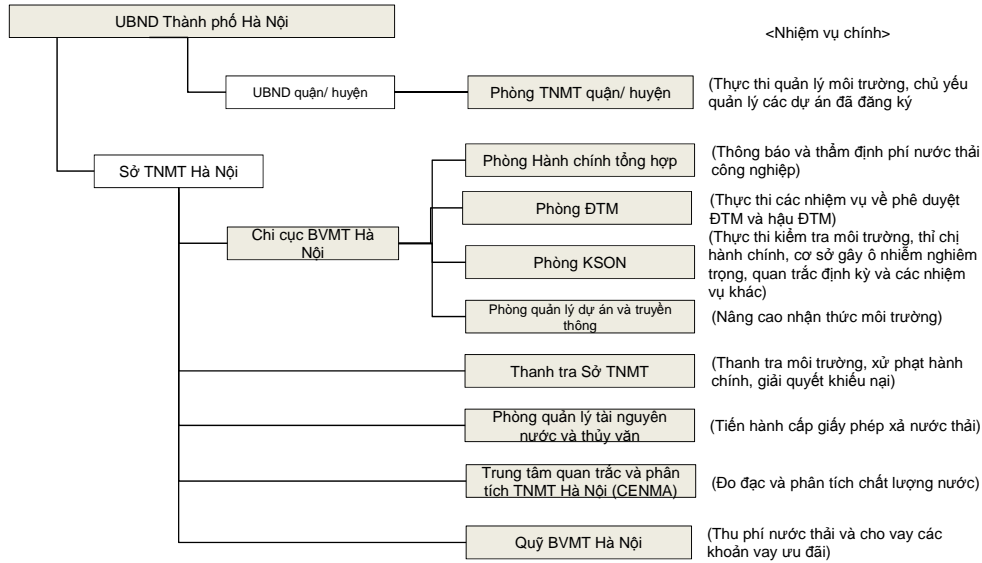
Sở TNMT có nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm nước để đạt được những mục tiêu hành chính. Giám sát thực trạng triển khai các biện pháp BVMT của cơ sở gây ô nhiễm cũng là trách nhiệm của Sở TNMT – cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Sở TNMT kiểm soát ô nhiễm nước để làm giảm và kiểm soát thải lượng ô nhiễm phát sinh từ các cơ sở công nghiệp thông qua việc thúc đẩy, quản lý và giám sát các cơ sở công nghiệp. Mối liên hệ tương quan giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và cơ sở công nghiệp được thể hiện trong Hình 2.6-4



Nguồn: JET

Hình 2.6-4 Khái niệm Quản lý hành chính về Kiểm soát ô nhiễm nước

Các đơn vị trực thuộc Sở TNMT Hà Nội thực thi kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội bao gồm Chi cục BVMT, Thanh tra Sở, Phòng QLNN & KTTV. Phòng TNMT quận/huyện tham gia kiểm soát ô nhiễm trong thẩm quyền của mình. Nhiệm vụ chính của các đơn vị liên quan đến kiểm soát ô nhiễm được trình bày trong Hình 2.6-5 .



Nguồn: JET

Hình 2.6-5 Cơ cấu hành chính về Kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội

Tại Hà Nội, Chi cục BVMT, Thanh tra Sở, Phòng QL TNN& KTTV và Trung tâm Quan trắc môi trường (CENMA) chịu trách nhiệm về kiểm soát ô nhiễm nước và số lượng cán bộ tương ứng tại mỗi đơn vị này là 47, 24, 11 và 72 từ cuối năm 2011. Phòng TNMT quận/huyện được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách về quản lý môi trường. Tuy nhiên, do thiếu nhân lực, kỹ năng và kiến thức chuyên môn, nhìn chung, các đơn vị này chưa đủ khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong số các đơn vị này, Chi cục BVMT là cơ quan chủ trì thực thi các nhiệm vụ môi trường tại địa phương. Bên cạnh đó, Cảnh sát môi trường và Ban quản lý khu công nghiệp tham gia quản lý môi trường địa phương cùng với chính quyền.

Các thành viên nhóm WG-3 đều nhất trí rằng Sở TNMT Hà Nội thiếu trầm trọng mọi nguồn lực quản lý. Rõ ràng, nhân lực, ngân sách, thiết bị và vật tư của Sở hiện nay là chưa đủ và hoàn toàn phụ thuộc vào UBND tỉnh. Các nguồn thông tin (đặc biệt là thông tin về các nguồn ô nhiễm) của các đơn vị là rất khác nhau. Vì thế, nếu xây dựng được một hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả về KSON nước, thì Sở TNMT có thể tận dụng các thông tin có được thông qua các công tác quản lý hàng ngày để phục vụ chính công tác KSON nước.

(3) Hệ thống quản lý môi trường hiện hành và các hoạt động quản lý hiện nay

Sở TNMT chịu trách nhiệm giám sát các biện pháp BVMT do chủ đơn vị kinh doanh thực hiện. Sở TNMT là cơ quan tiền tuyến trong việc thực thi quản lý hành chính đối với nước thải công nghiệp, thông qua các công cụ quản lý. Bộ TNMT xây dựng chính sách và cơ chế luật pháp và hướng dẫn Sở TNMT thực thi các chính sách và cơ chế này. Về kiểm soát ô nhiễm nước, các hệ thống quản lý chính mà Sở TNMT đang sử dụng (xem Bảng 2.6-7), đều nhằm mục đích thúc đẩy và khuyến khích các cơ sở công nghiệp áp dụng những biện pháp BVMT phù hợp.

Bảng 2.6-7 Hệ thống quản lý chính đối với nước thải công nghiệp

| Hệ thống quản lý (Hệ thống phù hợp) | Cơ sở pháp lý chính | Mục tiêu và chức năng |
|--|-------------------------|---|
| 1. Cấp phép và tuân thủ môi trường : bao gồm tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp và tự giám sát các biện pháp BVMT | Nghị định 80/2006/ND-CP | Tất cả các nguồn phát sinh ô nhiễm phải được cấp phép thông qua ĐTM hoặc CK BVMT (hoặc Đề án BVMT); trong các văn bản cấp phép này, họ có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp BVMT nhằm tuân thủ những yêu cầu về BVMT, bao gồm việc xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn đồng thái và tự quan trắc. |

| Hệ thống quản lý (Hệ thống phù hợp) | Cơ sở pháp lý chính | Mục tiêu và chức năng |
|---|---|---|
| 2. Phí nước thải công nghiệp (phí BVMT đối với nước thải) | Nghị định 67 /2003/ND-CP (sau đó đã được sửa đổi) | Thu phí nước thải từ tất cả các nguồn phát sinh ô nhiễm, kể cả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, đây là một động lực về kinh tế nhằm làm giảm tải lượng ô nhiễm |
| 3. Phí xả nước thải | Nghị định 149/2004/ND-CP dựa trên Luật về tài nguyên nước | Các nguồn sinh ô nhiễm xả nước thải vào nguồn nước phải có giấy phép xả nước thải. |

Nguồn: JET

Hiện trạng các hoạt động quản lý môi trường này được trình bày dưới đây:

- Chứng nhận và tuân thủ môi trường

Hiện trạng xin giấy chứng nhận môi trường và tuân thủ môi trường (bao gồm cả việc phê duyệt ĐTM, tự quan trắc...) chưa đạt được mục tiêu của những hệ thống quản lý này. Vì trên thực tế, còn rất nhiều vi phạm và vi phạm tái diễn các quy định môi trường. Chức năng của các hệ thống này thường bị hạn chế vì nhiều lý do khác nhau như nhận thức môi trường của những người điều hành doanh nghiệp còn thấp, việc thực thi các thủ tục hành chính chưa hoàn chỉnh, công tác thanh tra và kiểm tra môi trường chưa hiệu quả...

- Phí nước thải công nghiệp

Hiện tại hệ thống này chưa vận hành hết chức năng với lượng phí thu được không đáng kể do việc thực thi đã dễ bị vi phạm ngay từ đầu, chưa phổ biến triệt để cho doanh nghiệp...

- Giấy phép xả nước thải

Mục đích và quy trình cấp phép xả nước thải được xây dựng theo Luật Tài nguyên nước, và đang bị chông chéo với mục đích và quy trình cấp phép môi trường theo Luật BVMT. Hiện tại số lượng cơ sở công nghiệp được cấp giấy phép xả thải còn hạn chế; và chưa đáp ứng được mục tiêu nhiệm vụ của công cụ/ hệ thống này.

- Quy mô doanh nghiệp tối thiểu để áp dụng các hệ thống/công cụ quản lý

Các hệ thống quản lý ở Việt Nam chưa quy định rõ quy mô doanh nghiệp/ quy mô sản xuất tối thiểu cần quản lý (ví dụ như để áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng xả nước thải công nghiệp, phí nước thải...) Đây cũng là một nguyên nhân khiến việc quản lý hành chính của Sở TNMT chưa có hiệu quả cao vì khối lượng công việc cần quản lý quá lớn.

(4) Các biện pháp hỗ trợ của chính phủ

Luật BVMT sửa đổi quy định và hướng dẫn xây dựng nhiều biện pháp hỗ trợ của chính phủ nhằm thúc đẩy các cơ sở công nghiệp áp dụng biện pháp nước thải công nghiệp. Ví dụ như cho vay ưu đãi, sử dụng đất ưu đãi, thuế ưu đãi, đẩy mạnh công nghệ sản xuất sạch hơn, tăng cường các dịch vụ liên quan đến môi trường ... Tuy nhiên những biện pháp hỗ trợ này thường chưa được tích cực.

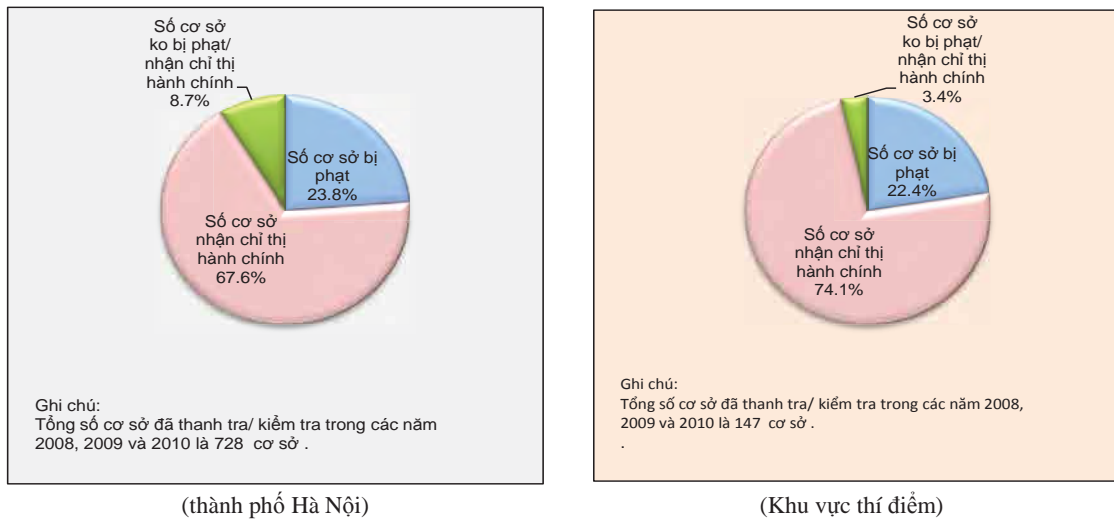
Trong số các biện pháp hỗ trợ của chính phủ thì UBND tp Hà Nội đã đẩy mạnh việc di dời các cơ sở công nghiệp và các hỗ trợ của quỹ BVMT cho các cơ sở công nghiệp. Song song với việc di dời các cơ sở công nghiệp vào các cụm công nghiệp, cần phải tích cực triển khai việc xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung để các cơ sở cỡ vừa và nhỏ có thể sử dụng làm biện pháp xử lý nước thải.

(5) Kiểm tra và thanh tra môi trường

Gần đây, Sở TNMT Hà Nội đã triển khai nhiều đợt thanh tra và kiểm tra môi trường, so với các tỉnh khác. Ví dụ, trong 3 năm (từ năm 2008 đến 2010) Sở TNMT đã tổ chức thanh tra, kiểm tra môi trường tại các cơ sở có phát sinh nước thải, tổng cộng là 728 lần. Qua công tác thanh/ kiểm tra, Sở đã phát hiện các vi phạm quy định về môi trường và cũng đã áp dụng các hình thức xử phạt.

Nhiều cơ sở vẫn tái diễn vi phạm nhiều lần mà không chấn chỉnh công tác BVMT (xem Hình 2.6-6). Vậy là, dù kiểm tra và thanh tra môi trường là các hoạt động rất quan trọng để thúc đẩy và giám sát

các cơ sở tiến hành các biện pháp đối với nước thải, tác dụng của các hoạt động này vẫn còn hạn chế trong việc ngăn sự tái diễn các vi phạm môi trường của các cơ sở.



(thành phố Hà Nội)
 Nguồn: Kết quả khảo sát do WG-3 thực hiện năm 2011.

Hình 2.6-6 Tình hình xử phạt hành chính

Theo kết quả phân tích, công tác kiểm tra và thanh tra môi trường tại sở chưa mang lại hiệu quả đầy đủ vì những lý do sau:

- Không có hệ thống thông tin tổng hợp chung về các nguồn ô nhiễm. Thông tin về các biện pháp nước thải trong nội dung phê duyệt ĐTM và giấy xác nhận/chứng nhận được cấp trước khi dự án hoạt động không được chia sẻ đầy đủ giữa các đơn vị tham gia kiểm tra và thanh tra môi trường. Hồ sơ ghi chép về kết quả của các nhiệm vụ quản lý môi trường không được chia sẻ đầy đủ giữa các đơn vị chức năng. Các hệ thống quản lý khác (như phí nước thải công nghiệp, cấp phép xả thải...) cũng không được chia sẻ đầy đủ giữa các đơn vị. Đây chính là lý do tại sao hiện tại chưa có hệ thống thông tin tổng hợp cần thiết đối với việc thực hiện thanh kiểm tra môi trường. Do vậy, công tác kiểm tra và thanh tra không được chuẩn bị tốt và có xu hướng bỏ sót nhiều vi phạm tiềm ẩn.
- Năng lực chuyên môn để phát hiện các vi phạm môi trường còn yếu kém. Phần lớn các cán bộ tham gia vào kiểm tra và thanh tra môi trường còn thiếu kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn về các biện pháp xử lý nước thải. Do vậy, trong nhiều trường hợp, do cán bộ thanh kiểm tra môi trường không có kiến thức chuyên môn sâu về các biện pháp nước thải tại nguồn nên không phát hiện ra các trường hợp có tiềm năng vi phạm môi trường.
- Xử phạt hành chính còn quá nhẹ. Nghị định số 117/2009/NĐ-CP quy định các hình thức và mức xử phạt áp dụng đối với các nhóm hành vi vi phạm khác nhau. Tuy nhiên, thiệt hại về kinh tế (do phải chịu xử phạt) đối với đơn vị vi phạm được đánh giá là quá nhỏ không thể ngăn chặn các đơn vị này tái diễn vi phạm. Trong nhiều trường hợp, phạt tiền còn kinh tế hơn là triển khai các biện pháp khắc phục trên thực tế.

2.6.2.3 Hoạt động 3-2: Xác định tỉnh/ thành thực hiện dự án

Hoạt động 3-2 (Xác định tỉnh/ thành thực hiện dự án) đã được hoàn thành vào tháng 6 năm 2011. Qua hoạt động này, Sở TNMT đã được xác định là tỉnh triển khai Kết quả 3 của Dự án. Các buổi thảo luận cũng cho thấy rằng việc lựa chọn thành phố Hà Nội là rất hợp lý do tình hình thực thi quản lý môi trường ở Hà Nội tốt hơn so với các tỉnh khác. Đồng thời, đã nhất trí được rằng cần chia sẻ các sản phẩm và kinh nghiệm của Kết quả 3 với các Sở TNMT tỉnh/ thành phố khác.

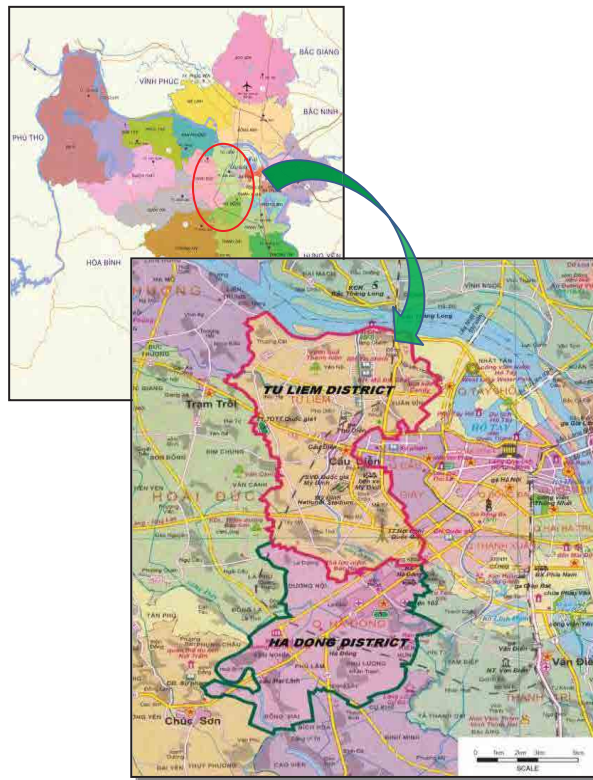
2.6.2.4 Hoạt động 3-3: Xác định khu vực thí điểm và các nhóm ngành công nghiệp mục tiêu để áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả

(1) Tổng quan

Hoạt động 3-3 (Xác định khu vực thí điểm và nhóm ngành công nghiệp mục tiêu) đã được thực hiện vào từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2011. Qua các buổi thảo luận của WG 3, ngành sản xuất đã được lựa chọn là nhóm ngành công nghiệp mục tiêu vì đây là các nguồn ô nhiễm chính ở Việt Nam và Sở TNMT hoàn toàn có đủ thẩm quyền kiểm soát các vấn đề môi trường của ngành công nghiệp sản xuất. Đồng thời, huyện Từ Liêm và quận Hà Đông cũng được xác định là khu vực thí điểm vì khu vực này có nhiều ngành sản xuất đa dạng và phát sinh thải lượng lớn đến các vực nước xung quanh như sông Nhuệ và sông Đáy. Dưới đây là vài nét chính về khu vực thí điểm:

(2) Vị trí địa lý

Huyện Từ Liêm và quận Hà Đông (Hình 2.6-7) được chọn là khu vực thí điểm vì những lý do đã được trình bày ở trên.



Nguồn: JET.

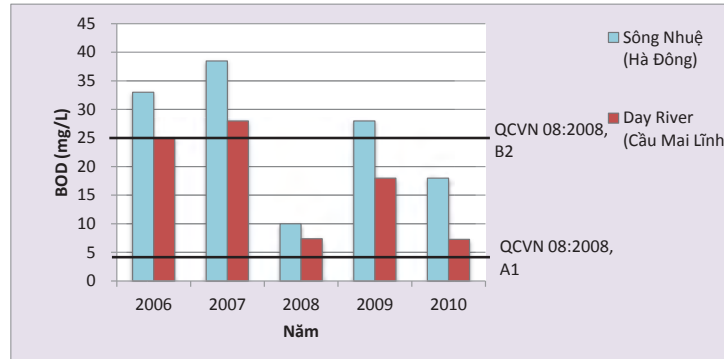
Hình 2.6-7 Vị trí khu vực thí điểm

(3) Tình hình kinh tế xã hội

Theo thống kê, Hà Nội có GDP công nghiệp đạt 118 tỉ đồng, với tỉ lệ tăng trưởng hàng năm trong vòng 7 năm gần đây đạt từ 9 đến 14% (tính theo đơn giá năm 1994). Ước tính tổng số lượng doanh nghiệp sản xuất có đăng ký là 6,400 doanh nghiệp với khoảng 255,000 công nhân. Các hoạt động công nghiệp diễn ra chủ yếu trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tại/quanh trung tâm thành phố. Ngoài ra, có nhiều làng nghề (khoảng 260) ở t/p Hà Nội.

(4) Điều kiện môi trường

Sông Nhuệ và sông Đáy chảy qua khu vực thí điểm bị ô nhiễm nghiêm trọng, mức ô nhiễm vượt xa tiêu chuẩn môi trường quốc gia do phải tiếp nhận một lượng thải lượng ô nhiễm lớn từ các hoạt động của con người ở khu vực xung quanh. Số liệu quan trắc BOD được trình bày trong Hình 2.6-8.



Nguồn: UBND thành phố Hà Nội, Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Hà Nội giai đoạn 2006 - 2010

Hình 2.6-8 Số liệu quan trắc BOD tại sông Nhuệ và sông Đáy

(5) Thải lượng ô nhiễm phát sinh

Tại khu vực thí điểm, có nhiều nguồn ô nhiễm gây ô nhiễm môi trường nước. Một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm chính là nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình, các cơ sở thương mại, cơ quan xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, ước tính là nguyên nhân gây ra 90% thải lượng BOD. Theo báo cáo, tại quận Hà Đông và huyện Từ Liêm, nước thải công nghiệp chiếm tương ứng là 7 đến 11 % tổng thải lượng ô nhiễm BOD.

2.6.2.5 Hành động 3-4: Dự thảo Đề cương Kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả

(1) Hành động 3-4-1: Các biện pháp đối với nước thải công nghiệp tại các doanh nghiệp

1) Tổng quan

Hoạt động 3-4-1 (Xác định tình hình các biện pháp bảo vệ và quản lý môi trường) được tiến hành từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 10 năm 2012. Hoạt động này bao gồm các đợt khảo sát doanh nghiệp tại khu vực thí điểm nhằm xác định rõ đặc điểm của cơ sở sản xuất, hiện trạng các biện pháp ứng phó với nước thải công nghiệp, tình hình tuân thủ môi trường, nhận thức của chủ / người điều hành cơ sở công nghiệp...

WG-3 đã thuê các chuyên gia Việt nam để tiến hành các đợt khảo sát thực địa nhằm thu thập thông tin/ số liệu qua các buổi phỏng vấn và quan sát tại hiện trường đối với các cơ sở. Đã tổ chức 3 đợt khảo sát thực địa như sau:

- Khảo sát thực địa lần thứ nhất: Cho 30 cơ sở từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 11 năm 2011
- Khảo sát thực địa bổ sung: Cho 5 cơ sở từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2012, và
- Khảo sát thực địa lần thứ hai: Cho 60 cơ sở, từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012

Kết quả của các đợt khảo sát này đã được tổng hợp vào các biên bản hiện trường như sau:

- Biên bản khảo sát thực địa lần thứ nhất tại khu vực thí điểm
- Biên bản khảo sát thực địa bổ sung tại khu vực thí điểm
- Biên bản khảo sát thực địa lần thứ hai tại khu vực thí điểm

Ảnh 2.3.2-1 và 2.3.2-2 minh họa một số địa điểm được khảo sát tại khu vực thí điểm.



Ảnh 2.6.2-1

Phòng vấn người điều hành cơ sở sản xuất



Ảnh 2.6.2-2

Xử lý nước thải tại nhà máy bia

Kết quả khảo sát của Hoạt động 3-4-1 đã được phân tích, sau khi được kết hợp với các thông tin/ số liệu của Hoạt động 3-1 (Đánh giá công tác KSON nước). Một số phát hiện chính được nêu như sau:

2) Nhiệm vụ thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp tại cơ sở công nghiệp

Ngoài “Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền”, Luật BVMT sửa đổi đề ra nhiều quy định buộc các cơ sở (gây ô nhiễm) phát sinh và xả nước thải phải chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp xử lý nước thải công nghiệp. Các cơ sở công nghiệp có trách nhiệm và nghĩa vụ thực thi các biện pháp BVMT theo Luật BVMT sửa đổi và các văn bản dưới luật liên quan.

Dưới đây là các trách nhiệm và nghĩa vụ chính:

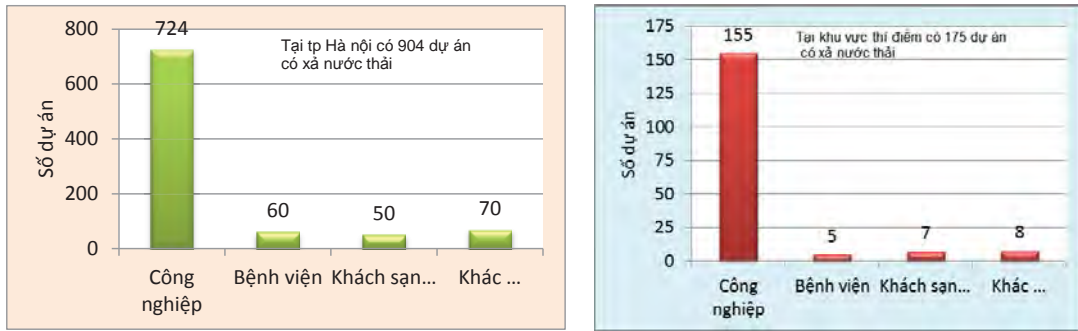
- Phải có giấy phép về môi trường: Cơ sở được yêu cầu phải có giấy phép do đơn vị quản lý nhà nước cấp cho các dự án phát triển/kinh tế dự định triển khai như ĐTM (hoặc đề án BVMT) được phê duyệt hoặc đăng ký CK BVMT,
- Giám thái lượng ô nhiễm phát sinh: Cải tiến công nghệ sản xuất nhằm giảm thái lượng ô nhiễm phát sinh từ quy trình sản xuất,
- Xử lý nước thải phát sinh: Lắp đặt và vận hành hệ thống XLNT phù hợp để đáp ứng tiêu chuẩn về nước thải được quy định trong QCVN, và
- Tự giám sát: tự giám sát định kỳ về tình hình thực hiện các biện pháp BVMT.
- Phí nước thải công nghiệp: Nộp phí xả nước thải công nghiệp, phí này cũng được tính theo thái lượng ô nhiễm

Mặc dù có nhiều quy định, nhưng nhìn chung, đa số các cơ sở công nghiệp không có biện pháp phù hợp để ứng phó với nước thải công nghiệp.

3) Đặc điểm các nguồn ô nhiễm

(a) Số lượng các ngành sản xuất

Hình 2.6-9 cho thấy các loại cơ sở cũng như các ngành sản xuất. Trong số đó, tổng số cơ sở sản xuất phát sinh nước thải được khảo sát bởi WG3 là 724 cơ sở tại Hà Nội và 155 cơ sở tại khu vực thí điểm. Ngoài ra, còn có các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, chỉ ở cấp cần Cam kết bảo vệ môi trường và có khoảng 260 vị trí làng nghề tại Hà Nội, và 9 vị trí làng nghề tại khu vực thí điểm. Tại Hà Nội, quận Mê Linh dẫn đầu về số dự án có phát sinh ô nhiễm. Huyện Từ Liêm đứng thứ hai và quận Hà Đông đứng thứ 3.



(thành phố Hà Nội)

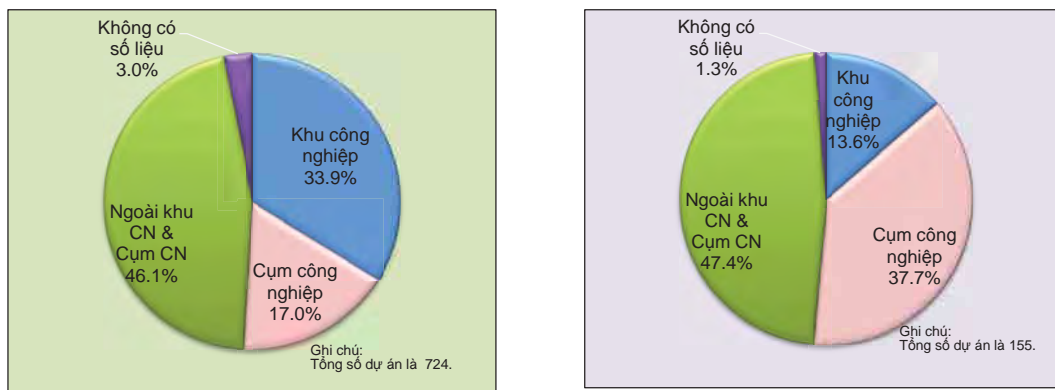
(Khu vực thí điểm)

Nguồn: Kết quả khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện năm 2011 và 2012

Hình 2.6-9 Số lượng dự án là các nguồn ô nhiễm

(b) Vị trí của các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm

Các cơ sở sản xuất nằm trong khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp chiếm khoảng 51% tại thành phố Hà Nội và khu vực thí điểm. Các cơ sở còn lại thường nằm đơn lẻ ngoài khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp (xem Hình 2.6-10).



(thành phố Hà Nội)

(Khu vực thí điểm)

Nguồn: Kết quả khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện năm 2011 và 2012

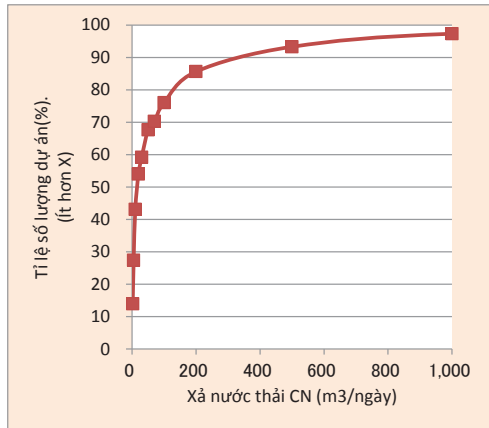
Hình 2.6-10 Số lượng dự án theo vị trí cơ sở công nghiệp (trong hoặc ngoài khu/ cụm CN)

(c) Loại ngành sản xuất

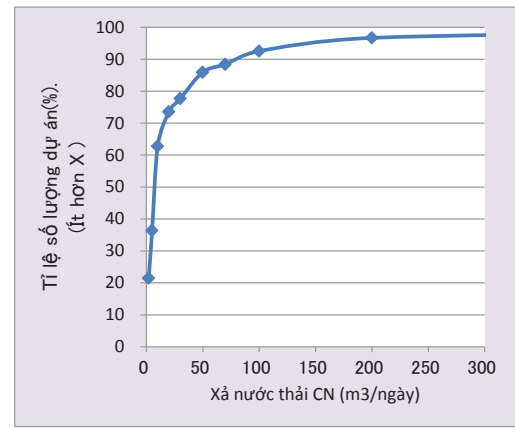
Ngành công nghiệp nhẹ chiếm ưu thế tại thành phố Hà Nội nói chung và khu vực thí điểm nói riêng, điển hình là các ngành sản xuất về thiết bị cơ khí, điện, sản phẩm dệt, chế biến thực phẩm ... Không có ngành công nghiệp nặng tại Hà Nội và khu vực thí điểm.

(d) Quy mô dự án

Các dự án tại thành phố Hà Nội và khu vực thí điểm có quy mô tương đối nhỏ. Xét theo số lượng lao động thì số lượng lao động trung bình của các dự án tại Hà Nội là khoảng 270 người/ dự án và tại khu vực thí điểm là 128 người/dự án. Xét theo lưu lượng nước thải phát sinh thì mức bình quân là 154 m³/ngày tại Hà Nội và 35 m³/ngày tại khu vực thí điểm (xem Hình 2.6-11).



(thành phố Hà Nội)



(Khu vực thí điểm)

Nguồn: Kết quả khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện năm 2011 và 2012

Hình 2.6-11 Quy mô dự án theo lưu lượng nước thải

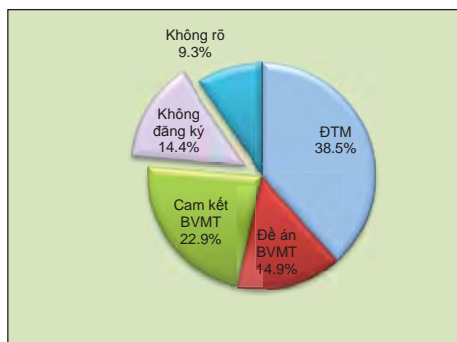
4) Hiện trạng áp dụng các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp

(a) Mở đầu

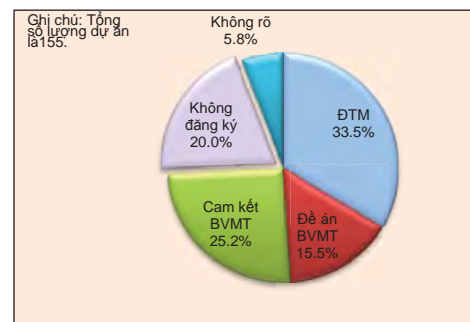
Hiện trạng các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp đã được làm rõ và trình bày dưới đây, dựa vào các kết quả phân tích số liệu khảo sát thực địa, kết hợp với kết quả đánh giá công tác KSON nước (Hành động 3-1).

(b) Cấp phép và tuân thủ môi trường

Hình 2.6-12 cho thấy có một số doanh nghiệp hoạt động mà không có chứng nhận môi trường (ĐTM, Cam kết BVMT, đề án BVMT...). Trong số các cơ sở có xả nước thải công nghiệp, có 14% cơ sở tại Hà Nội và 20% cơ sở tại khu vực thí điểm không có bất cứ loại chứng nhận môi trường nào. Đây là một trong những vấn đề cơ bản về tuân thủ môi trường cần được giải quyết tại thành phố.



(thành phố Hà Nội)



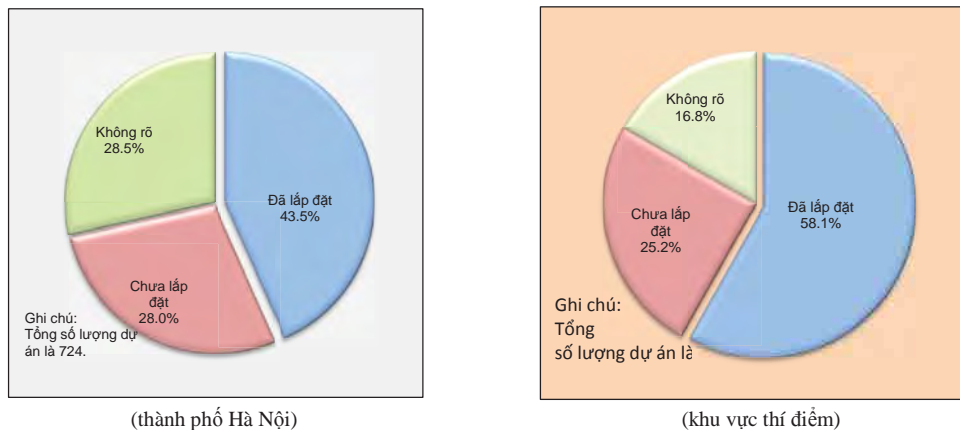
(khu vực thí điểm)

Nguồn: Kết quả khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện năm 2011 và 2012.

Hình 2.6-12 Thực trạng cấp phép môi trường (theo số lượng dự án)

(c) Lắp đặt hoặc sử dụng công trình XLNT

Theo khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện, tương ứng tại thành phố Hà Nội và khu vực thí điểm có 44% và 58% trong tổng số các cơ sở đã lắp đặt (hoặc sử dụng) một loại công trình XLNT công nghiệp nào đó. Còn khoảng 28% cơ sở tại Hà Nội và 25% cơ sở tại khu vực thí điểm xả nước thải không qua xử lý (xem Hình 2.6-13). Về khối lượng nước thải, có 67% lượng nước thải tại Hà Nội và 90% lượng nước thải tại khu vực thí điểm được xử lý bằng một loại công trình XLNT nào đó. Thông thường thì dự án quy mô càng lớn (xét theo lưu lượng nước thải) thì thường có tỉ lệ được lắp đặt công trình XLNT càng cao.



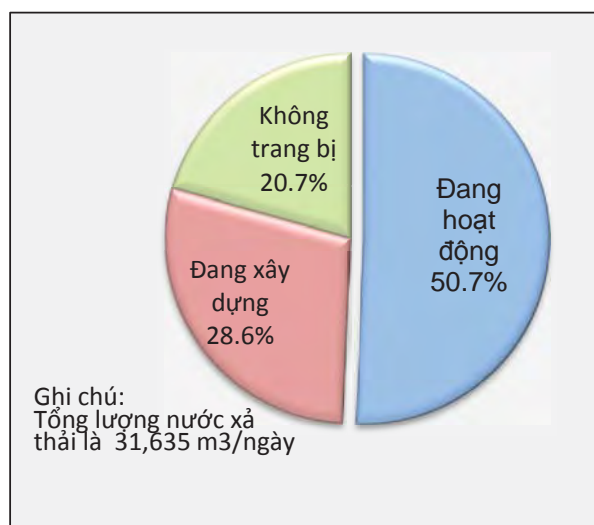
Nguồn: Kết quả khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện năm 2011 và 2012.

Ghi chú: Các dự án có đầu nối với nhà máy XLNT tập trung của KCN và CNN được tính là "Có".

Hình 2.6-13 Thực trạng lắp đặt nhà máy XLNT (theo số lượng dự án)

(d) Thực trạng lắp đặt nhà máy XLNT tập trung tại các khu / cụm công nghiệp

Trên toàn thành phố, các dự án nằm trong KCN và CNN có khoảng 51% lượng nước thải được xử lý bằng hệ thống XLNT tập trung (Hình 2.6-14). Ngoài ra, Hà Nội đang xây dựng các nhà máy XLNT tập trung, có thể xử lý thêm khoảng 29% lượng nước thải nữa.



Nguồn: Số liệu/thông tin được trích từ Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2009 do Bộ TNMT cung cấp

Hình 2.6-14 Thực trạng lắp đặt nhà máy XLNT tập trung tại thành phố Hà Nội (theo lưu lượng nước thải)

(e) Chất lượng nước thải

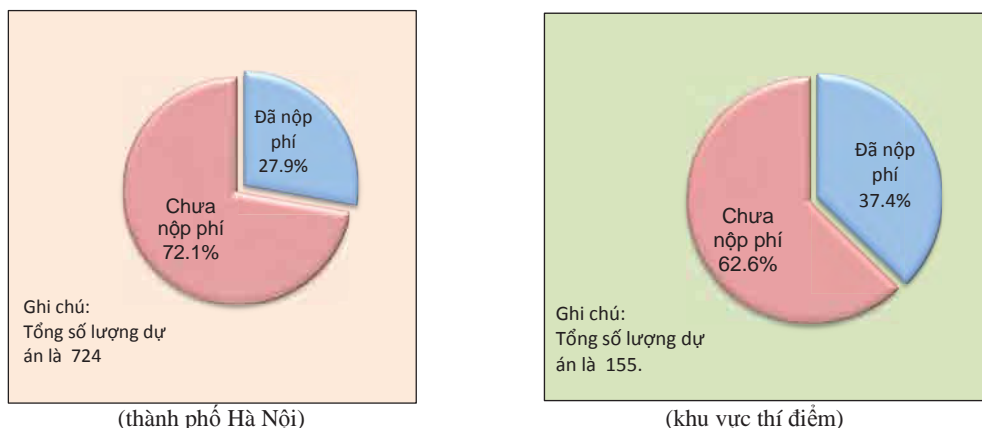
Xét theo số lượng dự án, tỷ lệ cơ sở có nước thải phát sinh đáp ứng tiêu chuẩn dòng thải quốc gia tại ở thành phố Hà Nội là 38% và khu vực thí điểm là 42%. Trong khi đó, nếu xét theo lượng nước thải thì 64% trong tổng lưu lượng nước thải tại thành phố Hà Nội và 63% tại khu vực thí điểm đáp ứng tiêu chuẩn dòng thải quốc gia.

(f) Công tác tự giám sát các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp của cơ sở

Trong số các cơ sở phát sinh nước thải công nghiệp, chỉ có 33% cơ sở công nghiệp tại thành phố Hà Nội và 44% cơ sở công nghiệp tại khu vực thí điểm đã thực hiện tốt công tác tự giám sát các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp, bao gồm cả việc nộp báo cáo quan trắc định kỳ tới Sở TNMT.

(g) Phí nước thải công nghiệp

Xét theo số lượng dự án, tỉ lệ các dự án không nộp phí nước thải công nghiệp là khoảng 72% tại thành phố Hà Nội và 60% tại khu vực thí điểm. Nếu tính theo khối lượng nước thải thì tại thành phố Hà Nội có đến 70% và khu vực thí điểm có đến 59% nước thải được xả ra ngoài môi trường mà không nộp phí. Như vậy, phần lớn các cơ sở không nộp phí nước thải. Đặc biệt có tới 81% tổng số các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp/ cụm công nghiệp không nộp phí nước thải.



Nguồn: Kết quả khảo sát do nhóm WG-3 thực hiện năm 2011 và 2012.

Ghi chú: 1) “Không trả” bao gồm các dự án “Không có số liệu”.

2) Các dự án đấu nối với nhà máy XLNT tập trung tại các KCN & CNN được tính là “có trả phí”.

Hình 2.6-15 Thực trạng trả phí nước thải công nghiệp (theo số lượng dự án)

(h) Giấy phép xả nước thải

Xét theo số lượng dự án, khoảng 77 % dự án tại Hà Nội và 66 % dự án tại khu vực thí điểm không có giấy phép xả nước thải. Kết quả này cho thấy phần lớn các cơ sở không có giấy phép xả thải theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Đặc biệt, tỷ lệ các cơ sở nằm ngoài khu/cụm CN không được cấp giấy phép xả nước thải là 81 %.

(2) Hoạt động 3-4-2: Đánh giá tình hình tuân thủ và xác định vấn đề

1) Tổng quan

Hoạt động 3-4-2 (Xác định các vấn đề cần giải quyết) được thực hiện từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012. Trong Hoạt động 3-4-2, WG-3 đã đánh giá sự tuân thủ môi trường của các cơ sở sản xuất và đánh giá tải lượng ô nhiễm phát sinh dựa vào các số liệu thu được từ Hoạt động 3-1 và 3-4-1. Hơn nữa, qua các kết quả này, các vấn đề cần giải quyết về KSON nước đã được xác định.

Để kiểm tra và đánh giá sự tuân thủ môi trường của các cơ sở, cần phải có các chỉ số phù hợp. Vì thế, hệ thống xếp hạng tuân thủ nước thải công nghiệp (IWCR) đã được giới thiệu. Đồng thời, hoạt động này xây dựng các công cụ thông tin để thu thập số liệu môi trường, đó là Cơ sở dữ liệu các nguồn ô nhiễm (PSD), Bảng các nguồn ô nhiễm (PST) và Bản đồ các nguồn ô nhiễm (PSM). Bằng cách sử dụng các thông tin này, điểm xếp hạng IWCR và tải lượng ô nhiễm phát sinh đã được đánh giá.

Trong hoạt động này, WG-3 đã xây dựng các sổ tay và phần mềm sau:

- Sổ tay sử dụng Cơ sở dữ liệu nguồn ô nhiễm (PSD)
- Sổ tay sử dụng Bản đồ các nguồn ô nhiễm (PSM)
- Chương trình cơ sở dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu các nguồn ô nhiễm tại thành phố Hà Nội (Bảng phần mềm Microsoft Access)

Đặc biệt, Hoạt động 3-4-2 cũng đã triển khai các công việc sau:

- Xây dựng các công cụ thông tin (PSD, PST and PSM)
- Xếp hạng tuân thủ nước thải công nghiệp (IWCR)
- Phân tích việc thiếu tuân thủ các biện pháp đối với nước thải công nghiệp
- Đánh giá tải lượng ô nhiễm
- Xác định các vấn đề trong kiểm soát ô nhiễm nước

2) Xây dựng các công cụ thông tin

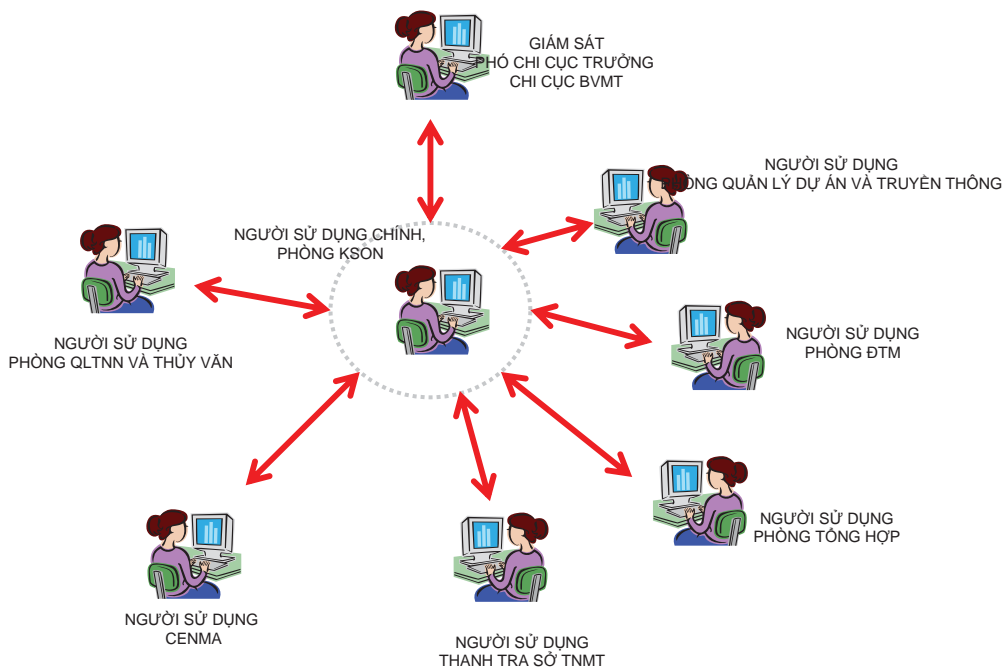
(a) Tổng quan

Các công cụ thông tin về các nguồn ô nhiễm đã được xây dựng và áp dụng trong hoạt động này để lưu trữ và xử lý các số liệu thu được. Qua các thông tin và số liệu đa dạng này, WG 3 đã đánh giá và kiểm tra công tác KSON nước. Công cụ thông tin này bao gồm: Cơ sở dữ liệu các nguồn ô nhiễm (PSD), Bảng các nguồn ô nhiễm (PST) và Bản đồ các nguồn ô nhiễm (PSM).

(b) Cơ sở dữ liệu nguồn ô nhiễm (PSD)

Trong khuôn khổ dự án này, PSD đã được xây dựng nhằm phát triển một hệ thống thông tin tích hợp về các nguồn ô nhiễm. PSD được sử dụng để lưu trữ và xử lý thông tin/ dữ liệu thu thập thông qua các hoạt động của Kết quả 3 (như đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước, khảo sát thực địa lần 1, khảo sát bổ sung và khảo sát thực địa lần 2). Tính đến tháng 10/2012, PSD đã lưu trữ dữ liệu về tổng số 1.161 nguồn ô nhiễm tại thành phố Hà Nội.

PSD là một chương trình được xây dựng để lưu trữ các dữ liệu khác nhau được tạo ra từ việc kiểm soát ô nhiễm nước, sử dụng hệ điều hành MS Access 2003 hoặc phiên bản mới hơn. PSD là hệ thống dành cho nhiều người sử dụng (xem Hình 2.6-16), theo đó tất cả những người sử dụng từ các đơn vị có liên quan đến kiểm soát ô nhiễm nước có thể sử dụng cơ sở dữ liệu nhờ vào chức năng đồng bộ hóa.



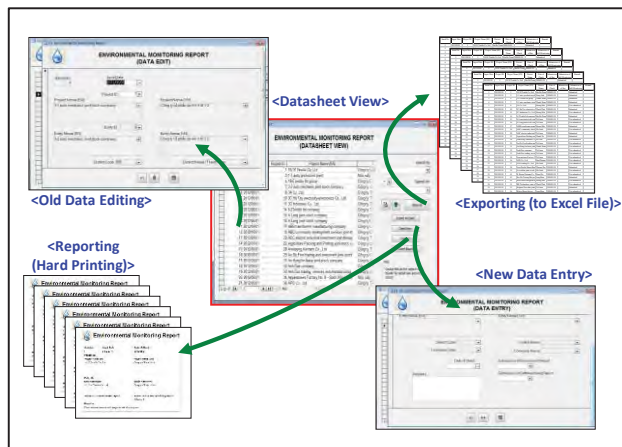
Nguồn: JET

Hình 2.6-16 Khái niệm về nhóm vận hành PSD

PSD có 22 bảng dữ liệu về các thông tin cơ bản, chứng nhận môi trường, thanh tra và kiểm tra môi trường phí nước thải công nghiệp, cho phép nhập dữ liệu là kết quả của công tác kiểm soát ô

niêm nước và xuất dữ liệu cho các bảng tổng hợp. Tất cả số liệu lưu trữ trong PSD đều được theo dõi và khóa chính là dự án nguồn ô nhiễm.

PSD hoạt động với các tác nghiệp chính như nhập số liệu, chỉnh sửa dữ liệu, báo cáo số liệu và trích xuất số liệu (xem Hình 2.6-17). Các hoạt động này được thực hiện bằng tab hoạt động trên màn hình hiển thị của thông số kỹ thuật.



Nguồn: JET

Hình 2.6-17 Hình ảnh về các chức năng chính của PSD

(c) Bảng các nguồn ô nhiễm (PST)

Bằng cách xử lý và phân tích dữ liệu thu thập được trong PSD, có thể trích xuất PST với các thông tin cơ bản về các nguồn ô nhiễm tại thành phố Hà Nội, tình trạng tuân thủ môi trường của các nguồn ô nhiễm này cũng như các dữ liệu khác nữa (xem Hình 2.3-7). Điểm xếp hạng được tính bằng cách sử dụng số liệu của một số trường (biểu thị một số hạng mục tuân thủ) có trong PST.

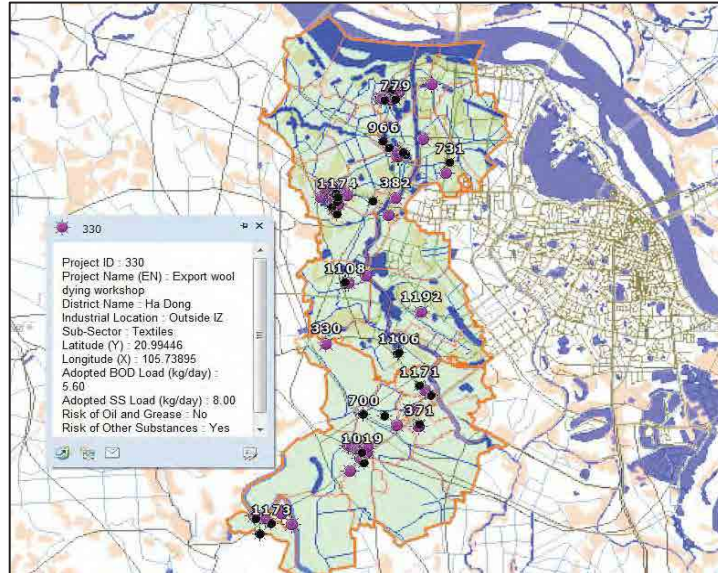
Bảng 2.6-8 Hình ảnh về Bảng các nguồn ô nhiễm (PST)

| Project ID | Site Survey (1/14/2) | District | Industrial Location | Sector | Product or Service | No. of Employee (person) | Attachment Date | Authorization Type | Provision of Pollution WWTP | Submission of Self-Monitoring Report | Submission Agent's Fee | Payment of WW Fee | Act WW License | Wastewater Flowrate (m ³ /30) |
|------------|----------------------|--------------|---------------------------|------------------|---|--------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|--------------------------------------|------------------------|-------------------|----------------|--|
| 1 | | Hai Ba Trung | Outside IZ | Industry | Rubber & plastic products | | | EIA | No | Submitted | OK | Paid | | 600.0 |
| 2 | | Dong Anh | Outside IZ | Industry | Motor vehicles and parts | | | EIA | Yes | Submitted | OK | | | 36.0 |
| 3 | | Thanh Xuan | Outside IZ | Industry | Textiles | | | EIA | Yes | Submitted | OK | Paid | | |
| 4 | | Thanh Xuan | Outside IZ | Industry | Wearing and garment | | | EIA | Yes | Submitted | OK | | Taken | 200.0 |
| 5 | | Dong Anh | Outside IZ | Industry | Electrical machinery & apparatus | | 2009/01/01 | EPP | | | | | | |
| 6 | | Thanh Tri | Outside IZ | | | | | | | | | | Taken | 100.0 |
| 7 | | Thanh Xuan | Outside IZ | Industry | Motor vehicles and parts | | | EIA | No | Submitted | OK | | | |
| 8 | | Hoang Mai | Inside Industrial Cluster | Industry | Machinery & equipment | | | Not authorized | No | Not submitted | No Good | | | 5.3 |
| 9 | | Hoang Mai | | | | | | | | | | Paid | | |
| 10 | | Thach That | Outside IZ | Industry | Electronic equipment | 100 | 2007/02/13 | EPC | No | Submitted | OK | | | 12.0 |
| 11 | | Hoang Mai | Outside IZ | Industry | Electrical machinery & apparatus | 80 | 2001/06/07 | EPC | Yes | Not submitted | No Good | | | 9.0 |
| 12 | | Cau Giay | | Tourism | Hotel | | 2007/01/01 | EIA | | | | | | |
| 14 | | Hai Ba Trung | Inside Industrial Cluster | Industry | Wearing and garment | | 1998/01/09 | EIA | No | Submitted | OK | | | 98.0 |
| 15 | 2 | Tu Liem | Inside Industrial Cluster | Industry | Rubber & plastic products | 6080 | 2007/5/17 | EPC | Yes | Submitted | No Good | Not paid | Not taken | 5.0 |
| 17 | | Hoang Mai | Outside IZ | Industry | Electronic equipment | | 2008/07/31 | EIA | Yes | Submitted | OK | | | 20.0 |
| 18 | | Me Linh | Outside IZ | Industry | Medical, precision & optical instrument | 40 | | Not authorized | | Not submitted | No Good | | | 1.5 |
| 19 | | Dan Phuong | | Health | Hospital | | 2008/01/01 | EIA | | | | | | |
| 20 | 1 | Tu Liem | Inside Industrial Cluster | Industry | Electronic equipment | 40 | 2003/01/21 | EIA | Yes | Submitted | OK | Not paid | Not taken | 7.0 |
| 21 | | Thanh Tri | | Health | Hospital | | 2008/01/01 | EPP | | | | | | |
| 22 | | Thanh Tri | Inside Industrial Cluster | Industry | Paper & paper products | 200 | 2005/07/12 | EPC | No | Submitted | OK | | | |
| 23 | | Soc Son | | Wastes treatment | Waste disposal | | 2007/01/01 | EIA | | | | | | |
| 24 | | Soc Son | Outside IZ | Industry | Fabricated metal products | | 2008/01/01 | EPP | | | | | | |
| 25 | | Ba Dinh | Outside IZ | Industry | Non-Ferrous metal | | | Not authorized | No | | | | | |
| 26 | | Cau Giay | | Health | Hospital | | 2007/01/01 | EIA | | | | | | |
| 28 | | Soc Son | Inside IZ | Industry | Food products & processing | 220 | 2003/10/09 | EPC | Yes | Not submitted | No Good | | | 300.0 |
| 29 | | Tu Liem | Outside IZ | Industry | Motor vehicles and parts | | | Not authorized | No | Not submitted | No Good | | | 8.0 |
| 30 | 2 | Tu Liem | Outside IZ | Industry | Motor vehicles and parts | 107 | | Not authorized | Yes | Not submitted | | Not paid | Not taken | 10.0 |
| 31 | | Thanh Xuan | Outside IZ | Industry | Motor vehicles and parts | | | Not authorized | No | Not submitted | No Good | | | 4.0 |
| 32 | 1 | Tu Liem | Outside IZ | Industry | Beer & beverage | 50 | 2009/11/27 | EPP | No | Not submitted | No Good | Paid | Not taken | 20.0 |
| 33 | | Tu Liem | Inside IZ | Industry | Electrical machinery & apparatus | 11 | 2007/12/28 | EPC | | Not submitted | No Good | | | |
| 34 | | Tu Liem | Inside Industrial Cluster | Industry | Machinery & equipment | | 2007/01/01 | EPC | No | Not submitted | No Good | | | |
| 35 | | Hoan Kiem | Outside IZ | Industry | Chemicals and paints | | 2009/01/01 | EPP | | | | | | |
| 36 | | Dan Phuong | Inside Industrial Cluster | Industry | Rubber & plastic products | 70 | | Not authorized | No | Not submitted | No Good | | | 1.0 |
| 37 | | Me Linh | Inside IZ | Industry | Machinery & equipment | | 2008/07/28 | EPC | No | Not submitted | No Good | | | |
| 38 | | Thuong Tin | Outside IZ | Industry | Beer & beverage | 80 | 1997/05/20 | EIA | Yes | Submitted | OK | | | 480.0 |
| 39 | | Me Linh | Inside IZ | Industry | Rubber & plastic products | | 2004/09/06 | EPC | No | Not submitted | No Good | | | |
| 40 | | Long Bien | Outside IZ | Industry | Rubber & plastic products | | | EPP | | | | | | |
| 41 | | Dong Da | Outside IZ | Industry | Chemicals and paints | 550 | 2007/04/27 | EPC | | Not submitted | | | | 30.0 |

Nguồn: JET

(d) Bản đồ nguồn ô nhiễm (PSM)

Ngoài ra, PSM, những hình ảnh địa lý về các nguồn ô nhiễm, cũng được xây dựng (xem Hình 2.6-18), từ Bảng tải lượng ô nhiễm (PLT) trong PSD. Bản đồ các nguồn ô nhiễm (PSM) có thể được sử dụng để đánh giá sự tác động của các nguồn ô nhiễm đến chất lượng nước của các vực nước lân cận, và để xác định vị trí của các nguồn ô nhiễm.



Nguồn: JET

Hình 2.6-18 Ví dụ về Bản đồ nguồn ô nhiễm (PSM) tại khu vực thí điểm

3) Xếp hạng tuân thủ nước thải công nghiệp (IWCR)

(a) Tiêu chí cho điểm xếp hạng IWCR

Mức tuân thủ môi trường được xác định là tình hình các cơ sở hoàn thiện các biện pháp về nước thải công nghiệp theo các quy định liên quan. Để có thể minh họa tình hình hình tuân thủ bằng điểm số, WG 3 đã đề xuất và áp dụng hệ thống Xếp hạng tuân thủ nước thải IWCR. Điểm xếp hạng IWCR được tính bằng cách xếp hạng từng hạng mục tuân thủ KSON nước (gọi là mức tuân thủ đối với 6 hạng mục tuân thủ) được xếp theo 3 mức (mức 1, mức 3 và mức 5) (xem Bảng 2.6-9).

Bảng 2.6-9 Tiêu chí xếp hạng tuân thủ nước thải công nghiệp (IWCR)

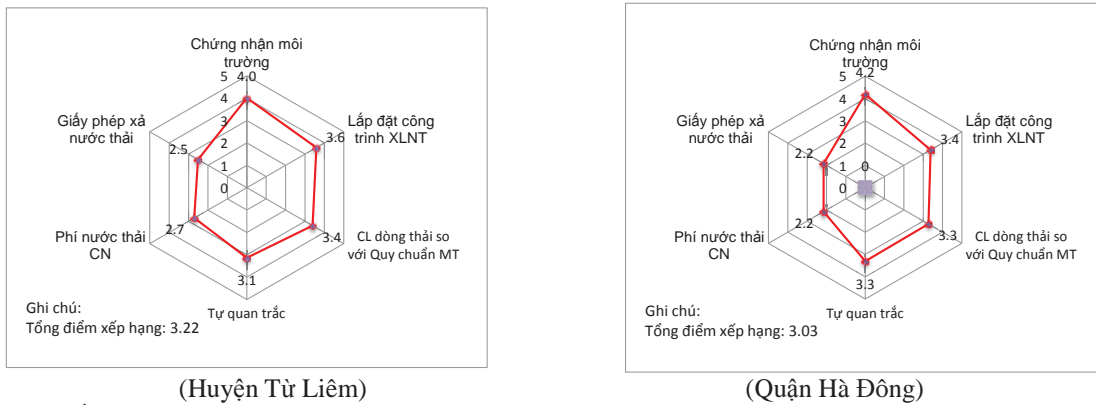
| Xếp hạng | “1” | “3” | “5” | Ghi chú |
|---|---------------------------------|---|--|--|
| Hạng mục tuân thủ | | | | |
| 1. Chứng nhận môi trường | Không có chứng nhận | Tình trạng giấy chứng nhận “Không rõ” | Có chứng nhận | |
| 2. Lắp đặt nhà máy xử lý nước thải | Không lắp đặt | Tình hình lắp đặt và đầy đủ: “Không rõ” | Có và đầy đủ | Có sử dụng nhà máy nước thải tập trung được tính là “5” điểm |
| 3. Chất lượng dòng thải | Không đạt tiêu chuẩn dòng thải. | Tình trạng đạt tiêu chuẩn dòng thải: “Không rõ” | Đáp ứng hoàn toàn tiêu chuẩn dòng thải | Có sử dụng nhà máy nước thải tập trung được tính là “5” điểm |
| 4. Tự giám sát các biện pháp môi trường | Không giám sát | Tình hình giám sát: “không rõ” | Giám sát hoàn chỉnh | |
| 5. Phí nước thải công nghiệp | Không trả phí | Tình hình nộp phí: “không rõ” | Trả phí | Có sử dụng nhà máy nước thải tập trung được tính là “5” điểm |
| 6. Giấy phép xả nước thải công nghiệp | Không có phép | Tình trạng giấy phép: “không rõ” | Có phép | Có sử dụng nhà máy nước thải tập trung được tính là “5” điểm |

Nguồn: JET

(b) Kết quả tính điểm xếp hạng IWCR

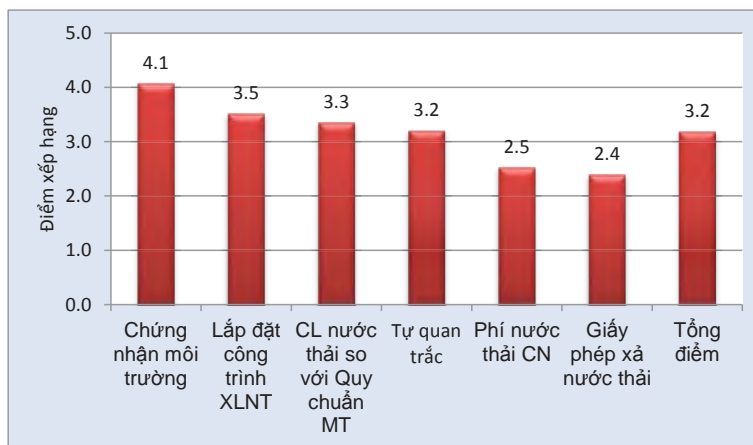
Điểm xếp hạng IWCR được tính dựa trên PST. Các điểm số xếp hạng IWCR có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau, ví dụ tổng điểm của các cơ sở, điểm trung bình của một nhóm cơ sở nào đó, điểm các hạng mục tiêu của từng cơ sở..., tùy vào mục đích sử dụng.

Điểm số đánh giá trung bình theo từng hạng mục của các cơ sở thuộc huyện Từ Liêm (103) và quận Hà Đông (52) được trình bày trong Hình 2.6-19. Theo đó, có thể thấy rằng tình trạng tuân thủ đối với phí nước thải và xả thải nhìn chung rất kém.



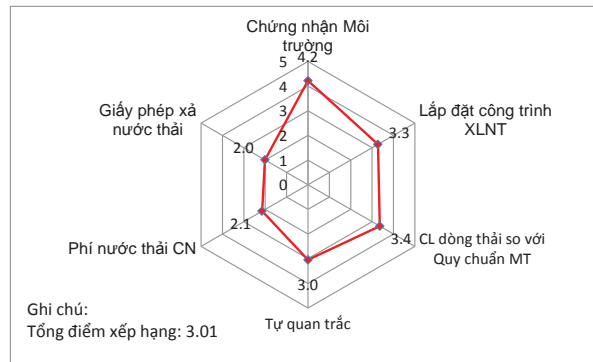
Hình 2.6-19 Kết quả xếp hạng IWCR tại huyện Từ Liêm và quận Hà Đông

Hình 2.6-20 trình bày kết quả xếp hạng trung bình theo sáu hạng mục tiêu đối với 155 cơ sở tại khu vực thí điểm. Theo đó, các mức độ tuân thủ khác nhau tùy thuộc vào các hạng mục tiêu và điểm số xếp hạng trong khoảng từ 2,4 đến 4,1. Trong số sáu hạng mục tiêu, hạng mục về giấy phép môi trường được cho điểm cao nhất (4,1 điểm); như vậy là, phần lớn các dự án có báo cáo ĐTM được phê duyệt, v.v... Trong khi đó, hạng mục tiêu về giấy phép xả nước thải bị cho điểm thấp (2,4); điều này cho thấy, hệ thống giấy phép chưa được triển khai tích cực.



Hình 2.6-20 Kết quả xếp hạng IWCR trung bình theo các hạng mục tiêu tại khu vực thí điểm

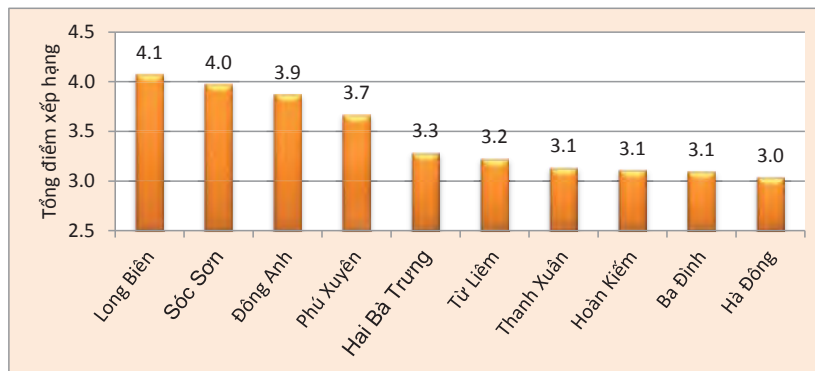
Giá trị trung bình của tổng điểm đánh giá đối với 724 cơ sở ở thành phố Hà Nội được trình bày trong Hình 2.6-21. Theo đó, đã xác định rõ tình trạng tuân thủ trong trả phí nước thải và giấy phép xả nước thải còn rất yếu kém.



Nguồn: JET

Hình 2.6-21 Kết quả xếp hạng IWCR trung bình tại thành phố Hà Nội

Tổng điểm số tuân thủ trung bình tại các quận huyện đạt từ 2,2 đến 4,1 và điểm số trung bình tổng thể được ước tính là “3,01”. Như được trình bày trong Hình 2.6-22 , các quận huyện Long Biên, Sóc Sơn, Đông Anh ... có điểm đánh giá cao trong danh sách xếp hạng.



Nguồn: JET

Hình 2.6-22 Xếp hạng các dự án có điểm số tuân thủ cao tại thành phố Hà Nội

(c) Ứng dụng IWCR trong kiểm soát ô nhiễm

Như đã trình bày ở trên, tình trạng tuân thủ khác nhau rõ rệt giữa các cơ sở công nghiệp. Có thể đánh giá tình trạng tuân thủ bằng điểm xếp hạng IWCR. Do đó, Sở TNMT có thể sử dụng điểm số xếp hạng theo nhiều cách vì điểm số xếp hạng IWCR thể hiện được tình hình thực hiện các biện pháp nước thải và các mức tuân thủ của cơ sở. Dưới đây là một số ví dụ về ứng dụng IWCR trong thực tế:

- Thiết lập mục tiêu cải thiện

Điểm đánh giá được tính theo IWCR là chỉ số đánh giá tình trạng tuân thủ bằng con số. Do vậy, trong công tác quản lý nước thải công nghiệp, Sở TNMT có thể sử dụng chúng để xây dựng mục tiêu cải thiện về tuân thủ nước thải công nghiệp tại từng cơ sở công nghiệp đơn lẻ hoặc một nhóm các cơ sở

- Lựa chọn các cơ sở công nghiệp là đối tượng của thanh tra và kiểm tra môi trường

Từ kết quả IWCR, có thể lựa chọn ra các cơ sở không tuân thủ đầy đủ để lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra môi trường. Như vậy, có thể thực hiện thanh kiểm tra môi trường hiệu quả và hữu hiệu qua việc chọn ra và tập trung vào các cơ sở trọng tâm với một số điều kiện nhất định nào đó.

- Lựa chọn các cơ sở công nghiệp “tuân thủ tốt hoặc tuân thủ kém”

Có thể sử dụng IWCR để bước đầu chọn ra các cơ sở công nghiệp có sự tuân thủ tốt hoặc tuân thủ kém để công bố. Ngoài kết quả IWCR, còn cần cân nhắc nhiều yếu tố khác để có kết định cuối cùng về các cơ sở được công bố như:

- Mức độ tác động tiêu cực đến môi trường do nước thải gây ra,
- Mức độ tác động đến các cơ sở công nghiệp khác trong việc áp dụng các biện pháp kiểm soát nước thải và cải thiện dây chuyền sản xuất (với trường hợp “Tuân thủ tốt”)
- Mức độ thiệt hại về môi trường do nước thải gây ra (trong trường hợp “Tuân thủ kém”)
- Các hành động để giảm tải lượng ô nhiễm từ dây chuyền sản xuất, (bao gồm cả việc áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn)
- Ý thức và thái độ về môi trường đối với các lĩnh vực môi trường khác
- Hồ sơ về các hành vi vi phạm môi trường trước đây, các chỉ thị hành chính đã được tiếp nhận, và
- Xu hướng sử dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước trong tương lai

4) Phân tích các nhân tố dẫn đến việc không tuân thủ trong việc thực hiện các biện pháp về nước thải công nghiệp

Trong quá trình khảo sát thực địa, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn các chủ/ người điều hành doanh nghiệp. Theo kết quả của các đợt phỏng vấn này, các nguyên nhân chính dẫn đến việc thiếu tuân thủ môi trường đã được xác định đó là người điều hành cơ sở công nghiệp thiếu nhận thức và thiếu động lực về bảo vệ môi trường, cơ sở thiếu năng lực tài chính hoặc thiếu chỗ lắp đặt công trình xử lý nước thải công nghiệp (xem Hình 2.6-23). Điều này cho thấy Sở TNMT cần có nhiều biện pháp hỗ trợ hơn nữa, song song với việc áp dụng các hình thức xử phạt hành chính hà khắc thì mới có thể giải quyết triệt để các nguyên nhân này.

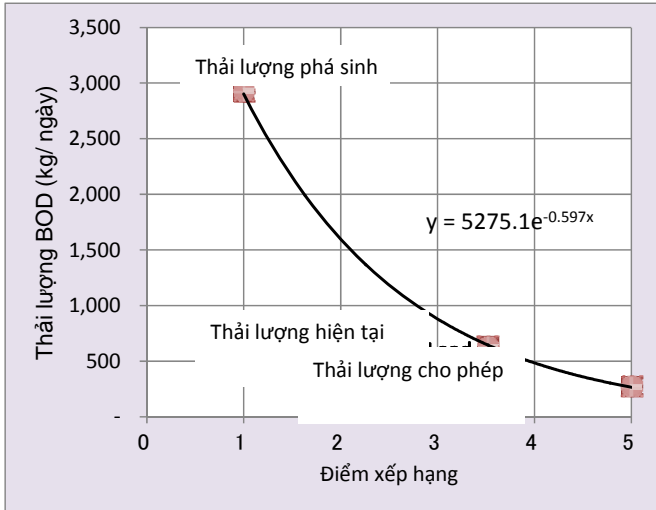


Nguồn: JET

Hình 2.6-23 Cơ cấu các vấn đề dẫn đến việc áp dụng chưa đầy đủ các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp tại các cơ sở

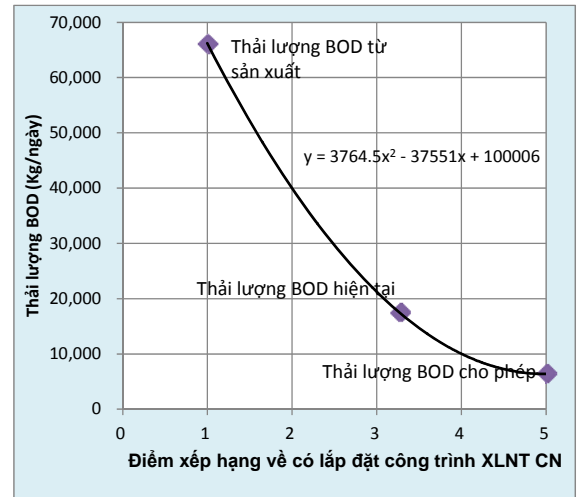
5) Đánh giá tải lượng ô nhiễm

Tải lượng ô nhiễm BOD của các dự án phát sinh ô nhiễm trong ngành sản xuất đã được tính toán, bằng cách sử dụng kết quả đo đạc BOD trong PSD và mức BOD giả định theo điểm xếp hạng IWCR. Thông qua các kết quả tính toán này, đường hồi quy được hình thành từ điểm xếp hạng cho nội dung lắp đặt công trình xử lý nước thải và tổng tải lượng BOD tại khu vực thí điểm (xem Hình 2.6-24). Trong các hình này, tải lượng ô nhiễm hiện tại đại diện cho tải lượng ô nhiễm BOD theo hiện trạng công trình XLNT và mức tải lượng cho phép đại diện cho tải lượng BOD phát sinh khi tắt cả các dự án đều đạt tiêu chuẩn dòng thải quốc gia.



(Khu vực thí điểm)

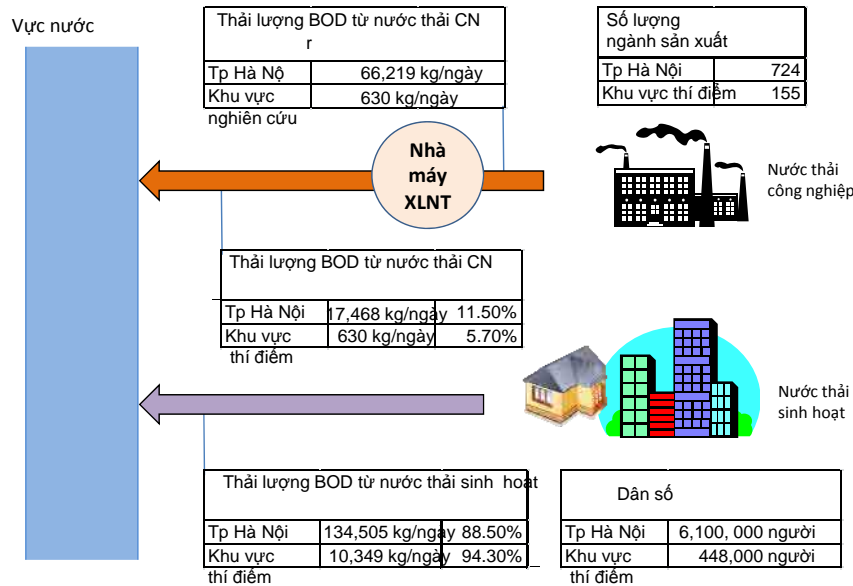
Nguồn: JET



(Thành phố Hà Nội)

Hình 2.6-24 Đường hồi quy sơ bộ về mối quan hệ giữa điểm số xếp hạng và thải lượng BOD

Theo tính toán thải lượng BOD, tỷ lệ thải lượng ô nhiễm BOD (trên tổng thải lượng từ nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) là 5,7 % tại khu vực thí điểm và 11,5% tại thành phố Hà Nội (xem Hình 2.6-25).



Nguồn: JET

Ghi chú: các tỷ lệ thải lượng BOD là các tỷ lệ BOD trên tổng thải lượng của cả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp

Hình 2.6-25 Tỷ lệ thải lượng BOD phát thải từ nước thải công nghiệp

6) Xác định các vấn đề về kiểm soát ô nhiễm nước

(a) Các vấn đề được xác định

Hiện trạng tuân thủ môi trường của các cơ sở công nghiệp là rất khác nhau. Điều này cho thấy rằng công tác thực thi KSON của Sở TNMT chưa được tốt, đặc biệt là việc thực thi quản lý nước thải công nghiệp theo quy định của Luật BVMT. Theo các phát hiện từ dự án đã được mô tả trong các phần trên

của báo cáo, một số vấn đề chính của công tác KSON đã được xác định. Mối liên hệ giữa “nguyên nhân và kết quả” của những vấn đề này được phân tích trong Hình 2.6-26 .

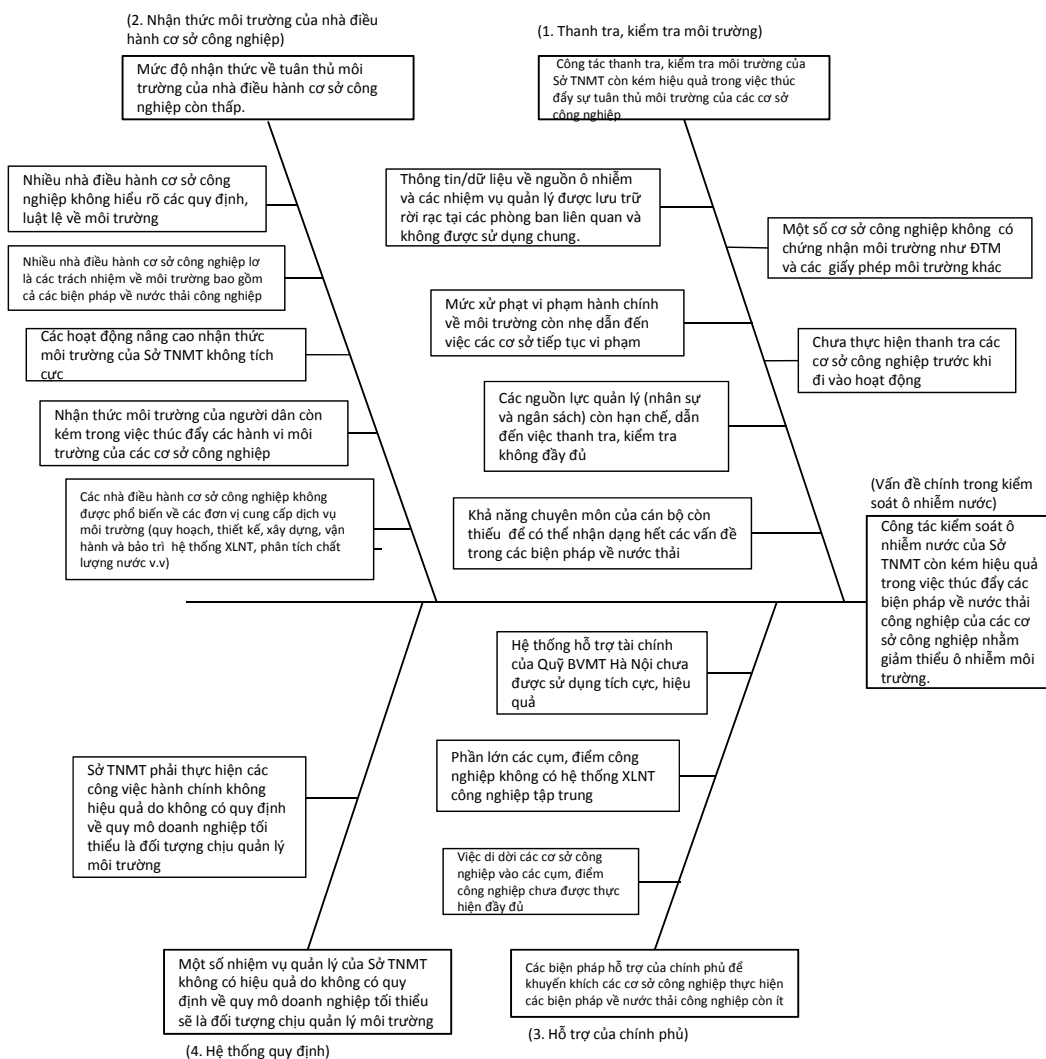
(b) Xác định vấn đề

Từ kết quả phân tích vấn đề, bốn (4) vấn đề lớn là nguyên nhân dẫn đến các vấn đề cần được giải quyết để cải thiện việc kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT đã được xác định dưới đây:

- Vấn đề chính: " Công tác kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT còn kém hiệu quả trong việc thúc đẩy các cơ sở công nghiệp thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường."

Ngoài ra, các vấn đề lớn dẫn đến vấn đề chính trên được xác định như sau:

- Vấn đề lớn 1: Công tác thanh tra, kiểm tra môi trường của Sở TNMT còn yếu trong việc thúc đẩy sự tuân thủ môi trường của các cơ sở công nghiệp.
- Vấn đề lớn 2: Mức độ nhận thức của các nhà điều hành cơ sở công nghiệp về tuân thủ môi trường còn thấp.
- Vấn đề lớn 3: Các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ nhằm khuyến khích các cơ sở công nghiệp thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp còn ít
- Vấn đề lớn 4: Một số nhiệm vụ quản lý của Sở TNMT không có hiệu quả do không có quy định về quy mô doanh nghiệp tối thiểu phải chịu quản lý về môi trường.



Nguồn: WG-3

Hình 2.6-26 Cấu trúc các vấn đề về kiểm soát ô nhiễm nước

của báo cáo, một số vấn đề chính của công tác KSON đã được xác định. Mối liên hệ giữa “nguyên nhân và kết quả” của những vấn đề này được phân tích trong Hình 2.6-26 .

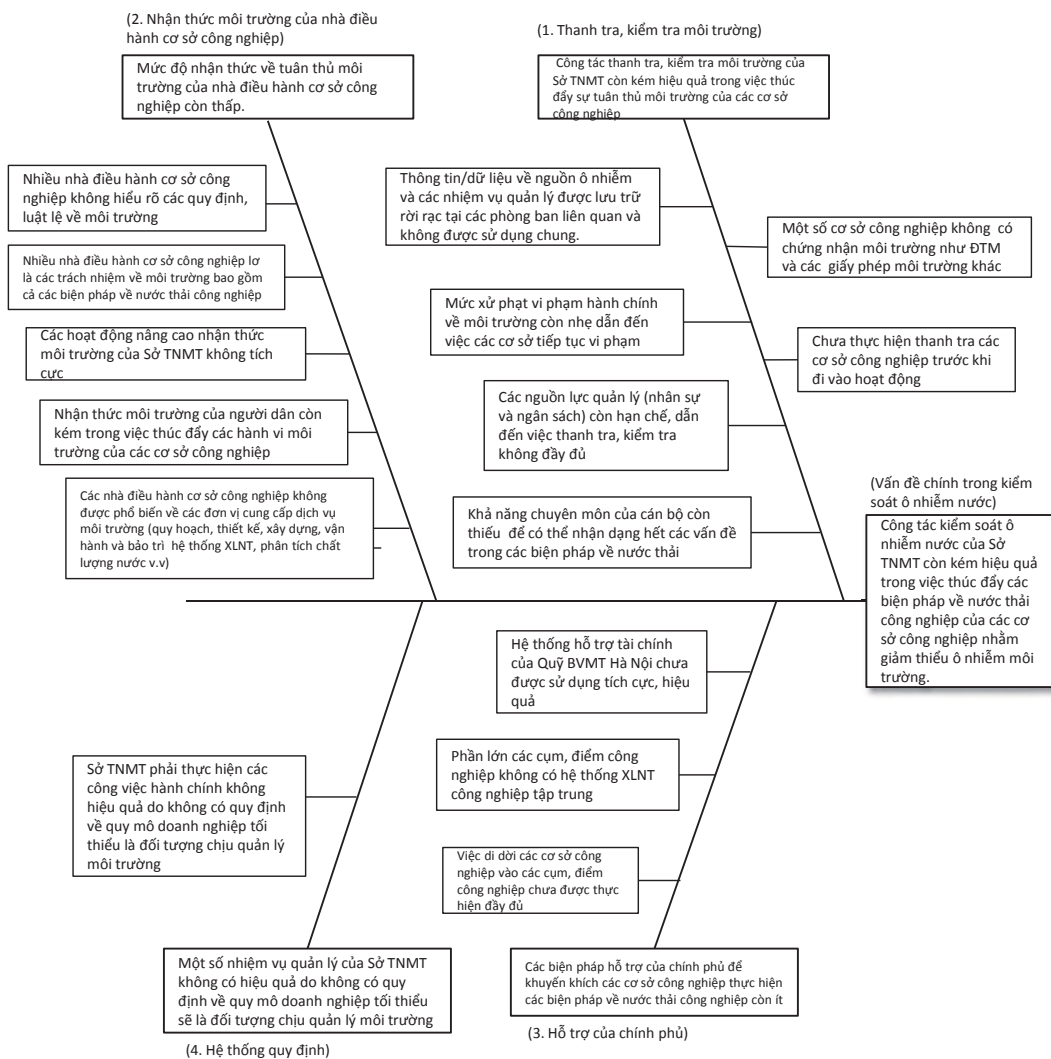
(b) Xác định vấn đề

Từ kết quả phân tích vấn đề, bốn (4) vấn đề lớn là nguyên nhân dẫn đến các vấn đề cần được giải quyết để cải thiện việc kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT đã được xác định dưới đây:

- Vấn đề chính: " Công tác kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT còn kém hiệu quả trong việc thúc đẩy các cơ sở công nghiệp thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường."

Ngoài ra, các vấn đề lớn dẫn đến vấn đề chính trên được xác định như sau:

- Vấn đề lớn 1: Công tác thanh tra, kiểm tra môi trường của Sở TNMT còn yếu trong việc thúc đẩy sự tuân thủ môi trường của các cơ sở công nghiệp.
- Vấn đề lớn 2: Mức độ nhận thức của các nhà điều hành cơ sở công nghiệp về tuân thủ môi trường còn thấp.
- Vấn đề lớn 3: Các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ nhằm khuyến khích các cơ sở công nghiệp thực hiện các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp còn ít
- Vấn đề lớn 4: Một số nhiệm vụ quản lý của Sở TNMT không có hiệu quả do không có quy định về quy mô doanh nghiệp tối thiểu phải chịu quản lý về môi trường.



Nguồn: WG-3

Hình 2.6-26 Cấu trúc các vấn đề về kiểm soát ô nhiễm nước

(3) Hoạt động 3-4-3: Đánh giá và Dự thảo Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước

1) Tổng quan

Hoạt động 3-4-3 (Đánh giá và Dự thảo Kế hoạch cải thiện) đã được thực hiện từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 3 năm 2013.

Trong hoạt động 3-4-3, WG-3 đã đánh giá và xây dựng Đề cương Kế hoạch cải thiện tại thành phố Hà Nội, bao gồm:

- Đề xuất khung kế hoạch cải thiện
- Mục tiêu tạm thời
- Các hoạt động đề xuất
- Kết luận

Đề cương kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

- Chương 1: Tổng quan
- Chương 2: Mô tả khu vực thí điểm
- Chương 3: Công tác KSON nước của Sở TNMT
- Chương 4: Các biện pháp về nước thải công nghiệp mà các cơ sở sử dụng
- Chương 5: Đánh giá tình hình tuân thủ về nước thải công nghiệp và công tác KSON
- Chương 6: Đề xuất đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước
- Chương 7: Kết luận và khuyến nghị

Hoạt động cuối cùng của Kết quả 3 là tổ chức một hội thảo ngành để chia sẻ các sản phẩm của kết quả 3 với các Sở TNMT khác trong khu vực dự án, đại diện của các cơ sở công nghiệp trong khu vực thí điểm và các đơn vị khác.

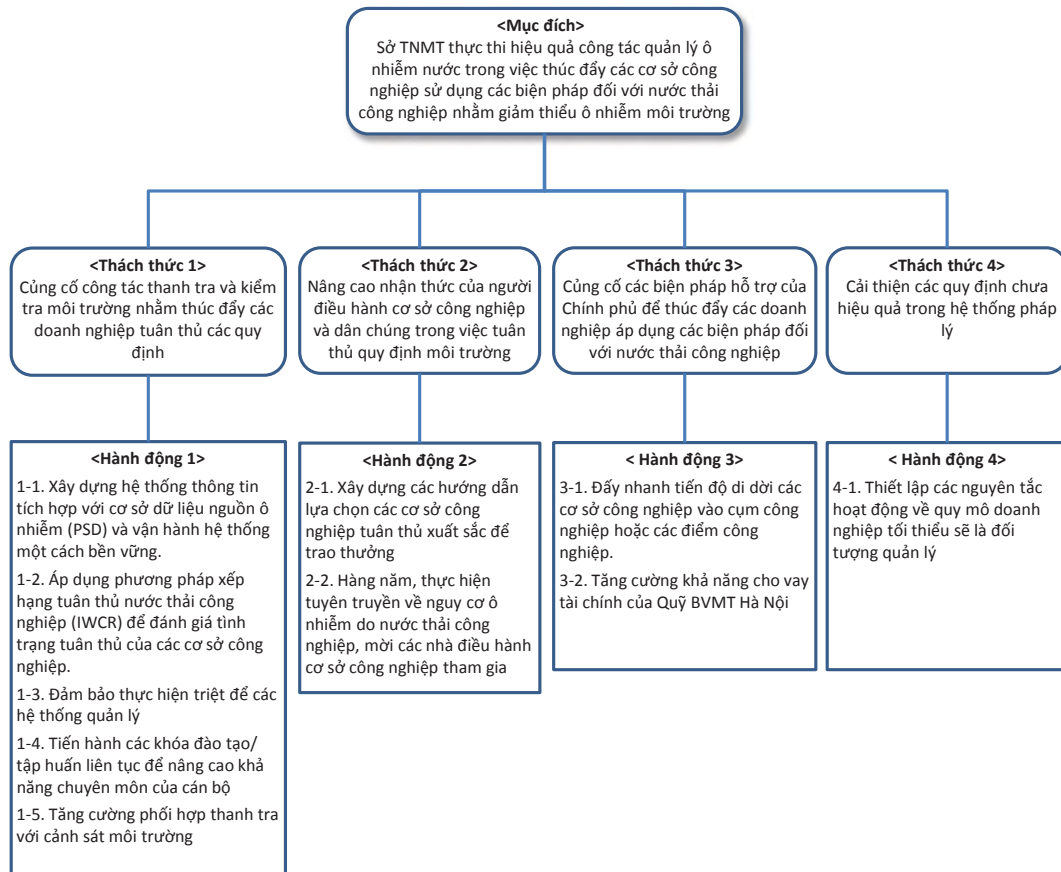
2) Đề xuất khung kế hoạch cải thiện

WG-3 đã đánh giá cách cải thiện tình hình KSON nước cho Sở TNMT, bằng cách phân tích mục đích và phân tích mối liên hệ giữa “biện pháp” và “kết quả đạt được”. Qua đó đã xây dựng được mục đích của Kế hoạch cải thiện “Tăng cường chức năng kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT thông qua việc thúc đẩy các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp của các cơ sở nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường”.

Sau đó, WG-3 đã xác định các thách thức cần vượt qua để đạt được mục đích cải thiện như sau:

- Thách thức 1: Tăng cường, củng cố công tác thanh tra, kiểm tra môi trường để thúc đẩy sự tuân thủ môi trường của các cơ sở công nghiệp
- Thách thức 2: Nâng cao nhận thức của các nhà điều hành cơ sở công nghiệp và công chúng về tuân thủ môi trường
- Thách thức 3: Tăng cường các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ để thúc đẩy các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp.
- Thách thức 4: Cải thiện hệ thống quy định về kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT.

Dựa theo mục đích và các thách thức của việc cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước, toàn bộ chương trình của Kế hoạch cải thiện này đã được kiểm tra thông qua hình thức phân tích mục tiêu. Theo đó, cơ chế của kế hoạch cải thiện bao gồm các hành động đã được hình thành, như thể hiện trong Hình 2.6-27 .



Nguồn: WG-3.

Hình 2.6-27 Đề xuất khung kế hoạch cải thiện công tác kiểm soát ô nhiễm nước

3) Mục tiêu tạm thời

Mục tiêu sẽ xây dựng cần được phản ánh qua các con số (càng nhiều càng tốt) để các cán bộ tham gia có thể dễ dàng nhận thấy thực trạng thông qua các con số này. Bảng 2.6-10 trình bày một ví dụ về mục tiêu cải thiện cho khu vực thí điểm. Ví dụ cho thấy rằng mục tiêu của kế hoạch cải thiện là tăng điểm xếp hạng từ mức 2,4 - 4,1 đến 4,0 - 4,5. Đây là mục tiêu ngắn hạn của Kế hoạch cải thiện, mục tiêu dài hạn là phải nâng được điểm xếp hạng lên mức 5.

Bảng 2.6-10 Các mục tiêu cải thiện tại khu vực thí điểm

| Hạng mục tuân thủ | Điểm số xếp hạng tuân thủ hiện tại | Điểm số xếp hạng mục tiêu (ví dụ) |
|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| Cấp phép môi trường | 4.1 | 4.5 |
| Lắp đặt công trình XLNT công nghiệp | 3.5 | 4.5 |
| Chất lượng dòng thải đạt tiêu chuẩn | 3.4 | 4.5 |
| Tự giám sát | 3.2 | 4.5 |
| Phí nước thải công nghiệp | 2.5 | 4.0 |
| Giấy phép xả nước thải | 2.4 | 4.0 |
| Tổng điểm | 3.2 | 4.3 |

Nguồn: JET.

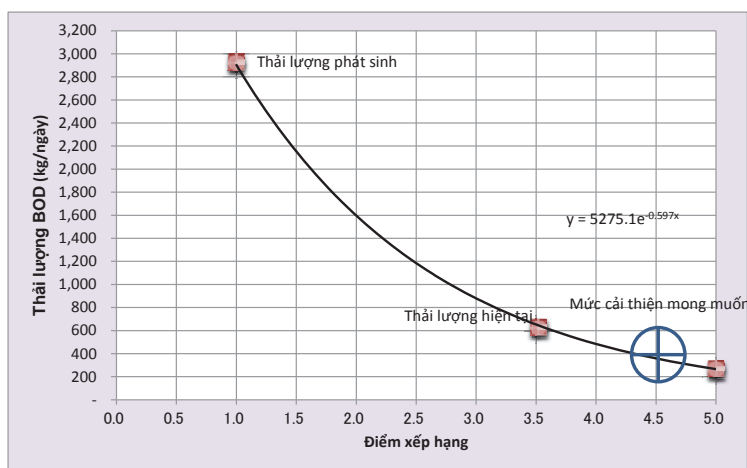
Bảng 2.6-11 trình bày một ví dụ khác về xác định mục tiêu cụ thể bằng con số cho hạng mục lắp đặt công trình XLNT. Hiện tại, khu vực thí điểm phát sinh khoảng 630kg/ngày thải lượng ô nhiễm vào môi trường. Nhằm giảm thải lượng ô nhiễm xuống còn 370 kg/ngày – một con số mục tiêu tạm thời, điểm số xếp hạng mục tiêu cần thiết lập là 4,5 dựa trên đường cong hồi quy về thải lượng ô nhiễm

BOD tại khu vực thí điểm như được trình bày trong Hình 2.6-28. Như được trình bày ở trên, điểm xếp hạng IWCR có thể được sử dụng làm các con số mục tiêu. Kiến nghị đưa ra là Sở TNMT nên đề xuất và xây dựng mục tiêu cải thiện cụ thể, tùy thuộc vào chiến lược ngắn hạn và dài hạn.

Bảng 2.6-11 Mục tiêu cải thiện thải lượng BOD tại khu vực thí điểm

| Hạng mục | Thải lượng phát thải hiện tại | | Thải lượng cho phép | | Thải lượng mục tiêu | |
|---|-------------------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|
| | Điểm xếp hạng | Thải lượng BOD (kg/ngày) | Điểm xếp hạng | Thải lượng BOD (kg/ngày) | Điểm xếp hạng | Thải lượng BOD (kg/ngày) |
| Điểm số xếp hạng về lắp đặt công trình XLNT | 3.5 | 630 | 5.0 | 270 | 4.5 | Around 370 |

Nguồn: JET



Nguồn: JET

Hình 2.6-28 Thải lượng BOD mục tiêu trong Kế hoạch cải thiện ở khu vực thí điểm

4) Các hành động đề xuất

Nội dung của 10 hành động đề xuất để giải quyết những thách thức trên đây được trình bày tại Bảng 2.6-12.

Bảng 2.6-12 Các hành động đề xuất

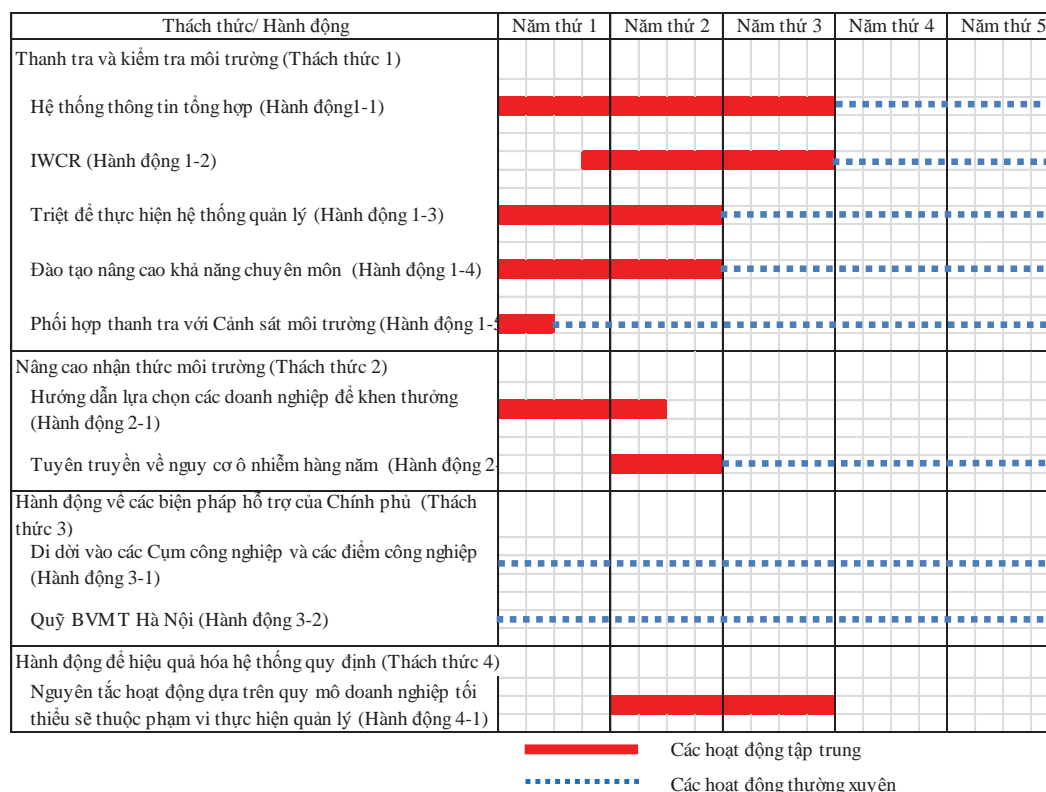
| Thách thức | Tên Hành động | Mục tiêu của hành động | Hoạt động thành phần |
|--|---|--|--|
| Thách thức 1: Thanh tra và kiểm tra môi trường | | | |
| | Hành động 1-1: Hệ thống thông tin tích hợp | Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp với cơ sở dữ liệu các nguồn ô nhiễm (PSD) và vận hành cơ sở dữ liệu này một cách bền vững. | 1) Vận hành cơ sở dữ liệu nguồn ô nhiễm (PSD) 2) Sử dụng các kết quả đầu ra của PSD phục vụ thanh tra và kiểm tra môi trường 3) Nâng cấp PSD và công tác thanh tra |
| | Hành động 1-2: Đánh giá việc tuân thủ môi trường bằng IWCR | Đánh giá hàng năm tình hình tuân thủ của các cơ sở công nghiệp bằng cách áp dụng việc xếp hạng mức độ tuân thủ nước thải công nghiệp (IWCR). | 1) Hàng năm, tính toán điểm xếp hạng IWCR và phân tích tình trạng tuân thủ 2) Sử dụng điểm xếp hạng IWCR trong các nhiệm vụ quản lý thường xuyên |
| | Hành động 1-3: Triệt để thực hiện hệ thống quản lý | Đề đảm bảo thực hiện triệt để các hệ thống quản lý | 1) Đảm bảo việc thi hành thanh tra và kiểm tra trước khi hoạt động, và thu thập và ghi thông tin/dữ liệu về các biện pháp về nước thải thực tế. 2) Phát hiện ra các cơ sở công nghiệp không được cấp phép |
| | Hành động 1-4: Đào tạo nâng cao khả năng chuyên môn | Tiến hành các khóa đào tạo liên tục để nâng cao khả năng chuyên môn của cán bộ tiến hành thanh tra, kiểm tra môi trường | 1) Tiếp tục tổ chức tập huấn kỹ thuật định kỳ để nâng cao năng lực chuyên môn về môi trường. |
| | Hành động 1-5: Phối hợp thanh tra với Cảnh sát môi trường | Tăng cường phối hợp thanh tra với Cảnh sát môi trường. | 1) Tăng cường thực hiện phối hợp thanh tra với Cảnh sát môi trường |

| Thách thức | Tên Hành động | Mục tiêu của hành động | Hoạt động thành phần |
|--|--|--|--|
| Thách thức 2: Nâng cao nhận thức môi trường | | | |
| | Hành động 2-1: Công bố tình hình tuân thủ nước thải công nghiệp | Công bố tình hình tuân thủ nước thải công nghiệp sau khi phát triển hướng dẫn lựa chọn các cơ sở tuân thủ tốt hoặc các cơ sở tuân thủ kém. | 1) Xây dựng hướng dẫn lựa chọn các cơ sở tuân thủ tuân thủ tốt và các cơ sở tuân thủ kém 2) Định kỳ công bố tình hình tuân thủ các biện pháp kiểm soát nước thải công nghiệp |
| | Hành động 2-2: Tuyên truyền về các nguy cơ của ô nhiễm nước thải công nghiệp hàng năm | Thực hiện tuyên truyền về các nguy cơ của ô nhiễm nước thải công nghiệp, mời những người điều hành cơ sở công nghiệp và công chúng tham gia. | 1) Lựa chọn các cơ sở công nghiệp tuân thủ tốt nhất để tôn vinh/ trao thưởng 2) Thực hiện tuyên truyền về các nguy cơ của ô nhiễm nước thải công nghiệp (hội nghị thường niên), mời các nhà điều hành cơ sở công nghiệp và công chúng tại TP. Hà Nội tham gia |
| Thách thức 3: Các biện pháp hỗ trợ của chính phủ | | | |
| | Hành động 3-1: Di dời các cơ sở công nghiệp vào cụm công nghiệp hoặc các điểm công nghiệp | Đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở công nghiệp vào cụm công nghiệp hoặc các điểm công nghiệp. | 1) Di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường vào các cụm, điểm công nghiệp có hệ thống XLNT tập trung. |
| | Hành động 3-2: Quy Bảo vệ môi trường Hà Nội | Tăng cường năng lực cho vay của Quỹ BVMT Hà Nội | 1) Việc sử dụng và tăng vốn điều lệ của Quỹ BVMT Hà Nội. |
| Thách thức 4: Hiệu quả hóa hệ thống quy định | | | |
| | Hành động 4-1: Nguyên tắc hoạt động dựa trên quy mô doanh nghiệp tối thiểu để thực nhiệm vụ quản lý | Xây dựng các nguyên tắc hoạt động dựa trên quy mô doanh nghiệp tối thiểu để thực thi nhiệm vụ quản lý. | 1) Thiết lập các quy tắc về lưu lượng nước thải tối thiểu để tính phí nước thải công nghiệp, tiêu chuẩn chất lượng nước thải/dòng thải và giấy phép xả nước thải. |

Nguồn: JET

5) Kết luận

- Đề cương kế hoạch cải thiện nhằm đạt được các mục tiêu kiểm soát ô nhiễm nước bằng cách thúc đẩy các cơ sở tiến hành các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước thải công nghiệp để hạn chế ô nhiễm môi trường. Kết quả phân tích vấn đề và mục đích cho thấy các thách thức cần vượt qua để đạt được mục tiêu cải thiện. Việc đạt được mục tiêu này sẽ xóa bỏ tình trạng quản lý “không đồng đều” về mặt ô nhiễm nước do tình trạng quản lý kém hiệu quả gây ra
- Trong Dự án này, sản phẩm cuối cùng của Kết quả 3 có tiêu đề "Đề cương" các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước. Theo PDM, "Đề cương" có nghĩa là phải xây dựng được một kế hoạch chi tiết hơn để thực hiện kế hoạch cải thiện được đề xuất ở đây. Và theo thống nhất từ khi bắt đầu dự án, Kế hoạch chi tiết này sẽ được Sở TNMT Hà Nội phát triển độc lập
- Xét về tính chất của đề cương Kế hoạch cải thiện này như nêu ở trên, kế hoạch thực hiện chi tiết không được thảo luận trong phạm vi Kết quả 3. Nội dung này cần được Sở TNMT thảo luận riêng, song song với việc kiểm tra các nội dung chi tiết sẽ được thực hiện. Hình 2.6-29 trình bày lộ trình thực hiện Kế hoạch cải thiện, với giả định khung thời gian là 5 năm.



Nguồn: WG-3.

Hình 2.6-29 Lộ trình thực hiện Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội

- Trong các hoạt động của Kết quả 3, PSD đã được xây dựng và được sử dụng trong thực tế để lưu trữ và xử lý các số liệu thu thập được. Trong Kế hoạch Cải thiện do WG-3 đề xuất, hệ thống thông tin tích hợp là một công cụ quan trọng hỗ trợ việc kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT. Dự kiến hệ thống và dữ liệu được lưu trữ trong PSD do Dự án này phát triển sẽ được sử dụng để cấu trúc hệ thống thông tin tích hợp. PSD từ dự án có thể được sử dụng cho các hoạt động quản lý thực tế để kiểm soát ô nhiễm nước, và trong tương lai, PSD sẽ được thay thế bằng một hệ thống thuận lợi hơn và nhiều chức năng hơn.
- WG-3 đã sử dụng thử nghiệm Xếp hạng tuân thủ nước thải công nghiệp (IWCR) nhằm đánh giá thực trạng các biện pháp nước thải do cơ sở công nghiệp thực hiện. Các điểm số xếp hạng theo IWCR – chỉ số đánh giá bằng số – được tính toán dựa trên các số liệu trong PST có được từ PSD – Các điểm số cho thấy tình trạng tuân thủ các yêu cầu trong giấy phép môi trường, lắp đặt hệ thống XLNT, phí nước thải, v.v...Sở TNMT nên áp dụng IWCR trong công tác quản lý nước thải công nghiệp nhằm đánh giá tình trạng tuân thủ của các cơ sở công nghiệp, thiết lập các mục tiêu cải thiện và lựa chọn các cơ sở xuất sắc để trao thưởng.
- Mục tiêu chính của Kế hoạch này là làm thế nào để cải thiện công tác kiểm soát ô nhiễm nước trong lĩnh vực quản lý nước thải công nghiệp. Sở TNMT Hà Nội đã và đang thực thi việc kiểm soát ô nhiễm nước, sử dụng các hoạt động và các hệ thống quản lý môi trường khác nhau. Trong dự án này, các chương trình phát triển năng lực của các hoạt động quản lý thành phần đang được thực hiện theo chương trình làm việc của các Kết quả khác, như Kiểm kê nguồn ô nhiễm (Kết quả 2-3), Thanh tra (Kết quả 2-4) và Nhận thức môi trường (Kết quả 4). Trong kế hoạch chi tiết của Kế hoạch cải thiện này, các kết quả phát triển năng lực cần được xem xét đánh giá và sử dụng.

6) Phối hợp tổ chức Hội thảo ngành

Dự án tổ chức Hội thảo ngành về quản lý nước thải công nghiệp vào ngày 12 tháng 3 năm 2013. Đây là một hoạt động kết hợp với Kết quả 4 của Dự án (Nhận thức môi trường). Hội nghị này nhằm chia sẻ

các sản phẩm của Kết quả 3 đến các Sở TNMT khác trong khu vực dự án, và chia sẻ thông tin với các cơ sở trong khu vực thí điểm của dự án và các đơn vị khác.

Tổng số 61 đại biểu đã tham dự hội thảo, bao gồm 26 cán bộ đến từ các Sở TNMT, 3 cán bộ từ Bộ TNMT và Tổng cục môi trường và 10 đại diện của các cơ sở công nghiệp, 1 đại diện của Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam (VCCI), 2 đại diện của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), 15 cán bộ JICA và JET và 4 đại biểu thuộc các đơn vị thông tin đại chúng. Cụ thể, nội dung của buổi Hội thảo như sau:

- Kết quả 3:

- Kế hoạch cải thiện các biện pháp KSON nước tại thành phố Hà Nội
- Đánh giá và thách thức trong quản lý nước thải công nghiệp tại Việt Nam và giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản
- Hệ thống thông tin tích hợp và xếp hạng quản lý nước thải công nghiệp (IWMR)

- Kết quả 4:

- Giải thích và phổ biến “Sổ tay hướng dẫn công tác quản lý môi trường” do Kết quả 4 xây dựng
- Thảo luận về quản lý nước thải công nghiệp

2.6.3 Tình hình thực hiện các chỉ số đánh giá

2.6.3.1 Tình hình thực hiện các chỉ số đánh giá của Kết quả 3

Kết quả 3 đã tiến hành nhiều hoạt động, tuân thủ Kế hoạch hoạt động (PO) và Ma trận thiết kế dự án (PDM) đã được thông qua khi bắt đầu dự án, qua đó từng bước phát triển năng lực của Sở. Hầu hết các hoạt động phát triển năng lực của Kết quả 3 đã được hoàn thiện (tính đến cuối tháng 3 năm 2013). Thông qua nhiều hoạt động và nhiều buổi thảo luận, dự thảo “Đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội” đã được xây dựng. Dự kiến Kế hoạch cải thiện sẽ được nhóm WG 3 trình lên UBND t/p thông qua giám đốc Sở TNMT trong thời gian tới. Bảng 2.6-13 tóm tắt các chỉ số PDM và tình hình hoàn thiện các chỉ số này, tính đến cuối tháng 3 năm 2013.

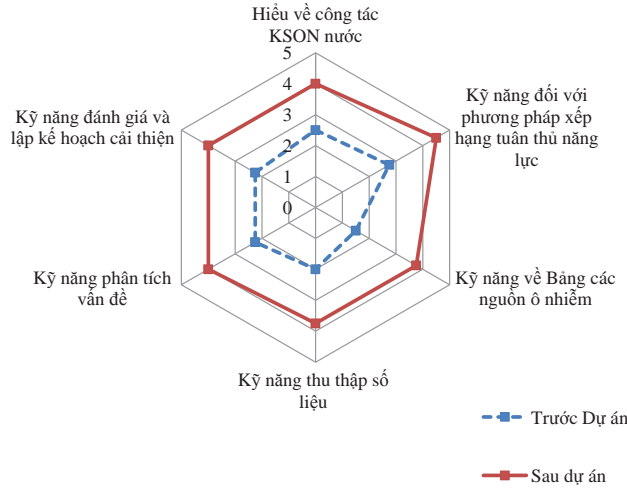
Bảng 2.6-13 Mức hoàn thiện chỉ số PDM tính đến thời điểm kết thúc dự án (WG3-Các biện pháp)

| Các chỉ số đánh giá | Mục tiêu cần đạt được | Tình hình lúc bắt đầu Dự án | Tình hình thực hiện tính đến cuối Dự án |
|--|---------------------------|--|--|
| 3-1 Thành lập nhóm công tác tập trung nghiên cứu và xây dựng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước, nhóm công tác tiếp tục tiến hành các hoạt động của mình, tổ chức 10 buổi họp thường kỳ với tỷ lệ thành viên tham dự là 70% trong quá trình thực hiện dự án. | Giống như Chỉ số đánh giá | - Nhóm công tác chưa được thành lập. | - Từ tháng 4 năm 2011 đã tổ chức được 17 buổi họp thảo luận. Trong đó, có 11 buổi họp có tỷ lệ thành viên tham dự là 70%. -Qua các buổi họp thảo luận này, việc chuyển giao kỹ thuật đã được chuyên gia JET chuyên giao cho phía Việt Nam |
| 3-2 Báo cáo tiến độ thực hiện của Kết quả 3 được gửi tới Giám đốc Sở TNMT 6 tháng một lần. | Giống như Chỉ số đánh giá | - Các hoạt động của Nhóm công tác WG3 chưa được thực hiện. | - Chi cục BVMT Hà Nội đã có báo cáo tới Giám đốc Sở TN&MT về tiến độ thực hiện Kết quả-3 trong báo cáo công tác định kỳ 3 tháng một lần. |
| 3-3 Đề cương dự thảo các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước hiệu quả được nộp cho UBND thành phố thông qua Giám đốc Sở TNMT. | Giống như Chỉ số đánh giá | - Đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước chưa được soạn thảo. - Do thông tin/dữ liệu còn hạn chế, rất khó để đánh giá tình hình thực hiện các biện pháp đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở công nghiệp và thực thi các quy định về kiểm soát ô nhiễm nước của Sở TNMT. | - Dự thảo “Đề cương Kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước” đã được xây dựng kể từ tháng 10 năm 2013. -Qua các buổi họp thảo luận số 16 và 17, WG -3 đã đánh giá và hoàn thiện dự thảo Đề cương Kế hoạch cải thiện vào tháng 3 năm 2013. - Dự thảo Đề cương này sẽ được Sở TNMT đệ trình lên UBND thành phố . |

Nguồn: JET

2.6.3.2 Đánh giá năng lực

Hình 2.6-30 trình diễn các kết quả tự đánh giá năng lực, sử dụng năm (5) mức xếp hạng, và so sánh mức năng lực trước và sau khi có Dự án. Biểu đồ tập trung vào các nội dung có ảnh hưởng đến các nhân tố phát triển năng lực.



Nguồn: WG-3.

Hình 2.6-30 Kết quả tự đánh giá tình hình phát triển năng lực

Sau một loạt các hoạt động, việc phát triển năng lực của Kết quả 3 đã có nhiều ảnh hưởng đáng kể, có thể thấy rõ qua kết quả tự đánh giá năng lực của các cán bộ phía Việt Nam tham gia kết quả 3 là ở mức “Tốt” (mức 4). Tuy nhiên, một số yếu tố năng lực không đạt mức “rất tốt” (mức 5). Lý do chủ yếu là vì thông thường, khả năng xây dựng kế hoạch cải thiện đòi hỏi phải có kinh nghiệm phong phú về hiện trạng.

JET đã phân tích và đánh giá hiện trạng phát triển năng lực của Kết quả 3 và một số thách thức cần giải quyết trong thời gian tới, dựa vào các kết quả tự đánh giá của các thành viên WG-3. Kết quả phân tích được trình bày tại Bảng 2.6-14.

Bảng 2.6-14 Mức thành tựu và các thách thức của Kết quả 3 trong giai đoạn tới

| Chỉ số | Mức thành tựu | Thách thức |
|---|--|---|
| Chỉ số 3-1: Nhóm công tác | <ul style="list-style-type: none"> WG-3 được thành lập với các thành viên là đại diện của các cơ quan có liên quan và đã tổ chức nhiều buổi thảo luận. | <ul style="list-style-type: none"> Một số thành viên WG-3 cần cân nhắc lại về việc tận dụng cơ hội được chuyên giao kỹ thuật |
| Chỉ số 3-2: Các công cụ đánh giá cơ bản và báo cáo | <ul style="list-style-type: none"> Các thành viên WG-3 đã học được các công cụ cơ bản và cần thiết để quản lý thông tin/ số liệu về KSON nước như cơ sở dữ liệu về nguồn ô nhiễm (PSD), Bảng các nguồn ô nhiễm (PST) và bản đồ ô nhiễm (PSM) Kết quả là, các thành viên WG-3 có thể giải thích các công cụ đánh giá cơ bản và có thể sử dụng các công cụ này trong một điều kiện nhất định. Tiến độ các hoạt động đã được thông báo định kỳ đến Sở TNMT và UBND tỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> Phía Việt Nam cần củng cố thêm về kỹ năng áp dụng PSI, PST và PSM, kết hợp với các đơn vị liên quan để thu thập và cập nhật nội dung |
| Chỉ số 3-3: Kế hoạch cải thiện về kiểm soát ô nhiễm nước | <ul style="list-style-type: none"> Các thành viên WG-3 đã học được kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước, bao gồm việc thu thập, lưu trữ, quản lý và phân tích thông tin/ số liệu, đánh giá và xây dựng kế hoạch cải thiện. Kết quả là, các thành viên WG-3 đã nắm được kiến thức và kỹ năng về xây dựng kế hoạch cải thiện. Có thể đánh giá rằng họ có thể xây dựng kế hoạch cải thiện ở một điều kiện cụ thể nào đó. Hy vọng rằng đến cuối dự án, thành viên WG-3 có thể giải thích cách xây dựng kế hoạch cải thiện ở một mức độ nhất định. Trong quá trình thực hiện dự án, dự thảo Đề cương Kế hoạch cải thiện đã được xây dựng. | <ul style="list-style-type: none"> Phía Việt Nam cần đảm bảo học được kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch cải thiện qua các hoạt động thực tế. Phía Việt Nam cần xây dựng được cơ chế hợp tác giữa các đơn vị trực thuộc Sở, để đảm bảo việc thu thập và quản lý thông tin/ số liệu cần thiết, phục vụ việc đánh giá công tác KSON nước. |

Nguồn: JET

2.6.3.3 Đề xuất các hoạt động sau khi kết thúc Dự án

Qua các hoạt động của Kết quả 3, WG-3 đã làm việc để phát triển năng lực lập kế hoạch cải thiện kiểm soát ô nhiễm. Kết quả là, năng lực của WG-3 đã được tăng cường đáng kể về nhiều mặt. Tuy vậy, mọi hoạt động của Kết quả 3 chủ yếu được triển khai bởi một số ít cán bộ, chỉ khoảng từ 3 đến 5 cán bộ từ Chi cục BVMT Hà Nội và một vài đơn vị khác, nên vấn đề chính trong tương lai là làm thế nào để phổ biến các sản phẩm của dự án đến các các bộ khác trong toàn Sở.

Xét về khía cạnh này, sau khi kết thúc dự án, Sở TNMT cần thực hiện các hành động sau để phổ biến các sản phẩm của Kết quả 3

- Tiếp theo Đề cương kế hoạch cải thiện, Sở TNMT cần xây dựng Kế hoạch cải thiện chi tiết và triển khai kế hoạch này để đánh giá sự phù hợp của kế hoạch đã đề xuất.
- Sở TNMT sử dụng cơ sở dữ liệu nguồn ô nhiễm (PSD) phục vụ các nhiệm vụ quản lý môi trường thực tế, để xây dựng được hệ thống thông tin có hệ thống và cải thiện công tác quản lý môi trường khi sử dụng hệ thống này.
- Sở TNMT cần tạo ra các cơ hội phù hợp để tổ chức tập huấn nội bộ, phổ biến các sản phẩm của Kết quả 3 đến các cán bộ khác trong Sở TNMT, đặc biệt là các cán bộ của Chi cục BVMT Hà Nội .

2.7 Kết quả 4 (WG-4) Nhận thức môi trường

2.7.1 Giới thiệu

2.7.1.1 Ma trận thiết kế dự án (PDM) và Kế hoạch hoạt động (PO)

PDM và PO được xây dựng khi bắt đầu dự án vào tháng 6 năm 2010 và được sửa đổi vào khoảng giữa dự án (tháng 6 năm 2012) theo các hoạt động thực tế của WG4. Bảng 2.7-1 cho thấy các nội dung liên quan đến nhận thức môi trường (Kết quả 4)

Bảng 2.7-1 Các nội dung về nhận thức môi trường trong PDM và PO

| | Mục | Nội dung |
|-----|------------------------------|--|
| PDM | Kết quả | Năng lực của các Sở TNMT mục tiêu về nâng cao nhận thức công chúng và ngành công nghiệp về môi trường nước được tăng cường. |
| | Các chỉ số đánh giá mục tiêu | 4-1 Kết quả của công tác điều tra bằng phiếu khảo sát dành cho các nhóm đối tượng như các cơ sở công nghiệp, cán bộ phường/xã/huyện và các tổ chức xã hội về nhận thức môi trường cho thấy đã có sự tiến bộ trong nhận thức so với thời gian bắt đầu thực hiện dự án (có xét đến các sự kiện về nhận thức môi trường như các cơ hội tiến hành khảo sát) 4-2 Các công cụ (VD, phim cho đối tượng là công chúng và sách hướng dẫn ban đầu cho các ngành công nghiệp) để nâng cao nhận thức môi trường cho cộng đồng và cho các cơ sở công nghiệp được xây dựng 4-3 Các sự kiện về nâng cao nhận thức môi trường được tiến hành với sự tham gia của các nhóm đối tượng khác nhau, sử dụng các công cụ mới được xây dựng 4-4 Kết quả đánh giá năng lực của cán bộ Sở TNMT cho thấy sự tiến bộ so với giai đoạn đầu của dự án. |
| | Phương thức đánh giá | 4-1 Phiếu khảo sát (báo cáo kết quả khảo sát) 4-2 Các công cụ nâng cao nhận thức môi trường 4-3 biên bản về việc tiến hành các sự kiện 4-4 Kết quả đánh giá năng lực |
| | Các hoạt động | 4-1 Đánh giá hệ thống và tình hình thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường tại các tỉnh mục tiêu. 4-2 Lập kế hoạch nâng cao nhận thức môi trường nước để các Sở TNMT tiến hành. 4-3 Tiến hành các hoạt động nâng cao nhận thức theo kế hoạch đã lập trong mục 4-2. 4-4 Đánh giá và cải thiện các hoạt động nâng cao nhận thức theo kết quả của mục 4-3 |
| PO | 4-1 | Tháng 4 – tháng 5/ 2011 |
| | 4-2 | Tháng 6 – tháng 7/2011 |
| | 4-3 | Tháng 8/ 2011 – tháng 4/ 2013 |
| | 4-4 | Tháng 11/ 2011, tháng 5/ 2012, tháng 11/2012 |

Nguồn: JET

2.7.1.2 Đánh giá và phân tích hiện trạng các đơn vị tiến hành các hoạt động môi trường và các hoạt động môi trường đã thực hiện tại các Sở TNMT mục tiêu

Luật BVMT (No.52/2005/QH11) quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về nhận thức môi trường như sau:

- Tổ chức phổ biến, giáo dục, vận động kết hợp với việc áp dụng các biện pháp hành chính, biện pháp kinh tế và các biện pháp khác để xây dựng ý thức tự giác và kỷ luật trong các hoạt động bảo vệ môi trường (Điều 5-2)
- Phổ biến, giáo dục, vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường (Điều 6.1)
- Tuyên truyền, khen thưởng các trường hợp thực hành và tuân thủ tốt về môi trường (Điều 106);
- Xúc tiến giáo dục môi trường và tập huấn bảo vệ môi trường (Điều 107).

Tuy nhiên, việc thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực tại các Sở TNMT mục tiêu vẫn ở giai đoạn bắt đầu. Như trình bày trong.

Bảng 2.7-2 mới chỉ có tp. Hồ Chí Minh có một bộ phận chuyên trách về nhận thức môi trường, và cũng chưa có nhiều hoạt động về nhận thức môi trường được tổ chức, trừ Sở TNMT Hải Phòng và HCM, vì các Sở đều thiếu nguồn nhân lực và tài chính.

Bảng 2.7-2 Đánh giá kết quả nhận thức môi trường

| Mục | Hà Nội | Hải Phòng | TT - Huế | Tp. Hồ Chí Minh | tỉnh BRVT |
|---|---|--|---|---|--|
| 1) Khuôn khổ các hoạt động nhận thức môi trường | a) Đơn vị chịu trách nhiệm là Phòng QL dự án và truyền thông, trực thuộc Chi cục BVMT (không chuyên trách về nhận thức MT) b) 7 cán bộ c) 7 hoạt động trong năm 2010 | a) Đơn vị chịu trách nhiệm là Phòng hành chính của Chi cục BVMT (không chuyên trách về nhận thức môi trường) b) 8 cán bộ c) 26 hoạt động trong năm 2010 | a) Đơn vị chịu trách nhiệm là Phòng thẩm định ĐTM thuộc chi cục BVMT (không chuyên trách về nhận thức môi trường) b) 4 cán bộ c) 9 hoạt động trong năm 2010 | a) Đơn vị chịu trách nhiệm là Phòng thông tin và đào tạo môi trường thuộc Chi cục BVMT b) 14 cán bộ c) 20 hoạt động trong năm 2010 | a) Đơn vị chịu trách nhiệm là phòng KSON thuộc Chi cục BVMT (không chuyên trách về nhận thức môi trường) b) 8 cán bộ c) 4 hoạt động trong năm 2010 |
| 2) Tóm tắt về các hoạt động nhận thức môi trường năm 2010 | a) Khóa tập huấn với các bài giảng về pháp luật bảo vệ môi trường cho cán bộ liên quan của quận b) Sự kiện tổ chức các sự kiện hàng năm để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng c) Phương tiện thông tin đại chúng Phổ biến thông tin về môi trường trên các chương trình phát thanh và truyền hình d) Chương trình thí điểm nâng cao nhận thức của người dân về môi trường nước sông Tô Lịch | a) Khóa tập huấn với các bài giảng về pháp luật bảo vệ môi trường cho cán bộ liên quan của huyện và doanh nghiệp b) Tổ chức các sự kiện (giống như hoạt động của Sở TNMT HN) c) Hội thảo về các chủ đề môi trường cụ thể với các cán bộ nhà nước | a) Khóa tập huấn với các bài giảng về pháp luật bảo vệ môi trường và quản lý môi trường tỉnh cho cán bộ liên quan của huyện, người dân và cơ sở công nghiệp ... b) Tổ chức các sự kiện (giống như hoạt động của Sở TNMT HN) c) Hội thi Tổ chức hội thi về sinh thái cho cán bộ và nông dân d) Phương tiện thông tin đại chúng (giống như hoạt động của Sở TNMT HN) | a) a) Khóa tập huấn với các bài giảng và tổ chức tham quan học tập về quản lý môi trường dựa vào cộng đồng cho các cán bộ, người dân ... b) Tổ chức các sự kiện (giống như hoạt động của Sở TNMT HN); một số sự kiện ban đầu do HEPA thực hiện c) Hội thi Tổ chức các hội thi đồ về sinh thái và các nội dung khác cho phụ nữ, công nhân, sinh viên, nông dân, học sinh d) Phương tiện thông tin đại chúng (giống như hoạt động của Sở TNMT HN) e) Chương trình hoạt động thí điểm về quản lý môi trường dựa vào cộng đồng tại 4 phường f) Hội thảo Tổ chức hội thảo cho cán bộ cấp huyện để thảo luận về ý tưởng cải thiện các hoạt động nhận thức môi trường | a) Khóa tập huấn với các bài giảng về pháp luật bảo vệ môi trường cho các cơ sở công nghiệp và công nhân. b) Tổ chức các sự kiện (giống như hoạt động của Sở TNMT HN) |
| 3) Khó khăn | - Không có đơn vị chuyên trách về nhận thức môi trường - Có ít kinh nghiệm về các hoạt động nhận thức môi trường để cải thiện CL nước thải công nghiệp | - Không có đơn vị chuyên trách về nhận thức môi trường - Có ít kinh nghiệm về các hoạt động nhận thức môi trường để cải thiện CL nước thải công nghiệp | - Không có đơn vị chuyên trách về nhận thức môi trường - Có ít kinh nghiệm về các hoạt động nhận thức môi trường để cải thiện các vấn đề ô nhiễm nước | - Ít kinh nghiệm về các hoạt động nhận thức môi trường để cải thiện CL nước thải công nghiệp - Mới có một vài hoạt động sử dụng thông tin được cung cấp bởi các đơn vị trực thuộc Sở TNMT | - Không có đơn vị chuyên trách về nhận thức môi trường - Có ít kinh nghiệm về các hoạt động nhận thức môi trường |
| 4) Nhu cầu đào tạo | a) OJT về các hoạt động nhận thức môi trường về nước thải công nghiệp b) Tăng cường các hoạt động nhận thức môi trường, sử dụng các thông tin được cung cấp bởi các đơn vị liên quan thuộc Sở TNMT | a) Giảng về lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhận thức MT b) OJT về các hoạt động nhận thức môi trường nước | a) Giảng về lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhận thức MT b) OJT về các hoạt động nhận thức môi trường nước | a) OJT về các hoạt động nhận thức môi trường nước b) Tăng cường các hoạt động nhận thức môi trường hiện tại bằng cách tận dụng các thông tin của các đơn vị liên quan thuộc Sở TNMT | a) Giảng về lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhận thức MT b) OJT về các hoạt động nhận thức môi trường nước |

Nguồn: JET

2.7.1.3 Đánh giá năng lực ban đầu

Vào năm 2011, JET chuyển các phiếu khảo sát cho thành viên nhóm WG 4 tại các Chi Cục BVMT trả lời. Tổng số đã nhận lại được phản hồi của 12 phiếu khảo sát từ tất cả các Sở TNMT mục tiêu. Theo phiếu khảo sát, cán bộ Sở đã tự đánh giá theo 5 mức năng lực. Kết quả đánh giá được tóm tắt trong Bảng 2.7-3. Dựa vào kết quả đánh giá, các mức năng lực dưới đây khá thấp hơn so với các năng lực khác, và sẽ cần được tăng cường:

- Xây dựng kế hoạch các hoạt động nhận thức môi trường;
- Xác định đối tượng và nhóm đối tượng thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường;
- Ước tính và xin được ngân sách cho các hoạt động nhận thức môi trường;
- Đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường bằng cách xây dựng các chỉ số và phương thức đánh giá;
- Lập báo cáo về các hoạt động nhận thức môi trường; và
- Cải tiến các hoạt động nhận thức môi trường dựa trên các hoạt động đã tiến hành trước đây.

Các đợt OJT của dự án cho các hoạt động nhận thức môi trường đều chú trọng tập huấn các năng lực trên đây.

Bảng 2.7-3 Tóm tắt kết quả đánh giá năng lực ban đầu cho Kết quả 4

| Giai đoạn | Kiến thức/ kinh nghiệm/ kỹ năng | Mức đánh giá năng lực | | | | | |
|--------------|--|-----------------------|---|---|---|---------------|------------|
| | | 5 (Cao nhất) | 4 | 3 | 2 | 1 (Thấp nhất) | Trung bình |
| Lập kế hoạch | Ông/ bà có thể giải thích quy trình xây dựng kế hoạch các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường không? | 3 | 0 | 2 | 2 | 1 | 2.2 |
| | Ông/ bà có thể chỉ ra các cán bộ hoặc các đơn vị trực thuộc Sở TNMT và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến các hoạt động nhận thức môi trường không? | 2 | 2 | 3 | 1 | 0 | 2.4 |
| | Ông/ bà có thể chỉ ra các tổ chức/ các đoàn thể như Hội phụ nữ, đoàn thanh niên và/ hoặc các các nguồn lực khác có thể tham gia vào các hoạt động nhận thức môi trường như các trường đại học, các nhà tài trợ khác không? | 3 | 2 | 4 | 1 | 0 | 3.1 |
| | Ông/ bà có thể giải thích cách xác định các vấn đề cần cải thiện liên quan đến nhận thức môi trường không? | 1 | 1 | 5 | 1 | 1 | 2.3 |
| | Ông/ bà có thể giải thích cách xác định các bên liên quan và các nhóm đối tượng để triển khai các hoạt động nhận thức môi trường không? | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 2.2 |
| | Ông/ bà có thể xác định các loại phương pháp tiếp cận hoặc các chiến lược nhận thức môi trường, ví dụ như cách tiếp cận gián tiếp hoặc trực tiếp không? | 2 | 1 | 3 | 3 | 0 | 2.4 |
| | Ông/ bà có tham gia hoặc tư vấn xây dựng các kế hoạch hoạt động nhận thức môi trường với mục đích, mục tiêu, phương pháp tiếp cận, hoạt động, lịch trình và ngân sách thực hiện không? | 2 | 2 | 3 | 0 | 2 | 2.4 |
| Thực hiện | Ông/ bà có thể giải thích làm thế nào để các cán bộ có liên quan trong và ngoài Sở TNMT cùng phối hợp thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường không? | 1 | 3 | 3 | 2 | 0 | 2.5 |
| | Ông/ bà có thể giải thích cách thức mua sắm các vật liệu và/hoặc tổ chức các hội thảo triển khai các hoạt động nhận thức môi trường không? | 3 | 0 | 3 | 2 | 1 | 2.4 |
| | Ông/ bà có thể giải thích cách ước tính và xin được ngân sách cần thiết để tiến hành hoạt động nhận thức môi trường không? | 3 | 0 | 1 | 3 | 2 | 2.2 |
| Đánh giá | Ông/ bà có thể giải thích các chỉ số và phương pháp đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường không? | 1 | 0 | 2 | 3 | 3 | 1.7 |
| | Ông/ bà có thể đưa ra đánh giá cá nhân về các hoạt động nhận thức môi trường và giải thích lý do cho mỗi đợt đánh giá không? | 1 | 2 | 4 | 0 | 3 | 2.3 |
| Viết báo cáo | Ông/ bà có tham gia lập báo cáo các hoạt động nhận thức môi trường không? | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2.2 |
| | Ông/ bà có góp ý để cải thiện các hoạt động nhận thức môi trường tương tự sau này không? | 1 | 2 | 3 | 1 | 1 | 2.1 |

Ghi chú: Đã thu được 12 phiếu khảo sát đã từ các Sở TNMT mục tiêu. Tuy nhiên, một số cán bộ không trả lời tất cả các câu hỏi, vì thế tổng số người trả lời của mỗi câu hỏi có thể ít hơn 12.

Các năng lực được đánh dấu là các năng lực được đánh giá kém hơn các năng lực khác

Nguồn: JET

2.7.1.4 Kế hoạch phát triển năng lực (CD)

Bằng cách rà soát lại các hoạt động nhận thức môi trường đã tổ chức trước đây, có thể thấy rằng các Sở TNMT có ít kinh nghiệm triển khai các hoạt động nhận thức môi trường tại một khu vực địa lý cụ thể và cho một loại nguồn ô nhiễm đặc biệt nhằm để góp phần quản lý môi trường nước tốt hơn. Vì thế, phát triển năng lực về nhận thức môi trường cần tập trung vào việc lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường cho một khu vực quan trọng và tại các nguồn ô nhiễm trọng điểm để cải thiện hoặc bảo tồn môi trường nước. Đồng thời, việc phối hợp với các hoạt động của kết quả 2 (Quan trắc/ Kiểm kê/ Thanh tra) và Kết quả 3 (Các biện pháp KSON nước) là rất cần thiết để có thể phân tích chính xác hiện trạng, các vấn đề, các biện pháp giải quyết các vấn đề ô nhiễm. Hơn nữa, việc trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị trực thuộc Sở một cách thường xuyên là rất quan trọng để nâng cao hiệu quả của các hoạt động nhận thức môi trường.

Vì thế, các mục tiêu phát triển năng lực của Kết quả 4 được lập như sau:

- Tiến hành các hoạt động nhận thức môi trường, về vấn đề môi trường nước cụ thể;
- Tiến hành các hoạt động nhận thức môi trường bằng cách vận dụng các sản phẩm của Kết quả 2 và kết quả 3;
- Nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường; và
- Trao đổi và phổ biến các kinh nghiệm, những bài học tổ chức các hoạt động nhận thức môi trường giữa các Sở TNTM để nâng cao hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp KSON của Sở TNMT.

Kế hoạch phát triển năng lực được thiết kế theo 3 mục tiêu trong Bảng 2.7-4. Các hoạt động phát triển năng lực thực tế được tiến hành bằng cách chuyên gia JICA cùng làm việc với phía Việt Nam (joint-work).

Bảng 2.7-4 Kế hoạch phát triển năng lực của Kết quả 4

| Giai đoạn Mục | Giai đoạn I (Giai đoạn đầu) | Giai đoạn II (Giai đoạn giữa kỳ 1) | Giai đoạn III (Giai đoạn giữa kỳ 2) | Giai đoạn IV (Giai đoạn cuối kỳ) |
|-------------------------------|--|---|---|--|
| Mục tiêu phát triển năng lực | - Nâng cao năng lực lập kế hoạch cho các hoạt động nhận thức môi trường về quản lý môi trường nước | - Nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường về quản lý môi trường nước | - Nâng cao năng lực lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường qua việc sử dụng Kết quả 2&3 | - Nâng cao năng lực phổ biến các bài học học được từ việc thực hiện các hoạt động |
| Nội dung công việc | 1) Rà soát hệ thống tổ chức hiện hành và các hoạt động đã thực hiện về nâng cao nhận thức môi trường 2) Xác định khu vực thí điểm sẽ tiến hành các hoạt động nhận thức môi trường 3) Xây dựng Kế hoạch công tác cho năm thứ nhất | 4) Chuẩn bị cho việc thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường cho năm thứ nhất 5) Triển khai thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường cho năm thứ nhất 6) Đánh giá hoạt động đã thực hiện để rút kinh nghiệm và cải thiện các hoạt động cho năm thứ hai | 7) Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường cho năm thứ 2 qua việc sử dụng Kết quả 2&3 8) Chuẩn bị cho việc thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường cho năm thứ 2 9) Triển khai thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường cho năm thứ hai | 10) Đánh giá hoạt động và những kết quả đạt được 11) Tổ chức hội thảo về nhận thức môi trường 12) Lập sổ tay về các bước thực hiện hoạt động nhận thức môi trường qua các bài học có được từ các hoạt động |
| Kết quả dự kiến | - Kế hoạch công tác của Kết quả 4 - Chương trình hoạt động nâng cao nhận thức môi trường (năm thứ nhất) | - Tài liệu về hoạt động nhận thức môi trường (năm thứ nhất) - Báo cáo hoạt động nhận thức môi trường (năm thứ nhất) | - Chương trình hoạt động nâng cao nhận thức môi trường (năm thứ hai) - Tài liệu về hoạt động nhận thức môi trường (năm thứ hai) | - Xây dựng báo cáo hoạt động nâng cao nhận thức môi trường (năm thứ hai) - Sổ tay quy trình thực hiện hoạt động nhận thức môi trường |
| Hỗ trợ | JET | JET | JET | JET |
| Đối tượng | Cán bộ nhóm WG-4 và các các bộ liên quan | Cán bộ nhóm WG-4 và các các bộ liên quan | Cán bộ nhóm WG-4 và các các bộ liên quan | Cán bộ nhóm WG-4 và các các bộ liên quan |
| Hoạt động phát triển năng lực | Phối hợp làm việc giữa các đối tác Việt Nam và các chuyên gia JET | Phối hợp làm việc giữa các đối tác Việt Nam và các chuyên gia JET | Phối hợp làm việc giữa các đối tác Việt Nam và các chuyên gia JET | Phối hợp làm việc giữa các đối tác Việt Nam và các chuyên gia JET |
| Thời gian | Từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 9 năm 2011 | Từ tháng 10 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 | Từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 9 năm 2012 | Từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 2 năm 2013 |

Nguồn: JET

2.7.1.5 Xây dựng kế hoạch công tác (WPs)

Để đạt được các mục tiêu và các kết quả phát triển năng lực đã đề ra, Kế hoạch công tác của kết quả 4 đã được xây dựng (xem Bảng 2.7-5). Kế hoạch công tác được điều chỉnh và cập nhật trong thời gian dự án dựa vào kết quả thảo luận giữa C/P và JET. Trong kế hoạch công tác, các hoạt động nhận thức môi trường tập trung vào các khu vực mục tiêu đã được lập kế hoạch trong năm thứ nhất của Dự án, tạo nền tảng cho việc thực hiện các hoạt động đã được tăng cường và cập nhật các sản phẩm của Kết quả 2 & 3 trong năm thứ 2 của Dự án.

Bảng 2.7-5 Tóm tắt kế hoạch công tác của Kết quả 4

| Số TNMT | Mục | Nội dung | |
|--------------|------------------|--|---|
| Hà Nội | Khu vực mục tiêu | Huyện Từ Liêm và Quận Hà Đông | |
| | Mục đích | Năng lực của Sở TNMT về nâng cao nhận thức về môi trường nước cho các doanh nghiệp được cải thiện. | |
| | Năm thứ nhất | Hoạt động | Hội thảo cho các cơ sở công nghiệp và làng nghề |
| | | Mục đích | Các doanh nghiệp tại huyện Từ Liêm và quận Hà Đông hiểu về các quy định liên quan đến môi trường nước, cách tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ và ưu đãi cho các công trình quản lý môi trường và thảo luận về các biện pháp khả thi trong quản lý nước thải công nghiệp. |
| | | Đối tượng | Doanh nghiệp |
| | | Thời gian | Tháng 12 năm 2011 |
| | | Chương trình | - Trình bày về quản lý nước thải công nghiệp tại thành phố Hà Nội - Thảo luận về các biện pháp khả thi trong quản lý nước thải công nghiệp |
| | Năm thứ hai | Hoạt động | -Xây dựng sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp -Tổ chức hội thảo ngành cùng với Kết quả 3 để phổ biến cuốn Sổ tay hướng dẫn cho các doanh nghiệp |
| | | Mục đích | -Các doanh nghiệp tại huyện Từ Liêm và quận Hà Đông hiểu về các quy định liên quan đến môi trường nước, hệ thống hỗ trợ tại chính và các biện pháp quản lý nước thải công nghiệp -Các sản phẩm từ các hoạt động của Kết quả 3 sẽ được chia sẻ với các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp |
| | | Đối tượng | Các doanh nghiệp, các cán bộ nhà nước |
| Thời gian | | Tháng 6/ 2012 – tháng 3/ 2013 | |
| Chương trình | | Xây dựng cuốn Sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp Sổ tay được biên soạn để hỗ trợ các doanh nghiệp hiểu về các quy định liên quan đến môi trường nước, các hệ thống hỗ trợ tài chính và các biện pháp quản lý nước thải công nghiệp. Tổ chức hội thảo ngành Tổ chức hội thảo ngành nhằm phổ biến các cuốn sổ tay đã xây dựng và các sản phẩm của Kết quả 3 cho các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp có liên quan | |
| Hải Phòng | Khu vực mục tiêu | Lưu vực sông Rế | |
| | Mục đích | Năng lực của Sở TNMT về nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn nước cho các doanh nghiệp và dân chúng được cải thiện. | |
| | Năm thứ nhất | Hoạt động | Hội thảo và tham quan |
| | | Mục đích | Các cán bộ tại phòng TNMT quận/ huyện và các tổ chức xã hội hiểu được hiện trạng môi trường nước sông Rế và xác định các hoạt động nhận thức môi trường sẽ thực hiện trong năm thứ 2 của dự án |
| | | Đối tượng | Lãnh đạo của các tổ chức xã hội và các cán bộ phòng TNTM quận/ huyện |
| | | Thời gian | Tháng 12 năm 2011 |
| | Chương trình | - Trình bày về các hoạt động nâng cao nhận thức quản lý môi trường nước tại sông Rế - Tham quan sông Rế - Thảo luận các hoạt động nhận thức môi trường tại sông Rế | |
| | Năm thứ hai | Hoạt động | -Hội thảo cho các doanh nghiệp -Công bố cho dân chúng |
| | | Mục đích | -Các doanh nghiệp tại lưu vực sông Rế (các doanh nghiệp đã được nghiên cứu tại Kết quả 2-2: Kiểm kê) hiểu được các biện pháp quản lý nước thải công nghiệp -Người dân và các đoàn thể xã hội hiểu được các biện pháp quản lý môi trường nước tại sông Rế |
| | | Đối tượng | Doanh nghiệp, người dân và các tổ chức xã hội tại lưu vực sông Rế |
| Thời gian | | Tháng 11 /2012 – Tháng 1/ 2013 | |
| Chương trình | | Hội thảo cho các doanh nghiệp - Trình bày hiện trạng môi trường nước sông Rế - Trình bày về quản lý nước thải công nghiệp - Thảo luận về quản lý nước thải công nghiệp tại sông Rế Công bố cho người dân và doanh nghiệp bằng phóng sự truyền hình, biển truyền thông Nhằm công bố hiện trạng môi trường sông Rế, công bố cho người dân và doanh nghiệp bằng phóng sự truyền hình, biển truyền thông | |

| Số TNMT | Mục | Nội dung | |
|-----------------|--|--|---|
| TT - Huế | Khu vực mục tiêu | Phá Tam Giang – Cầu Hai và sông Hương | |
| | Mục đích | Năng lực của Sở TNMT về nâng cao nhận thức đối với môi trường nước cho các doanh nghiệp và dân chúng được cải thiện. | |
| | Năm thứ nhất | Hoạt động | Hội thảo và tham quan |
| | | Mục đích | Các cán bộ tại phòng TNMT quận/ huyện và các tổ chức xã hội hiểu được hiện trạng môi trường nước Phá Tam Giang – Cầu Hai và các biện pháp cần thực hiện đối với ngành nuôi tôm |
| | Đối tượng | Cán bộ quận/ huyện và lãnh đạo các tổ chức xã hội | |
| | Thời gian | Tháng 12 năm 2011 | |
| | Chương trình | - Trình bày về các hoạt động nâng cao nhận thức quản lý môi trường nước tại Phá Tam Giang – Cầu Hai - Tham quan phá Tam Giang – Cầu Hai - Thảo luận nhóm về quản lý môi trường phá Tam Giang – Cầu Hai | |
| Năm thứ hai | Hoạt động | -Hội thảo cho các doanh nghiệp -Khảo sát chất lượng nước đơn giản và sự kiện làm sạch môi trường | |
| | Mục đích | -Các doanh nghiệp (các doanh nghiệp đã được nghiên cứu tại Kết quả 2-2: Kiểm kê) hiểu về các biện pháp quản lý nước thải công nghiệp -Sở TNMT tăng cường hợp tác với các cán bộ phòng TNMT quận huyện và các tổ chức xã hội để tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường nước | |
| | Đối tượng | -Các doanh nghiệp tại phá Tam Giang – Cầu Hai và sông Hương -Dân chúng, sinh viên, các tổ chức xã hội | |
| | Thời gian | Tháng 9 – tháng 11/ 2012 | |
| | Chương trình | Hội thảo cho các doanh nghiệp - Trình bày về hiện trạng môi trường nước - Trình bày về quản lý nước thải công nghiệp - Thảo luận về quản lý nước thải công nghiệp Khảo sát chất lượng nước đơn giản và sự kiện làm sạch môi trường với sự tham dự của người dân và các tổ chức xã hội Tổ chức khảo sát chất lượng nước đơn giản và sự kiện làm sạch môi trường với sự tham dự của quận/ huyện, tổ chức xã hội, người dân và sinh viên | |
| Tp. Hồ Chí Minh | Khu vực mục tiêu | Cụm công nghiệp Tân Quy | |
| | Mục đích | Năng lực của Sở TNMT về nâng cao nhận thức môi trường cho các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp Tân Quy về môi trường nước công nghiệp được tăng cường. | |
| | Năm thứ nhất | Hoạt động | Hội thảo cho các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp Tân Quy |
| | | Mục đích | Các doanh nghiệp mục tiêu hiểu được hiện trạng quản lý môi trường nước tại cụm công nghiệp Tân Quy |
| | | Đối tượng | Các doanh nghiệp cụm công nghiệp Tân Quy |
| | Thời gian | Tháng 2/2012 | |
| | Chương trình | - Thuyết trình về quản lý môi trường nước tại cụm công nghiệp Tân Quy - Thảo luận về các biện pháp khả thi trong quản lý nước thải công nghiệp | |
| Năm thứ hai | Hoạt động | -Xây dựng sổ tay quản lý nước thải công nghiệp và phổ biến cuốn sổ tay này -Tổ chức sự kiện làm sạch môi trường | |
| | Mục đích | - Các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp Tân Quy hiểu về các quy định liên quan đến môi trường nước, sự trợ giúp về tài chính và các biện pháp quản lý nước thải công nghiệp -Sở TNMT tăng cường phối hợp với các tổ chức xã hội và người dân bằng cách tổ chức các sự kiện bảo vệ môi trường nước | |
| | Đối tượng | -Các doanh nghiệp tại Cụm công nghiệp Tân Quy -Người dân, sinh viên và tổ chức xã hội | |
| | Thời gian | Tháng 9 – Tháng 11/ 2012 | |
| Chương trình | Xây dựng Sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp Tài liệu hướng dẫn về quản lý môi trường cho các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp Tân Quy, giúp họ hiểu về các quy định, hỗ trợ về tài chính và công nghệ xử lý nước thải bao gồm cả sản xuất sạch hơn, nhằm tận dụng các sản phẩm trong năm thứ nhất của dự án sự kiện làm sạch môi trường với sự tham dự của người dân và các tổ chức xã hội sự kiện làm sạch môi trường với sự tham dự của người dân và các tổ chức xã hội, người dân và sinh viên | | |
| tỉnh BRVT | Khu vực mục tiêu | Sông Cửa Lấp | |
| | Mục đích | Năng lực của tỉnh BRVT về nâng cao nhận thức cho người dân và doanh nghiệp đối với môi trường nước được tăng cường. | |
| | Năm thứ nhất | Hoạt động | Hội thảo và tham quan |
| | | Mục đích | Các cán bộ tại phòng TNMT quận/ huyện và các tổ chức xã hội hiểu được hiện trạng môi trường nước tại sông Cửa Lấp và xác định các hoạt động nhận thức môi trường được thực hiện trong năm thứ 2 của Dự án |
| | Đối tượng | lãnh đạo các tổ chức xã hội và các cán bộ tp Vũng Tàu và huyện Long Điền | |
| | Thời gian | Tháng 12 năm 2011 | |
| Chương trình | - Thuyết trình về quản lý môi trường nước tại sông Cửa Lấp - Tham quan sông Cửa Lấp - Thảo luận các hoạt động nhận thức môi trường tại sông Cửa Lấp | | |

2.7.2.4 Hành động 4-3: Tiến hành các hoạt động nâng cao nhận thức theo đúng kế hoạch

(1) Hội thảo trong năm thứ 1 của Dự án

1) Mục tiêu

Như kế hoạch, hội thảo về nhận thức môi trường được tổ chức tại mỗi Sở TNMT trong năm thứ nhất với các mục tiêu như sau:

- i) Nâng cao nhận thức môi trường của doanh nghiệp, các tổ chức liên quan và các nhóm dân cư tại các khu vực mục tiêu hoặc liên quan đến các vấn đề mục tiêu;
- ii) Cung cố năng lực cho các đối tác VN tại các Sở TNMT về các hoạt động nhận thức môi trường, và
- iii) Đánh giá, xây dựng kế hoạch các hoạt động nhận thức môi trường trong năm thứ hai của Dự án

2) Thành phần tham dự

Thành phần tham dự hội thảo tại mỗi Sở TNMT khác nhau, tùy thuộc vào khu vực/ vấn đề cần nâng cao nhận thức. Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh tập trung vào vấn đề nước thải công nghiệp nên thành phần được mời tham dự hội thảo chủ yếu là đại diện các doanh nghiệp. Thành phố Hải Phòng, tỉnh Thừa Thiên Huế và Bà Rịa Vũng Tàu tập trung vào các khu vực bị ô nhiễm nước nghiêm trọng nên thành phần được mời tham dự hội thảo là các cán bộ quận/ huyện và các đoàn thể xã hội để có thể xây dựng được mối quan hệ cộng tác trong các hoạt động nhận thức môi trường.

3) Chương trình

Hội thảo có phần thuyết trình và phần thảo luận nhóm. Trong phần thuyết trình, Sở TNMT, JET và các cán bộ khác có các bài thuyết trình để nâng cao nhận thức của các đại biểu tham dự hội thảo về các khu vực/ vấn đề mục tiêu. Tiếp đó, phần thảo luận nhóm nhằm xác định và phân tích các vấn đề, và tìm ra các biện pháp giải quyết, phòng ngừa ô nhiễm nước, đồng thời xác định các hoạt động sẽ phải tiến hành trong năm tiếp theo. Nội dung hội thảo được tóm tắt trong Bảng 2.7-6 và một số hình ảnh về hội thảo được trình bày tại Hình 2.7-2.

Bảng 2.7-6 Tóm tắt các hội thảo nhận thức môi trường trong năm thứ nhất

| Sở TNMT | Mục | Mô tả |
|-------------------|---|---|
| Hà Nội | Thời gian và địa điểm | Ngày 8/12/2011, từ 14: 00 đến 17:00 tại khách sạn Bảo Sơn |
| | Thành phần tham dự | Các doanh nghiệp (chủ yếu tại quận Hà Đông và huyện Từ Liêm) , Sở TNMT, Sở Công thương, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, phòng TNMT quận Hà Đông và huyện Từ Liêm, Văn phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Quỹ BVMT Hà Nội, Đài truyền hình Hà Nội, JET (52 người) |
| | Mục tiêu | -Doanh nghiệp nâng cao nhận thức về các quy định, hỗ trợ tài chính, công nghệ phù hợp trong quản lý nước thải công nghiệp -DONRE lấy ý kiến phản hồi về các biện pháp cần để cải thiện công tác quản lý nước thải công nghiệp tại các doanh nghiệp và các đơn vị liên quan. |
| | Nội dung (Công cụ/ Tài liệu) | - Thuyết trình về các hoạt động kiểm soát ô nhiễm công nghiệp tại thành phố Hà Nội (Chi cục BVMT Hà Nội) - Thuyết trình về các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý nước thải công nghiệp (Chi cục BVMT Hà Nội) - Thuyết trình về các phương pháp để các doanh nghiệp có thể tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư môi trường (Quỹ BVMT Hà Nội) - Thuyết trình về kinh nghiệm của Nhật Bản trong quản lý nước thải công nghiệp (JET) - Thảo luận nhóm về các biện pháp có thể áp dụng trong quản lý nước thải công nghiệp (Chi cục BVMT Hà Nội) |
| | Các kết quả thảo luận chính | - Hội thảo cho thấy các doanh nghiệp cần ba loại thông tin, đó là luật pháp và các quy định về quản lý nước thải, công nghệ xử lý nước thải và cơ chế hỗ trợ tài chính. - Một đại diện từ doanh nghiệp cho biết doanh nghiệp của mình đã phải đầu tư vào thiết bị xử lý nước thải bằng vốn vay từ ngân hàng thành phố do không được biết thông tin về các khoản vay ưu đãi từ Quỹ BVMT. - Một số đại biểu cho biết, trong nhiều doanh nghiệp, các cán bộ quản lý môi trường thường rất bận rộn và phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác. Vì thế họ không hiểu hết các luật lệ và quy định.. |
| Bài học/ phản hồi | - Kết quả từ các phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã được gửi đến các đại biểu tham dự - Cần xây dựng Sở tay để phổ biến thông tin đến nhiều doanh nghiệp hơn và được lâu dài hơn | |
| Hải Phòng | Thời gian và địa điểm | Ngày 20/12/2011, từ 07:00 đến 16:00 tại Resort Sông Giá |
| | Thành phần tham dự | Sở TNMT, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, công ty TNHH cấp nước Hải Phòng, Công ty thủy lợi An Hai, HEZA, Hội bảo vệ môi trường, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các phòng TNMT quận/ huyện liên quan và các UBND quận/ huyện, Đài truyền hình Hải Phòng, JET (55 người) |

| Sở TNMT | Mục | Mô tả |
|-----------------|------------------------------|--|
| | Mục tiêu | - Các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội hiểu được hiện trạng môi trường nước Sông Rế và chức năng của nhà máy lọc nước An Dương; - Sở TNMT nhận các ý kiến phản hồi của các đơn vị liên quan về các biện pháp cần thiết để cải thiện công tác quản lý môi trường nước sông Rế. |
| | Nội dung (Công cụ/ Tài liệu) | - Tham quan sông Rế - Thuyết trình về Nhà máy lọc nước An Dương (Công ty TNHH cấp nước Hải Phòng) - Thuyết trình về các hoạt động quản lý nguồn nước tại sông Rế (Công ty TNHH thủy lợi An Hải) - Thuyết trình hiện trạng chất lượng nước sông Rế và nguồn gây ô nhiễm chính (Trung tâm quan trắc môi trường Hải Phòng) - Thuyết trình về kinh nghiệm kiểm soát ô nhiễm công nghiệp và các hoạt động nhận thức môi trường (JET) - Thảo luận nhóm về tăng cường năng lực quản lý môi trường sông Rế |
| | Các kết quả thảo luận chính | - Có nhiều đối tượng sử dụng nước sông Rế; và có nhiều ý tưởng/ đề xuất hướng đến việc bảo tồn nguồn nước sông Rế như trao đổi thông tin giữa các cơ quan/ tổ chức liên quan, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp về pháp luật, quy định và nâng cao nhận thức công chúng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. - Các đại biểu đề nghị xây dựng một hệ thống mạng để các đối tượng có thể trao đổi thông tin và thảo luận các biện pháp cần thực hiện để KSON |
| | Bài học/ phản hồi | - Kết quả từ các phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã được gửi đến các đại biểu tham dự - Cần xây dựng kế hoạch cho các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường hướng tới đối tượng là các doanh nghiệp và các hoạt động quan hệ công chúng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. |
| TT Huế | Thời gian và địa điểm | Ngày 13/12/2011, từ 08:30 đến 17:00 tại Tam Giang Resort & Spa |
| | Thành phần tham dự | Sở TNMT, Sở Nông nghiệp & PTNT, các phòng TNMT quận/ huyện, hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, đoàn thanh niên, tình nguyện viên, Đại học Huế, Đài truyền hình Huế, Tạp chí Huế, JET (54 người) |
| | Mục tiêu | - Các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội hiểu được hiện trạng các nguồn ô nhiễm nước tại Phá Tam Giang – Cầu Hai; - Sở TNMT DONRE nhận các ý kiến phản hồi của các đơn vị liên quan về các biện pháp cần thiết để cải thiện công tác quản lý môi trường nước tại phá Tam Giang – Cầu Hai |
| | Nội dung (Công cụ/ Tài liệu) | - Thuyết trình về hiện trạng môi trường nước tại phá Tam Giang – Cầu Hai (Viện Tài nguyên môi trường và công nghệ sinh học, Đại học Huế) - Thuyết trình về nuôi trồng thủy sản tại phá Tam Giang – Cầu Hai (Sở TNMT Nông nghiệp và PTNT, Chi cục thủy sản) - Thuyết trình về quản lý môi trường nước (Sở TNMT tỉnh Thừa Thiên Huế) - Thảo luận nhóm về các hoạt động nhận thức môi trường tại phá Tam Giang – Cầu Hai |
| | Các kết quả thảo luận chính | - Các đại biểu tham dự đồng ý rằng các đối tượng sử dụng nước tại phá Tam Giang – Cầu Hai cần có biện pháp giải quyết/ kiểm soát ô nhiễm đến từ việc nuôi trồng thủy sản và các cơ sở công nghiệp, xả nước thải sinh hoạt và chất thải rắn. - Sở TNMT tỉnh Thừa Thiên Huế đang xúc tiến các hoạt động nhận thức môi trường đối với các doanh nghiệp và công chúng với sự cộng tác của các bên liên quan |
| | Bài học/ phản hồi | - Kết quả từ các phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã được gửi đến các đại biểu tham dự. - Cần lập kế hoạch cho các hội thảo nâng cao nhận thức môi trường, hướng đến các doanh nghiệp, đồng thời cũng cần tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân, học sinh, sinh viên và phối hợp với các tổ chức xã hội. |
| Tp. Hồ Chí Minh | Thời gian và địa điểm | Ngày 07/02/2012, từ 08:00 – 11:30 tại khách sạn Norfolk |
| | Thành phần tham dự | Các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp Tân Quy, Tổng cục môi trường, Sở TNMT và Sở công thương HCM, phòng TNMT huyện Củ Chi, phòng TNMT quận 12, phòng TNMT huyện Thủ Đức, Báo Sài Gòn giải phóng, JET (66 người) |
| | Mục tiêu | - Các doanh nghiệp được nâng cao nhận thức về các quy định, hỗ trợ tài chính, công nghệ phù hợp trong quản lý nước thải công nghiệp; - Sở TNMT nhận ý kiến phản hồi về các biện pháp cần thiết để cải thiện công tác quản lý nước thải công nghiệp tại các doanh nghiệp và các đơn vị liên quan |
| | Nội dung (Công cụ/ Tài liệu) | - Thuyết trình về tình hình chất lượng nước sông Bà Bép và sông Sài Gòn (Sở TNMT) - Thuyết trình về chất lượng nước thải và hoạt động bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp Tân Quy. (Sở TNMT) - Thuyết trình về luật pháp và các quy định về quản lý nước thải công nghiệp (Sở TNMT) - Thuyết trình về công nghệ sản xuất sạch hơn (Trung tâm sản xuất sạch hơn) - Thuyết trình về kinh nghiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường của Nhật Bản (JET) - Thảo luận về các biện pháp có thể áp dụng trong quản lý nước thải công nghiệp |
| | Các kết quả thảo luận chính | - Các doanh nghiệp phát biểu rằng họ sẵn sàng tuân thủ các quy định và đề nghị Sở TNMT cung cấp thông tin hoặc tổ chức tập huấn về công nghệ xử lý nước thải công nghiệp và thông tin chi tiết về sản xuất sạch hơn. |
| | Bài học/ phản hồi | - Kết quả từ các phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã được gửi đến các đại biểu tham dự. - Cần xây dựng cuốn sổ tay để phổ biến rộng rãi thông tin cho nhiều doanh nghiệp hơn và dài hạn hơn |
| tỉnh BRVT | Thời gian và địa điểm | Ngày 16/12/2011, từ 07:30 đến 16:00 tại Resort Long Hải |
| | Thành phần tham dự | Sở TNMT BRVT, phòng TNMT thành phố Vũng Tàu và huyện Long Điền, UBND các xã có liên quan, Cảnh sát môi trường, hội liên hiệp phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, JET (38 người) |
| | Mục tiêu | - Các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội hiểu được hiện trạng môi trường nước sông Cửa Lấp và các nguồn ô nhiễm tại thành phố Vũng Tàu và huyện Long Điền - Sở TNMT nhận ý kiến phản hồi về các biện pháp cần thiết để cải thiện công tác quản lý môi trường tại sông Cửa Lấp |
| | Nội dung (Công cụ/ Tài liệu) | - Tham quan sông Cửa Lấp - Thuyết trình về hiện trạng khu vực sông Cửa Lấp (Sở TNMT) - Thuyết trình về tình hình xử lý ô nhiễm tại thành phố Vũng Tàu (phòng TNMT thành phố Vũng Tàu) - Thuyết trình về tình hình xử lý ô nhiễm tại huyện Long Điền (phòng TNMT huyện Long Điền) - Thuyết trình về kinh nghiệm kiểm soát ô nhiễm nước tại Nhật Bản, và các hoạt động nhận thức môi trường (JET) - Thảo luận nhóm về tăng cường năng lực quản lý môi trường sông Cửa Lấp |

| Sở TNMT | Mục | Mô tả |
|---------|-----------------------------|---|
| | Các kết quả thảo luận chính | <ul style="list-style-type: none"> - Việc nâng cao nhận thức môi trường của doanh nghiệp trong việc tuân thủ các luật lệ môi trường là rất quan trọng; và rõ ràng, có nhu cầu về các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường với sự hợp tác giữa Sở TNMT và các đoàn thể xã hội. - Một trong những ý tưởng về nâng cao nhận thức môi trường là các đoàn thể xã hội tổ chức tuần tra môi trường, giám sát chất lượng nước bằng bộ (dụng cụ) kiểm tra chất lượng nước và lập bản đồ ô nhiễm., làm phim về môi trường... |
| | Bài học/ phản hồi | <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả từ các phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã được gửi đến các đại biểu tham dự. - Cần lập kế hoạch các hoạt động nhận thức môi trường để các doanh nghiệp và người dân hiểu được tầm quan trọng của việc BVMT nước sông Cửa Lấp. |

Nguồn: JET



Bài thuyết trình của Quỹ BVMT Hà Nội tại Hội thảo Hà Nội



Thảo luận nhóm với các doanh nghiệp tại Hội thảo Hà Nội



Tham quan nhà máy nước sạch An Dương, Hội thảo tại Hải Phòng



Thảo luận nhóm với các tổ chức xã hội tại Hội thảo Hải Phòng



Giải thích của hội nông dân, Phần tham quan của Hội thảo tại TT- Huế



Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm tại Hội thảo ở TT – Huế



Nguồn: JET

Hình 2.7-2 Một số hình ảnh về hội thảo tại các Sở TNMT

(2) Hà Nội

1) Sổ tay hướng dẫn công tác quản lý môi trường (Môi trường nước) cho các nhà điều hành doanh nghiệp

Để các doanh nghiệp nâng cao nhận thức và hiểu về các nghĩa vụ, hỗ trợ tài chính và công nghệ liên quan đến quản lý nước thải công nghiệp, Sổ tay hướng dẫn công tác quản lý môi trường (Môi trường nước) nêu tóm tắt các thông tin về quản lý nước thải công nghiệp đã được soạn thảo. Mục lục và hình ảnh về cuốn Sổ tay này được trình bày tại Hình 2.7-3.

| | |
|--|---------------------------|
| <p>I. Các quy định liên quan đến nước thải công nghiệp</p> <p>II. Doanh nghiệp phải làm gì trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng?</p> <p>III. Doanh nghiệp phải làm gì trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức</p> <p>IV. Doanh nghiệp phải làm gì khi đi vào hoạt động</p> <p>V. Một số vấn đề nên biết</p> <p>PHỤ LỤC</p> | |
| <p>Mục lục</p> | <p>Sổ tay đã xây dựng</p> |

Nguồn: JET

Hình 2.7-3 Sổ tay hướng dẫn công tác quản lý môi trường (tại Hà Nội)

2) Hội thảo ngành

Hội thảo về quản lý nước thải công nghiệp cho các doanh nghiệp và các cán bộ nhà nước sẽ được tổ chức vào tháng 3/ 2013 để chia sẻ kết quả các hoạt động của Kết quả 3, và phổ biến cuốn Sổ tay cho doanh nghiệp được soạn thảo trong Kết quả 4. Nội dung hội thảo được tóm tắt trong Bảng Hình 2.7-7 và một số hình ảnh về hội thảo được trình bày tại Hình 2.7-4.

Bảng 2.7-7 Tóm tắt nội dung hội thảo tại thành phố Hà Nội

| | |
|------------------------------|--|
| Thời gian/ địa điểm | 08:00~12:00 ngày 12/03/2013 tại khách sạn Bảo Sơn |
| Thành phần | Sở TNMT Hà Nội, các phòng TNMT quận/ huyện, Tổng cục môi trường, các Sở TNMT khác, doanh nghiệp, VCCI, Sở công thương Hà Nội HEPZA, JICA, JETRO, JET... (tổng số có 80 người) |
| Mục tiêu | -Sở TNMT phổ biến Sách hướng dẫn về quản lý nước thải công nghiệp -Doanh nghiệp nâng cao nhận thức về các biện pháp KSON nước cũng như các quy định, hỗ trợ tài chính, công nghệ phù hợp về quản lý nước thải công nghiệp |
| Nội dung (Công cụ/ tài liệu) | -Trình bày kế hoạch cải thiện các biện pháp KSON nước tại tp. Hà Nội (WG3) - Trình bày về đánh giá các thách thức trong quản lý nước thải công nghiệp tại Việt nam và giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản (WG3) -Trình bày về hệ thống thông tin tổng hợp và xếp hạng quản lý nước thải công nghiệp (IWMR) (WG3) -Giới thiệu Sổ tay hướng dẫn công tác quản lý môi trường (môi trường nước) cho các nhà điều hành doanh nghiệp - Thảo luận về quản lý nước thải công nghiệp |
| Kết quả thảo luận chính | - Việc cải thiện tình hình tuân thủ của các doanh nghiệp là rất quan trọng. Sở TNMT Hà Nội đẩy mạnh công tác thanh tra/ kiểm tra môi trường (tại ít nhất 500 doanh nghiệp/ năm). Các quy định hiện hành tại Hà Nội hiện nay chặt chẽ hơn trước. - Việc quản lý về nước cần nhất quán với các quy định về sử dụng đất. Các doanh nghiệp nằm ở các khu dân cư không nên gây ô nhiễm nước. - Các doanh nghiệp đã nỗ lực cải thiện chất lượng nước thải công nghiệp cần phải được khen thưởng. |
| Bài học / phản hồi | - Kết quả điều tra qua phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã được gửi đến các cán bộ tham dự hội thảo. Đặc biệt, nội dung cuốn Sổ tay về quản lý nước thải công nghiệp được đánh giá cao. -Cần tiếp tục tổ chức các buổi hội nghị/ hội thảo cho các doanh nghiệp thường xuyên hơn để tăng cường việc trao đổi thông tin giữa Sở TNMT và các doanh nghiệp |

Nguồn: JET



Nguồn: JET

Hình 2.7-4 Một số hình ảnh về hội thảo ngành tại Hà Nội

(3) Sở TNMT Hải Phòng

1) Hội thảo cho các doanh nghiệp

Hội thảo nâng cao nhận thức môi trường về quản lý nước thải công nghiệp sẽ được tổ chức vào tháng 11 cho các doanh nghiệp ở lưu vực sông Rế đã được WG 2-3 (kiểm kê) nghiên cứu trong năm đầu tiên. Nội dung hội thảo được tóm tắt tại Bảng 2.7-8 và một số hình ảnh hội thảo được trình bày tại Hình 2.7-5.

Bảng 2.7-8 Tóm tắt nội dung hội thảo tại Hải Phòng

| | |
|---------------------|---|
| Thời gian/ địa điểm | 08:00~12:00 ngày 28/11/2012 tại Trung tâm hội nghị thành phố Hải Phòng |
| Thành phần | Sở TNMT, Cảnh sát môi trường, Sở Y tế, Sở công thương, Sở NN & PTNT, phòng TNMT quận/ huyện Hải Phòng các doanh nghiệp tại lưu vực sông Rế, Quỹ BVMT VN, Trung tâm SXSH, đoàn thanh niên, liên đoàn lao động, hội phụ nữ, hiệp hội BVMT, Đài truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, công ty TNHH một thành viên cấp nước Hải Phòng, Công ty An Hải, JET (65 người) |

| | |
|------------------------------|--|
| Mục tiêu | -Các doanh nghiệp nâng cao nhận thức về các quy định, hỗ trợ tài chính, công nghệ phù hợp về quản lý nước thải công nghiệp -Sở TNMT lấy ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp và tổ chức liên quan về các biện pháp cần thiết để cải thiện công tác quản lý nước thải công nghiệp |
| Nội dung (Công cụ/ tài liệu) | - Điều kiện chất lượng nước và kiểm kê nguồn ô nhiễm nước sông Rế (HACEM) -Thuyết trình của công ty cấp nước sạch An Dương (công ty cấp nước Hải Phòng) -Hỗ trợ tài chính và khuyến khích trong đầu tư bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT VN) -Các biện pháp phù hợp trong quản lý nước thải công nghiệp (Trung tâm sản xuất sạch hơn) -Trình bày kinh nghiệm Nhật Bản về quản lý nước thải công nghiệp (JET) |
| Kết quả thảo luận chính | -Các doanh nghiệp cần biết các thông tin chi tiết và tổng hợp và trách nhiệm của mình trong việc quản lý nước thải công nghiệp, công nghệ xử lý nước thải với chi phí thấp và dễ áp dụng, các bước tiếp cận các hỗ trợ về tài chính. -Vì thế, doanh nghiệp sẵn sàng mong Sở TNMT tư vấn về các quy định có liên quan và cách thức tiếp cận các hỗ trợ về tài chính và chuyên gia công nghệ |
| Bài học / phản hồi | -Kết quả phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp -Sở TNMT cần điều phối việc chia sẻ thông tin về kiểm kê các nguồn ô nhiễm, kết quả quan trắc.. đến các cơ quan và doanh nghiệp có liên quan |

Nguồn: JET



Bài thuyết trình của HACEM

Bài thuyết trình của Trung tâm sản xuất sạch hơn

Nguồn: JET

Hình 2.7-5 Một số hình ảnh về hội thảo cho các doanh nghiệp in Hải Phòng

2) Phóng sự truyền hình và biển truyền thông

Các phóng sự truyền hình và biển truyền thông sẽ được thực hiện để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường ở lưu vực sông Rế. Trong giai đoạn công tác này, WG 4 đã thảo luận và đánh giá các chủ đề để làm phóng sự truyền hình, thiết kế của biển truyền thông, và thống nhất sẽ phối hợp với Công ty cấp nước Hải Phòng và Công ty Thủy Lợi An Hải để thực hiện. Hình 2.7-6 cho thấy các hình ảnh về phóng sự truyền hình và biển truyền thông.



Một số cảnh và DVD về phóng sự truyền hình

Một số cảnh trong phóng sự truyền hình

Lắp biển truyền thông gần cầu sông Rế

Biển truyền thông

Nguồn: JET

Hình 2.7-6 Phóng sự truyền hình và biển truyền thông tại Hải Phòng

(4) Sở TNMT tỉnh TT - Huế

1) Hội thảo dành cho các doanh nghiệp

Hội thảo nâng cao nhận thức môi trường đã được tổ chức vào tháng 11 cho các doanh nghiệp tại TT – Huế mà WG2-2 (kiểm kê) đã thực hiện nghiên cứu trong năm đầu tiên. Nội dung hội thảo được tóm tắt trong Bảng 2.7-9 và một số hình ảnh được trình bày trong Bảng 2.7-7.

Bảng 2.7-9 Tóm tắt hội thảo dành cho các doanh nghiệp tại TT – Huế

| | |
|------------------------------|---|
| Thời gian/ địa điểm | 08:00~12:00 ngày 23 tháng 11 năm 2013, Khách sạn Festival |
| Thành phần | Sở TNMT TT Huế, phòng TNMT quận/ huyện TT Huế, doanh nghiệp TT Huế, ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp TT Huế, Quỹ BVMT VN Trung tâm SXSH, đài truyền hình TT – Huế, báo, JET (72 người) |
| Mục tiêu | -Các doanh nghiệp nâng cao nhận thức về các quy định, hỗ trợ tài chính, công nghệ phù hợp về quản lý nước thải công nghiệp -Sở TNMT lấy ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp và tổ chức liên quan về các biện pháp cần thiết để cải thiện công tác quản lý nước thải công nghiệp |
| Nội dung (Công cụ/ tài liệu) | -Thuyết trình về công tác quản lý môi trường nước của Sở TNMT TT – Huế thực hiện (Chi cục BVMT TT Huế) -Thuyết trình về kiểm kê nguồn ô nhiễm tại TT – Huế và quản lý nước thải trong doanh nghiệp (Chi cục BVMT TT – Huế) -Thuyết trình về các biện pháp hỗ trợ và ưu đãi tài chính cho đầu tư bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT Việt Nam) -Thuyết trình về công nghệ phù hợp trong quản lý nước thải công nghiệp (trung tâm sản xuất sạch hơn) -Thuyết trình kinh nghiệm của Nhật Bản trong quản lý nước thải công nghiệp (JET) |
| Kết quả thảo luận chính | -Các doanh nghiệp sẵn sàng được Sở TNMT tổ chức đào tạo thường xuyên về các quy định môi trường -Các doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Sở TNMT về xử lý nước thải công nghiệp |
| Bài học / phản hồi | - Kết quả phiếu khảo sát cho thấy nội dung/ thông điệp của hội thảo đã phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp -Hầu hết các doanh nghiệp đều mong muốn được Sở TNMT đào tạo thường xuyên về quản lý nước thải công nghiệp. Sở TNMT cần tiếp tục tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức, bằng cách sử dụng các tài liệu đã được xây dựng trong khuôn khổ dự án. |

Nguồn: JET



Toàn cảnh Hội thảo

Thuyết trình của Chi cục BVMT TT – Huế

Nguồn: JET

Hình 2.7-7 Một số cảnh hội thảo cho các doanh nghiệp tại tỉnh TT – Huế

2) Sự kiện Kiểm tra chất lượng nước bằng phương pháp đơn giản và làm sạch môi trường

Để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nước tại sông Hương và Đầm Phá Tam Giang – Cầu Hai, các sự kiện Kiểm tra chất lượng nước bằng phương pháp đơn giản và sự kiện làm sạch môi trường đã được lên kế hoạch và tổ chức thực hiện ba lần trong tháng 9 (xem Bảng 2.7-10). Các thành viên WG4 đã đánh giá chương trình của từng sự kiện, soạn thảo tài liệu hướng dẫn, biên bản khảo sát chất lượng nước và làm biểu mẫu nhật ký kiểm tra chất lượng nước, biểu ngữ và áo phông in thông điệp và hình ảnh minh họa. Hình ảnh và tài liệu của các sự kiện được nêu tại Hình 2.7-8.

Bảng 2.7-10 Tóm tắt Sự kiện kiểm tra chất lượng nước bằng phương pháp đơn giản và làm sạch môi trường tại tỉnh TT-Huế

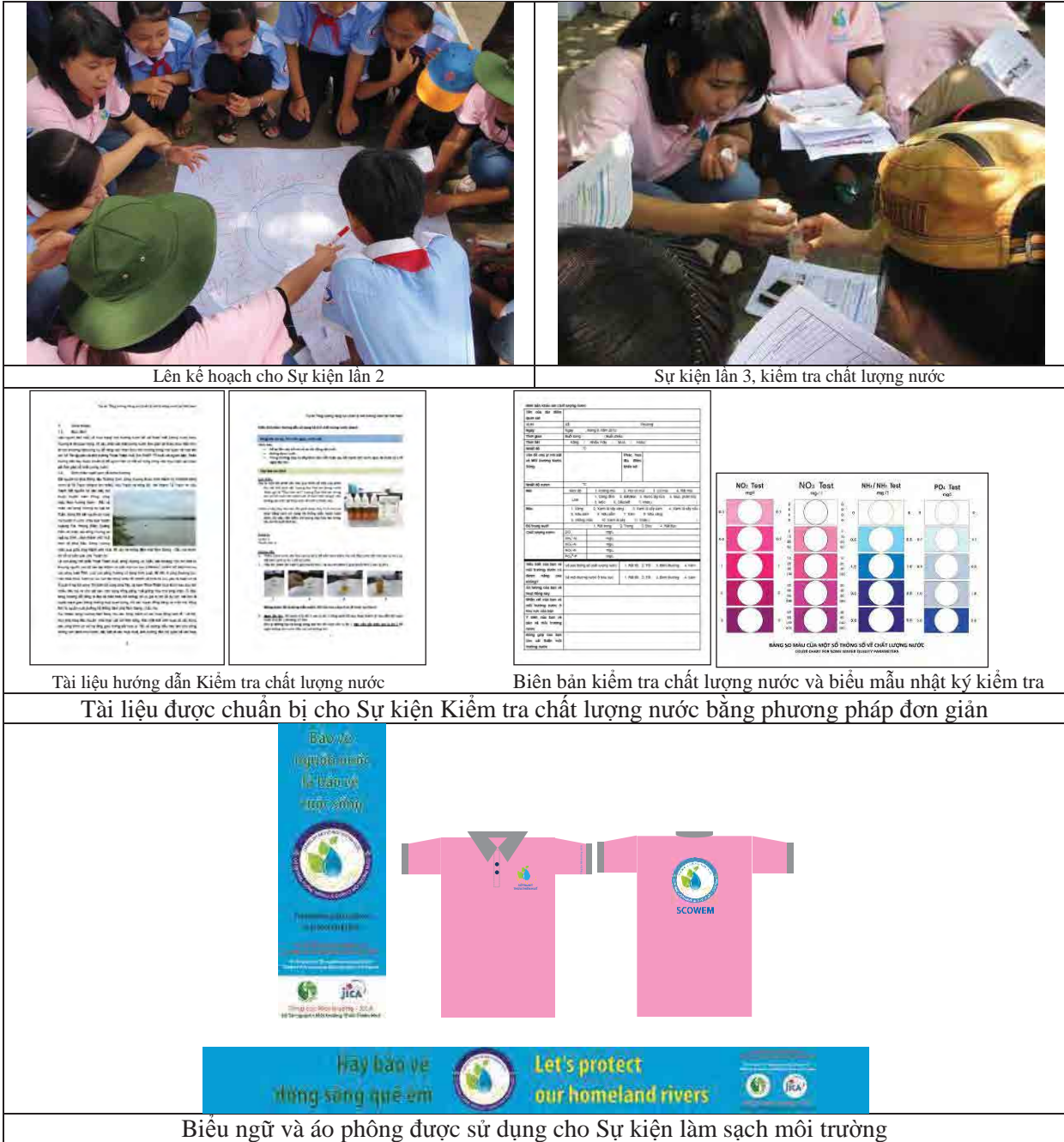
| STT | Ngày | Giờ | Địa điểm | Thành phần tham dự |
|-----|------------|-------------|-------------------------|---|
| 1 | 01/09/2012 | 07:00~11:30 | Đường Nguyễn Đình Chiểu | Nhóm công tác xã hội, Đoàn thành niên của Đại Học Huế, Chi cục BVMT (Tổng số 63 người) |
| 2 | 08/09/2012 | 07:00~11:00 | Trường Nguyễn Văn Trỗi | Nhóm công tác xã hội, học sinh trung học cơ sở, Chi cục BVMT (Tổng số 92 người) |
| 3 | 22/09/2012 | 07:00~11:00 | Chợ Hương Chữ | Đoàn thành niên của Đại Học Huế, người dân địa phương, Chi cục BVMT (Tổng số 103 người) |

Nguồn: JET



Ảnh toàn đoàn trong sự kiện làm sạch môi trường lần 1

Sự kiện làm sạch môi trường lần 1




Nguồn: JET

Hình 2.7-8 Hình ảnh và tài liệu về các sự kiện tổ chức tại TT – Huế

(5) Sở TNMT Tp. Hồ Chí Minh

1) Giới thiệu về Sách hướng dẫn dành cho doanh nghiệp

Để nâng cao nhận thức và hiểu biết cho các doanh nghiệp về các quy định, hỗ trợ tài chính và các công nghệ liên quan đến quản lý nước thải công nghiệp, sách hướng dẫn dành cho các doanh nghiệp cũng được soạn thảo, sách tóm tắt các thông tin cần thiết về quản lý nước thải công nghiệp. Về nội dung, sách hướng dẫn cho các doanh nghiệp của HCM tương tự như sách hướng dẫn của Hà Nội, nhưng được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng quản lý nước thải tại tp. Hồ Chí Minh.

| | |
|--|--|
| <p>Lời mở đầu</p> <p>Phần 1: Các quy định liên quan đến nước thải công nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các quy định liên quan đến nước thải 2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân 3. Các quy định xử phạt liên quan đến nước thải <p>Phần 2: Hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (VNPF) 2. Quỹ xoay vòng 3. Quỹ hỗ trợ giảm thiểu ô nhiễm công nghiệp – tiêu thụ công nghiệp tp. HCM (Quỹ GTÔN-TTCN) 4. Quỹ tái chế <p>Phần 3: Áp dụng sản xuất sạch hơn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Áp dụng sản xuất sạch hơn <p>Tài liệu tham khảo</p> |  |
| <p>Mục lục</p> | <p>Sách đã được xây dựng</p> |

Nguồn: JET

Hình 2.7-9 Sách hướng dẫn về quản lý nước thải công nghiệp tại tp. Hồ Chí Minh

2) Công cụ PR phục vụ sự kiện làm sạch môi trường

Để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường tại thành phố Hồ Chí Minh, quạt tay in thông điệp và hình ảnh minh họa do WG4 làm đã được sử dụng trong Chương trình Hưởng ứng chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn vào ngày 16/09/2012. Hình 2.7-10 ghi lại hình ảnh các sự kiện và tài liệu được sử dụng trong chương trình. Chương trình Hưởng ứng chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn có sự tham gia của khoảng 1.000 người

| | |
|---|--|
|  |  |
| <p>Thành viên tham dự sự kiện làm sạch môi trường</p> | <p>Làm sạch sân tại một khu nhà ở</p> |
|  |  |
| <p>Trả lời phiếu khảo sát về quạt tay</p> | <p>Quạt tay</p> |

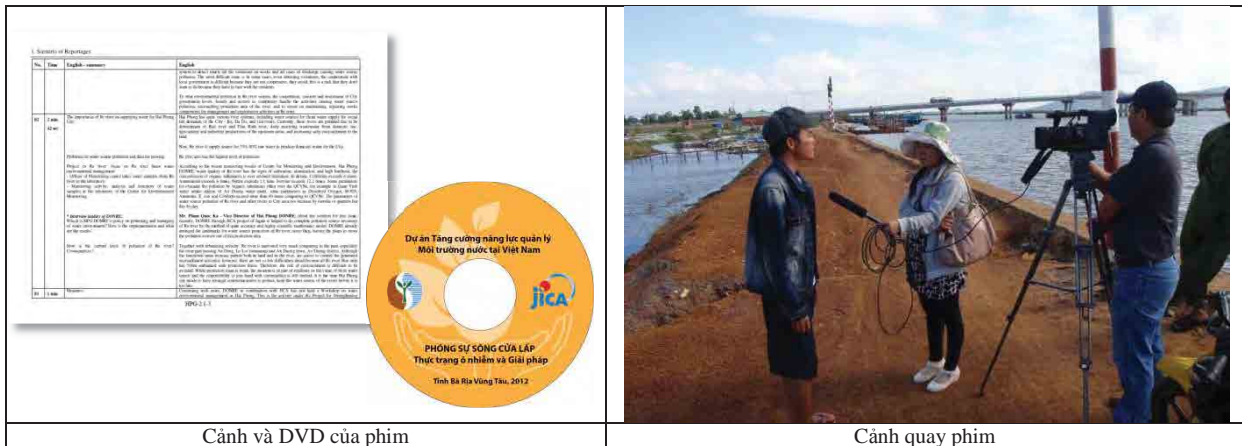
Nguồn: JET

Hình 2.7-10 Ảnh và tài liệu của Sự kiện làm sạch môi trường tại thành phố Hồ Chí Minh

(6) Sở TNMT tỉnh BRVT

1) Phim về môi trường

Để nâng cao nhận thức môi trường của các doanh nghiệp và cộng đồng về quản lý môi trường nước tại khu vực sông Cửa Lấp, phim về môi trường đã được quay và phát trên đài truyền hình địa phương tỉnh BRVT. WG4 giám sát các cảnh quay, vị trí, quá trình quay, phỏng vấn. Hình 2.7-11 ghi lại một số cảnh quay trong phim này.



Nguồn: JET

Hình 2.7-11 Làm phim về môi trường tại tỉnh BRVT

2.7.2.5 Hoạt động 4-4: Đánh giá và cải tiến các hoạt động nâng cao nhận thức

(1) Kiểm tra và phản hồi về các hoạt động đã triển khai

Từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 3 năm 2012, các hoạt động nhận thức môi trường đã được đánh giá sau khi các hoạt động 4-3 trong năm thứ nhất đã kết thúc. Sở TNMT HCM bắt đầu đánh giá hoạt động vào tháng 2/2012.

Từ tháng 5/ 2012 đến tháng 6/2012, cả Sở TNMT và JET cùng thực hiện kế hoạch nâng cao nhận thức cho năm thứ hai của Dự án, dựa vào kết quả đánh giá đã thực hiện vào tháng 3 năm 2012. Quá trình hợp tác này chính là những hoạt động tăng cường năng lực theo như hoạt động 4-4 của Dự án .

Vào tháng 3 năm 2012, Sở TNMT và JET đã đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường, tìm được các định hướng cho các hoạt động về sau. Bảng 2.7-11 tóm tắt các buổi thảo luận đánh giá.

Bảng 2.7-11 Tóm tắt nội dung thảo luận đánh giá

| Sở TNMT | Mục | Diễn giải |
|-----------|----------------------------|---|
| Hà Nội | Ngày | Ngày 6/3/ 2013 |
| | Tên cán bộ đối tác | Bà Lê Thanh Thủy, phó phòng Quản lý dự án và truyền thông, Chi cục BVMT Ông Tạ Ngọc Sơn, phó phòng Quản lý dự án và truyền thông, Chi cục BVMT |
| | Nội dung | 1. Đánh giá các hoạt động 2. Phát triển năng lực thông qua dự án 3. Định hướng trong tương lai |
| | Đánh giá hoạt động | - Các hoạt động mà các Sở TNMT khác không có - Do ngân sách hạn chế, nên không thực hiện được liên tục (thường xuyên) các hoạt động nhận thức môi trường |
| | Phát triển năng lực | - Sở TNMT Hà Nội học được kỹ năng lập kế hoạch và chuẩn bị kỹ càng cho các sự kiện - Sở TNMT Hà Nội hiểu được tầm quan trọng của việc thu thập các ý kiến phản hồi của các đối tượng thông qua khái niệm của số Johari |
| | Định hướng trong tương lai | -Sở TNMT Hà Nội muốn tiến hành nhiều hoạt động và đảm bảo các hoạt động được tiến hành thường xuyên, tuân thủ quy trình “Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại” |
| Hải Phòng | Ngày | 26/2/2013 |
| | Tên cán bộ đối tác | Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan, Giám đốc HACEM |
| | Nội dung | 1. Đánh giá các hoạt động 2. Phát triển năng lực thông qua dự án 3. Định hướng trong tương lai |

| Sở TNMT | Mục | Diễn giải |
|-----------------|----------------------------|---|
| | Đánh giá hoạt động | - Được chia sẻ thông tin về các hoạt động tại các Sở TNMT khác, Sở TNMT Hải Phòng quan tâm đến Sở tay hướng dẫn đã xây dựng phục vụ các doanh nghiệp tại Hà Nội và tp. HCM - Sở TNMT Hải Phòng có kinh nghiệm thực hiện nhiều hoạt động như tập huấn, và có thể đưa ra nhiều ý tưởng mới cho các hoạt động |
| | Phát triển năng lực | - Các kỹ năng và ý tưởng mới có được thông qua tập huấn về các hoạt động nhận thức môi trường. Việc tổ chức cho trẻ em tham quan (ý tưởng của thành phố Yokohama) đã gây ấn tượng cho các cán bộ Sở TNMT Hải Phòng. - Sở TNMT Hải Phòng cũng nhận thấy quy trình Lập kế hoạch – thực hiện – giám sát (Plan – Do – See) là rất quan trọng khi tiến hành các hoạt động nhận thức môi trường. |
| | Định hướng trong tương lai | - Đào tạo các cán bộ có thể tập huấn cho các cán bộ khác: hoạt động này được thực hiện theo nội dung bài giảng của JET về các hoạt động nhận thức môi trường. - Các sự kiện như ngày phụ nữ, năm du lịch... sẽ được tiến hành theo quy trình Plan – Do – See |
| TT - Huế | Ngày | 27/02/2013 |
| | Tên cán bộ đối tác | Bà Lê Thị Hạnh, Phó phòng hành chính tổng hợp, Chi cục BVMT TT-Huế |
| | Nội dung | 1. Đánh giá các hoạt động 2. Phát triển năng lực thông qua dự án 3. Định hướng trong tương lai |
| | Đánh giá hoạt động | - Kết quả chia sẻ các hoạt động với các Sở TNMT khác cho thấy, Sở TNMT TT - Huế quan tâm đến hoạt động xây dựng số tay của Sở TNMT Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh. - Một số tổ chức xã hội và quận huyện đã đề nghị Sở TNMT TT - Huế tư vấn về phương thức nâng cao nhận thức môi trường từ khi triển khai các sự kiện làm sạch và hội thảo cho các doanh nghiệp. |
| | Phát triển năng lực | - Kỹ năng lập kế hoạch chi tiết cho mỗi hoạt động được tăng cường. - Số lượng cán bộ Sở TNMT tham gia tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường tăng lên. |
| | Định hướng trong tương lai | - Sở TNMT TT - Huế sẽ tiếp tục tổ chức Hội thảo cho các doanh nghiệp, tuy nhiên, chủ đề sẽ không chỉ giới hạn trong lĩnh vực môi trường nước mà còn mở rộng hơn ví dụ như quản lý chất thải rắn. - Các sự kiện như chiến dịch làm sạch, ngày môi trường, cũng sẽ được tiếp tục thực hiện theo quy trình Lập kế hoạch – thực hiện-giám sát. |
| Tp. Hồ Chí Minh | Ngày | 4/03/ 2013 |
| | Tên cán bộ đối tác | Bà Trần Thị Liên, Phó phòng truyền thông môi trường, Chi cục BVMT Bà Lê Thị Thanh Dung, Phó phòng ĐTM, Chi cục BVMT |
| | Nội dung | 1. Đánh giá các hoạt động 2. Phát triển năng lực thông qua dự án 3. Định hướng trong tương lai |
| | Đánh giá hoạt động | - Kết quả chia sẻ các hoạt động với các Sở TNMT khác cho thấy, Sở TNMT Tp. Hồ Chí Minh quan tâm đến hoạt động xây dựng biên truyền thông của Sở TNMT Hải Phòng vì Sở TNMT t/p Hồ Chí Minh chưa triển khai hoạt động này. |
| | Phát triển năng lực | - Kiến thức về các hoạt động nâng cao nhận thức có thể được tăng cường. - Cũng có thể được trang bị kỹ năng đánh giá các hoạt động. |
| | Định hướng trong tương lai | - Sở TNMT Tp. Hồ Chí Minh sẽ nỗ lực nâng cao thêm các kỹ năng đánh giá nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động bằng cách cử một số cán bộ tham gia các khóa tập huấn. - Bên cạnh các hoạt động này, sẽ triển khai các đợt tập huấn cho các giảng viên (trainings of trainers) tại các tổ chức xã hội và quận/huyện. |
| tỉnh BRVT | Ngày | 5/03/2013 |
| | Tên cán bộ đối tác | Ông Luong Hung Phi, chuyên gia Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT |
| | Nội dung | 1. Đánh giá các hoạt động 2. Phát triển năng lực thông qua dự án 3. Định hướng trong tương lai |
| | Đánh giá hoạt động | - Kết quả chia sẻ các hoạt động với các Sở TNMT khác cho thấy, Sở TNMT BRVT quan tâm đến các hoạt động tổ chức hội thảo cho các doanh nghiệp do Sở TNMT Hải Phòng và TT - Huế thực hiện. - Khó có thể phối hợp với các đơn vị tư vấn, hãng truyền hình ... để xây dựng phim video vì đây là lần đầu tiên tỉnh BRVT làm phim về môi trường. |
| | Phát triển năng lực | - Kiến thức về nâng cao nhận thức được nâng cao. - Kỹ năng chung về làm phim như sắp xếp, xây dựng kịch bản ... được tăng cường vì đây là lần đầu tiên Sở TNMT tỉnh BRVT làm phim video. |
| | Định hướng trong tương lai | - Sở TNMT tỉnh BRVT mong muốn có thể xác định được nhóm mục tiêu để thực hiện hiệu quả hoạt động nâng cao nhận thức. - Sở TNMT tỉnh BRVT mong muốn triển khai các sự kiện, hội thảo, cuộc thi ... theo quy trình Lập kế hoạch-thực hiện-đánh giá. - Sở TNMT tỉnh BRVT sẽ triển khai hoạt động nâng cao nhận thức môi trường sử dụng các đĩa phim về môi trường của Dự án. |

Nguồn: JET

(2) Tập huấn cho các cán bộ Sở TNMT

JET đã tập huấn về nhận thức môi trường, chú trọng vào quy trình “Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại”. Tầm quan trọng của việc xác định các nhóm đối tượng để tiến hành các hoạt động môi trường cũng được giải thích trong quá trình tập huấn. Bảng 2.7-12 tóm tắt các hoạt động tập huấn về nhận thức môi trường và Hình 2.7-12 ghi lại một số cảnh và tài liệu tập huấn.

Bảng 2.7-12 Tóm tắt các hoạt động tập huấn môi trường

| Sở TNMT | Mục | Diễn giải |
|-------------------|--|--|
| Hà Nội | Thời gian | Ngày 31/10/2012 |
| | Thành phần | 4 cán bộ Sở TNMT Hà Nội |
| | Mục đích | 1. Xác định được đối tượng và thông điệp cần tuyên truyền 2. Xác định được hình thức/ phương tiện tối ưu để tuyên truyền thông điệp 3. Đánh giá được các hoạt động và rút ra các bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo |
| | Nội dung | I. Bài giảng 1. Giới thiệu: (1.1. Mục đích tập huấn, 1.2 Nhận thức môi trường là gì? 1.3 Các giai đoạn tổ chức hoạt động (Lập kế hoạch - Thực hiện - Giám sát/ đánh giá kế hoạch (Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại)) 2. Lập kế hoạch: (2.1 Hiểu được ý đồ, vấn đề và thực tế, 2.2 Xác định mục tiêu, 2.3 Nhóm đối tượng, 2.4 Thông điệp, 2.5 Phương thức, 2.6. Kế hoạch hoạt động, 2.7. Tóm tắt việc lập kế hoạch 3. Thực hiện: (3.1 Xem xét việc thực hiện, 3.2 các hoạt động nâng cao nhận thức ở Nhật Bản) 4. Đánh giá và phản hồi: (4.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá và phản hồi, 4.2 Cửa sổ Johri, 4.3 Phương pháp đánh giá, 4.4 Tiêu chí đánh giá, 4.5 Phản ảnh vào các hoạt động tiếp theo) II. Bài tập Bài số 2: Cửa sổ Johari (tầm quan trọng của việc tiếp nhận phản hồi) (Bài tập số 1 và số 3 được bỏ qua vì không đủ thời gian và ít người tham dự) |
| Bài học/ phản hồi | - Địa điểm tập huấn là phòng làm việc thông thường, không phù hợp để tập huấn. Giảng viên và trợ giảng cần kiểm tra điều kiện tập huấn kỹ hơn. - Số lượng cán bộ tham dự thấp vì khóa học chưa được chú ý. Giảng viên cần phải giải thích thêm về tầm quan trọng của khóa học. - Các kết quả khảo sát cho thấy nội dung tập huấn đã được truyền tải đến các học viên. | |
| Hải Phòng | Thời gian | 02/11/ 2012 |
| | Thành phần | 10 cán bộ Sở TNMT Hải Phòng |
| | Mục đích | 1. Xác định được đối tượng và thông điệp cần tuyên truyền 2. Xác định được hình thức/ phương tiện tối ưu để tuyên truyền thông điệp 3. Đánh giá được các hoạt động và rút ra các bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo |
| | Nội dung | I. Bài giảng 1. Giới thiệu: (1.1. Mục đích tập huấn, 1.2 Nhận thức môi trường là gì? 1.3 Các giai đoạn tổ chức hoạt động (Lập kế hoạch - Thực hiện - Giám sát/ đánh giá kế hoạch (Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại)) 2. Lập kế hoạch: (2.1 Hiểu được ý đồ, vấn đề và thực tế, 2.2 Xác định mục tiêu, 2.3 Nhóm đối tượng, 2.4 Thông điệp, 2.5 Phương thức, 2.6. Kế hoạch hoạt động, 2.7. Tóm tắt việc lập kế hoạch 3. Thực hiện: (3.1 Xem xét việc thực hiện, 3.2 các hoạt động nâng cao nhận thức ở Nhật Bản) 4. Đánh giá và phản hồi: (4.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá và phản hồi, 4.2 Cửa sổ Johri, 4.3 Phương pháp đánh giá, 4.4 Tiêu chí đánh giá, 4.5 Phản ảnh vào các hoạt động tiếp theo) II. Bài tập Bài số 1: Lập kế hoạch, bài số 2: Cửa sổ Johari (tầm quan trọng của việc tiếp nhận phản hồi), bài số 3: Đánh giá |
| Bài học/ phản hồi | - Các kết quả khảo sát cho thấy nội dung tập huấn đã được truyền tải đến các học viên. - Một số học viên cho rằng thời gian tập huấn quá ngắn - Hầu hết các học viên quan tâm hơn đến việc lập kế hoạch, mặc dù họ hiểu về cả quy trình “Plan-Do-See” | |
| HUE | Thời gian | 26/10/ 2012 |
| | Thành phần | 10 cán bộ Sở TNMT TT- Huế tham dự |
| | Mục đích | 1. Xác định được đối tượng và thông điệp cần tuyên truyền 2. Xác định được hình thức/ phương tiện tối ưu để tuyên truyền thông điệp 3. Đánh giá được các hoạt động và rút ra các bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo |
| | Nội dung | I. Bài giảng 1. Giới thiệu: (1.1. Mục đích tập huấn, 1.2 Nhận thức môi trường là gì? 1.3 Các giai đoạn tổ chức hoạt động (Lập kế hoạch - Thực hiện - Giám sát/ đánh giá kế hoạch (Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại)) 2. Lập kế hoạch: (2.1 Hiểu được ý đồ, vấn đề và thực tế, 2.2 Xác định mục tiêu, 2.3 Nhóm đối tượng, 2.4 Thông điệp, 2.5 Phương thức, 2.6. Kế hoạch hoạt động, 2.7. Tóm tắt việc lập kế hoạch 3. Thực hiện: (3.1 Xem xét việc thực hiện, 3.2 các hoạt động nâng cao nhận thức ở Nhật Bản) 4. Đánh giá và phản hồi: (4.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá và phản hồi, 4.2 Cửa sổ Johri, 4.3 Phương pháp đánh giá, 4.4 Tiêu chí đánh giá, 4.5 Phản ảnh vào các hoạt động tiếp theo) II. Bài tập Bài số 1: Lập kế hoạch, bài số 2: Cửa sổ Johari (tầm quan trọng của việc tiếp nhận phản hồi), bài số 3: Đánh giá |
| Bài học/ phản hồi | - Các kết quả khảo sát cho thấy nội dung tập huấn đã được truyền tải đến các học viên. - Một số học viên nhận xét rằng việc đánh giá và phản ảnh các bài học vào các hoạt động tiếp theo đã từng được Sở rất chú, tuy nhiên, quan trọng là phải tiến hành các hoạt động cập nhật / theo dõi tốt hơn. - Hầu hết các học viên quan tâm hơn đến việc lập kế hoạch, mặc dù họ hiểu về cả quy trình “Plan-Do-See”. - Phòng tập huấn khá lớn so với số học viên tham dự | |
| Tp. Hồ Chí Minh | Thời gian | 23/10/2012 |
| | Thành phần | 25 cán bộ Sở TNMT tp HCM |
| | Mục đích | 1. Xác định được đối tượng và thông điệp cần tuyên truyền 2. Xác định được hình thức/ phương tiện tối ưu để tuyên truyền thông điệp 3. Đánh giá được các hoạt động và rút ra các bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo |
| | Nội dung | I. Bài giảng 1. Giới thiệu: (1.1. Mục đích tập huấn, 1.2 Nhận thức môi trường là gì? 1.3 Các giai đoạn tổ chức hoạt động (Lập kế hoạch - Thực hiện - Giám sát/ đánh giá kế hoạch (Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại)) 2. Lập kế hoạch: (2.1 Hiểu được ý đồ, vấn đề và thực tế, 2.2 Xác định mục tiêu, 2.3 Nhóm đối tượng, 2.4 Thông điệp, 2.5 Phương thức, 2.6. Kế hoạch hoạt động, 2.7. Tóm tắt việc lập kế hoạch |

| Số TNTM | Mục | Diễn giải |
|-------------------|---|--|
| | | 3. Thực hiện: (3.1 Xem xét việc thực hiện, 3.2 các hoạt động nâng cao nhận thức ở Nhật Bản) 4. Đánh giá và phản hồi: (4.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá và phản hồi, 4.2 Cửa sổ Johri, 4.3 Phương pháp đánh giá, 4.4 Tiêu chí đánh giá, 4.5 Phản ảnh vào các hoạt động tiếp theo) |
| | Bài học/ phản hồi | II. Bài tập Bài số 1: Lập kế hoạch, bài số 2: Cửa sổ Johari (tầm quan trọng của việc tiếp nhận phản hồi), bài số 3: Đánh giá No.3 Evaluation - Các kết quả khảo sát cho thấy nội dung tập huấn đã được truyền tải đến các học viên. - Một số học viên cho rằng thời gian tập huấn quá ngắn. - Hầu hết các học viên quan tâm hơn đến việc lập kế hoạch, mặc dù họ hiểu về cả quy trình “Plan-Do-See”.. |
| tỉnh BRVT | Thời gian | 24/10/ 2012 |
| | Thành phần | 6 cán bộ Sở TNMT BRVT tham dự |
| | Mục đích | 1. Xác định được đối tượng và thông điệp cần tuyên truyền 2. Xác định được hình thức/ phương tiện tối ưu để tuyên truyền thông điệp 3. Đánh giá được các hoạt động và rút ra các bài học kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo |
| | Nội dung | I. Bài giảng 1. Giới thiệu: (1.1. Mục đích tập huấn, 1.2 Nhận thức môi trường là gì? 1.3 Các giai đoạn tổ chức hoạt động (Lập kế hoạch - Thực hiện - Giám sát/ đánh giá kế hoạch (Lập kế hoạch - thực hiện - nhìn lại)) 2. Lập kế hoạch: (2.1 Hiểu được ý đồ, vấn đề và thực tế, 2.2 Xác định mục tiêu, 2.3 Nhóm đối tượng, 2.4 Thông điệp, 2.5 Phương thức, 2.6. Kế hoạch hoạt động, 2.7. Tóm tắt việc lập kế hoạch) 3. Thực hiện: (3.1 Xem xét việc thực hiện, 3.2 các hoạt động nâng cao nhận thức ở Nhật Bản) 4. Đánh giá và phản hồi: (4.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá và phản hồi, 4.2 Cửa sổ Johri, 4.3 Phương pháp đánh giá, 4.4 Tiêu chí đánh giá, 4.5 Phản ảnh vào các hoạt động tiếp theo) II. Bài tập Bài số 1: Lập kế hoạch, bài số 2: Cửa sổ Johari (tầm quan trọng của việc tiếp nhận phản hồi), bài số 3: Đánh giá |
| Bài học/ phản hồi | - Các kết quả khảo sát cho thấy nội dung tập huấn đã được truyền tải đến các học viên cho rằng nội dung về đánh giá và phản ảnh các bài học vào các hoạt động tiếp khá khó hiểu. Phần này nên được giảng sâu hơn. - Hầu hết các học viên quan tâm hơn đến việc lập kế hoạch, mặc dù họ hiểu về cả quy trình “Plan-Do-See”... | |

Nguồn: JET

| | |
|---|--|
|  |  |
| Hà Nội | Hải Phòng |
|  |  |
| TT - Huế | Tp. Hồ Chí Minh |
|  |  |
| tỉnh BRVT | Tài liệu tập huấn |

Nguồn: JET

Hình 2.7-12 Một số hình ảnh và tài liệu về tập huấn nhận thức môi trường

2.7.3 Tình hình thực hiện các chỉ số đánh giá dự án

2.7.3.1 Tình hình thực hiện chung

Bảng 2.7-13 tóm tắt các chỉ số PDM liên quan đến Kết quả 4, tình hình thực hiện chỉ số của mỗi Sở TNMT tính đến tháng 3 năm 2013 cũng như các vấn đề liên quan và các hành động cần thiết.

Từ tháng 5 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012, tất cả các Sở TNMT đã tiến hành một loạt các hoạt động bằng cách tổ chức các hội thảo và xây dựng các tài liệu để đạt bốn chỉ số trong Bảng 2.7-13. Trong năm 2011, dự án bắt đầu khá chậm và ít hoạt động được tổ chức vì cả các Sở TNMT cần thêm thời gian để xác định các đối tượng nâng cao nhận thức môi trường và để đối thoại với các đối tượng này nhằm tìm ra cách nâng cao nhận thức của họ về môi trường một cách hiệu quả nhất. Quá trình này được thực hiện một cách chiến lược và cẩn trọng nhằm nâng cao năng lực tiến hành các hoạt động nhận thức môi trường cho các Sở TNMT trong phạm vi dự án. Vào tháng 5/2012, các Sở TNMT đã lập kế hoạch các hoạt từ tháng 6/2012 đến tháng 3/2013. Thông qua các hoạt động tập huấn, họp thảo luận, các Sở TNMT đã bàn bạc cách tiếp tục phát triển năng lực thông qua việc triển khai các hoạt động này.

Bảng 2.7-13 Tình hình thực hiện các chỉ số đánh giá PDM tính đến tháng 3 năm 2013

| Các chỉ số đánh giá | Mục tiêu cần đạt được | Tình hình lúc bắt đầu Dự án | Tình hình thực hiện tính đến cuối Dự án |
|---|--|--|---|
| <p>4-1 Kết quả của công tác điều tra bằng phiếu khảo sát dành cho các nhóm đối tượng như các cơ sở công nghiệp, cán bộ phường/xã/huyện và các tổ chức xã hội về nhận thức môi trường cho thấy đã có sự tiến bộ trong nhận thức so với thời gian bắt đầu thực hiện dự án (có xét đến các sự kiện về nhận thức môi trường như các cơ hội tiến hành khảo sát).</p> | <ul style="list-style-type: none"> Các nhóm mục tiêu (các cơ sở công nghiệp, các cán bộ cấp huyện/xã/phường và các tổ chức xã hội) cho thấy sự tiến bộ trong nhận thức môi trường thông qua điều tra bằng phiếu khảo sát sau các sự kiện được tổ chức. | <ul style="list-style-type: none"> Các Sở TNMT đã và đang thực hiện nhiều sự kiện nâng cao nhận thức môi trường, tuy nhiên, không tập trung mục tiêu vào các khu vực cụ thể và/hoặc các nguồn ô nhiễm, và các sự kiện này cũng không trực tiếp đóng góp vào việc cải thiện môi trường nước. | <ul style="list-style-type: none"> Tính đến tháng 3/2013, các kết quả thực hiện được đánh giá là đã hoàn toàn đạt được mục tiêu đề ra. Trong năm thứ nhất của Dự án, theo kết quả phiếu khảo sát, 98% nhóm mục tiêu cho thấy sự tiến bộ trong nhận thức môi trường thông qua các hội thảo tại các tỉnh/thành mục tiêu Trong năm thứ hai của Dự án, cho đến nay, đã tổ chức được các hội thảo cho các doanh nghiệp tại Hải Phòng và TT-Huế, các sự kiện cho người dân ở TT-Huế và t/p HCM và đã làm biên truyền thông và phóng sự truyền hình tại Hải Phòng. |
| <p>4-2 Các công cụ (như phim về môi trường cho cộng đồng và sách hướng dẫn cho doanh nghiệp) để nâng cao nhận thức môi trường cho cộng đồng và cho các cơ sở công nghiệp được xây dựng.</p> | <ul style="list-style-type: none"> Các công cụ được xây dựng tại mỗi Sở TNMT như sau: <ul style="list-style-type: none"> Hà Nội: tài liệu hội thảo, sách hướng dẫn ban đầu về luật pháp và các quy định về môi trường cho các cơ sở công nghiệp Hải Phòng: tài liệu hội thảo, biên truyền thông môi trường, các đoạn phóng sự truyền hình TT-Huế: tài liệu hội thảo, tài liệu và các công cụ đơn giản để kiểm tra chất lượng nước và các công cụ truyền thông cho các sự kiện làm sạch môi trường (sổ tay hướng dẫn, áo thun và các biểu ngữ) Tp. Hồ Chí Minh: tài liệu hội thảo, sách hướng dẫn ban đầu về luật pháp và các quy định về môi trường cho các cơ sở công nghiệp, các công cụ truyền thông cho các sự kiện làm sạch môi trường (quat tay) BRVT: tài liệu hội thảo, phim về môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> Các Sở TNMT đã xây dựng các công cụ khác nhau thông qua các hoạt động của Sở, tuy nhiên không nhất thiết phải có các mục tiêu hay mục đích cụ thể khi xây dựng các công cụ này. | <ul style="list-style-type: none"> Tính đến tháng 3/2013, các kết quả thực hiện được đánh giá là đã hoàn toàn đạt được mục tiêu đề ra. Tài liệu hội thảo cho các doanh nghiệp, cán bộ nhà nước/thuộc cơ quan chính phủ và người dân đã được xây dựng tại mỗi Sở TN&MT trong năm thứ nhất của dự án Các công cụ dưới đây đã/đang được xây dựng trong năm thứ hai của dự án <ul style="list-style-type: none"> Hà Nội: Sách hướng dẫn về các quy định pháp luật về môi trường cho các cơ sở công nghiệp và tài liệu cho hội thảo ngành Hải Phòng: Đã làm biên truyền thông môi trường và các đoạn phóng sự truyền hình cho cộng đồng và các tổ chức xã hội. Tài liệu hội thảo về nhận thức môi trường cho các cơ sở công nghiệp đã được chuẩn bị TT-Huế: tài liệu và các công cụ để kiểm tra chất lượng nước bằng phương pháp đơn giản, các sự kiện làm sạch môi trường và hội thảo nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp đã được xây dựng TP.HCM: các công cụ truyền thông cho các sự kiện làm sạch môi trường đã được xây dựng. Sách hướng dẫn ban đầu về các quy định pháp luật về môi trường cho các cơ sở công nghiệp đang được xây dựng Tỉnh BRVT: phim về môi trường cho cộng đồng và các cơ sở công nghiệp đang được xây dựng. |

| Các chỉ số đánh giá | Mục tiêu cần đạt được | Tình hình lúc bắt đầu Dự án | Tình hình thực hiện tính đến cuối Dự án |
|---|--|---|--|
| <p>4-3 Các sự kiện về nâng cao nhận thức môi trường được tiến hành với sự tham gia của các nhóm đối tượng khác nhau, sử dụng các công cụ mới được xây dựng.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Mỗi Sở TNMT triển khai các sự kiện, sử dụng các công cụ nâng cao nhận thức MT mới phát triển trong chỉ tiêu 4-2, như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hà Nội: Hội thảo về hướng dẫn luật pháp và các quy định về môi trường - Hải Phòng: Hội thảo, chiếu các đoạn phóng sự truyền hình - TT-Huế: hội thảo, kiểm tra chất lượng nước bằng phương pháp đơn giản và sự kiện làm sạch môi trường - TP.HCM: hội thảo, sự kiện làm sạch môi trường, và phân phát Sách hướng dẫn ban đầu về luật pháp và các quy định về môi trường cho các cơ sở công nghiệp. - BRVT: hội thảo, phim về môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> • Các Sở TNMT đã và đang thực hiện các sự kiện về nâng cao nhận thức môi trường, tuy nhiên hầu hết các sự kiện này nhằm mục tiêu vào các tổ chức xã hội. | <ul style="list-style-type: none"> • Tính đến tháng 3/2013, các kết quả thực hiện được đánh giá là đã gần đạt được mục tiêu đề ra. • Trong năm thứ nhất, các buổi hội thảo về môi trường cho các doanh nghiệp đã được tổ chức tại TP.HCM và Hà Nội. Các buổi hội thảo về môi trường cho cộng đồng và các bên có liên quan đã được tổ chức tại Hải Phòng, TT-Huế và BRVT. • Trong năm thứ hai, đã triển khai các hoạt động sau có sử dụng các công cụ đã xây dựng: hội thảo nhận thức cho các cơ sở công nghiệp tại Hải Phòng và TT-Huế, các sự kiện cho người dân tại TT-Huế và t/p HCM và làm biển truyền thông và phóng sự truyền hình tại Hải Phòng. |
| <p>4-4 Kết quả đánh giá năng lực của cán bộ Sở TNMT cho thấy sự tiến bộ so với giai đoạn đầu của dự án.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Nhu cầu phát triển năng lực được đánh giá vào thời điểm bắt đầu thực hiện dự án. • Căn cứ vào kết quả đánh giá năng lực, kế hoạch phát triển năng lực được xây dựng và các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường được thực hiện • Cán bộ các Sở TNMT mục tiêu được mong đợi thực hiện nhiều hoạt động của Kết quả này và cho thấy sự tiến bộ trong năng lực vào cuối dự án. | <p>Mức độ các năng lực sau đây được đánh giá là tương đối thấp so với các năng lực khác và cần được tăng cường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường; - Xác định các bên liên quan và các nhóm đối tượng cho các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường; - Ước tính và tìm ngân sách cho các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường; - Đánh giá các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường bằng cách thiết lập các chỉ số đánh giá và phương pháp theo dõi, kiểm tra; - Lập báo cáo hoạt động nâng cao nhận thức môi trường; và - Cải thiện các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường dựa trên kết quả của các hoạt động đã thực hiện. | <ul style="list-style-type: none"> • Tính đến tháng 3/2013, các kết quả thực hiện được đánh giá là đã hoàn toàn đạt được mục tiêu đề ra. • Nhu cầu đánh giá năng lực đã được thực hiện và kế hoạch phát triển năng lực đã được xây dựng trong năm thứ nhất. Các hoạt động về nhận thức môi trường dưới hình thức đào tạo qua công việc (OJT) được thực hiện trong năm đầu của dự án • Các hoạt động nhận thức môi trường dưới hình thức đào tạo qua công việc (OJT) được triển khai liên tục trong năm thứ hai. Bên cạnh đó, đào tạo về nhận thức môi trường dưới hình thức OJT đã được tiến hành tại mỗi Sở TN&MT. Kiến thức cơ bản về nhận thức môi trường của các cán bộ Sở TN&MT tham dự đào tạo đã được cải thiện. |

Nguồn: JET

2.7.3.2 Tình hình thực hiện tại mỗi đơn vị

Bảng 2.7-14 tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ số của cho WG4 tại mỗi Sở TNMT vào cuối Dự án.

Bảng 2.7-14 Tình hình thực hiện các chỉ số đánh giá của mỗi Sở TNMT tại cuối dự án

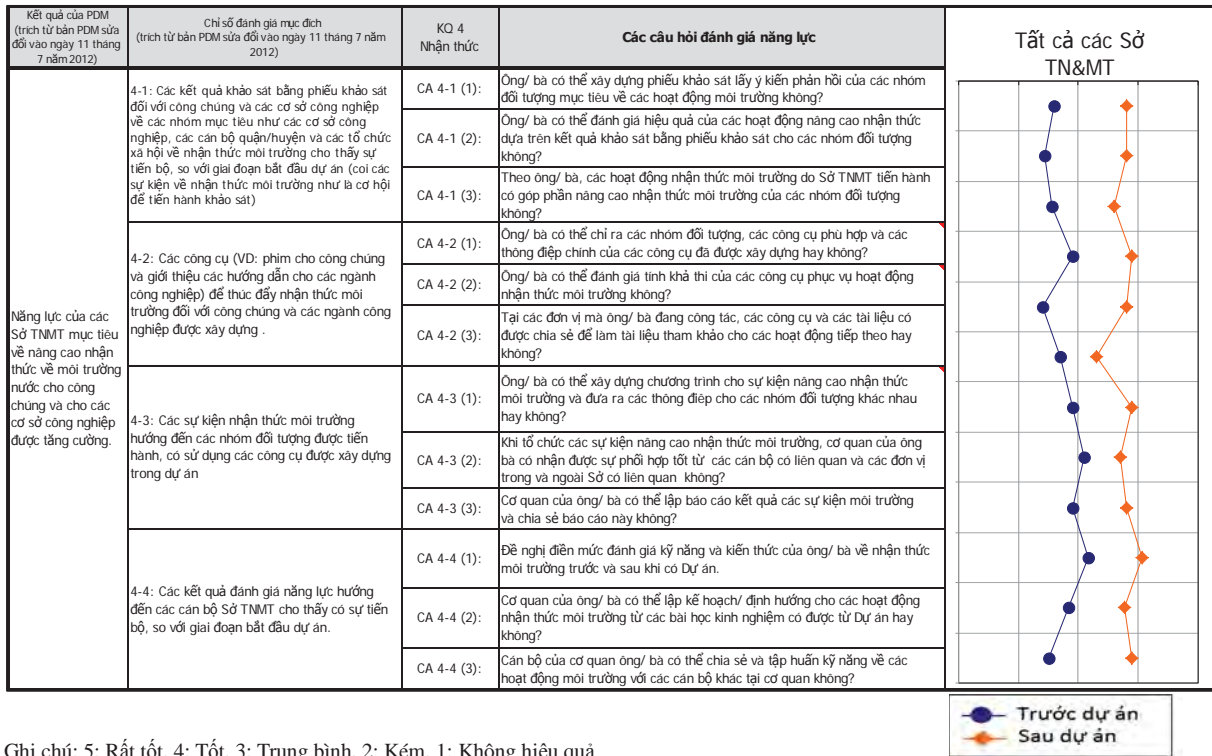
| Sở TNMT | Chỉ số | Thời gian hoàn thành | Tình hình thực hiện vào cuối dự án |
|-----------------|------------|----------------------|---|
| Hà Nội | Chỉ số 4-1 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT Hà Nội tiến hành khảo sát tại Hội nghị ngành về quản lý nước thải công nghiệp và giới thiệu sách hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp. Kết quả cho thấy nhận thức của các nhóm đối tượng đã được tăng cường. |
| | Chỉ số 4-2 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT Hà Nội xây dựng công cụ nhận thức môi trường, đó là Sở tay hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp |
| | Chỉ số 4-3 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT Hà Nội tiến hành hội thảo ngành về quản lý nước thải công nghiệp và giới thiệu cuốn Sổ tay hướng dẫn (chỉ số 4-2) |
| | Chỉ số 4-4 | Tháng 3/2013 | Năng lực nhận thức môi trường của nhóm cán bộ đã được tăng cường thông qua việc triển khai các hoạt động cũng như tham dự tập huấn cách tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường do JET chủ trì. |
| Hải Phòng | Chỉ số 4-1 | Tháng 1/2013 | Sở TNMT Hải Phòng tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi cho Hội thảo dành cho các doanh nghiệp, phóng sự trên TV và biên truyền thông. Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của các nhóm đối tượng đã được tăng cường. |
| | Chỉ số 4-2 | Tháng 1/2012 | Sở TNMT Hải Phòng đã làm phóng sự truyền hình. Sở cũng đã thiết kế và treo biển truyền thông với sự hỗ trợ của công ty cấp nước Hải Phòng. |
| | Chỉ số 4-3 | Tháng 12/2012 | Sở TNMT Hải Phòng tiến hành các sự kiện làm sạch cho các doanh nghiệp. Video về phóng sự truyền hình và tài liệu hội thảo đã được chia sẻ cho cán thành viên tham dự Hội thảo. |
| | Chỉ số 4-4 | Tháng 3/2013 | Năng lực về nhận thức môi trường của các cán bộ Sở đã được tăng cường thông qua việc tổ chức các hoạt động và tham dự tập huấn về nhận thức môi trường do JET tổ chức |
| TT - Huế | Chỉ số 4-1 | Tháng 11/2012 | Sở TNMT TT - Huế tiến hành khảo sát các ý kiến phản hồi cho sự kiện làm sạch môi trường, Hội thảo cho các doanh nghiệp. Kết quả của mỗi đợt khảo sát cho thấy nhận thức môi trường của mỗi nhóm đối tượng đã được nâng cao. |
| | Chỉ số 4-2 | Tháng 11/2012 | Sở TNMT Hải Phòng phát triển các công cụ nhận thức như băng rôn, áo phông, sự kiện làm sạch môi trường. Sở TNMT Hải Phòng chuẩn bị tài liệu để chia sẻ tại Hội thảo cho các doanh nghiệp. |
| | Chỉ số 4-3 | Tháng 11/2012 | Sở TNMT Hải Phòng tiến hành các sự kiện làm sạch môi trường và hội thảo. Các công cụ trong chỉ số 4-2 đã được sử dụng trong các sự kiện. |
| | Chỉ số 4-4 | Tháng 3/2013 | Năng lực về nhận thức môi trường của các cán bộ Sở đã được tăng cường thông qua việc tổ chức các hoạt động và tham dự tập huấn về nhận thức môi trường do JET tổ chức |
| Tp. Hồ Chí Minh | Chỉ số 4-1 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT Tp. Hồ Chí Minh khảo sát các ý kiến phản hồi về sản phẩm quạt tay được phát trong sự kiện làm sạch môi trường. Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức môi trường của các nhóm đối tượng đã được cải thiện. |
| | Chỉ số 4-2 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT Tp. Hồ Chí Minh làm các công cụ nhận thức như là quạt tay phát trong các sự kiện làm sạch môi trường và sổ tay hướng dẫn quản lý nước thải công nghiệp. |
| | Chỉ số 4-3 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT Tp. Hồ Chí Minh tổ chức sự kiện làm sạch môi trường. Sản phẩm quạt tay cũng được phát cho các nhóm đối tượng trong các sự kiện. |
| | Chỉ số 4-4 | Tháng 3/2013 | Năng lực về nhận thức môi trường của các cán bộ Sở đã được tăng cường thông qua việc tổ chức các hoạt động và tham dự tập huấn về nhận thức môi trường do JET tổ chức. |
| Tỉnh BRVT | Chỉ số 4-1 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT tỉnh BRVT khảo sát các ý kiến phản hồi về cuốn phim môi trường. Kết quả khảo sát cho thấy rằng nhận thức của các nhóm đối tượng đã được nâng cao. |
| | Chỉ số 4-2 | Tháng 2/2013 | Sở TNMT tỉnh BRVT làm công cụ môi trường là cuốn phim về môi trường và phát trên kênh truyền hình địa phương. |
| | Chỉ số 4-3 | Tháng 3/2013 | Sở TNMT tỉnh BRVT hợp đánh giá đoạn phim sau khi phim đã hoàn thiện và chép vào các đĩa CD. |
| | Chỉ số 4-4 | Tháng 3/2013 | Năng lực về nhận thức môi trường của các cán bộ Sở đã được tăng cường thông qua việc tổ chức các hoạt động và tham dự tập huấn về nhận thức môi trường do JET tổ chức. |

Nguồn: JET

2.7.3.3 Đánh giá năng lực

(1) Kết quả đánh giá nội bộ

Theo kết quả đánh giá nội bộ được thực hiện vào tháng 01/2013, **Hình 2.7-13** trình bày về các câu hỏi liên quan đến mỗi chỉ số đánh giá theo mục tiêu trong PDM và trung bình các điểm số đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5, tự đánh giá theo phương pháp bán định lượng đối với hợp phần nhận thức môi trường (Kết quả 4) tại các Sở TN&MT thuộc dự án. Trước khi bắt đầu Dự án, phần lớn các nội dung năng lực được đánh giá ở mức từ “kém” đến “trung bình”. Tính đến tháng 1 năm 2013, các điểm số đánh giá về các nội dung năng lực này dao động trong khoảng “trung bình” đến “tốt”; điều này phản ánh thực tế là các nội dung năng lực về nâng cao nhận thức nhìn chung đã được cải thiện tại các Sở TN&MT thông qua Dự án. Đặc biệt, câu hỏi về kỹ năng và kiến thức trong mục CA 4-4 (1) thuộc chỉ số 4-4 đã được đánh giá cao ở mức trên “tốt”.



Ghi chú: 5: Rất tốt, 4: Tốt, 3: Trung bình, 2: Kém, 1: Không hiệu quả

Nguồn: JET tập hợp từ các phiếu đã được Sở TNMT trả lời

Hình 2.7-13 Kết quả chung về trả lời phiếu khảo sát cho Kết quả 4 (Trung bình các Sở TNMT)

(2) Tăng cường năng lực qua dự án

1) Chỉ số 4-1: Nâng cao nhận thức môi trường của các đối tượng

Trước khi có Dự án, hầu hết các Sở TNMT mục tiêu không tự tiến hành khảo sát để kiểm tra tính hiệu quả của các hoạt động. Thông qua các buổi thảo luận và tập huấn, JET đã giới thiệu khái niệm áp dụng quy trình “Plan-Do-See” đối với các hoạt động nhận thức môi trường. Dùng phiếu khảo sát là một trong những công cụ hiệu quả để kiểm tra các hoạt động trong bước “see” (giám sát, đánh giá). JET đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thu thập các ý kiến phản hồi của các nhóm đối tượng. Qua quá trình OJT, các Sở TNMT đã có kinh nghiệm thiết kế phiếu khảo sát để phân tích và đánh giá kết quả các hoạt động.

CA 4-1 (1) và CA 4-1 (2) liên quan đến các năng lực tiến hành khảo sát và phân tích kết quả khảo sát. CA 4-1 (3) chú trọng phân tích liệu các nhóm đối tượng có nâng cao được nhận thức của các nhóm đối tượng hay không. Để thay đổi hành vi của các nhóm đối tượng, cần tiến hành các hoạt động nhận thức môi trường thường xuyên và lâu dài. Vì thế, mức năng lực ở câu hỏi CA 4-1(3) chậm hơn mức tiến bộ cho năng lực ở CA 4-1(1) và CA 4-1(2).

Về những nội dung chính cần cải thiện, các Sở TNMT mục tiêu đã nhận định rằng chất lượng các hoạt động nhận thức môi trường của họ được cải thiện bằng tiến hành khảo sát để lấy ý kiến phản hồi và quan sát nhận thức, hành vi của nhóm đối tượng. Hy vọng rằng các Sở TNMT mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động bằng cách nhận các ý kiến phản hồi cho các hoạt động nhận thức môi trường và có được những kỹ năng phân tích có liên quan.

2) Chỉ số 4-2: Phát triển các công cụ

Các Sở TNMT mục tiêu cũng đã và đang xây dựng các công cụ quảng bá mà không có bất kỳ khái niệm cơ bản nào về hoạt động của mình. Các Sở TNMT được giới thiệu một khái niệm cơ bản, qua đó, nhóm đối tượng mục tiêu, các công cụ cần thiết và thông điệp được làm rõ. Trong năm đầu tiên, các Sở TNMT mục tiêu đã xác định các nhóm đối tượng và các công cụ môi trường hiệu quả để triển

khai các hoạt động nâng cao nhận thức về cải thiện chất lượng nước thải đối với ngành công nghiệp và công chúng nói chung.

Hầu hết các Sở TNMT mục tiêu đều có năng lực cho nội dung câu hỏi CA 4-2 (1): xác định các nhóm đối tượng, công cụ phù hợp và thông điệp chính cần chuyển giao khi xây dựng công cụ nhận thức môi trường. Năng lực trong câu CA 4-2 (2) về đánh giá tính hiệu quả của các công cụ nhận thức MT tương tự như ở câu CA 4-1 (1) và CA 4-1 (2), vì thế, các Sở TNMT cần tiến hành điều tra bằng phiếu khảo sát về thiết kế và tác động của các công cụ môi trường đã được xây dựng. Năng lực trong câu CA 4-2(2) thấp hơn năng lực trong câu CA 4-2(1).

Để xác định mức phát triển năng lực của Sở TNMT, năng lực về chia sẻ các công cụ môi trường và tài liệu của dự án cho các hoạt động khác trong tương lai (nội dung câu CA 4-2 (3)) đã được kiểm tra. Vì thời gian hai năm của dự án quá ít để Sở TNMT có thể sử dụng lại các công cụ môi trường đã được xây dựng, mức tiến bộ về năng lực trong câu CA 4-2 (3) thấp hơn của câu CA 4-2(1) và (2). Các Sở TNMT mục tiêu cần tích lũy nhiều kinh nghiệm hơn để chia sẻ các công cụ đã được xây dựng cho các đơn vị trong và ngoài Sở TNMT.

3) Chỉ số 4-3: Sự kiện nhận thức môi trường

Các Sở TNMT mục tiêu đã có kinh nghiệm tổ chức các sự kiện nhận thức môi trường. Tuy nhiên, JET nhận thấy các sự kiện này không có mục tiêu rõ ràng. Trong quá trình dự án, JET tư vấn cho các Sở TNMT xác định rõ mục tiêu và xây dựng các chương trình thì phải cân nhắc xem sẽ chuyển giao thông điệp nào, cho nhóm đối tượng nào. Năng lực này liên quan đến nội dung câu CA 4-3(1) và cao hơn năng lực cá nhân. Có hai câu hỏi khác nhằm đánh giá năng lực của tổ chức, như hợp tác giữa các nguồn lực (câu CA 4-3 (2)) và lập báo cáo để chia sẻ kinh nghiệm (Câu CA 4-3(3)).

Vì các Sở TNMT mục tiêu vốn đã có kinh nghiệm tổ chức các sự kiện, nên mức tiến bộ cho năng lực này (câu CA 4-3) là không nhiều, nhưng mức năng lực này đã ở mức khá cao từ khi bắt đầu Dự án.

4) Chỉ số 4-4: Phát triển năng lực

Chỉ số 4-4 đánh giá sự phát triển năng lực của các cán bộ Sở TNMT. Câu CA 4-4 (1) liên quan đến phát triển năng lực cá nhân. Câu CA 4-4 (2) đánh giá năng lực có thể rút kinh nghiệm tổ chức sự kiện và từ đó cải tiến chất lượng của các hoạt động tiếp theo, năng lực lập kế hoạch và năng lực định hướng cho các hoạt động trong tương lai. Câu CA 4-4 (3) đánh giá sự tiến bộ về năng lực của tổ chức thông qua việc chia sẻ các kỹ năng và tập huấn cho các cán bộ khác trong Sở.

Vì hầu hết các cán bộ đều quan tâm đến việc phát triển năng lực cá nhân hơn là phát triển năng lực tổ chức, câu CA 4-4 (1) có mức đánh giá cao hơn. Câu CA 4-4 (2) đánh giá bước “See” trong quy trình “Plan-Do-See”, mức đánh giá năng lực của câu CA 4-4 (3) là thấp khi bắt đầu dự án nhưng tăng dần lên theo thời gian triển khai dự án. Có lẽ là do các Sở TNMT đã làm theo tư vấn của JET về việc nỗ lực chia sẻ kỹ năng

2.7.3.4 Đề xuất các hoạt động sau khi kết thúc Dự án

(1) Lập mục tiêu, nhóm đối tượng, thông điệp và mục đích rõ ràng

Khi bắt đầu Dự án, hầu hết các Sở TNMT đều quan tâm đến hiệu quả của các hoạt động nhận thức môi trường nhưng đều nghĩ khó có thể nâng cao nhận thức môi trường của công chúng một cách bền vững. Trong Dự án này, WG 4 giới thiệu quy trình “Plan-Do-See” đối với các hoạt động nhận thức môi trường và đã cố gắng xác định rõ mục tiêu, nhóm đối tượng và thông điệp cần truyền đạt đến nhóm đối tượng. Sở TNMT cần phải cụ thể hóa các nội dung này khi lập kế hoạch cho các hoạt động môi trường để rà soát và đánh giá thành công của từng hoạt động.

(2) Lựa chọn các công cụ, có xét đến đặc tính của từng công cụ

Trong khuôn khổ Dự án, các Sở TNMT học được đặc tính của các công cụ môi trường khác nhau và cách lựa chọn các công cụ này như thế nào cho phù hợp với mục đích của các hoạt động. Ví dụ, hội thảo là một hình thức phù hợp để truyền đạt các thông tin chi tiết đến một số người nhất định và nhận được ý kiến phản hồi của họ. Trong khi đó, các phương tiện thông tin đại chúng lại là phương thức phù hợp để truyền đạt thông điệp đơn giản đến nhiều người. Các Sở TNMT cần sử dụng nhiều công cụ môi trường đã được xây dựng trong khuôn khổ dự án và từ đó tiếp tục phát triển các công cụ phù hợp khác cho các hoạt động trong tương lai.

(3) Nâng cao chất lượng các hoạt động thông qua việc thu thập các ý kiến phản hồi

Khi bắt đầu dự án, các Sở TNMT ít khi tiến hành điều tra khảo sát sau khi tổ chức các sự kiện môi trường. Trong khuôn khổ Dự án này, WG4 đã xây dựng và tiến hành điều tra khảo sát sau từng sự kiện môi trường và thảo luận tính hiệu quả của từng hoạt động dựa trên các ý kiến phản hồi của các nhóm đối tượng như doanh nghiệp, tổ chức xã hội... Các Sở TNMT cần nhấn mạnh vào quá trình đánh giá để rút ra bài học cho từng sự kiện đã tổ chức và cải tiến các hoạt động trong tương lai. Cần lập bảng hoạt động cho môi trường để Sở TNMT có thể chia sẻ kết quả hoạt động và tham khảo khi tổ chức các hoạt động tiếp theo.

(4) Sử dụng số liệu và thông tin về quan trắc, kiểm kê, thanh tra và kiểm soát ô nhiễm nước

Hiện nay, các hoạt động nhận thức môi trường của Sở TNMT thường hướng đến công chúng. Trong dự án này, tất cả các Sở TNMT đã cố gắng tổ chức hoạt động nhận thức môi trường cho các doanh nghiệp các Sở TNMT cần sử dụng thông tin và số liệu quan trắc, kiểm kê, thanh tra và các biện pháp KSON. Vì thế, các Sở TNMT cần thúc đẩy sự phối hợp và trao đổi thông tin giữa các phòng ban trực thuộc Sở cũng như với các tổ chức liên quan để truyền thông điệp về nâng cao nhận thức môi trường đến các doanh nghiệp.

2.8 Kết quả 5 (nhóm WG 5): Quản lý và sử dụng thông tin môi trường

2.8.1 Giới thiệu

2.8.1.1 Mục tiêu và kế hoạch của các hoạt động

Theo Ma trận thiết kế dự án (PMD), mục tiêu của Kết quả 5 là "tăng cường công tác quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước tại Bộ TNMT và năm Sở TNMT". Dưới đây là 6 bước cần thực hiện để đạt được mục tiêu:

- (1) Nắm bắt hiện trạng và các vấn đề về thu thập, quản lý và sử dụng các thông tin về môi trường nước hiện nay (tại Bộ TNMT) (bước 1)
- (2) Trên cơ sở bước 1), lựa chọn các thông tin ưu tiên trong số các thông tin mà Bộ TNMT, các Sở TNMT quản lý và thực thi, xây dựng phương pháp hiệu quả hơn (biểu mẫu, phương pháp và tần suất báo cáo) bằng cách thu thập ý kiến từ những người liên quan thông qua các cuộc hội thảo cũng như thử nghiệm thực tế. Sau đó, đề xuất các phương pháp cụ thể cho việc thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước (bước 2 – bước 7)

Hai nội dung sau được xác định là các mục tiêu cần phải đạt được

| Nội dung | Chỉ số đánh giá mục tiêu |
|---|---|
| Kết quả Năng lực của Bộ TNMT và các Sở TNMT về quản lý và sử dụng thông tin được tăng cường | 5-1 Bộ TNMT và các Sở TNMT mục tiêu trao đổi thông tin thông suốt hơn trước đây cả về tần suất và nội dung trao đổi thông tin 5-2 Dự thảo “quy trình thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước” (bao gồm cả tuyên truyền/truyền thông) được xây dựng. |

Vì vậy, các hoạt động của Kết quả 5 được tóm tắt như sau "Bộ TNMT thu nhận thông tin môi trường nước cung cấp bởi các Sở TNMT, và cả Bộ TNMT và các Sở TNMT cùng chia sẻ nhận thức về việc sử dụng các thông tin này nhằm hoàn thiện các chính sách. Ngoài ra Bộ TNMT và các Sở TNMT xây dựng một cách thức tốt hơn cho việc thu thập, quản lý và sử dụng các thông tin về môi trường nước bằng một cách thức trao đổi thông tin liên lạc tốt hơn.

2.8.2 Nội dung các hoạt động

2.8.2.1 Tổng thể các hoạt động trong Kết quả 5

(1) Ý tưởng cơ bản của các hoạt động

Mục tiêu của Kết quả 5 là tăng cường năng lực quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước. Thông tin môi trường nước như dữ liệu quan trắc nước sông hoặc nước thải từ các nhà máy là cần thiết cho việc tạo ra và thực thi các chính sách môi trường nước. Nhìn chung, thông tin môi trường nước được chia thành hai loại dựa trên mục tiêu của việc sử dụng của chúng. Đó là, loại đầu tiên là thông tin được sử dụng tại các cơ quan quản lý nhà nước và loại thứ hai là thông tin sử dụng bên ngoài như nâng cao nhận thức của cộng đồng

Ở Việt Nam, thường các nhà cung cấp thông tin là Sở TNMT và người sử dụng thông tin là Bộ TNMT. Trong trường hợp này, khi nhà cung cấp các thông tin và người sử dụng thông tin là các đối tượng khác, điều cần thiết là phải phối hợp giữa năng lực của nhà cung cấp và yêu cầu của người sử dụng về thông tin cần thiết. Sau đó dựa trên sự phối hợp này để quyết định làm như thế nào để thu thập, xử lý và sử dụng tất cả các thông tin cần thiết về môi trường nước.

(2) Quy trình thực hiện các hoạt động của Kết quả 5

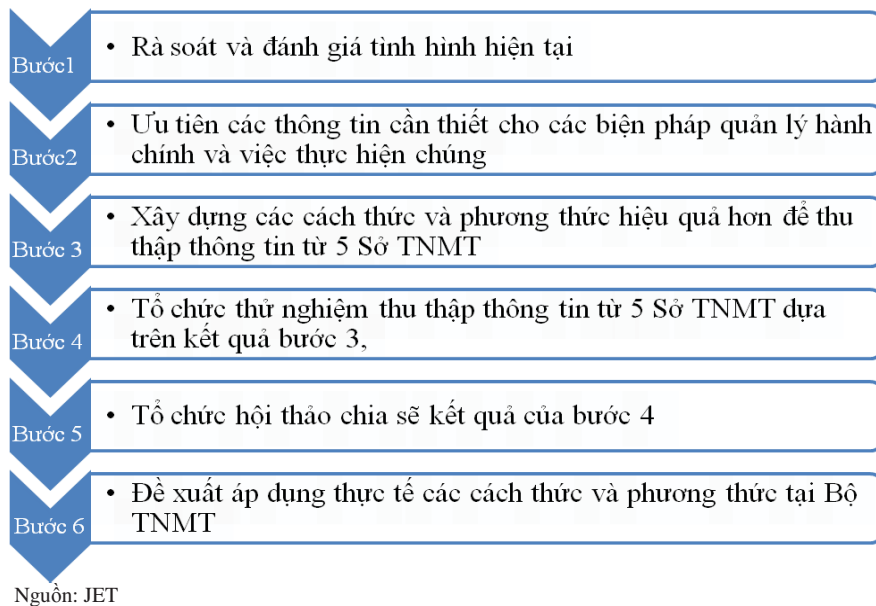
Quy trình hoạt động được thể hiện trong Hình 2.8-1. Trước hết, hiện trạng công tác quản lý và sử dụng thông tin môi trường được rà soát xem xét lại (Bước 1). Việc rà soát này được thực hiện với các phương pháp sau đây. Cụ thể, phương pháp 1 là đưa ra các câu hỏi/phỏng vấn các cơ quan có liên quan trong Bộ TN & MT để nắm bắt tình hình hiện tại của dòng chảy thông tin từ các Sở TNMT đến Bộ

TNMT và cách thức sử dụng nó. Trong quá trình triển khai phương pháp 1, chúng tôi cố gắng để làm rõ các vấn đề cần cải thiện liên quan đến quản lý và sử dụng thông tin. Phương pháp thứ 2 là đưa ra các câu hỏi/phỏng vấn 5 Sở TNMT dựa trên kết quả trả lời các câu hỏi/phỏng vấn các đơn vị có liên quan trong Bộ TNMT.

Thứ hai là thông tin cần thiết cho các biện pháp quản lý hành chính được ưu tiên. (Bước 2) Hoạt động này được thực hiện bởi sự hợp tác với các đơn vị liên quan của Bộ TNMT và JICA. Ngoài ra, một nhóm công tác đã được thành lập với sự tham gia của CEID, ISD và JICA giúp cho việc thực hiện kế hoạch được thuận lợi.

Các thông tin ưu tiên được lựa chọn dựa trên các cuộc khảo sát và một cách thức hiệu quả hơn để thu thập, quản lý và sử dụng các thông tin đã được đề xuất như là "Đề xuất quản lý thông tin môi trường nước ở Việt Nam". Trong đề xuất này, các biểu mẫu báo cáo thường xuyên từ Sở TNMT đến Bộ TNMT đã được giới thiệu và cuộc họp chuyên gia đã được tổ chức để có thêm ý kiến đóng góp về các biểu mẫu báo cáo. Theo đó, các thử nghiệm thực tế với các biểu mẫu được xây dựng đã được tiến hành tại Sở TNMT Hải Phòng (Bước 3 & 4)

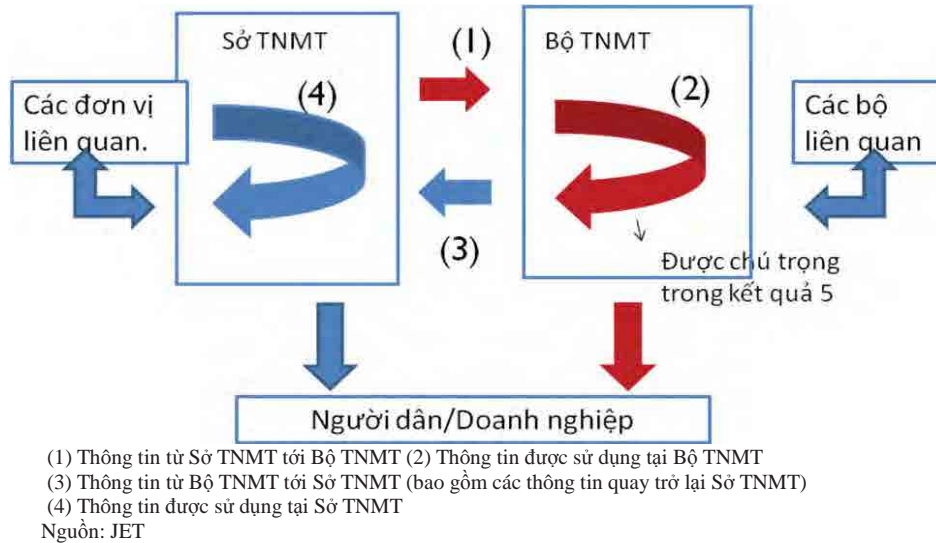
Thứ tư là kết quả của cuộc thử nghiệm đã được chia sẻ thông qua hội thảo và "Đề xuất quản lý thông tin môi trường nước ở Việt Nam" đã được hoàn thành và gửi tới Bộ TNMT. (Bước 5 & 6)



Hình 2.8-1 Quy trình thực hiện Kết quả 5

(3) Điểm trọng tâm của Kết quả 5

Trong việc xem xét luồng thông tin giữa Sở TNMT và Bộ TNMT, có 4 luồng thông tin được thể hiện trong Hình 2.8-2. Do thời gian hạn chế, trong Dự án này, luồng thông tin được khoanh tròn sẽ chủ yếu được tập trung, cụ thể là, các thông tin từ Sở TNMT đến Bộ TNMT cũng như các thông tin sử dụng tại Bộ TNMT.



Hình 2.8-2 Luồng thông tin

2.8.3 "Phạm vi của thông tin" và "việc lựa chọn thông tin"

2.8.3.1 Phạm vi của thông tin

Bộ TNMT đóng một vai trò không chỉ là một cơ quan hoạch định chính sách mà còn là một cơ quan thực thi chính sách đối với một số chính sách

Vì vậy, các thông tin cần phải được gửi đến Bộ TNMT từ các Sở TNMT có thể được chia thành hai loại thông tin dưới đây 1) và 2), nhưng xem xét mục đích Kết quả 5, chúng tôi chỉ lựa chọn 1) như là thông tin mục tiêu của Kết quả 5

- 1) Thông tin cần thiết cho Bộ TNMT để đánh giá và hoàn thiện chính sách hiện hành
- 2) Thông tin cần thiết cho Bộ TNMT để thực thi các chính sách hiện hành một cách hiệu quả
 Ví dụ như việc thực thi ĐTM

2.8.3.2 Việc lựa chọn thông tin

Để đánh giá và hoàn thiện chính sách hiện hành, dựa trên kinh nghiệm của Nhật Bản, chúng tôi tin rằng cách thức hợp lý là chia thành hai giai đoạn dưới đây để thực hiện, và việc lựa chọn các thông tin mục tiêu của Kết quả 5 đã được quyết định dựa trên mục đích của giai đoạn 1.

(Giai đoạn 1)

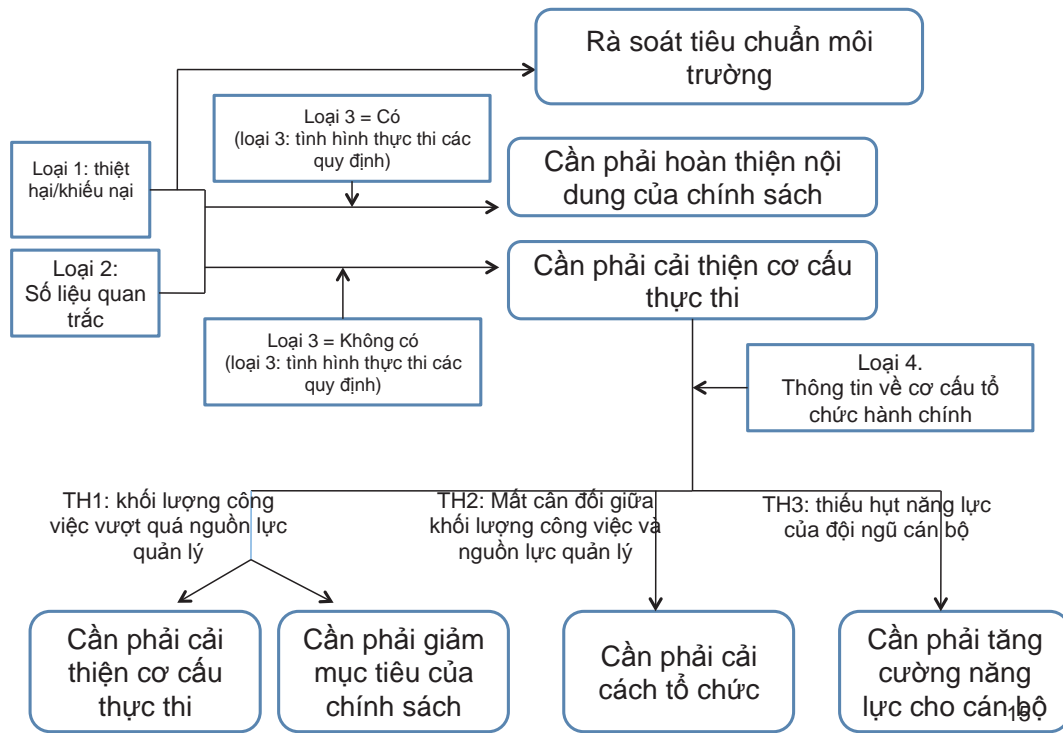
Để Bộ TNMT có thể nắm bắt được các vấn đề hiện hành về chính sách thì các Sở TNMT phải định kỳ (mỗi năm một lần) báo cáo các thông tin cần thiết (sau khi đã xử lý, biên tập từ các dữ liệu môi trường thu được từ hoạt động hàng ngày) lên Bộ TNMT.

(Giai đoạn 2)

Nếu Bộ TNMT muốn có thêm thông tin chi tiết nhằm đánh giá hoặc hoàn thiện một chính sách hiện hành nào đó, Bộ TNMT phải đưa ra yêu cầu để các Sở TNMT cung cấp thêm thông tin, hoặc bằng cách thu thập các thông tin mới thông qua các điều tra bổ sung.

Chúng tôi đã chọn bốn loại thông tin sau đây là các thông tin thu thập ở giai đoạn 1.

Bốn loại thông tin này được thu thập hàng ngày bởi các Sở TNMT trong quá trình quản lý, và nó giúp nắm bắt các vấn đề (hoặc bản chất của vấn đề) của chính sách hiện hành bằng cách đối chiếu lẫn nhau giữa các thông tin thu thập được (Để biết thêm thông tin, tham khảo "Đề xuất quản lý thông tin môi trường ở Việt Nam", báo cáo cuối cùng của Kết quả 5)



Nguồn: JET

Hình 2.8-3: Sử dụng thông tin môi trường trong việc hoàn thiện các chính sách

(4 loại thông tin mục tiêu)

- Thứ 1. Thông tin về “các phản ánh của người dân tại các nơi có ô nhiễm môi trường” hoặc “các thiệt hại do ô nhiễm”
- Thứ 2 Dữ liệu quan trắc chất lượng nước các thủy vực công cộng
- Thứ 3 Thông tin về tình hình thực thi các chính sách
- Thứ 4 Thông tin về nguồn lực con người và nguồn lực tài chính cơ chế thực thi chính sách tại địa phương (tổ chức, ngân sách)

2.8.3.3 Các biểu mẫu đối với mỗi loại thông tin

Định dạng đề xuất cho mỗi loại thông tin được trình bày trong

Bảng 2.8-1

Bảng 2.8-1: Định dạng đề xuất cho mỗi loại thông tin mục tiêu

| Thông tin mục tiêu | Nội dung |
|--|--|
| Khiếu nại từ dân cư hoặc sự cố, tổn thất về môi trường | Thông tin quan trọng cho chính quyền trung ương (bao gồm thông tin về nguồn và chất ô nhiễm) từ các khiếu nại gửi tới chính quyền trung ương |
| Dữ liệu quan trắc | - Số lượng các trạm quan trắc và mẫu - Các thông số ô nhiễm hữu cơ phổ biến (ví dụ như DO/BOD/COD) - Các chất độc hại (As, Cd, Pb, Hg và chất hóa học sử dụng trong nông nghiệp (theo mục đích sử dụng)) |
| Hiện trạng thực thi chính sách | - Số lượng các hồ sơ đăng ký cấp phép (Đánh giá tác động môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Giấy phép xả thải) - Số lượng các hồ sơ được chấp thuận - Số lượng các đợt thanh tra - Nội dung xử phạt (số tiền, quyết định v.v.) - Tỷ lệ phân trăm giữa phí xả thải và số tiền thu được |
| Nguồn nhân lực và tài chính dành cho công tác bảo vệ môi trường tại chính quyền địa phương | - Số lượng phòng ban/cơ quan liên quan đến môi trường nước - Số lượng cán bộ và ngân sách của từng phòng ban/cơ quan |

Nguồn: JET

2.8.4 Kết quả đạt được và đề xuất cho Kết quả 5

2.8.4.1 Các chỉ số được dùng để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu

Chỉ số 5-1 " Bộ TNMT và các Sở TNMT mục tiêu trao đổi thông tin thông suốt hơn trước đây cả về tần suất và nội dung trao đổi thông tin" đã đạt được khi cuộc khảo sát được hoàn thành và kết quả được chia sẻ giữa những bên có liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát, các cuộc phỏng vấn đã được thực hiện và căn cứ vào kết quả

Chỉ số 5-2 ("Dự thảo "quy trình thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước" (bao gồm cả tuyên truyền/truyền thông) được xây dựng") cũng đã đạt được với kết quả là "Đề xuất quản lý thông tin môi trường nước ở Việt Nam" với các định dạng báo cáo định kỳ từ các Sở TNMT tới Bộ TNMT.

Bảng 2.8-2 thể hiện kết quả và chỉ số đánh giá cho Kết quả 5.

Bảng 2.8-2 Thành tựu Kết quả 5 (WG-5): Quản lý và Sử dụng Thông tin Môi trường

| Chỉ số | Mục tiêu cần đạt được đối với mỗi cơ quan/tổ chức | Tình hình/hiện trạng trước khi Dự án bắt đầu | Tình hình/hiện trạng khi kết thúc Dự án |
|--|---|--|---|
| 5-1 Bộ TNMT và các Sở TNMT mục tiêu trao đổi thông tin thông suốt hơn trước đây cả về tần suất và nội dung trao đổi thông tin | Đưa ra được một phương thức tốt hơn trong thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước, và áp dụng vào thực tiễn. | (1) Bộ TNMT thu thập các thông tin cần thiết bằng cách yêu cầu (thông qua văn bản.công văn) các Sở TNMT gửi báo cáo. (2) Không có một hệ thống thu thập thông tin thường xuyên, ngoại trừ Trung tâm quan trắc và Thanh tra TC. (3) Cả Bộ TNMT và các Sở TNMT dường như không đánh giá đúng tầm quan trọng của việc thu thập, quản lý và sử dụng thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý. | (1) Một khảo sát nhằm đánh giá và hiểu rõ được hiện trạng thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước đã được thực hiện và hoàn thành vào cuối năm 2012. (2) Trên cơ sở kết quả của khảo sát, cuộc toạ đàm giữa các chuyên gia và hội thảo chia sẻ kết quả đã được tổ chức. Thông qua các hoạt động này, các bên liên quan đều nhận thấy rằng hoạt động chia sẻ thông tin môi trường nước hiện nay không được tốt và rõ ràng; và cần phải được cải thiện. |
| 5-2 Dự thảo "quy trình thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước" (bao gồm cả tuyên truyền/truyền thông) được xây dựng. | (1) Trên cơ sở kết quả của Dự án, một quy trình về gửi/báo cáo thông tin từ Sở TNMT lên Bộ TNMT sẽ được hoàn thiện và sắp xếp lại. (2) Đề phổ biến và đưa vào áp dụng quy trình thu thập, quản lý và sử dụng thông tin thì cần thiết phải ban hành một thông từ hướng dẫn thực hiện. | (1) Không có một hướng dẫn về thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước (2) Không có một biểu mẫu chung cho cả nước nhằm thu thập thông tin môi trường (ngoại trừ Trung tâm quan trắc và Thanh tra TC). (3) Không có một cơ chế thống nhất trong thu thập thông tin môi trường (ngoại trừ Trung tâm quan trắc và Thanh tra TC). | (1) Trên cơ sở kết quả của Dự án, một quy trình về thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước được đề xuất. (2) Từ các kinh nghiệm của Nhật Bản, 10 biểu mẫu thu thập/báo cáo thông tin đã được xây dựng.. (2) 10 biểu mẫu đã được thử nghiệm và sửa đổi thông qua hoạt động thử nghiệm tại Sở TNMT Hải Phòng. (3) Trên cơ sở hoạt động thử nghiệm tại Sở TNMT Hải Phòng, một hội thảo đã được tổ chức và Quy trình thu thập, quản lý và sử dụng thông tin môi trường nước đã được đưa ra. |

Nguồn: JET

2.8.4.2 Kết quả đạt được

Các thành tựu đã đạt được của Kết quả 5 như sau:

- 1) Bộ TNMT và các Sở TNMT đã nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng thông tin để đánh giá các chính sách hiện hành (đặc biệt là nắm được "ý nghĩa khi so sánh dữ liệu với tiêu chuẩn quan trắc môi trường", thông qua việc so sánh các loại thông tin khác nhau, chúng ta có thể nắm bắt bức tranh toàn cảnh về các vấn đề chính sách)
- 2) Bộ TNMT và các Sở TNMT hiểu được vai trò của họ trong việc sử dụng các thông tin cho việc đánh giá chính sách.
- 3) Bộ TNMT và Sở TNMT đã học được từng loại phương pháp xử lý dữ liệu để đánh giá chính sách một cách phù hợp (đặc biệt là thông qua các hoạt động thử nghiệm tại Sở TNMT Hải Phòng)
- 4) Bộ TNMT và Sở TNMT có thể mong đợi thúc đẩy nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng bằng cách công bố các thông tin đã được tập hợp lại cho việc đánh giá chính sách.

2.8.4.3 Đề xuất

Sau khi dự án kết thúc, các nội dung sau được khuyến nghị để đảm bảo các kết quả của Kết quả 5 được thực thi hiệu quả

- (1) Hoàn thiện quy trình cho Bộ TNMT thu thập thông tin từ các Sở TNMT.
 - 1) Làm rõ cách Bộ TNMT sẽ sắp xếp các thông tin thu thập được từ các Sở TNMT và Bộ TNMT sẽ sử dụng chúng cho mục đích gì.
 - 2) Về cơ chế thu thập thông tin của Bộ TNMT, Bộ TNMT cần phải xác định liệu (1) các thông tin cần được thu thập bởi từng đơn vị có nhu cầu sử dụng thông tin? hay (2) Bộ TNMT nên phân công một Đơn vị cụ thể là đầu mối để thu thập tất cả các loại thông tin ?
 - 3) Các thủ tục cần được đơn giản hóa khi Bộ TNMT thu thập thông tin từ các Sở TNMT (Hiện nay khi Bộ TNMT yêu cầu một số thông tin, công văn đề nghị phải được gửi tới Sở TNMT. Tuy nhiên hệ thống này nên được đơn giản hóa)
- (2) Sau khi Bộ TNMT tập hợp các thông tin thu thập được trên toàn quốc từ các Sở TNMT, chúng tôi hy vọng Bộ TNMT nên phản hồi thông tin đến các Sở TNMT. Bằng cách đó các Sở TNMT có thể thực thi chính sách một cách thuận tiện hơn do các Sở TNMT cũng cần phải có các thông tin bên ngoài phạm vi quản lý của mình
- (3) Với mục đích sử dụng "dữ liệu quan trắc môi trường" thu thập được từ các Sở TNMT, Bộ TNMT cần phải làm rõ các nội dung sau:
 - 1) Cách hiểu các giá trị WQES <tham khảo mục 4-(2)-a>
 - 2) Cách thức áp dụng các loại WQES cho từng vùng nước <tham khảo mục 4-(2)-b>
 - 3) Cách thức đánh giá dữ liệu quan trắc các vùng nước công cộng đặc biệt là làm thế nào để so sánh số liệu quan trắc với WQES. <tham khảo mục o 4-(2)-c>
- (4) Bộ TNMT công bố các thông tin thu thập được từ các Sở TNMT cho công chúng với mục đích thúc đẩy việc giáo dục và sự tham gia của cộng đồng, nhưng điều quan trọng là Bộ TNMT cần phải giải thích một cách ngắn gọn để giúp cho họ hiểu được ý nghĩa của những thông tin được công bố
- (5) Khi Sở TN & MT cung cấp các thông tin cho Bộ TNMT, các Sở TNMT cần phải xử lý tất cả các thông tin dữ liệu theo biểu mẫu cố định. Như vậy, Bộ TNMT được mong đợi sẽ cung cấp các hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ tài chính cho các Sở TNMT để các Sở TNMT có thể xử lý dữ liệu này một cách đầy đủ.

CHƯƠNG 3. ĐÓNG GÓP VÀO DỰ ÁN

3.1 Đóng góp từ phía Việt Nam

3.1.1 Cán bộ đối tác

Để đảm bảo Dự án được quản lý tốt, Ban Điều phối chung (JCC), Ban Quản lý dự án (PMB) và nhóm công tác (WG) đã được thành lập vào giai đoạn đầu của Dự án theo các quyết định chính thức từ phía Việt Nam.

(1) Ban Điều phối chung (JCC)

JCC đã được thành lập theo Biên bản thảo luận được ký kết giữa Bộ TNMT và JICA vào ngày 08/01/2010. Sau khi thành phần của JCC được quyết định trong R/D, các thành viên JCC được bổ nhiệm từ các đơn vị, cơ quan liên quan được liệt kê trong Bảng 3.1-1 dưới đây.

Bảng 3.1-1 Danh sách các thành viên JCC

| Họ tên | Vai trò trong JCC | Chức vụ và cơ quan |
|---|-------------------|--|
| Phía Việt Nam | | |
| (1) Phó giáo sư, Tiến Sĩ Bùi Cách Tuyến | Trưởng Ban JCC | Thứ trưởng Bộ TNMT, Tổng cục trưởng Tổng cục môi trường |
| (2) Tiến sĩ Nguyễn Thế Đồng | Giám đốc dự án | Phó tổng cục trưởng Tổng cục môi trường |
| (3) Tiến sĩ Hoàng Danh Sơn (- tháng 8/2012) | Quản lý dự án | Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường |
| (3) Ông Nguyễn Minh Cường (tháng 8/2012 -) | | Phó vụ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường |
| (4) Ông Nguyễn Việt Thắng | Thành viên | Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường |
| (5) Ông Phạm Văn Khánh | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT Hà Nội |
| (6) Ông Phùng Văn Thanh (- tháng 4/2012) | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT Hải Phòng |
| (6) Ông Phạm Quốc Ka (tháng 5/2012 -) | | |
| (7) Ông Nguyễn Hữu Quyết | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT TT-Huế |
| (8) Ông Lê Văn Sâm | Thành viên | Giám đốc, Sở TNMT BRVT |
| (9) Ông Nguyễn Văn Phước | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT t/p HCM |
| Phía Nhật Bản | | |
| (10) Ông Shigenobu Obayashi | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA (chuyên gia dài hạn: LET) |
| (11) Bà Saori Ushimi | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA (chuyên gia dài hạn: LET) |
| (12) Ông Yoichi Iwai | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA (chuyên gia ngắn hạn: SET) |
| (13) Ông Itaru Okuda | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA (chuyên gia ngắn hạn: SET) |
| (14) Ông Akira Shimizu (- tháng 5/2012) | Thành viên | Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam |
| (15) Ông Fumihiko Okiura (tháng 6/2012 -) | Thành viên | Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam |
| (16) Ông Shigeru Kishida | Thành viên | Cán bộ Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam |
| Tổng: 16 người | | |

Ghi chú: Các cán bộ khác do Giám đốc và Trưởng Dự án bổ nhiệm tham gia các buổi họp JCC với tư cách là quan sát viên. Trong buổi họp JCC lần thứ hai vào ngày 10/06/2011, một số đại diện của Bộ Kế hoạch và đầu tư và Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ/Bộ TNMT đã rút khỏi danh sách các thành viên JCC. Ông Itaru Okuda được bổ sung vào danh sách này.

Nguồn: JET

(2) Ban Quản lý dự án (PMB)

Ban Quản lý dự án thuộc JCC đã được thành lập để quản lý các hoạt động dự án và báo cáo tiến độ thực hiện cho JCC. Thành viên PMB được liệt kê trong Bảng 3.1-2.

Bảng 3.1-2 Danh sách các thành viên PMB

| Họ và tên | Vai trò trong PMB | Chức vụ và cơ quan |
|---|-------------------|---|
| Phía Việt Nam | | |
| (1) Tiến sĩ Nguyễn Thế Đồng | Giám đốc dự án | Phó tổng cục Trưởng Tổng cục môi trường |
| (2) Tiến sĩ Hoàng Danh Sơn (- tháng 8/2012) | Quản lý dự án | Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường |
| (2) Ông Nguyễn Minh Cường (tháng 8/2012 -) | | Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường |
| (3) Ông Nguyễn Việt Thắng | Thành viên | Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường |
| (4) Ông Phạm Văn Khánh | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT Hà Nội |
| (5) Ông Phùng Văn Thanh (- tháng 4/2012) | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT Hải Phòng |
| (5) Ông Phạm Quốc Ka (tháng 5/2012 -) | | |

| Họ và tên | Vai trò trong PMB | Chức vụ và cơ quan |
|--|-------------------|-------------------------------|
| (6) Ông Nguyễn Hữu Quyết | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT TT-Huế |
| (7) Ông Lê Văn Sâm | Thành viên | Giám đốc, Sở TNMT BRVT |
| (8) Ông Nguyễn Văn Phước | Thành viên | Phó giám đốc, Sở TNMT t/p HCM |
| *Các cán bộ khác nếu được Giám đốc dự án mời có thể tham gia JCC với tư cách là thành viên | | |
| Phía Nhật Bản | | |
| (9) Ông Shigenobu Obayashi | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA |
| (10) Bà Saori Ushimi | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA |
| (11) Ông Yoichi Iwai | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA |
| (12) Ông Itaru Okuda | Thành viên | Nhóm chuyên gia JICA |
| *Nếu cần thiết, JICA có thể quyết định và cử cán bộ liên quan tham gia vào Ban QLDA | | |
| Tổng: 12 người | | |

Nguồn: JET

(3) Nhóm công tác (WG)

Các nhóm công tác cho từng kết quả của Dự án triển khai các hoạt động dự án. Thành viên WG được trình bày trong Bảng 3.1-3.

Bảng 3.1-3 Danh sách thành viên nhóm WG

| Họ tên | Vị trí trong nhóm | Vị trí và tổ chức |
|--|-------------------|--|
| 1. Chính sách môi trường (Nhóm 1: WG-1) | | |
| 1) Bà Nguyễn Hoàng Ánh | Thành viên | Trưởng phòng, Cục kiểm soát ô nhiễm |
| 2) Ông Nguyễn Trung Thuận | Thành viên | Chuyên viên, Cục kiểm soát ô nhiễm |
| 3) Ông Luong Duy Hanh | Thành viên | Chánh Thanh tra, Thanh tra Tổng cục môi trường |
| 4) Bà Trần thị thu Hương | Thành viên | Chuyên viên, Thanh tra Tổng cục môi trường |
| 5) Ông Mai Thế Toàn | Thành viên | Phó Cục trưởng, Cục thẩm định và đánh giá tác động môi trường |
| 6) Bà Trần Thị Lệ Anh | Thành viên | Phó phòng, Cục Quản lý chất thải và cải thiện môi trường |
| 7) Bà Nguyễn Thị Nguyệt Ánh | Thành viên | Trưởng phòng, Trung tâm Quan trắc môi trường |
| 8) Ông Nguyễn Hữu Thắng | Thành viên | Phó phòng, Trung tâm Quan trắc môi trường |
| 9) Ông Đỗ Nam Thắng | Thành viên | Phó viện trưởng, Viện khoa học quản lý môi trường |
| 10) Bà Nguyễn Phạm Hà | Thành viên | Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế và khoa học công nghệ |
| 11) Bà Nguyễn Thanh Thảo | Thành viên | Chuyên viên, Cục Quản lý tài nguyên nước |
| 2. Quan trắc (Nhóm 2-1: WG 2-1) | | |
| Sở TNMT Hà Nội | | |
| 1) Bà Nguyễn Thị Phương Liên | Trưởng nhóm 2-1 | Chuyên viên, Phòng Thông tin và Hợp tác quốc tế, Trung tâm quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường Hà Nội (CENMA) |
| 2) Bà Lê Thị Nhi | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Thông tin và Hợp tác quốc tế, CENMA |
| 3) Bà Nguyễn Thị Nghĩa | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Thông tin và Hợp tác quốc tế, CENMA |
| 4) Ông Hoàng Duy Huân | Thành viên | Chuyên viên, Bộ phận phân tích Hà Nội, Phòng quan trắc và phân tích môi trường và các nguồn tài nguyên, CENMA |
| Sở TNMT Hải Phòng | | |
| 1) Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Trưởng nhóm 2-1 | Giám đốc, Trung tâm quan trắc môi trường Hải Phòng (HACEM) |
| 2) Ông Đào Đức Thiện | Thành viên | Phó giám đốc, HACEM |
| 3) Ông Khổng Minh Tiến | Thành viên | Phó phòng, Phòng quan trắc và phân tích môi trường, HACEM |
| 4) Ông Lê Tiến Thành | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc và phân tích môi trường, HACEM |
| 5) Bà Trần Thị Minh Huyền | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc và phân tích môi trường, HACEM |
| Sở TNMT TT-Huế | | |
| 1) Ông Nguyễn Hoàng Phước | Trưởng nhóm 2-1 | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 2) Ông Đặng Phước Bình | Thành viên | Phó trạm trưởng, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 2) Ông Nguyễn Đình Phước | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 3) Ông Trần Cảnh Hùng | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 4) Ông Nguyễn Văn Chung | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 5) Bà Lê Thị Thủy Tiên | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 6) Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| Sở TNMT t/p HCM | | |
| 1) Ông Huỳnh Thanh Nhã | Trưởng nhóm 2-1 | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT t/p HCM (HEPA) |
| 2) Ông Nguyễn Thanh Huy | Thành viên | Trưởng phòng, Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường (CEMA), HEPA |
| 3) Bà Đặng Thị Tuyết Loan | Thành viên | Phó phòng, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 4) Bà Trần Minh Ngọc | Thành viên | Phó phòng, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 5) Ông Nguyễn Võ Quý Châu | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 6) Bà Trương Hồng Hà | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 7) Bà Đỗ Thị Thu Hằng | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| Sở TNMT BRVT | | |
| 1) Ông Lê Tuấn Kiệt | Trưởng nhóm 2-1 | Phó giám đốc, Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường tỉnh BRVT (CEMAB) |

| Họ tên | Vị trí trong nhóm | Vị trí và tổ chức |
|--|-------------------|---|
| 2) Bà Nguyễn Thị Hằng | Thành viên | Trưởng phòng, Phòng quan trắc môi trường, CEMAB |
| 3) Ông Nguyễn Xuân Sơn | Thành viên | Phó phòng, Phòng quan trắc môi trường, CEMAB |
| 4) Bà Mai Thị Hạnh Dung | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc môi trường CEMAB |
| 5) Ông Trịnh Đình Lợi | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc môi trường CEMAB |
| 6) Ông Lê Văn Cường | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc môi trường CEMAB |
| 7) Ông Bùi Văn Thành | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc môi trường CEMAB, phụ trách trạm quan trắc Côn Đảo |
| 3. Phân tích chất lượng nước (Nhóm 2-2: WG 2-2) | | |
| Sở TNMT Hà Nội | | |
| 1) Ông Hoàng Duy Huân | Trưởng nhóm 2-2 | Trưởng phòng, Phòng phân tích, CENMA |
| 2) Ông Lê Văn Đức | Thành viên | Phó phòng, Phòng phân tích, CENMA |
| 3) Bà Đặng Thị Liên | Thành viên | Chuyên viên, Phòng phân tích, CENMA |
| Hải Phòng | | |
| 1) Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Trưởng nhóm 2-2 | Giám đốc, HACEM |
| 2) Ông Đào Đức Thiện | Thành viên | Phó giám đốc, HACEM |
| 3) Ông Khổng Minh Tiến | Thành viên | Phó trưởng phòng, Phòng quan trắc và phân tích môi trường, HACEM |
| 4) Ông Đàm Văn Quỳnh | Thành viên | Phó trưởng phòng, Phòng Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật môi trường, HACEM |
| 5) Ông Đào Văn Vượng | Thành viên | Chuyên viên, HACEM |
| 6) Bà Nguyễn Thu Huyền | Thành viên | Chuyên viên, HACEM |
| 7) Ông Lê Tiến Thành | Thành viên | Chuyên viên, HACEM |
| 8) Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh | Thành viên | Chuyên viên, HACEM |
| 9) Bà Trần Thị Minh Huyền | Thành viên | Chuyên viên, HACEM |
| Sở TNMT TT-Huế | | |
| 1) Ông Nguyễn Hoàng Phước | Trưởng nhóm 2-2 | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT |
| 2) Ông Nguyễn Đình Phước | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 3) Ông Trần Cảnh Hùng | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 4) Ông Nguyễn Văn Chung | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 5) Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 6) Bà Lê Thị Thủy Tiên | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| Sở TNMT t/p HCM | | |
| 1) Ông Huỳnh Thanh Nhã | Trưởng nhóm 2-2 | Phó chi cục trưởng, HEPA |
| 2) Ông Nguyễn Thanh Huy | Thành viên | Trưởng phòng, Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường (CEMA), HEPA |
| 3) Bà. Đặng Thị Tuyết Loan | Thành viên | Phó phòng, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 4) Bà Trần Minh Ngọc | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 5) Bà Nguyễn Võ Quý Châu | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 6) Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Trung | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 7) Bà Trương Hồng Hà | Thành viên | Cán bộ, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| 8) Bà Đỗ Thị Thu Hằng | Thành viên | Cán bộ, Phòng Quan trắc và phân tích môi trường, CEMA, HEPA |
| Sở TNMT BRVT | | |
| 1) Ông Lê Tuấn Kiệt | Trưởng nhóm 2-2 | Phó giám đốc, CEMAB |
| 2) Bà Lê Thị Thanh Liễu | Thành viên | Trưởng phòng phân tích, CEMAB |
| 3) Ông Phạm Bá Thiện | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc môi trường, CEMAB |
| 4) Ông Đoàn Thanh Hải | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quan trắc môi trường, CEMAB |
| 4. Kiểm kê (Nhóm 2-3: WG 2-3) | | |
| Hà Nội | | |
| 1) Bà Đào Thị Anh Diệp | Trưởng nhóm 2-3 | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 2) Ông Ngô Thái Nam | Thành viên | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 3) Ông Phạm Hùng Cường | Thành viên | Trưởng phòng, Phòng QLTNN và KTTV |
| 4) Ông Nguyễn Tiến Hùng | Thành viên | Phó Chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT TNMT Hà Nội |
| 5) Ông Nguyễn Trọng Dũng | Thành viên | Chuyên viên, Phòng QLTNN và KTTV |
| 6) Ông Nguyễn Trọng Trường | Thành viên | Chuyên viên, Phòng kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 7) Ông Tạ Ngọc Sơn | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quản lý dự án và truyền thông, Chi cục BVMT Hà Nội |
| Sở TNMT Hải Phòng | | |
| 1) Ông Lê Sơn | Trưởng nhóm 2-3 | Phó chi cục trưởng, Chi cục BVMT Hải Phòng |
| 2) Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Thành viên | Giám đốc, HACEM |
| 3) Bà Vũ Thị Thu Hương | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Thẩm định và ĐTM, Chi cục BVMT Hải Phòng |
| 4) Ông Mai Đức Long | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| Sở TNMT TT-Huế | | |
| 1) Ông Nguyễn Việt Hùng | Trưởng nhóm 2-3 | Chi cục trưởng, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 2) Bà Nguyễn Trần Thế Anh | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 3) Bà Trần Thị Ngọc Diệp | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 4) Ông Nguyễn Mạnh Đại Lân | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Quản lý tài nguyên nước |

| Họ tên | Vị trí trong nhóm | Vị trí và tổ chức |
|---|-------------------|--|
| 5) Ông Lý Thành Trung | Thành viên | Chuyên viên, Trạm quan trắc và phân tích môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 6) Ông Châu Mạnh Quỳnh | Thành viên | Chuyên viên, Phòng ĐTM, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 7) Bà Lê Thị Hạnh | Thành viên | Phó phòng, Phòng Tổng hợp |
| Sở TNMT t/p HCM | | |
| 1) Bà Lê Thị Thanh Dung | Trưởng nhóm 2-3 | Phó trưởng phòng, Phòng Thẩm định, đánh giá tác động môi trường, HEPA |
| 2) Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa | Thành viên | Phó trưởng phòng, Phòng Thẩm định, đánh giá tác động môi trường, HEPA |
| 3) Ông Đặng Lê Hiền | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 4) Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Thành viên | Chuyên viên, Phòng QL TNN & Khoáng sản |
| 5) Bà Nguyễn Minh Hằng | Thành viên | Phó phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, HEPA |
| Sở TNMT BRVT | | |
| 1) Ông Lê Tân Cương | Trưởng nhóm 2-3 | Chi cục trưởng, Chi cục BVMT BRVT |
| 2) Bà Tăng Thị Diễm Mi | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 3) Ông Lê Thành Tâm | Thành viên | Chuyên viên, Phòng QL TNN |
| 4) Ông Lương Hùng Phi | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT BRVT |
| 5. Thanh tra (Nhóm 2-4: WG 2-4) | | |
| Sở TNMT Hà Nội | | |
| 1) Bà Đào Thị Anh Diệp | Trưởng nhóm 2-4 | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 2) Ông Nguyễn Tiến Hùng | Thành viên | Phó Chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| 3) Ông Nguyễn Trọng Trường | Thành viên | Chuyên viên, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 4) Ông Tạ Ngọc Sơn | Thành viên | Nt |
| Sở TNMT Hải Phòng | | |
| 1) Bà Nguyễn Thị Vinh | Trưởng nhóm 2-4 | Chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| 2) Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Thành viên | Giám đốc, Trung tâm HACEM |
| 3) Ông Lê Sơn | Thành viên | Phó chi cục trưởng, Chi cục BVMT |
| 4) Ông Mai Đức Long | Thành viên | Thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| Sở TNMT TT-Huế | | |
| 1) Ông Dương Văn Thành | Trưởng nhóm 2-4 | Phó chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| 2) Bà Nguyễn Trần Thế Anh | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 3) Bà Trần Thị Ngọc Diệp | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 4) Ông Lý Thành Trung | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 5) Ông Nguyễn Hoàng Lương | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở |
| Sở TNMT t/p HCM | | |
| 1) Bà Lê Thị Kim Oanh | Trưởng nhóm 2-4 | Phó chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| 2) Bà Lê Thị Thanh Dung | Thành viên | Phó trưởng phòng, Phòng Thẩm định, đánh giá tác động môi trường, HEPA |
| 3) Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa | Thành viên | Phó trưởng phòng, Phòng Thẩm định, đánh giá tác động môi trường, HEPA |
| 4) Ông Đặng Lê Hiền | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 5) Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Thành viên | Chuyên viên, Phòng QL TNN & Khoáng sản |
| 6) Bà Nguyễn Minh Hằng | Thành viên | Phó phòng, Kiểm soát ô nhiễm, HEPA |
| Sở TNMT BRVT | | |
| 1) Ông Dương Văn Thành | Trưởng nhóm 2-4 | Phó Chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| 2) Ông Lê Tân Cương | Thành viên | Chi cục trưởng, Chi cục BVMT BRVT |
| 3) Bà Tăng Thị Diễm Mi | Thành viên | Thanh tra viên, Thanh tra Sở TNMT |
| 4) Ông Lê Thành Tâm | Thành viên | Chuyên viên, Phòng quản lý tài nguyên nước |
| 5) Ông Lương Hùng Phi | Thành viên | Chuyên viên, Phòng kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT BRVT |
| 6. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước (Nhóm 3: WG 3) | | |
| Sở TNMT Hà Nội | | |
| 1) Bà Đào Thị Anh Diệp | Trưởng nhóm 3 | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 2) Ông Nguyễn Trọng Trường | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 3) Ông Tạ Ngọc Sơn | Thành viên | Phó phòng, Phòng quản lý dự án và truyền thông, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 4) Ông Phạm Hùng Cường | Thành viên | Trưởng phòng, Phòng QL TNN & KTTV |
| 5) Ông Nguyễn Trọng Dũng | Thành viên | Chuyên viên, Phòng QL TNN & KTTV |
| 6) Ông Nguyễn Tiến Hùng | Thành viên | Phó Chánh thanh tra, Thanh tra Sở TNMT |
| 7) Ông Thế Anh | Thành viên | Trưởng phòng, Phòng TNMT quận Hà Đông |
| 8) Bà Quán Thị Nam | Thành viên | Chuyên viên, Phòng TNMT quận Hà Đông |
| 9) Bà Đào Thị Hồng Lê | Thành viên | Chuyên viên, Phòng TNMT huyện Từ Liêm |
| 7. Nhận thức môi trường (Nhóm 4: WG 4) | | |
| Sở TNMT Hà Nội | | |
| 1) Bà Lê Thanh Thủy | Trưởng nhóm 4 | Phó phòng, Phòng quản lý dự án và truyền thông, Chi cục BVMT Hà Nội |
| 2) Ông Tạ Ngọc Sơn | Thành viên | Phó phòng, Phòng quản lý dự án và truyền thông, Chi cục BVMT Hà Nội |
| Sở TNMT Hải Phòng | | |
| 1) Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Trưởng nhóm 4 | Giám đốc, HACEM |
| 2) Ông Lê Sơn | Thành viên | Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT Hải Phòng |
| 3) Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng | Thành viên | Chuyên viên, Chi cục BVMT Hải Phòng |

| Họ tên | Vị trí trong nhóm | Vị trí và tổ chức |
|--|-------------------|--|
| 4) Ông Phạm Khắc Thành | Thành viên | Phó giám đốc, Trung tâm thông tin Tài nguyên và Môi trường, Chi cục BVMT Hải Phòng |
| Sở TNMT TT-Huế | | |
| 1) Ông Nguyễn Việt Hùng | Trưởng nhóm 4 | Chi cục trưởng, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 2) Ông Nguyễn Xuân Khương | Thành viên | Trưởng phòng, Phòng thẩm định và đánh giá tác động môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 3) Bà Lê thị Hạnh | Thành viên | Phó phòng, Phòng hành chính tổng hợp, Chi cục BVMT TT-Huế |
| 4) Bà Phạm Thị Nguyệt | Thành viên | Chuyên viên, Phòng thẩm định và đánh giá tác động môi trường, Chi cục BVMT TT-Huế |
| Sở TNMT HCM | | |
| 1) Bà Trần Thị Liên | Trưởng nhóm WG4 | Phòng Thông tin và Truyền thông môi trường, HEPA |
| 2) Bà Lê Thanh Dung | Trưởng nhóm WG4 | Phó phòng, Phòng thẩm định và đánh giá tác động môi trường, HEPA |
| 3) Ông Huỳnh Thanh Nhã | Thành viên | Phó Chi cục trưởng, HEPA |
| 4) Bà Huỳnh Thu Vân | Thành viên | Trưởng phòng, Thông tin và Truyền thông môi trường, HEPA |
| 5) Bà Nguyễn Thị Tú Uyên | Thành viên | Phó phòng, Thông tin và Truyền thông môi trường, HEPA |
| 6) Bà Nguyễn Thị Tuyết Hoa | Trưởng nhóm WG 4 | Phó phòng, Phòng thẩm định và đánh giá tác động môi trường, HEPA |
| Sở TNMT BRVT | | |
| 1) Ông Lê Tân Cương | Trưởng nhóm 4 | Chi cục trưởng, Chi cục BVMT BRVT |
| 2) Ông Trần Anh Đức | Thành viên | Phó phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT BRVT |
| 3) Ông Lương Hùng Phi | Thành viên | Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT BRVT |
| 8. Sử dụng và quản lý thông tin môi trường (Nhóm 5: WG-5) | | |
| 1) Ông Nguyễn Quốc Khánh | Trưởng nhóm | Quyền Giám đốc, Trung tâm dữ liệu và thông tin môi trường |
| 2) Bà Vũ Thị Thu Thủy | Thành viên | Chuyên viên, Trung tâm dữ liệu và thông tin môi trường |
| Tổng: 136 người | | |

Nguồn: JET

3.1.2 Kinh phí hoạt động do phía Việt Nam chi trả

Bộ TNMT đã cấp vốn đối ứng cho Dự án như được trình bày dưới đây. Về phần Sở TNMT, Sở TNMT TT-Huế đã nhận 887 triệu đồng từ UBND tỉnh để thực hiện hoạt động quan trắc trong năm 2011 và 2012. UBND tỉnh/thành từ 4 tỉnh/thành còn lại đã không phân bổ vốn đối ứng cho dự án.

Bảng 3.1-4 Kinh phí hoạt động do phía Việt Nam chi trả

| Đơn vị | Năm (triệu đồng) | | | | | Hạng mục chi phí chính |
|---------|------------------|----------|------------------------------|--|-----------------|--|
| | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | Tổng | |
| | thực tế | thực tế | thực tế | ngân sách | ngân sách | |
| Bộ TNMT | Hiện vật | Hiện vật | 150 (tiền mặt) + hiện vật | 370 (tiền mặt) (chưa phân bổ) + hiện vật | 520 hiện vật | <ul style="list-style-type: none"> - Thuê văn phòng cho nhóm chuyên gia dài hạn - Chi phí cho các chuyến đi chính thức đến các Sở TNMT - Chi phí hành chính (gồm thiết bị văn phòng) - Phụ cấp cho thành viên Ban QLDA thuộc Bộ TNMT |

Ghi chú: Vốn đối ứng bao gồm kinh phí do phía Việt Nam hỗ trợ để thực hiện các hoạt động của dự án, trả lương và thuê văn phòng, các cơ sở vật chất theo yêu cầu

Nguồn: JET

3.1.3 Văn phòng làm việc

Theo R/D của Dự án ký tháng 1/2010 quy định rằng phía Việt Nam sẽ cung cấp văn phòng làm việc và cơ sở vật chất

1. Văn phòng và nơi họp để thực hiện các nhiệm vụ của các chuyên gia Tổng cục môi trường và từng Sở TNMT
2. Cơ sở vật chất như bàn, ghế, giá kệ, kết nối internet, điện thoại, v.v... cần thiết cho các hoạt động của dự án.
3. Các tiện ích khác được hai bên thống nhất nếu cần thiết

Văn phòng làm việc với cơ sở vật chất phù hợp cho Nhóm chuyên gia dài hạn (LET) để hỗ trợ thực hiện các Kết quả 1 và 5 được phía Việt Nam cung cấp vào tháng 10/2010. JICA cũng đã cung cấp nơi làm việc cho Nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET) tại Hà Nội; nhưng diện tích văn phòng này quá nhỏ, vì SET không chỉ dùng văn phòng này để thực hiện các hoạt động dự án cho mỗi Sở TNMT Hà Nội mà

còn sử dụng phục vụ các hoạt động dự án tại các Sở TNMT khác và cả với Bộ TNMT nữa. Các văn phòng của 4 Sở TNMT (HCM, Hải Phòng, TT-Huế, BRVT) được trang bị đầy đủ.

3.2 Đóng góp từ phía Nhật Bản

3.2.1 Chuyên gia Nhật Bản

Bảng 3.2-1 dưới đây liệt kê họ tên, chuyên môn và thời gian đảm nhiệm công tác của chuyên gia Nhật Bản kể từ khi dự án bắt đầu cho đến nay.

Bảng 3.2-1 Đóng góp của nhóm chuyên gia JICA

| Họ tên (Lĩnh vực phụ trách) | | M/M (JFY) | | |
|---|---|-----------|------------------------------|--------|
| | | 2011 | 2012-2013 (theo kế hoạch) | Tổng |
| 1) Shigenobu Obayashi (Trưởng nhóm/ Chính sách môi trường nước) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 12 | 15 | 27 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 2) Saori Ushimi (Điều phối viên dự án/ Quản lý môi trường nước) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 12 | 15 | 27 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 3) Yoichi Iwai (Cố vấn trưởng) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.20 | 4.40 | 8.60 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 4) Itaru Okuda (Phó cố vấn trưởng/ Quản lý môi trường nước) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 8.50 | 8.60 | 17.10 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 5) Derek Johnson (Quan trắc môi trường nước (1)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.50 | 4.50 | 9.00 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 6) Yoshiharu Shirane (Phân tích chất lượng nước /QAQC (1)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 3.50 | 4.00 | 7.50 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 7) Shinsuke Sato (Kiểm kê nguồn ô nhiễm (1)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 5.00 | 3.50 | 8.50 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 5.00 | 10.00 |
| 8) Hiroyuki Oi (Thanh tra nguồn ô nhiễm (1)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.00 | 4.00 | 8.00 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 9) Tomoyuki Hosono (Nhận thức môi trường (1)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.23 | 3.50 | 7.73 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 10) Tadashi Shoji (Các biện pháp KSON nước (1)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.20 | 5.00 | 9.20 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 11) Shunsuke Hieda (Quan trắc môi trường nước (2)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 7.00 | 6.00 | 13.00 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 12) Yoshiki Yamamoto (Phân tích chất lượng nước/QAQC (2)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.03 | 4.00 | 8.03 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 13) Naoki Hosotani (Kiểm kê nguồn ô nhiễm (2)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 5.33 | 3.50 | 8.83 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 4.50 | 9.83 |
| 14) Kengo Naganuma (Thanh tra nguồn ô nhiễm (2)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 3.17 | 3.50 | 6.67 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 15) Shinichi Fukasawa /Masahiro Ibayashi (Nhận thức môi trường (2)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 4.00 | 3.00 | 7.00 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 4.00 | 8.00 |
| 16) Yasuharu Matayoshi (Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm (2)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 2.77 | 3.50 | 6.27 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | | |
| 17) Tomoe Takeda (Điều phối viên dự án (1)/Phân tích chất lượng nước/ hỗ trợ QAQC) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 1.30 | 0.00 | 1.30 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 1.50 | 2.80 |
| | Thực hiện nhiệm vụ không ký hợp đồng tại VN Non-contractual assignment in Vietnam | 4.43 | 2.83 | 7.26 |
| 18) Hiroshi Nakano (Kiểm kê nguồn ô nhiễm (3)) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 2.70 | 2.70 |
| 19) Hiroshi Nakano (Điều phối viên dự án (2)/Hỗ trợ hội thảo) | Trước khi thay đổi hợp đồng | 0.30 | 0.00 | 0.30 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 0.30 | 0.60 |
| | Thực hiện nhiệm vụ không ký hợp đồng tại VN Non-contractual assignment in Vietnam | 6.47 | 4.23 | 10.70 |
| Tổng | Trước khi thay đổi hợp đồng | 90.03 | 91.00 | 181.03 |
| | Sau khi thay đổi hợp đồng | | 99.00 | 189.03 |
| | Thực hiện nhiệm vụ không ký hợp đồng tại VN | 10.90 | 7.06 | 17.96 |

Nguồn: JET

3.2.2 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản

Trong khuôn khổ dự án, đã triển khai ba chương trình tập huấn và hai trong số đó đã được triển khai cho phía đối tác của Dự án. Danh sách học viên được trình bày từ Bảng 3.2-3 to Bảng 3.2-11. Đến cuối Dự án, dự kiến có tổng số 38 cán bộ đã tham gia các khóa học này (tổng cộng 369 người/ ngày)

Bảng 3.2-2 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản

| Tên khóa học | Thời gian | Đối tượng tham dự |
|---|---------------|---|
| Tăng cường năng lực quản lý hành chính về Kiểm soát ô nhiễm nước | 19/2-3/3/2012 | 13 học viên (3 học viên từ Bộ TN & MT và 10 học viên từ Sở TN & MT) |
| Tăng cường các biện pháp quản lý hành chính trong quản lý môi trường nước | 21-28/8/2012 | 10 học viên (2 học viên từ Bộ TN & MT và 2 học viên từ mỗi Sở TN & MT (Trừ Sở TN & MT tp HCM *)) |
| Tăng cường các biện pháp / chính sách quản lý môi trường nước (Dự kiến) | 18-25/4/2013 | 14 học viên |

*: Khóa học này dành cho cả các học viên từ Bộ TN & MT và Sở TN & MT tại 5 tỉnh mục tiêu của dự án. Trước khóa học 3 tháng, JICA đã gửi thư yêu cầu phía Việt Nam đăng ký học viên tham dự. Tuy nhiên, Sở TN & MT tp HCM đã đăng ký muộn hơn thời hạn mặc dù JICA và JET đã thông báo nhiều lần.

Nguồn: JET

Bảng 3.2-3 Nội dung chính của khóa tập huấn lần thứ nhất tại Nhật Bản (Tăng cường năng lực quản lý hành chính về kiểm soát ô nhiễm nước)

| | |
|-----------------------------|--|
| Tên khóa học | Tăng cường năng lực quản lý hành chính về kiểm soát ô nhiễm nước |
| Thời gian | 19/02/2012 (Chủ Nhật) – 03/03/2012 (Thứ Bảy) (tổng số 14 ngày) |
| Thành phần | 13 học viên (3 học viên từ Bộ TNMT và 10 học viên từ các Sở TNMT mục tiêu) |
| Các địa điểm tập huấn chính | Tokyo, Yokohama, Osaka, Kitakyushu |
| Tóm tắt | Khóa học nhằm mục đích giới thiệu về các chính sách môi trường nước của Nhật Bản bao gồm Luật kiểm soát ô nhiễm nước, và để tìm hiểu cách chính quyền địa phương thực thi Luật kiểm soát ô nhiễm nước, các quy định về môi trường ở cấp địa phương, và công tác kiểm soát ô nhiễm nước của các cơ sở công nghiệp. Sau khi được học về các chính sách cấp quốc gia và các quy định kiểm soát ô nhiễm tại Nhật Bản, các học viên đã đến thăm một số chính quyền địa phương và các tổ chức khác tại Nhật Bản để tìm hiểu cách thực thi các chính sách và quy định này. Khóa học cũng tổ chức tham quan thực địa. Kiến thức và kinh nghiệm từ khóa đào tạo này đã được sử dụng cho tất cả các hoạt động của Dự án. |

Nguồn: JET

Bảng 3.2-4 Danh sách học viên tham dự khóa tập huấn tại Nhật bản lần thứ 1 (Tăng cường năng lực quản lý hành chính về kiểm soát ô nhiễm nước)

| TT | Cơ quan | Họ tên | Đơn vị | Chức vụ |
|----|---------------------|----------------------|---|------------------------------------|
| 1 | Tổng cục môi trường | TS. Hoàng Danh Sơn | Vụ Hợp tác Quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường | Vụ trưởng (Phó quản lý dự án) |
| 2 | Tổng cục môi trường | TS. Chu Ngọc Kien | Vụ Hợp tác Quốc tế và Khoa học công nghệ, Tổng cục môi trường | Chuyên viên (Điều phối viên dự án) |
| 3 | Bộ TNMT | Bà Nguyễn Thanh Thảo | Phòng hợp tác quốc tế, Cục Quản lý tài nguyên nước | Chuyên viên |
| 4 | Sở TNMT Hà Nội | Bà Đào Thị Anh Điệp | Chi cục BVMT Hà Nội | Phó chi cục trưởng |
| 5 | Sở TNMT Hà Nội | Ông Tạ Ngọc Sơn | Chi cục BVMT Hà Nội | Chuyên viên |
| 6 | Sở TNMT Hải Phòng | Ông Phùng Văn Thanh | Sở TNMT Hải Phòng | Phó giám đốc |
| 7 | Sở TNMT Hải Phòng | Bà Nguyễn Thị Vinh | Thanh tra Sở TNMT TNMT Hải Phòng | Chánh thanh tra |
| 8 | Sở TNMT TT - Huế | Ông Nguyễn Hữu Quyết | Sở TNMT TT - Huế | Phó giám đốc |
| 9 | Sở TNMT TT - Huế | Ông Nguyễn Việt Hùng | Chi cục BVMT tỉnh TT - Huế, Sở TNMT TT - Huế | Chi cục trưởng |
| 10 | Sở TNMT tp. HCM | Ông Nguyễn Hoài Nam | Sở TNMT tp. HCM | Phó giám đốc |
| 11 | Sở TNMT tp. HCM | Bà Lê Thị Thanh Dung | Phòng Quản lý môi trường, Sở TNMT tp. HCM | Chuyên viên |
| 12 | Sở TNMT BRVT | Ông Lê Văn Sâm | Sở TNMT BRVT | Giám đốc |
| 13 | Sở TNMT BRVT | Ông Nguyễn Tân Cương | Chi cục BVMT tỉnh BRVT, Sở TNMT BRVT | Chi cục trưởng |

Nguồn: JET

**Bảng 3.2-5 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất
(Tăng cường năng lực quản lý hành chính về kiểm soát ô nhiễm nước)**

| Ngày | Thời gian | Các hoạt động | Bài giảng | Kết quả liên quan | Nơi ở |
|------|---------------------|--|---|--|---------------|
| 1 | 19/02 (Chủ Nhật) | - Khởi hành từ Hà Nội đến Narita (VN954 AM0:05 – AM7:05) | - | - | |
| 2 | 20/02 (Thứ Hai) | 9:30 – 12:00 | - Tóm tắt về đợt tập huấn | - | - |
| | | 13:30 – 15:00 | - Giới thiệu về khóa tập huấn | TIC, JET | |
| | | 16:00 – 17:00 | - Gọi điện chào hỏi JICA | Văn phòng JICA hội sở tại Tokyo | |
| 3 | 21/02 (Thứ Ba) | 9:00 – 12:00 | - Bài giảng: Lịch sử các biện pháp hành chính nhằm khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nước, hiện trạng và các nhiệm vụ của Nhật Bản | Trung tâm hợp tác môi trường hải ngoại | Kết quả 1 |
| | | 14:00 – 16:30 | - Bài giảng: Hệ thống quản lý hành chính của Nhật Bản về quản lý môi trường nước | Bộ Môi trường | |
| 4 | 22/02 (Thứ Tư) | 10:00 – 10:15 | - Bài giảng: Sơ lược về hệ thống pháp lý cấp địa phương ở Nhật Bản | Thành p hồ Yokohama | Kết quả 2, 4 |
| | | 10:15 – 10:45 | - Bài giảng: Sơ lược về lịch sử hiệp định phòng ngừa ô nhiễm | | |
| | | 11:00 – 11:50 | - Bài giảng: Hướng dẫn hành chính về quản lý môi trường nước | | |
| | | 13:30 – 14:30 | - Bài giảng: Giới thiệu các hoạt động thanh tra doanh nghiệp | | |
| | | 14:50 – 16:20 | - Thăm thực địa: Trung tâm quan trắc môi trường | | |
| 5 | 23/02 (Thứ Năm) | 9:00 – 12:00 | - Bài giảng: Hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp vận hành, bảo trì trạm quan trắc tự động | Hiệp hội kỹ thuật môi trường Nhật Bản | Kết quả 2 |
| | | PM | - Đi từ Yokohama đến Kobe | - | |
| 6 | 24/02 (Thứ Sáu) | 9:00 – 12:00 | - Bài giảng và tham quan thực địa: Giới thiệu về hệ thống nước thải và quản lý hệ thống nước thải phục vụ xử lý nước thải công nghiệp | Thành phố Kobe | Kết quả 2 |
| | | 13:30 – 17:00 | - Tham quan thực địa: Ví dụ về hệ thống quản lý và quan trắc nước thải công nghiệp tại các doanh nghiệp tư nhân | KOBELCO | |
| 7 | 25/02 (Thứ Bảy) | - Nghỉ | - | - | |
| 8 | 26/02 (Chủ Nhật) | PM | - Đi từ Osaka đến Kitakyushu | - | |
| 9 | 27/02 (Thứ Hai) | 9:00 – 12:00 | - Bài giảng: Các vấn đề chung về kỹ thuật xử lý nước thải và sản xuất sạch hơn | Giảng viên từ Hiệp hội hợp tác công nghệ quốc tế lecturer selected by Kitakyushu | Kết quả 2 |
| | | 14:00 – 16:00 | - Tham quan thực địa: Phòng thí nghiệm phân tích chất lượng nước và hệ thống KSCL của phòng thí nghiệm | Viện môi trường và khoa học Kitakyushu | |
| 10 | 28/02 (Thứ Ba) | 9:00 – 12:00 | - Bài giảng: kỹ thuật XLNT và SXSH trong ngành chế biến hải sản, nước giải khát và nhuộm | Giảng viên từ Hiệp hội hợp tác công nghệ quốc tế Kitakyushu | Kết quả 2 |
| | | 14:00 – 17:00 | - Tham quan thực địa: Kiểm soát và quan trắc nước thải công nghiệp tại các doanh nghiệp tư nhân của ngành chế biến kim loại | Công ty chế biến kim loại Ishikawa | |
| 11 | 29/02 (Thứ Tư) | - | - Đi từ Kitakyusyu đến Tokyo | - | |
| 12 | 01/03 (Thứ Năm) | 9:00 - 11:00 | - Thảo luận: Hệ thống hành chính về quản lý môi trường nước theo kinh nghiệm của khóa tập huấn | JET | Kết quả 1,2,4 |
| | | 14:00 – 14:30 | - Thảo luận: Giới thiệu về hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý môi trường nước | | |
| | | 15:30 – 17:00 | - Tự nghiên cứu: Chuẩn bị bài thuyết trình về hệ thống hành chính quản lý môi trường nước dựa trên kinh nghiệm của khóa tập huấn | | |
| 13 | 02/03 (Thứ Sáu) | 9:30 – 11:30 | - Thuyết trình và thảo luận: Đề xuất hệ thống hành chính về quản lý môi trường nước dựa trên kinh nghiệm của khóa tập huấn | JET | Kết quả 1,2,4 |
| | | 13:30 – 14:30 | - Đánh giá khóa tập huấn và trao chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn | TIC | |
| 14 | 03/03 (Thứ Bảy) | - | - Rời Tokyo về VN (VN955 AM10:25 – PM1:50) | - | |

Nguồn: JET

**Bảng 3.2-6 Nội dung chính của khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ 2
(Thực thi các biện pháp hành chính về quản lý môi trường nước)**

| | |
|-----------------------------|--|
| Tên khóa học | Thực thi các biện pháp hành chính về quản lý môi trường nước |
| Thời gian | 21/08/2012 (Thứ Ba) – 28/08/2013 (Thứ Ba) (tổng cộng 8 ngày) |
| Thành phần | 10 học viên (2 học viên từ Bộ TNMT và 2 học viên từ mỗi Sở TNMT (Trừ Sở TNMT tp. HCM)) |
| Các địa điểm tập huấn chính | Tokyo |
| Tóm tắt | Khóa học nhằm mục đích đào tạo tổng quan về các chính sách môi trường nước của Nhật Bản bao gồm Luật kiểm soát ô nhiễm nước, và để tìm hiểu cách quan trắc, kiểm tra, giám sát và các biện pháp khác để thực thi các quy định pháp luật tại các địa phương, các quy định môi trường ở cấp tỉnh, bổ sung vào các quy định môi trường cấp quốc gia, công tác KSON tại các cơ sở công nghiệp ở Nhật Bản, và các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường với sự hợp tác của các cơ quan chính quyền, cộng đồng và các cơ sở công nghiệp. Sau khi được học các chính sách cấp quốc gia và các quy định kiểm soát ô nhiễm tại Nhật Bản, các học viên đã đến thăm một chính quyền địa phương và các tổ chức khác tại Nhật Bản để tìm hiểu cách thực thi các chính sách và quy định này. Khóa học cũng tổ chức tham quan thực địa. Kiểm thức và kinh nghiệm thu được thông qua đào tạo này đã được sử dụng cho tất cả các hoạt động của Dự án. |

Nguồn: JET

**Bảng 3.2-7 Danh sách học viên tham dự khóa tập huấn tại Nhật bản lần thứ 2
(Thực thi các biện pháp hành chính về quản lý môi trường nước)**

| TT | Họ tên | Chức vụ | Cơ quan |
|----|-------------------------|--|---------------------|
| 1. | Ông Chu Văn Thảo | Phó chánh thanh tra, | Tổng cục môi trường |
| 2 | Bà Trần Thị Việt Dung | Chuyên viên, Vụ tổ chức cán bộ | Tổng cục môi trường |
| 3 | Ông Nguyễn Hoàng Phước | Phó chỉ cục trưởng | Sở TNMT TT – Huế |
| 4 | Ông Dương Văn Thành | Phó chánh thanh tra | Sở TNMT TT – Huế |
| 5 | Ông Phạm Quốc Ka | Phó giám đốc | Sở TNMT Hải Phòng |
| 6 | Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan | Giám đốc, HACEM | Sở TNMT Hải Phòng |
| 7 | Ông Nguyễn Thái Sinh | Chánh thanh tra | Sở TNMT BRVT |
| 8 | Ông Trần Anh Đức | Chi cục trưởng, Chi cục BVMT BRVT | Sở TNMT BRVT |
| 9 | Ông Nguyễn Trọng Trường | Chuyên viên, Chi cục BVMT | Sở TNMT Hà Nội |
| 10 | Bà Nguyễn Phương Dung | Chuyên viên, Phòng Quản lý tài nguyên nước | Sở TNMT Hà Nội |

Nguồn: JET

**Bảng 3.2-8 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ 2
(Thực thi các biện pháp hành chính về quản lý môi trường nước)**

| Ngày | Thời gian | Các hoạt động | Bài giảng | Kết quả liên quan | Nơi ở | |
|------|----------------------|---------------|---|---|-------------|---------------|
| 1 | Ngày 21/8 (Thứ Ba) | - | - | - | TIC | |
| 2 | Ngày 22/8 (Thứ Tư) | 9:30 – 12:00 | - Tóm tắt về đợt tập huấn | TIC | | - |
| | | 13:30 – 14:00 | - Giới thiệu về khóa tập huấn | JET | | - |
| | | 14:00 – 16:00 | - Bài giảng về lịch sử các biện pháp hành chính nhằm khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nước, hiện trạng và các nhiệm vụ của Nhật Bản | Trung tâm Hợp tác môi trường hải ngoại | | Kết quả 1,2 |
| 3 | Ngày 23/8 (Thứ Năm) | 10:00 – 12:00 | - Bài giảng về các biện pháp quản lý hành chính hiện nay mà chính quyền địa phương đang sử dụng để quản lý môi trường nước | Chính quyền địa phương | | Kết quả 1,2,4 |
| | | 13:30 – 17:00 | - Thăm trung tâm quan trắc | | | |
| 4 | Ngày 24/8 (Thứ Sáu) | 9:00 – 11:00 | - Bài giảng về phương pháp tiếp cận tăng cường công tác quản lý môi trường đối với nước thải từ các nhà máy | Hiệp hội quản lý môi trường ngành công nghiệp | | Kết quả 2 |
| | | 14:30 – 16:30 | - Thăm cơ sở xử lý nước thải trong nhà máy | Công ty tư nhân | | Kết quả 2 |
| 5 | Ngày 25/8 (Thứ Bảy) | 9:30 – 11:30 | - Thăm thực địa để nghiên cứu ví dụ (case study) về sự phối hợp giữa dân chúng tại địa phương, chính quyền địa phương và các công ty tư nhân trong việc bảo tồn môi trường nước và hoạt động của các thành phần này liên quan đến vấn đề nhận thức môi trường | Tổ chức phi lợi nhuận (NPO) | | Kết quả 4 |
| 6 | Ngày 26/8 (Chủ Nhật) | - | - Tự nghiên cứu | - | | - |
| 7 | Ngày 27/8 (Thứ Hai) | 9:00 – 12:00 | - Chuẩn bị bài thuyết trình | JET | Kết quả 2,4 | |
| | | 13:00 – 15:00 | - Thuyết trình về hệ thống hành chính quản lý môi trường nước dựa trên kinh nghiệm có được từ chương trình tập huấn | JET | | |
| | | 15:00 – 16:00 | - Đánh giá khóa tập huấn, Lễ trao chứng nhận | TIC | | |
| 8 | Ngày 28/8 (Thứ Ba) | - | - Rời Narita về Hà Nội | - | - | |

Nguồn: JET

Bảng 3.2-9 Nội dung chính của khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ 3 (Xây dựng và thực thi chính sách/ biện pháp quản lý môi trường nước)

| | |
|-----------------------------|---|
| Tên khóa học | Xây dựng và thực thi chính sách/ biện pháp quản lý môi trường nước |
| Thời gian | 18/04/2013(Thứ Năm) – 25/04/2013 (Thứ Năm) (tổng cộng 8 ngày) |
| Thành phần | 1 học viên (14 học viên từ Bộ TNMT và 14 học viên từ các Sở TNMT mục tiêu) |
| Các địa điểm tập huấn chính | Tokyo |
| Tóm tắt/ | Khóa đào tạo này nhằm mục đích tìm hiểu quy trình xây dựng chính sách về quản lý môi trường nước tại Nhật Bản, các biện pháp mà chính quyền địa phương sử dụng để phản ánh các chính sách vào các hoạt động thực tế và việc quản lý các số liệu môi trường, giúp cho học viên có thể nâng cao kiến thức. Sau đó, các học viên đã đến thăm một chính quyền địa phương và các tổ chức khác tại Nhật Bản để tìm hiểu cách thực thi các chính sách và quy định của Nhật Bản. Khóa học cũng tổ chức tham quan thực địa. Kiến thức và kinh nghiệm thu được thông qua đào tạo này đã được sử dụng cho tất cả các hoạt động của Dự án |

Nguồn: JET

Bảng 3.2-10 Danh sách học viên tham dự khóa tập huấn tại Nhật bản lần thứ 3 (Xây dựng và thực thi chính sách/ biện pháp quản lý môi trường nước)

| TT | Họ tên | Chức vụ | Cơ quan |
|----|-----------------------|---------------------|---|
| 1. | Ông Nguyễn Minh Cường | Phó Vụ Trưởng | Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ - Tổng cục môi trường |
| 2 | Bà Nguyễn Hoàng Ánh | Trưởng phòng | Phòng kiểm soát ô nhiễm nước và đất/ Cục kiểm soát ô nhiễm – Tổng cục môi trường |
| 3 | Bà Trần Thị Lệ Anh | Trưởng phòng | Phòng bảo vệ môi trường lưu vực sông và ven biển/ Cục Quản lý chất thải và cải thiện môi trường (WENID) |
| 4 | Bà Nguyễn Thanh Thảo | Chuyên viên | Vụ Hợp tác quốc tế và khoa học công nghệ/ Cục Quản lý tài nguyên nước |
| 5 | Ông Lê Hồng Dương | Giám đốc | Chi nhánh phía Nam – Tổng cục môi trường |
| 6 | Ông Đỗ Trung Thoại | Phó chủ tịch | UBND thành phố Hải Phòng |
| 7 | Ông Nguyễn Hữu Lợi | Phó Giám đốc | Sở TNMT tỉnh BRVT |
| 8 | Ông Nguyễn Đình Dậu | Giám đốc | Sở TNMT tỉnh TT – Huế |
| 9 | Ông Trần Nguyễn Hiền | Chi cục trưởng | Chi cục BVMT tp. Hồ Chí Minh |
| 10 | Ông Bùi Quang Sân | Giám đốc | Sở TNMT tp Hải Phòng |
| 11 | Ông Nguyễn Duy Thạch | Phó phòng | Phòng Tài nguyên và môi trường/ UBND tp Hà Nội |
| 12 | Ông Phạm Hùng Cường | Trưởng phòng | Phòng Quản lý tài nguyên nước và khí tượng thủy văn/ Sở TNMT Hà Nội |
| 13 | Bà Trần Thị Hoàn | Trưởng phòng | Phòng quản lý môi trường/ UBND tỉnh BRVT |
| 14 | Ông Đặng Ngọc Trân | Phó Chánh văn phòng | UBND tỉnh TT- Huế |
| 15 | Ông Lương Duy Hanh | Chánh Thanh tra | Thanh tra Tổng cục môi trường |

Nguồn: JET

Bảng 3.2-11 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ 3 (dự kiến) (Xây dựng và thực thi chính sách/ biện pháp quản lý môi trường nước)

| Ngày | Thời gian | Hoạt động | Giảng viên | Nơi ở | |
|------|------------------|--------------------------------------|--|---|---|
| 1 | 18/02 (Thứ Năm) | - | - | TIC | |
| 2 | 19/04 (Thứ Sáu) | - Đến Tokyo (từ Hà Nội hoặc tp. HCM) | TIC | | |
| | | 9:30 – 12:00 | - Tóm tắt nội dung tập huấn | | |
| | | 13:30 – 14:00 | - Giới thiệu về khóa tập huấn | | |
| 3 | 20/04 (Thứ Bảy) | 14:30 – 16:30 | - Bài giảng về quá trình xây dựng chính sách hành chính để quản lý môi trường nước cấp quốc gia - Bài giảng về việc sử dụng thông tin môi trường | | Bộ Môi trường (Có thể) |
| | | 14:00 – 17:00 | - Bài giảng về quá trình áp dụng các biện pháp hành chính để giải quyết các vấn đề ô nhiễm nước tại Nhật Bản. - Thảo luận về các biện pháp hành chính cần thiết và hiệu quả để giải quyết các vấn đề ô nhiễm nước | | Trung tâm Hợp tác môi trường hải ngoại (có thể) |
| 4 | 21/04 (Chủ Nhật) | - | - Tự nghiên cứu | | |
| 5 | 22/04 (Thứ Hai) | Sáng /Chiều | - Bài giảng về quá trình xây dựng chính sách quản lý môi trường nước của chính quyền địa phương - Bài giảng về việc sử dụng thông tin môi trường - Tham quan thực địa hệ thống đo đạc chất lượng nước tự động | Chính quyền địa phương | |
| | | Chiều | - Bài giảng và tham quan thực địa về một trường hợp điển hình đã có các biện pháp giải quyết hiệu quả các vấn đề ô nhiễm nước tại lưu vực sông trong thành phố | Sẽ xác nhận sau | |
| 6 | 23/04 (Thứ Ba) | Sáng | - Thảo luận về các biện pháp cần thiết/ hiệu quả để giải quyết các vấn đề ô nhiễm nước nhằm tăng cường năng lực hành chính về phát triển bền vững | Trung tâm Hợp tác môi trường hải ngoại (có thể) | |

| Ngày | Thời gian | Hoạt động | Giảng viên | Nơi ở |
|------|-----------------|---------------|---|-----------------------|
| 7 | 24/04 (Thứ Tư) | 9:00-12:00 | - Preparation of presentation | JET |
| | | 13:00 – 15:00 | - Thuyết trình về các kết quả có được từ đợt tập huấn | JET |
| | | 15:00 – 16:00 | - Đánh giá khóa tập huấn, Lễ trao chứng nhận | TIC |
| | | 16:30 – 17:00 | - Chào tạm biệt | Hội sở JICA tại Tokyo |
| 8 | 25/04 (Thứ Năm) | - | - Rời Tokyo về Hà Nội/ tp. HCM | - |

Nguồn: JET

3.2.3 Mua sắm trang thiết bị

Dự án đã bố trí USD340,200 để mua trang thiết bị. Hầu hết các trang thiết bị đã được mua xong, số còn lại sẽ được mua vào cuối Dự án.

Bảng 3.2-12 Danh sách thiết bị được nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET) trang bị

| Năm tài chính Nhật Bản (JFY) | Mục | Số lượng | Chi phí (USD) |
|------------------------------|-----------------------|----------|-------------------|
| 2011 | (1) Máy tính để bàn | 1 | 1,640 |
| | (2) Máy tính để bàn | 6 | 11,700 |
| | (3) Máy tính xách tay | 1 | 1,585 |
| | (4) Máy tính xách tay | 3 | 7,110 |
| | (5) Điện thoại /FAX | 1 | 355 |
| | (6) Điện thoại /FAX | 1 | 217 |
| | (7) Máy phô tô | 1 | 3,750 |
| | (8) Máy phô tô | 1 | 3,226 |
| | (9) Máy in Laser | 1 | 1,250 |
| | (10) Máy in Laser | 1 | 929 |
| | (11) Máy scan | 1 | 295 |
| | (12) Máy scan | 1 | 485 |
| | (13) UPS | 1 | 45 |
| | (14) UPS | 6 | 660 |
| | (15) Phần mềm GIS | 7 | 14,504 |
| | (16) GPS đơn giản | 5 | 2,230 |
| Tổng | | | USD 49,981 |

Nguồn: JET

Bảng 3.2-13 Danh sách thiết bị được nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET) trang bị

| Năm tài chính Nhật Bản (JFY) | Mục | Số lượng | Chi phí (USD) |
|------------------------------|--|----------|--------------------|
| 2011 | (1) Lọc nước | 1 | 8,300 |
| | (2) COD digester | 1 | 2,100 |
| | (3) Máy đo pH | 1 | 1,700 |
| | (4) Máy đo EC | 1 | 1,400 |
| | (5) Máy phân tích nước đa chỉ tiêu cầm tay | 1 | 6,700 |
| | (6) UV-VIS | 1 | 12,300 |
| | (7) Cân phân tích | 1 | 5,000 |
| | (8) Cân | 1 | 500 |
| | (9) Máy trộn từ tính | 1 | 800 |
| | (10) Bơm chân không | 1 | 700 |
| | (11) Lò hấp | 1 | 3,000 |
| | (12) Máy đo BOD (DO) | 1 | 1,400 |
| | (13) Tủ sấy (Dry oven) | 1 | 2,000 |
| | (14) Tủ thông gió | 1 | 38,000 |
| | (15) Đồ thủy tinh | 1 | 26,400 |
| | (16) Hóa chất phân tích | 1 | 8,500 |
| Tổng | | | USD 119,100 |

Nguồn: JET

Bảng 3.2-14 Danh sách trang thiết bị được JICA Việt Nam mua

| Năm (JFY) | Lô | TT | Tên thiết bị | Số lượng | Đơn vị | Giá đơn vị(USD) | Thành tiền (USD) | Giá đơn vị (VND) | Thành tiền (VND) | Nơi lắp đặt (Số TNMT) |
|--------------------|---|------|--|----------|--------|-----------------|-------------------|------------------|------------------|--|
| 2012 | Lô 1 | 1 | Bộ chiết xuất | 1 | Bộ | 7,201.40 | 7,201.40 | - | - | Hà Nội |
| | | 2 | Giá chiết mẫu pha rắn | 10 | Hộp | 102.30 | 1,023.00 | - | - | Hà Nội |
| | | 3 | Micro xilanh | 1 | Bộ | 236.60 | 236.60 | - | - | Hà Nội |
| | | 4 | GC column DB-5ms | 1 | Bộ | 1,088.50 | 1,088.50 | - | - | Hà Nội |
| | | 5 | Máy trộn | 1 | Bộ | 300.00 | 300.00 | - | - | Hà Nội |
| | | 6 | Tủ hút | 1 | Bộ | 6,500.00 | 6,500.00 | - | - | Hải Phòng |
| | | 7 | Bộ phá mẫu COD | 1 | Bộ | 1,560.00 | 1,560.00 | - | - | Hải Phòng |
| | | 8 | Hệ thiết bị chung cất đạm tổng nitrogen Kjeldahl | 1 | Bộ | 22,670.00 | 22,670.00 | - | - | Hải Phòng |
| | | 9 | Máy cất nước | 1 | Bộ | 3,625.00 | 3,625.00 | - | - | Hải Phòng |
| | | 10 | Tủ lạnh bảo quản mẫu | 3 | Cái | 756.00 | 2,268.00 | - | - | Hải Phòng (1) và TT - Huế (2) |
| | | 11 | Máy khuấy từ gia nhiệt | 1 | Cái | 776.00 | 776.00 | - | - | TT - Huế |
| | | 12 | Máy hút âm | 2 | Cái | 244.00 | 488.00 | - | - | TT - Huế |
| | | 13 | Bể điều nhiệt | 1 | Cái | 946.00 | 946.00 | - | - | TT - Huế |
| | | 14 | Máy đo tốc độ dòng | 4 | Bộ | 1,548.00 | 6,192.00 | - | - | 1 máy cho mỗi Sở TNMT (1) for Hải Phòng, TT - Huế, tp. HCM, & BRVT |
| | | 15 | Thiết bị lấy mẫu nước Van dorn | 2 | Bộ | 1,050.00 | 2,100.00 | - | - | tp. HCM |
| | | 16 | Máy phân tích nước đa chỉ tiêu | 5 | Bộ | 5,000.00 | 25,000.00 | - | - | Hải Phòng (2), tp. HCM (2) & BRVT (1) |
| | | 17 | Micro-pipet 1000 µL | 1 | Bộ | 196.50 | 196.50 | - | - | TT - Huế |
| | | 18 | Micro-pipet 5000 µL | 1 | Bộ | 210.30 | 210.30 | - | - | TT - Huế |
| | | 19 | Micro-pipet 10µL | 1 | Bộ | 196.70 | 196.70 | - | - | TT - Huế |
| | | 20 | Micro-pipet 50 µL | 1 | Bộ | 196.50 | 196.50 | - | - | BRVT |
| | | 21 | Micro-pipet 1000 µL | 1 | Bộ | 196.50 | 196.50 | - | - | BRVT |
| | | 22 | Micro-pipet 5000 µL | 1 | Bộ | 210.30 | 210.30 | - | - | BRVT |
| | | 23 | Giá đỡ micro-pipet | 2 | Cái | 65.40 | 130.80 | - | - | TT - Huế (1) và BRVT (1) |
| | | 24 | Dung dịch chuẩn POPs | 3 | Cái | 1,720.00 | 5,160.00 | - | - | Hà Nội |
| | | 25 | Hóa chất phân tích | 1 | Bộ | 2,028.80 | 2,028.80 | - | - | Hải Phòng |
| | | 26 | Hóa chất và đồ thủy tinh cho phân tích | 1 | Bộ | 17,743.10 | 17,743.10 | - | - | BRVT |
| Tổng phụ | | | | | | - | 108,244.00 | - | - | |
| Lô 2* ³ | 1. Máy AAS* ¹ và linh kiện máy AAS | 1-1 | HGA-850, AS-800 có hệ thống làm mát | 1 | Chiếc | (36,127) | (36,127) | 753,239,300 | 753,239,300 | BRVT |
| | | 1-2 | Ống Graphite nhiệt BX/20 | 1 | 20/hộp | (1,321) | (1,321) | 27,537,555 | 27,537,555 | |
| | | 1-3 | Graphite Contacte F.HGI Dài g/S | 1 | hộp | (159) | (159) | 3,318,790 | 3,318,790 | |
| | | 1-4 | Lọc Acetylene | 1 | Chiếc | (479) | (479) | 9,977,375 | 9,977,375 | |
| | | 1-5 | Impact Bead | 1 | Chiếc | (101) | (101) | 2,100,500 | 2,100,500 | |
| | | 1-6 | Chất bổ trợ nền 1% Magnes. | 1 | Chai | (153) | (153) | 3,192,760 | 3,192,760 | |
| | | 1-7 | Chất bổ trợ nền 1% Pallad. | 1 | Chai | (356) | (356) | 7,414,765 | 7,414,765 | |
| | | 1-8 | Chất bổ trợ nền NH4H2PO4 | 1 | Chai | (100) | (100) | 2,079,495 | 2,079,495 | |
| | | 1-9 | Fias System Board | 1 | Chiếc | (4,918) | (4,918) | 102,546,410 | 102,546,410 | |
| | | 1-10 | Màng PTFE PK/50 | 1 | 50/pk | (455) | (455) | 9,494,260 | 9,494,260 | |
| | | 1-11 | Ống bơm Đò/Đò PK/12 | 1 | 12/pk | (95) | (95) | 1,974,470 | 1,974,470 | |
| | | 1-12 | Ống bơm Vàng/Xanh PK/12^^ | 1 | 12/pk | (95) | (95) | 1,974,470 | 1,974,470 | |
| | | 1-13 | Tubing per Pump 3.18 MM BL/WH 40cm PK/12 | 1 | 12/pk | (102) | (102) | 2,121,505 | 2,121,505 | |

| Năm (JFY) | Lô | TT | Tên thiết bị | Số lượng | Đơn vị | Giá đơn vị(USD) | Thành tiền (USD) | Giá đơn vị (VND) | Thành tiền (VND) | Nơi lắp đặt (Số TNMT) | |
|-----------|--------------------------|--------------------------------------|---|----------|--------|-----------------|------------------|--------------------|------------------|-----------------------|--|
| | | 1-14 | Đèn Cu LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (599) | (599) | 12,497,975 | 12,497,975 | | |
| | | 1-15 | Đèn Zn LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (811) | (811) | 16,909,025 | 16,909,025 | | |
| | | 1-16 | Đèn Cd LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (776) | (776) | 16,173,850 | 16,173,850 | | |
| | | 1-17 | Đèn Pb LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (911) | (911) | 18,988,520 | 18,988,520 | | |
| | | 1-18 | Đèn Cr LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (686) | (686) | 14,304,405 | 14,304,405 | | |
| | | 1-19 | Đèn Ni LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (599) | (599) | 12,497,975 | 12,497,975 | | |
| | | 1-20 | Đèn Mn LUMINA HCL [^] | 1 | Chiếc | (722) | (722) | 15,060,585 | 15,060,585 | | |
| | | 2. Linh kiện máy GC-ECD ² | | | | | | | | BRVT | |
| | | 2-1 | Detector-GC9000 ECD 230V | 1 | Chiếc | (6,294) | (6,294) | 131,239,240 | 131,239,240 | | |
| | | 2-2 | Bộ khuếch đại kèm theo detecto ECD | 1 | Chiếc | (1,546) | (1,546) | 32,242,675 | 32,242,675 | | |
| | | 2-3 | Bẫy Clickton Oxi/Hơi âm/Hydrocarbon | 1 | Chiếc | (229) | (229) | 4,768,135 | 4,768,135 | | |
| | | 2-4 | Nắp kẹp 11 mm cho lọ đựng mẫu 2ml PK/100 | 5 | 100/Pk | (26) | (131) | 546,130 | 2,730,650 | | |
| | | 2-5 | Khâu sắt lõi graphit 1/16 x 0.5mm PK/10 | 5 | 10/pk | (70) | (348) | 1,449,345 | 7,246,725 | | |
| | | 2-6 | Khâu sắt lõi graphit 1/8 x 0.5mm PK/10 | 5 | 10/pk | (70) | (348) | 1,449,345 | 7,246,725 | | |
| | | 2-7 | SEPTA-11mm Mold GRN INJ Port (50PK) | 1 | 50/pk | (126) | (126) | 2,625,625 | 2,625,625 | | |
| | | 2-8 | COL-ELITE CLP 30M 0.32mm 0.50UM | 1 | Chiếc | (1,067) | (1,067) | 22,244,295 | 22,244,295 | | |
| | | 2-9 | COL-ELITE-608-30M-.5 0UM-.32MM | 2 | Chiếc | (858) | (1,717) | 17,896,260 | 35,792,520 | | |
| | | 2-10 | Kim bơm mẫu-10UL 701SRN Point ST-2 | 2 | Chiếc | (100) | (199) | 2,079,495 | 4,158,990 | | |
| | | 2-11 | CAP-11MM Crimp Red Rubber/PTFE PK/100 | 5 | 100/pk | (16) | (81) | 336,080 | 1,680,400 | | |
| | | 2-12 | Vật lót 2MM Quartz PSS | 2 | Chiếc | (29) | (58) | 609,145 | 1,218,290 | | |
| | | 2-13 | Vật lót 2MM Quartz SP/SPL | 2 | Chiếc | (34) | (69) | 714,170 | 1,428,340 | | |
| | | 2-14 | Máy tính Dell màn hình LCD 17 inch, Windows bản quyền | 1 | Chiếc | (1,099) | (1,099) | 22,916,455 | 22,916,455 | | |
| | | Tổng phụ | | | | | - | (62,875.00) | - | 1,310,943,055 | |
| | Tổng (Lô 1+ Lô 2) | | | | | | - | 171,119.00 | - | - | |

*1: Máy hấp thụ quan phổ nguyên tử

*2: Máy sắc ký khí – Detector cộng kết điện tử

*3: Tỷ giá (Ngày 28/02/2013) Ngân hàng nhà nước Việt nam USD 1.00 = VND 20,850

Nguồn: JET

3.2.4 Chi phí cho hoạt động dự án

Tổng chi phí thực hiện dự án của phía Nhật Bản được trình bày trong Bảng dưới đây. Tổng số tiền USD 1,172,510 được phân bổ làm chi phí hoạt động của JICA cho Dự án. Hầu hết các chi phí này đã được huy động, số còn lại sẽ được sử dụng vào cuối Dự án.

Bảng 3.2-15 Chi phí hoạt động của phía Nhật Bản

| Kết quả | Nội dung | JFY 2011 Thực tế ^{*1} | | JFY 2012 Ngân sách ^{*2} | |
|---|--------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------|-----------------|
| | | Chi phí (triệu VND) | (Chi phí) (USD) | Chi phí (triệu VND) | (Chi phí) (USD) |
| Kết quả 1 | Thuê chuyên gia VN | 2,257 | 110,452 | 1,780 | 85,494 |
| Kết quả 2-1 | Thuê đơn vị tư vấn | 410 | 20,060 | 713 | 34,054 |
| | Thuê chuyên gia VN | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kết quả 2-2 | Thuê đơn vị tư vấn | 173 | 8,454 | 410 | 19,574 |
| | Thuê chuyên gia VN | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kết quả 2-3 | Thuê đơn vị tư vấn | 561 | 27,462 | 426 | 20,358 |
| | Thuê chuyên gia VN | 1,472 | 72,054 | 2,126 | 101,600 |
| Kết quả 2-4 | Thuê đơn vị tư vấn | 84 | 4,110 | 356 | 16,998 |
| | Thuê chuyên gia VN | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kết quả 3 | Thuê đơn vị tư vấn | 317 | 15,497 | 356 | 16,998 |
| | Thuê chuyên gia VN | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kết quả 4 | Thuê đơn vị tư vấn | 245 | 12,011 | 388 | 18,534 |
| | Thuê chuyên gia VN | 668 | 32,705 | 1,358 | 64,862 |
| Kết quả 5 | Thuê đơn vị tư vấn | 379 | 18,200 | 249 | 11,945 |
| Các chi phí khác cho SET (Chi phí hoạt động dự án) | | 4,219 | 206,461 | 5,076 | 254,627 |
| Tổng | | 10,785 | 527,466 | 13,238 | 645,044 |
| Tổng cộng | | | | 24,023 | 1,172,510 |

*1 Mục này được tính theo tỉ giá trao đổi của JICA tháng 3 năm 2012

*2 Mục này được tính theo tỉ giá trao đổi của JICA tháng 1 năm 2013

Nguồn: JET

CHƯƠNG 4 CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

4.1 Hợp Ban Điều phối chung (JCC)

Để đảm bảo các hoạt động được thực hiện trôi chảy, dự án đã thành lập Ban điều phối chung (JCC) theo Biên bản thảo luận (R/D) được ký ngày 8/01/ 2010. Ban Điều phối chung bao gồm các chức năng sau;

- a) Xây dựng kế hoạch hoạt động năm cho Dự án theo kế hoạch thực hiện dự kiến trong khung R/D,
- b) Đánh giá tiến độ chung và kết quả thực hiện của Dự án,
- c) Đánh giá/nghiên cứu các vấn đề chính phát sinh hoặc liên quan đến Dự án,
- d) Đưa ra nội dung cần chỉnh sửa đối với các hoạt động nếu cần thiết, và
- e) Đảm bảo việc thực hiện Dự án được trôi chảy và đảm bảo sự phối hợp với các bộ và tỉnh thành liên quan.

Kết quả thảo luận chính tại các buổi họp Ban Điều phối chung được trình bày trong Bảng 4.1-1.

Bảng 4.1-1 Hợp Ban Điều phối chung (JCC)

| TT/thời gian | Chủ đề | Nội dung chính và yêu cầu của Ban Điều phối chung | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|--|--|---|---|
| Hợp Ban Điều phối chung lần thứ nhất (1/11/ 2010: HNI) | -Thảo luận về kết quả đánh giá của phái đoàn giám sát JICA - Thảo luận về tiến độ dự án | 1) Phía Việt Nam và JICA đã thống nhất về các nội dung của 5 kết quả của Dự án. 2) Theo đề xuất của phái đoàn JICA, do Sở TNMT TT-Huế thiếu thiết bị cơ bản để tiến hành quan trắc và thanh tra nên dự án sẽ cung cấp các thiết bị cơ bản cho Sở TNMT TT-Huế trong khuôn khổ Dự án. 3) Bộ TNMT/các Sở TNMT bày tỏ/nhấn mạnh nhu cầu về thiết bị kỹ thuật và kiến thức phục vụ quan trắc, phân tích và dự báo ô nhiễm một số hóa chất như POPs, thuốc BVTV, thuốc diệt cỏ, chất sinh ung thư, các hóa chất gây rối loạn nội tiết (EDCs), ..., và nhu cầu về các trạm quan trắc liên tục tự động tại các điểm nóng nhạy cảm; các đối tác cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp thiết bị cho công tác quản lý dự án như xe cộ/phương tiện đi lại, thiết bị văn phòng | 1) Các hoạt động trong khuôn khổ các kết quả sẽ được triển khai theo hướng dẫn của Tổng cục môi trường/Bộ TNMT. 2) Bộ TNMT và Sở TNMT sẽ làm đầy đủ thủ tục để dự án sớm được phê duyệt và đảm bảo cung cấp văn phòng làm việc và cơ sở vật chất gồm cả kết nối internet cho các chuyên gia JICA. 3) Trước lời đề nghị này, JICA sẽ xem xét sự cần thiết của các thiết bị, đánh giá đầy đủ/kỹ lưỡng xem các thiết bị có thực sự phục vụ mục đích của dự án và nằm trong giới hạn ngân sách của dự án. |
| Hợp trụ bị Ban Điều phối chung (7/04/2011: HNI) | -Thảo luận về dự thảo báo cáo khởi động | 1) Báo cáo khởi động cần có các thành phần chính quyền trung ương và địa phương liên quan đến năm kết quả của Dự án. 2) Cần xác định cụ thể vai trò của Tổng cục môi trường, các Sở TNMT và các đơn vị liên quan trực thuộc Tổng cục môi trường trong báo cáo khởi động. 3) Tổng cục môi trường là đơn vị điều phối việc thực hiện Dự án từ phía Việt Nam. 4) Trước khi lập kế hoạch thực tế cho mỗi tỉnh/thành và cho Dự án nói chung, cần làm rõ tổng ngân sách Dự án, ngân sách cho mỗi tỉnh/thành, ngân sách cho các đơn vị trực thuộc Tổng cục môi trường, và các đơn vị liên quan trực thuộc Tổng cục môi trường, ngân sách thuê chuyên gia Nhật Bản và chuyên gia tư vấn trong nước, ngân sách mua sắm thiết bị. 5) Theo ý tưởng được trình bày trong Biên bản họp Ban Điều phối chung lần thứ nhất vào ngày 01/11/2012, JET cần làm việc với mỗi tỉnh/thành để đánh giá về yêu cầu phát triển năng lực bao gồm năng lực chuyên môn và thiết bị, nhằm thực hiện Dự án một cách hiệu quả. 6) Đối với các hoạt động ở cấp trung ương, các đơn vị liên quan cần tập trung vào mục tiêu chính của Dự án, như phát triển năng lực về quản lý môi trường nước, và hỗ trợ nỗ lực rà soát chính sách và các khía cạnh thể chế/các quy định về quản lý môi trường hướng tới/ phục vụ cho việc sửa đổi Luật BVMT đã được dự kiến. | 1) JET đồng ý với đề nghị này và sẽ phản ánh năm kết quả vào trong báo cáo khởi động. 2) Đối tác Việt Nam và JET sẽ làm rõ vai trò của các đơn vị liên quan qua thảo luận và phản ánh nội dung này vào trong báo cáo khởi động. 3) JET đồng ý triển khai Dự án dưới sự điều phối của Tổng cục môi trường. 4) JICA và JET sẽ thông báo về ngân sách của Dự án để xác nhận về số vốn đối ứng phía Việt Nam cần đóng góp. 5) JET sẽ thảo luận thêm về năng lực chuyên môn và thiết bị tại mỗi Sở TNMT theo kế hoạch hoạt động do mỗi Sở TNMT xây dựng và phản ánh vào báo cáo khởi động. 6) JET đã đồng ý đề nghị này và sẽ tiến hành các hoạt động thực tế (phần lớn) của Kết quả 1. |
| Hợp Ban Điều phối chung lần thứ hai (10/06/ 2011: HNI) | -Thảo luận và phê duyệt Báo cáo khởi động | 1) Ban Điều phối chung đã thống nhất về các nội dung chung của báo cáo khởi động. Ban Điều phối chung giao cho Tổng Cục MT và JET nhiệm vụ hoàn thiện báo cáo này vào cuối tháng 7/2011, có xét đến các góp ý đưa ra tại cuộc họp Ban Điều phối chung và các yêu cầu của cả phía Việt Nam và Nhật Bản. | 1) JET đã hoàn thiện báo cáo khởi động trong tháng 8/2011 chủ yếu do đã có sự thống nhất trong Ban Quản lý dự án. |

| TT/thời gian | Chủ đề | Nội dung chính và yêu cầu của Ban Điều phối chung | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---|--|--|--|
| | | 2) Tổng cục Môi trường được Ban Điều phối chung giao nhiệm vụ hợp tác với phía Nhật Bản trong việc xác định rõ vai trò, chức năng, cơ chế hoạt động và thành phần của Ban Điều phối chung và Ban Quản lý dự án trước khi kết thúc tháng 7/2011. 3) Tổng cục Môi trường, JET và các Sở TNMT chịu trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết về phát triển năng lực tại mỗi tỉnh/thành, có xét đến nhu cầu phát triển năng lực tại mỗi Sở TNMT, tính sẵn có của thông tin phục vụ thiết kế các hoạt động, lịch công tác tại VN của các thành viên nhóm JET và các nội dung khác. Những kế hoạch này cần lập theo các bước sau: một bộ các kế hoạch thứ nhất cần xây dựng vào giữa tháng 9 năm 2011 cho các hoạt động được triển khai năm 2011 và một bộ kế hoạch thứ hai cần xây dựng vào giữa tháng 10 năm 2011 cho các hoạt động năm 2012. 4) Tổng cục Môi trường, các Sở TNMT và JET sẽ quyết định về thuê chuyên gia tư vấn trong nước và đơn vị thầu phụ phù hợp với quy định của JICA. 5) Cần triển khai mua sắm thiết bị cho Sở TNMT TT-Huế theo danh sách đã phê duyệt tại cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ nhất vào ngày 1/11/2010. Tổng cục Môi trường và JET được giao nhiệm vụ nghiên cứu/xem xét nhu cầu mua sắm thiết bị bổ sung cho các hoạt động Dự án, lập và nộp danh sách thiết bị tới Ban Điều phối chung và JICA để xem xét vào đầu tháng 9/2011. Dự án chỉ xem xét mua sắm các thiết bị cần thiết phục vụ mục đích của Dự án và nằm trong giới hạn ngân sách của JICA. 6) Nội dung chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án sẽ được thảo luận trong các buổi họp tiếp theo của Ban Điều phối chung. 7) Ban Điều phối chung đã chính thức đồng ý về chỉnh sửa Kế hoạch hoạt động chung (OP). 8) Phía Nhật Bản và phía Việt Nam cần thảo luận thêm về văn phòng làm việc cho JET. | 2) JET phối hợp với Tổng cục Môi trường để hoàn thiện báo cáo khởi động, phản ánh các góp ý được đưa ra. 3) Qua thảo luận thêm với mỗi Sở, JET và các đối tác đã lập Kế hoạch công tác (WP) xuyên suốt thời gian Dự án. Các đối tác VN tại mỗi Sở TNMT và JET sẽ tiếp tục chỉnh sửa các hoạt động cần thực hiện trong khuôn khổ Dự án. 4) JET đồng ý với lời đề nghị này. 5) JET bắt đầu triển khai mua sắm thiết bị cho Sở TNMT TT-Huế. Sau khi thảo luận với các Sở TNMT, JET và Tổng cục môi trường đã chuẩn bị danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm. Danh sách này được gửi tới JICA Hội sở để đưa ra quyết định cuối cùng. 6) JET đồng ý về vấn đề này. 7) Đối tác VN và JET sẽ thực hiện các hoạt động dự án theo Kế hoạch hoạt động chung đã chỉnh sửa. 8) JET đồng ý về nội dung này. |
| Hợp Ban Điều phối chung lần thứ 3 (22/12/2011: HNI) | -Báo cáo kết quả họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất -Thảo luận về các hoạt động Dự án và phê duyệt Báo cáo tiến độ (1) -Thảo luận kết quả đánh giá giữa kỳ -Thảo luận và phê duyệt các hoạt động dự kiến thực hiện trong năm 2012 | 1) Ban Điều phối chung đồng ý về nội dung Báo cáo tiến độ (1) và yêu cầu JET chính thức nộp báo cáo này. 2) Đoàn đánh giá giữa kỳ đã báo cáo kết quả đánh giá và đưa ra đề xuất phương hướng thực hiện Dự án trong thời gian tiếp theo. Ban Điều phối chung đã xác nhận về các đề xuất này. 3) Nhìn chung, Ban Điều phối chung đã đồng ý về các hoạt động dự kiến thực hiện năm 2012 và yêu cầu các nhóm WG và JET phản ánh các hoạt động này vào Kế hoạch công tác (WP). 4) Khi Dự án đã được Chính phủ chính thức phê duyệt, Ban Điều phối chung yêu cầu các Sở TNMT và JET lập kế hoạch ngân sách trong năm 2012 để có được ngân sách đối ứng cho Dự án. 5) Chỉnh sửa Luật BVMT quan trọng đối với phía đối tác Việt Nam. Do vậy, Ban Điều phối chung đã yêu cầu phía Nhật Bản cần hỗ trợ thêm về vấn đề này. JICA sẽ tiếp tục hỗ trợ tích cực phía Việt Nam trong khuôn khổ thực hiện các hợp phần của Dự án. Nội dung hỗ trợ thêm cần được thảo luận thêm giữa phía Việt Nam và phía Nhật Bản trong một dịp khác. 6) Chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án sẽ được thảo luận trong các hoạt động tiếp theo của Dự án. | 1) JET sẽ in và nộp báo cáo tiến độ (1) tới Tổng cục môi trường/ Bộ TNMT và JICA. 2) Phía Việt Nam và JET sẽ tiếp tục tiến hành các hoạt động Dự án theo đề xuất đưa ra. 3) Đối tác Việt Nam và JET sẽ chỉnh sửa Kế hoạch công tác hiện tại, nêu ra các hoạt động được đề xuất và góp ý của Ban Điều phối chung. 4) Các đối tác Việt Nam và JET sẽ sớm lập kế hoạch ngân sách năm 2012. 5) Đối tác VN và JET sẽ thực hiện các hoạt động dự án nhằm góp phần chỉnh sửa Luật BVMT thông qua việc tăng cường năng lực cho các đơn vị liên quan. 6) Đối tác VN và JET sẽ tiếp tục thảo luận về chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án. |
| Hợp Ban Điều phối chung lần thứ 4 (29/06/2012: BRVT) | - Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động - Phê duyệt các hoạt động sẽ thực hiện trong giai đoạn tới (tháng 5/2012 - tháng 5, 2013) - Phê duyệt Ma trận thiết kế dự án đã | 1) Ban Điều phối chung đồng ý về kế hoạch thực hiện các hoạt động đến cuối Dự án. 2) Về nguyên tắc, Ban Điều phối chung đã đồng ý về đề xuất chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung. Ban Điều phối chung yêu cầu Tổng cục môi trường và JET hoàn thiện Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung. Báo cáo về Bản hoàn thiện sẽ được gửi tới Bộ TNMT. 3) Các chỉ số về bản đồ nguồn ô nhiễm trong khuôn khổ Kết quả 2 cần được làm rõ. Cần soạn thảo "bộ tài liệu hướng dẫn" về kỹ thuật quan trắc, lấy mẫu, và phân tích hóa chất để cán bộ có thể kiểm tra hoặc tham khảo sau khi Dự án kết thúc. 4) Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ Sở TNMT là rất cần thiết. | 1) Đối tác VN và JET sẽ chỉnh sửa kế hoạch hoạt động nếu cần thiết. 2) Tổng cục Môi trường và JET sẽ hoàn thiện Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung, phản ánh góp ý của các tổ chức liên quan. 3) Tổng cục Môi trường và JET sẽ hoàn thiện các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án. Đối tác VN và JET sẽ soạn thảo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. 4) Sẽ tổ chức đào tạo thêm. |

| TT/thời gian | Chủ đề | Nội dung chính và yêu cầu của Ban Điều phối chung | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|--|--|---|---|
| | <p>được chỉnh sửa</p> <p>- Phê duyệt Báo cáo tiến độ 2</p> | <p>5) Kết quả 3 sẽ được đẩy mạnh thực hiện hơn nữa để các Sở khác có thể học hỏi và được chia sẻ về sản phẩm của kết quả này.</p> <p>6) Nội dung Kết quả 4 là rõ ràng và kết quả này sẽ tiếp tục được triển khai tích cực.</p> <p>7) Kết quả 5 chậm so với tiến độ và sẽ được hỗ trợ hơn nữa nhằm đạt được các kết quả cụ thể.</p> <p>8) Ban Điều phối chung đã đồng ý với các phản hồi của JET trước những góp ý về Báo cáo tiến độ 2.</p> <p>9) Sau khi xem xét những góp ý và khó khăn mà các Sở TNMT nêu ra, Ban Điều phối chung thảo luận với JICA để tìm ra giải pháp, phù hợp với Biên bản thảo luận được ký giữa hai bên vào ngày 8/01/2010.</p> <p>10) Sẽ có Form A4 trước ngày 10/07/2012.</p> <p>11) Văn phòng cho nhóm JET sẽ được thảo luận với các Sở TNMT và được quyết định trước 10/07/2012.</p> | <p>5) Đối tác VN và JET sẽ tổ chức hội thảo nhằm công bố kết quả/sản phẩm của Kết quả 3 tới các Sở TNMT khác.</p> <p>6) Sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động của Kết quả 4.</p> <p>7) Các hoạt động của Kết quả 5 sẽ được giám sát tích cực.</p> <p>8) Không cần thiết phải in lại báo cáo. Dự án sẽ tập trung vào việc viết Báo cáo tiến độ 3 có chất lượng tốt, có xét đến những góp ý đối với Báo cáo tiến độ 2.</p> <p>9) Đối tác VN và JET sẽ tổ chức họp Ban Quản lý dự án thường kỳ và thảo luận các vấn đề quan trọng.</p> <p>10) Tổng cục Môi trường sẽ nhận được form A4.</p> <p>11) JICA và Tổng cục Môi trường sẽ thảo luận và giải quyết vấn đề về văn phòng.</p> |
| <p>Họp Ban Điều phối chung lần thứ 5</p> <p>(20/03/2013: HNI)</p> | <p>- Thảo luận về kết quả đánh giá cuối kỳ</p> <p>- Phê duyệt các hoạt động hiện tại và kết quả đạt được</p> <p>- Thảo luận về các hoạt động còn lại của dự án</p> | <p>1) Theo nhận định của đoàn đánh giá giữa kỳ, có triển vọng cao trong việc đạt được mục đích của Dự án và đoàn đánh giá muốn xác định các hoạt động còn lại của Dự án thông qua Ban Điều phối chung.</p> <p>2) Theo kết luận của đợt đánh giá này, phần lớn các hoạt động đã được tiến hành vào thời điểm đánh giá, và mục đích của Dự án cũng như 5 kết quả của dự án sẽ có thể đạt được khi dự án kết thúc. Cuộc họp đã trình bày về kết quả đánh giá theo năm tiêu chí, đưa ra kiến nghị và bài học thu được nhằm khuyến khích các thành viên Dự án thực hiện vì sự bền vững và phát triển hơn nữa kết quả của Dự án. Thành viên Ban Điều phối chung đã phê duyệt kết quả đánh giá.</p> <p>3) Tổng cục Môi trường đã trình bày về tiến độ thực hiện và các thành tựu đạt được, giải thích về 5 kết quả của Dự án với các hoạt động được triển khai để đạt được các kết quả này tại Bộ TNMT và các Sở TNMT. Các kiến nghị cũng được đưa ra cho mỗi kết quả.</p> <p>4) Ban Điều phối chung đã xác nhận các hoạt động còn lại cho đến khi Dự án kết thúc bao gồm;</p> <p>-thảo luận về phương thức thực hiện “các hành động” và “phương hướng” được trình bày tại Hội thảo tổ chức ở Huế vào ngày 14/03/2013,</p> <p>-đánh giá các hoạt động dự án, triển khai các hoạt động tiếp theo nếu cần thiết, và rút ra bài học để thực hiện tốt hơn các hoạt động trong tương lai,</p> <p>-hoàn thiện Báo cáo tổng kết dự án,</p> <p>-tổ chức tập huấn ở Nhật Bản trong tháng 4 tới,</p> <p>-hoàn thiện các sản phẩm khác của dự án (sổ tay, sách hướng dẫn, đề cương) và phân bố rộng rãi cho cán bộ thuộc Tổng cục Môi trường nếu cần thiết, và</p> <p>-chuẩn bị hội thảo tổng kết sẽ tổ chức vào giữa tháng 5/2013</p> <p>5) Ban Điều phối chung đã đồng ý về các kế hoạch hoạt động dự kiến triển khai cho đến khi Dự án kết thúc.</p> | <p>1) Đối tác VN và JET sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động và công việc còn lại để đạt được đầy đủ các mục tiêu đưa ra trong Ma trận thiết kế dự án có xét đến tính bền vững.</p> <p>2) Tổng cục Môi trường/Bộ TNMT và các Sở TNMT sẽ hỗ trợ các hoạt động của đối tác VN để thu được những kết quả tốt đẹp hơn nữa cho Dự án.</p> <p>3) Đối tác VN và JET xác nhận về các hoạt động còn lại của Dự án do đoàn đánh giá cuối kỳ đưa ra; các hoạt động này sẽ được tiến hành trôi chảy trong thời gian còn lại của dự án.</p> |
| <p>Họp Ban Điều phối chung lần thứ 6 (dự kiến tổ chức tại HNI)</p> | <p>- Đề thảo luận:</p> <p>a) Thành tựu đạt được của dự án</p> <p>b) Thông qua Báo cáo Tổng kết dự án</p> <p>c) Chuyển giao các kết quả của dự án</p> <p>d) Bàn giao các thiết bị và</p> <p>e) Sử dụng các kết quả của dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường nước tại Việt Nam</p> | <p>1) Nhìn chung Dự án đã có những đóng góp đáng kể vào công tác quản lý môi trường nước tại Việt Nam, và được coi là một dự án thành công. Ban Điều phối chung đánh giá cao những nỗ lực của cả hai phía Việt Nam và Nhật Bản.</p> <p>2) Ban Điều phối chung đồng ý với nội dung của Báo cáo Tổng kết.</p> <p>3) Ban Điều phối chung cũng đồng ý với các kết quả mang tính kỹ thuật của dự án. SET đã chuyển giao các tài liệu kỹ thuật dưới dạng tài liệu điện tử trong các hội thảo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.</p> <p>4) Ban Điều phối chung yêu cầu LET hoàn thành khóa đào tạo lần 4 về “Công cụ thiết lập chính sách” được lên lịch vào tháng 6/2013, cũng là hoạt động cuối cùng của dự án.</p> | <p>2) Phía Nhật Bản sẽ tiến hành in ấn báo cáo tại Nhật Bản và chuyển tới Tổng cục môi trường. Tổng cục Môi trường có trách nhiệm gửi các báo cáo này tới các bộ phận liên quan của Bộ TNMT và Sở TNMT, và đảm bảo rằng các kết quả của Dự án được sử dụng hiệu quả nhất có thể.</p> <p>3) SET sẽ gửi các tài liệu kỹ thuật (06 bản) tới Tổng cục Môi trường, và Tổng cục Môi trường có trách nhiệm gửi các báo cáo này tới các cơ quan đơn vị liên quan. LET sẽ chuẩn bị phiên bản điện tử của các kết quả của dự án cho Kết quả 1 và Kết quả 5. Tổng cục Môi trường, một lần nữa, có trách nhiệm chuyển giao các tài liệu này cho các cơ quan đơn vị liên quan.</p> <p>4) LET sẽ hoàn thành Khóa tập huấn lần 4 về “Công cụ thiết lập chính sách” được lên lịch vào tháng 6/2013.</p> |

| TT/thời gian | Chủ đề | Nội dung chính và yêu cầu của Ban Điều phối chung | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|--------------|--------|---|---|
| | | <p>5) Các tổ chức liên quan cần đánh giá lại các kết quả hữu hình và vô hình của dự án và áp dụng vào các hoạt động quản lý môi trường nước. Ngoài ra, các tổ chức liên quan cũng nên cân nhắc vai trò dẫn dắt trong việc mở rộng các hiệu ứng tích cực của dự án tới các cơ quan đơn vị khác.</p> <p>6) Tuy dự án được đánh giá là thành công tuy nhiên cũng có nhiều mặt hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện dự án.</p> <p>7) Việc chuyển giao chính thức tất cả các thiết bị và tài sản đã được hoàn thành bằng việc ký kết Biên bản bàn giao giữa ông Fumihiko Okiura, trưởng đại diện JICA tại Việt Nam và ông Nguyễn Thế Đồng, Phó tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.</p> <p>8) Dự án này sẽ chính thức kết thúc ngay sau khi khóa đào tạo lần 4 về công cụ thiết lập chính sách kết thúc cùng với việc bàn giao Báo cáo Tổng kế dự án và các kết quả khác của Dự án tới các cơ quan đơn vị liên quan.</p> <p>9) Đây là buổi họp Ban điều phối chung cuối cùng trừ khi có yêu cầu nào khác do tình hình thực tế.</p> <p>10) Nhiều tổ chức tham gia vào dự án bày tỏ mong muốn được tiếp tục có sự hỗ trợ của JICA trong việc cải thiện công tác quản lý môi trường nước tại Việt Nam cả ở cấp trung ương và địa phương.</p> | <p>5) Các cơ quan đơn vị thuộc Bộ TNMT và Sở TNMT cần đánh giá lại các kết quả hữu hình (ví dụ như báo cáo, sổ tay, tài liệu) và vô hình (ví dụ như năng lực của các cán bộ, các kiến nghị nhằm nâng cao khả năng tổ chức và thể chế) của Dự án, và áp dụng vào trong các hoạt động của mình. Ngoài ra, các tổ chức liên quan cũng nên cân nhắc vai trò dẫn dắt trong việc mở rộng các hiệu ứng tích cực của dự án tới các cơ quan đơn vị khác, ví dụ như Sở TNMT tỉnh, Phòng TNMT quận, huyện và các đơn vị thuộc Bộ TNMT có liên quan đến các khía cạnh khác của quản lý môi trường.</p> <p>6) Các đối tác sẽ đánh giá lại các vấn đề khó khăn đã xảy ra và cân nhắc tìm giải pháp để tránh lặp lại các vấn đề này trong các dự án hợp tác trong tương lai.</p> <p>9) Trong trường hợp này, cả hai phía Việt Nam và Nhật bản sẽ thảo luận để tổ chức cuộc họp Ban điều phối chung.</p> <p>10) JICA đã trả lời JICA mong muốn được mở rộng sự hỗ trợ cho phía Việt Nam và các tổ chức khác để tiếp tục các nỗ lực trong việc cải thiện công tác quản lý môi trường bằng sự khởi xướng và quyền làm chủ của chính họ.</p> |

Nguồn: JET

4.2 Hợp Ban Quản lý dự án (PMB)

Ban Quản lý dự án trực thuộc Ban Điều phối chung được thành lập để hỗ trợ việc phối hợp thực hiện thường xuyên và hiệu quả các hoạt động giữa Bộ TNMT và năm Sở TNMT. Ban Quản lý dự án có chức năng;

- a) Hỗ trợ việc thực hiện Dự án một cách trôi chảy,
- b) Xây dựng dự thảo kế hoạch hoạt động năm của Dự án dựa trên Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung,
- c) Thảo luận về điều khoản tham chiếu (TOR) cho các đơn vị thầu phụ,
- d) Chia sẻ tiến độ thực hiện các hoạt động Dự án,
- e) Thảo luận các vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai các hoạt động của Dự án,
- f) Chuẩn bị các chủ đề cần báo cáo cho Ban Điều phối chung, và
- g) Tuyên truyền các kết quả của Dự án.

Dưới đây là kết quả thảo luận chính tại các buổi họp Ban Quản lý dự án (Bảng 4.2-1).

Bảng 4.2-1 Hợp Ban Quản lý dự án (PMB)

| TT/thời gian | Chủ đề | Những yêu cầu và góp ý chính của Ban Điều phối chung | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---|---|--|---|
| Hợp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất (25/11/2011: HNI) | -Thảo luận về Báo cáo tiến độ 1 (PrR-1) | <p>1) Về cơ bản, Ban Quản lý dự án đồng ý với nội dung của Báo cáo tiến độ 1 và kế hoạch thực hiện dự án trong năm tới và đưa ra một số góp ý.</p> <p>2) Kế hoạch cho năm tới: sẽ tiếp tục rà soát chính sách, cần thực hiện rà soát chi tiết hơn. Các tiêu chí đánh giá sẽ được đưa ra.</p> | <p>1) Tổng cục môi trường và JET sẽ hoàn thiện Báo cáo tiến độ -1, có xét đến những góp ý của JICA, các Sở TNMT và Bộ TNMT.</p> <p>2) Tổng cục môi trường đảm bảo về việc phê duyệt chính thức Dự án và phân bổ ngân sách đối ứng. Tổng cục môi trường sẽ cố gắng có được văn bản phê duyệt trong tuần tới để thông báo chính thức với các Sở TNMT về dự án và vốn đối ứng.</p> |

| TT/thời gian | Chủ đề | Những yêu cầu và góp ý chính của Ban Điều phối chung | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---|---|--|--|
| | | 3) Cần thảo luận thêm về việc sửa đổi Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT. 4) Cần tổ chức thực hiện các hoạt động Dự án trong giai đoạn từ 15/12/2011 đến 25/01/2012, có xét đến thời điểm kết thúc năm tài chính và ngày nghỉ Tết ở Việt Nam. 5) Các khóa đào tạo tại Việt Nam và Nhật Bản sẽ được thông báo và lên kế hoạch. Nếu có thể, sẽ tổ chức luân phiên các khóa đào tạo tại VN tại 5 Sở TNMT để cán bộ Sở TNMT có thể trao đổi kinh nghiệm và điều kiện thực tiễn riêng tại từng vùng. 6) Tổng cục môi trường đã giao cho Trung tâm Thông tin và Tư liệu Môi trường nhiệm vụ xây dựng hệ thống thông tin. LET cần liên hệ với trung tâm này thông qua Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ (ISD) thuộc Tổng cục môi trường để thực hiện các hoạt động của Kết quả 5. 7) Sau khi Dự án kết thúc, sẽ triển khai khảo sát thực trạng quản lý môi trường (tại các tỉnh thành khác) (không phải năm tỉnh thuộc dự án) nhằm phục vụ các hoạt động sẽ thực hiện trong giai đoạn sau dự án. | 3) Các Sở TNMT sẽ bố trí địa điểm làm việc cho nhóm JET. 4) Khi Dự án được phê duyệt, Tổng cục môi trường, các Sở TNMT và JET sẽ tăng cường công tác quản lý dự án. 5) Phía VN hứa với phía Nhật Bản sẽ cung cấp văn phòng làm việc cho JET. Mặc dù khó khăn về không gian làm việc, mỗi Sở TNMT sẽ bố trí ít nhất hai bàn làm việc cho JET. Tổng cục môi trường sẽ gửi thông báo chính thức tới các Sở TNMT về vấn đề này. 6) Điều phối dự án nhằm đảm bảo Dự án được tiến hành hiệu quả và trôi chảy. Nếu cần thiết, sẽ thảo luận và đơn giản hóa công tác điều phối này. |
| Họp Ban Quản lý dự án lần thứ hai (29/06/2012: BRVT) | - thảo luận về điều phối dự án - chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức với các Sở TNMT khác | 1) Đây là Dự án hỗ trợ kỹ thuật của JICA; và theo cơ chế của JICA, phía VN được mong đợi là sẽ đóng góp về nguồn nhân lực, thời gian và vốn đối ứng cho dự án. Để Dự án được thực hiện trôi chảy, JET cần thảo luận rõ với các Sở TNMT và xác định trách nhiệm của các Sở TNMT và JET để các Sở TNMT có thể phân bổ vốn đối ứng. 2) Sẽ đánh giá các Kết quả của dự án bằng các chỉ số. 3) Dự án dự kiến sẽ tổ chức khóa đào tạo cho 4 – 5 cán bộ thuộc Chi cục BVMT để họ có thể nắm rõ về Kiểm kê nguồn ô nhiễm -PSI (hiểu, cập nhật và sử dụng) và cấp chứng chỉ đào tạo. 4) Vào cuối Dự án, danh sách các khóa đào tạo, danh sách học viên và tài liệu đào tạo phải được biên soạn thành tài liệu. 5) Dự án này không thể giải quyết tất cả các vấn đề môi trường tại VN. Ban Quản lý dự án sẽ ghi lại và thảo luận với JICA về những góp ý của Sở TNMT. | 1) Theo Biên bản thảo luận và các tài liệu liên quan, đối tác VN và JET sẽ làm rõ cách thức chia sẻ trách nhiệm. 2) Đối tác VN và JET sẽ hoàn thiện các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án. 3) Sẽ tổ chức hội thảo trong tháng 7/2012, và sẽ tổ chức tập huấn thêm. Sẽ thảo luận cụ thể về nội dung này. 4) Vì một số hoạt động chưa có cơ cấu hợp lý nên đối tác VN và JET cần thảo luận về cách thức xây dựng danh sách các khóa đào tạo. 5) Đối tác VN và JET cần thảo luận và xem xét các hoạt động cần được ưu tiên, có xét đến tính bền vững của chúng. |

Nguồn: JET

4.3 Hợp định kỳ

Bên cạnh các buổi họp Ban Điều phối chung và Ban Quản lý dự án, Tổng cục môi trường, JICA và JET đã tổ chức 46 buổi họp định kỳ để thảo luận chi tiết về các hoạt động dự án, sự phối hợp giữa các đơn vị tham gia dự án, các thủ tục hành chính, đào tạo của JICA tại Nhật Bản, mua sắm thiết bị và các vấn đề khác. Nội dung thảo luận tại mỗi buổi họp được trình bày trong Bảng 4.3-1.

Bảng 4.3-1 Hợp định kỳ

| Stt | Thời gian | Nội dung thảo luận |
|-----|------------|--|
| 1 | 30/03/2011 | -Nộp dự thảo báo cáo khởi động lần thứ nhất; họp để chuẩn bị cho cuộc họp trừ bị Ban Điều phối chung vào 7/04 (chương trình/danh sách đại biểu tham dự); |
| 2 | 31/03/2011 | -Kế hoạch thăm/làm việc với các Sở TNMT lần thứ nhất (bao gồm kiểm tra phòng thí nghiệm) |
| 3 | 6/04/2011 | -Họp để chuẩn bị cho buổi họp trừ bị Ban Điều phối chung vào ngày 07/04 |
| 4 | 12/04/2011 | -Thảo luận về Biên bản ghi nhớ của cuộc họp trừ bị Ban Điều phối chung |
| 5 | 25/04/2011 | -Lịch trình làm việc với các Sở TNMT lần thứ hai; buổi họp đầu tiên về kết quả 3; - kế hoạch chung cho tháng Năm |
| 6 | 10/05/2011 | -Hoàn thiện Báo cáo khởi động, - công tác chuẩn bị cho cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai, -góp ý về Báo cáo khởi động, -phê duyệt dự án, - văn phòng cho JET |
| 7 | 19/05/2011 | Hoàn thiện Báo cáo khởi động, - công tác chuẩn bị cho cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai, -góp ý về Báo cáo khởi động |
| 8 | 30/05/2011 | - Công tác chuẩn bị cho cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai, -thư mời, - công tác hậu cần cho đại biểu, -chương trình dự kiến, - thư của Sở TNMT TT-Huế |
| 9 | 2/06/2011 | -Chuẩn bị cho cuộc Họp Ban Điều phối chung lần thứ 2, -các bài trình chiếu của Tổng cục môi trường và JET, - công tác hậu cần cho đại biểu, -chương trình dự kiến |
| 10 | 16/06/2011 | -Dự thảo Biên bản ghi nhớ của cuộc họp Ban Điều phối chung, thuê chuyên gia tư vấn, hội thảo về quản lý dữ liệu môi trường |
| 11 | 20/06/2011 | -Chỉnh sửa Biên bản ghi nhớ của cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai, -lập kế hoạch công tác cụ thể, - phân loại chi phí, cán bộ đối tác, - đào tạo tại Nhật Bản |
| 12 | 1/07/2011 | -Hội thảo về quản lý dữ liệu môi trường |

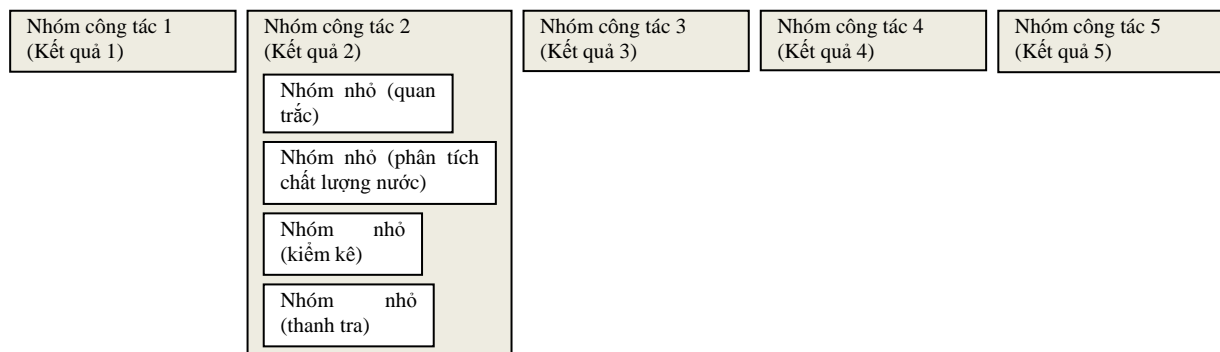
| Stt | Thời gian | Nội dung thảo luận |
|-----|------------|---|
| 13 | 4/07/2011 | -Chỉnh sửa Biên bản ghi nhớ của cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai, - hoàn thiện Báo cáo khởi động, - mua sắm thiết bị bổ sung |
| 14 | 19/07/2011 | - Hoàn thiện Biên bản ghi nhớ của cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai, -hoàn thiện Báo cáo khởi động, - thuê chuyên gia tư vấn trong nước và phiên dịch, -hội thảo về quản lý dữ liệu môi trường, - phê duyệt dự án |
| 15 | 25/07/2011 | -Vai trò và chức năng của Đơn vị Quản lý dự án (PMU) |
| 16 | 5/08/2011 | -Thảo luận về Ban Quản lý dự án, -Tổng cục môi trường gửi phiếu Đánh giá năng lực cho các Sở TNMT, -đào tạo Mục tiêu chất lượng dữ liệu (DQO) của nhóm WG 2-1 (Quan trắc) tại mỗi Sở TNMT, - họp thảo luận của các nhóm WG tại mỗi Sở TNMT, - và đào tạo cơ bản cho nhóm WG 2-2 (Phân tích chất lượng nước) tại mỗi Sở TNMT, -các hoạt động dự kiến của mỗi nhóm công tác WG |
| 17 | 12/08/2011 | -Xác nhận cuối cùng về Báo cáo khởi động, bao gồm nội dung về Ban Quản lý dự án, -Đào tạo Mục tiêu chất lượng dữ liệu của nhóm WG 2-1 (Quan trắc) tại mỗi Sở TNMT, -thảo luận danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm, -đào tạo cơ bản cho nhóm công tác WG 2-2 (phân tích chất lượng nước), -các hoạt động dự kiến cho từng nhóm công tác WG |
| 18 | 19/08/2010 | -Làm việc với Sở TNMT về danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm, - hội thảo đào tạo chéo của nhóm công tác WG 2-4 (Thanh tra) tại Sở TNMT t/p HCM, -Điều khoản tham chiếu về đợt khảo sát thực địa lần thứ nhất của nhóm công tác WG 3 tại Sở TNMT Hà Nội, -các hoạt động dự kiến cho từng nhóm công tác WG |
| 19 | 26/08/2011 | -Dự thảo danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm, -Bảng mục lục cho Báo cáo tiến độ (1), -thảo luận về dự thảo kế hoạch công tác (WP) , -chương trình họp thảo luận và thuê chuyên gia tư vấn cho nhóm công tác WG 3, - các hoạt động dự kiến cho từng nhóm công tác WG |
| 20 | 5/09/2011 | -Góp ý về dự thảo Kế hoạch công tác, -giải quyết các khiếu nại từ Sở TNMT Hải Phòng, -góp ý về danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm, -điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ của nhóm công tác WG 2-3 (Kiểm kê), -các hoạt động dự kiến cho từng nhóm công tác WG |
| 21 | 9/09/2011 | -Cách thức chuyển Báo cáo khởi động tới Sở TNMT, -dự thảo chương trình họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, -chương trình đào tạo sắp tới của nhóm công tác WG 2-1 (Quan trắc), - kiểm tra máy UV-Vis tại Sở TNMT Hải Phòng, -các hoạt động dự kiến cho từng nhóm công tác WG |
| 22 | 16/09/2011 | -Chuẩn bị Báo cáo tiến độ 1, -chương trình họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, -đánh giá giữa kỳ vào tháng 12, - mua sắm thiết bị, - thực trạng và các hoạt động dự kiến cho từng nhóm công tác WG |
| 23 | 23/09/2011 | - Chuẩn bị Báo cáo tiến độ 1, - thu phiếu khảo sát về đánh giá năng lực, - thực trạng và các hoạt động dự kiến cho nhóm công tác WG 2-4, -đặc điểm kỹ thuật của thiết bị sẽ mua sắm cho Sở TNMT TT-Huế, - các nhiệm vụ của thầu phụ trong việc tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức, -buổi họp định kỳ tới sẽ tổ chức vào 30/09. |
| 24 | 30/09/2011 | - Chuẩn bị Báo cáo tiến độ 1, dự kiến kế hoạch họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất/Đánh giá giữa kỳ/họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, - đặc điểm kỹ thuật của thiết bị sẽ mua sắm cho Sở TNMT TT-Huế và thiết bị mua sắm bổ sung, -thực trạng và các hoạt động dự kiến cho nhóm công tác WG 2-4, -phân tích POPs tại Hà Nội, -Kết quả sơ bộ của đợt khảo sát thực địa lần thứ nhất của nhóm công tác WG3, - các hội thảo về nâng cao nhận thức, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 7/10. |
| 25 | 7/10/2011 | -Góp ý về Báo cáo tiến độ 1, -dự kiến kế hoạch và chương trình cho cuộc họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất/Đánh giá giữa kỳ/họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, - đặc điểm kỹ thuật của thiết bị sẽ mua sắm cho Sở TNMT TT-Huế và thiết bị mua sắm bổ sung, - thực trạng và các hoạt động dự kiến cho nhóm công tác WG2, - thuê đơn vị thầu phụ để xây dựng kiểm kê tại BRVT, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 14/10. |
| 26 | 14/10/2011 | -Chỉnh sửa Báo cáo tiến độ 1, -dự kiến kế hoạch và chương trình cho cuộc họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất/Đánh giá giữa kỳ/họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, -kế hoạch mua sắm thiết bị cho Sở TNMT TT-Huế và thiết bị mua sắm bổ sung, - thực trạng và các hoạt động dự kiến cho nhóm công tác WG2, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 21/10. |
| 27 | 24/10/2011 | - Chỉnh sửa Báo cáo tiến độ 1, - dự kiến kế hoạch và chương trình cho cuộc họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất/Đánh giá giữa kỳ/họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, -kết quả thầu về thiết bị cần mua sắm cho TT-Huế, - thực trạng và các hoạt động dự kiến cho nhóm công tác WG2 và WG 4, -thuê đơn vị thầu phụ về xây dựng kiểm kê tại BRVT, -chương trình hội thảo nâng cao nhận thức, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 28/10. |
| 28 | 28/10/2011 | - Chỉnh sửa Báo cáo tiến độ 1, - kế hoạch và chương trình họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất, -Đánh giá giữa kỳ sẽ được thực hiện trong tháng 12, chương trình họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, tiến độ mua sắm thiết bị, thực trạng và các hoạt động dự kiến cho nhóm công tác WG 2 và 4, -công việc/nhiệm vụ của đơn vị thầu phụ trong việc tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 4/11. |
| 29 | 4/11/2011 | - Chỉnh sửa Báo cáo tiến độ 1, - kế hoạch và chương trình họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất, - dự kiến chương trình Đánh giá giữa kỳ, - chương trình họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, -tiến độ mua sắm thiết bị, - đề xuất chương trình đào tạo tại Nhật Bản, - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2 và 4, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 11/11. |
| 30 | 11/11/2011 | -Chỉnh sửa Báo cáo tiến độ 1, - kế hoạch và chương trình họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất, dự kiến chương trình Đánh giá giữa kỳ, - kế hoạch và chương trình họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, -tiến độ mua sắm thiết bị, - đào tạo tại Nhật Bản, - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2 và 4, -hội thảo nội bộ của nhóm công tác WG2-4, - kế hoạch tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 18/11. |
| 31 | 18/11/2011 | -Hoàn thiện Báo cáo tiến độ 1, - công tác chuẩn bị cho cuộc họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất vào ngày 25/11, - công tác chuẩn bị cho đợt Đánh giá giữa kỳ vào tháng 12, - chương trình họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, - tiến độ mua sắm thiết bị, -đào tạo tại Nhật Bản, - công việc/nhiệm vụ của đơn vị thầu phụ về xây dựng kiểm kê tại Hải Phòng, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 2/12. |
| 32 | 2/12/2011 | - Hoàn thiện Báo cáo tiến độ 1, - Biên bản ghi nhớ của cuộc họp Ban Quản lý dự án lần thứ nhất, -chuẩn bị cho đợt Đánh giá giữa kỳ, - chuẩn bị cho cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ 3, - chuẩn bị cho đào tạo tại Nhật Bản, - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2 và 4, - công tác chuẩn bị cho các hội thảo nâng cao nhận thức, - sẽ lên kế hoạch tổ chức họp định kỳ nếu cần thiết |
| 33 | 6/01/2012 | -Nộp Báo cáo tiến độ 1, - danh sách học viên, và form A2, A3 cho khóa đào tạo tại Nhật Bản vào tháng 2, - form A4 về mua sắm thiết bị, - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2-4 và 3, - đề nghị đối tác VN và JET báo cáo và chia sẻ kết quả hội thảo, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 13/01. |
| 34 | 13/01/2012 | -Hợp tác với Kết quả 1 và 5, - dự thảo Bảng mục lục của Báo cáo tiến độ (2), - Chuẩn bị form A4 (Tổng cục môi trường phụ trách) để mua sắm thiết bị, - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2-4 và |

| Stt | Thời gian | Nội dung thảo luận |
|-----|--------------|---|
| | | 3, - tình hình thảo luận về các chỉ số đánh giá và chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án, -kết quả hội thảo về Kết quả 2-4 và 4 cần được báo cáo cho Tổng cục môi trường trong tháng 2,- LET dự kiến tổ chức họp với Phòng Quản lý tài nguyên nước và khí tượng thủy văn vào ngày 16/01 và Tổng cục môi trường sẽ mời nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET) tham dự, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 3/02. |
| 35 | 12/02/2012 | -Kế hoạch lập Báo cáo tiến độ 2, - thời gian và chương trình họp Ban Quản lý dự án lần thứ 2,- thời gian tổ chức họp Ban Điều phối chung lần thứ 4, - mua sắm thiết bị (form A4), -công tác chuẩn bị cho khóa đào tạo tại Nhật Bản, -các hoạt động trong năm 2012 (Kết quả 1 và Kết quả 5), - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2, 3 và 4, - buổi họp định kỳ tới sẽ được tổ chức vào ngày 17/02. |
| 36 | 7/03/2012 | -Kế hoạch gửi Báo cáo tiến độ 2, các Sản phẩm/tài liệu hợp tác kỹ thuật. -thời gian và chương trình họp Ban Quản lý dự án lần thứ 2, - thời gian họp Ban Điều phối chung lần thứ 4, -mua sắm thiết bị (form A4), -Chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án, trang web của Dự án, cán bộ nhóm SET quay trở lại làm việc, -các hoạt động trong năm 2012 (Kết quả 1 và Kết quả 5), - thực trạng và các hoạt động dự kiến thực hiện cho nhóm công tác WG 2, 3 và 4. |
| 37 | 15/05/2012 | - Kế hoạch chung cho tháng 5 và tháng 6/2012, họp Ban Quản lý dự án lần 2 và họp Ban Điều phối chung lần 4, - chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án and Kế hoạch hoạt động chung, - hoàn thiện Báo cáo tiến độ (2), - mua sắm thiết bị, - liên hệ với các Sở TNMT, - vốn đối ứng |
| 38 | 1/06/2012 | - Họp lần 4 Ban Điều phối chung và họp lần 2 Ban Quản lý dự án, - sửa đổi Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung, - Hoàn thiện Báo cáo tiến độ 2 (Pr/R(2)), - tập huấn tại Nhật Bản, - đánh giá cuối kỳ vào tháng 1 năm 2013 - mua sắm - vốn đối ứng - bảng/ sơ đồ kế hoạch tổng thể |
| 39 | 21/06/2012 | - Họp lần 2 Ban Quản lý dự án và họp lần 4 Ban Điều phối chung - sửa đổi Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung, - Hoàn thiện Báo cáo tiến độ 2 (Pr/R(2)), - tập huấn tại Nhật Bản, - đánh giá cuối kỳ vào tháng 1 năm 2013 - mua sắm - vốn đối ứng - bảng/ sơ đồ kế hoạch tổng thể |
| 40 | 11/July/2012 | - Họp Ban Quản lý dự án lần thứ 2 và họp Ban Điều phối chung lần thứ 4, - chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung, - hoàn thiện Báo cáo tiến độ (2), - đánh giá cuối kỳ trong tháng 1 năm 2013, - đào tạo tại Nhật Bản, - mua sắm thiết bị, - quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án |
| 41 | 31/07/2012 | - Đánh giá nội bộ để phục vụ cho đợt đánh giá cuối kỳ, - mua sắm thiết bị, - chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch hoạt động chung, - đào tạo tại Nhật Bản, |
| 42 | 27/08/2012 | - Đánh giá cuối kỳ trong tháng 1/ 2013, - đào tạo tại Nhật Bản, - mua sắm thiết bị, - văn phòng, - Báo cáo tiến độ 3 |
| 43 | 3/10/2012 | - Đánh giá cuối kỳ trong tháng 2/2013, - Báo cáo tiến độ 3, - Ban Quản lý dự án and Ban Điều phối chung trong tháng 10, - mua sắm thiết bị, - quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án, - văn phòng, - đào tạo tại Nhật Bản |
| 44 | 23/11/2012 | -Đánh giá nội bộ, - Góp ý về Báo cáo tiến độ 3, - mua sắm thiết bị, - đào tạo tại Nhật Bản |
| 45 | 23/01/2013 | -Đánh giá cuối kỳ trong tháng 3/2013, -hội thảo tại TT-Huế và họp Ban Điều phối chung lần thứ 5, - mua sắm thiết bị, - đào tạo tại Nhật Bản |
| 46 | 2/04/2013 | -Hội thảo tổng kết, - dự thảo Báo cáo tổng kết dự án, - các Kết quả của Dự án, đào tạo tại Nhật Bản |

Nguồn: JET

4.4 Nhóm công tác (WG) và các buổi họp thảo luận (DM)

Các nhóm công tác cho từng kết quả đã tiến hành các hoạt động và thảo luận kỹ thuật/chuyên môn như được trình bày trong hình dưới đây. Kết quả 2 bao gồm 4 nhóm nhỏ về quan trắc (nhóm WG 2-1), phân tích chất lượng nước (nhóm WG 2-2), kiểm kê (nhóm WG 2-3), và thanh tra (nhóm WG 2-4).



Nguồn: JET

Hình 4.4-1 Các nhóm công tác

Mỗi nhóm công tác WG đã triển khai các hoạt động theo Kế hoạch công tác (WP), và thảo luận về nội dung và các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động của Dự án tại các buổi họp thảo luận (DM). Nội dung thảo luận của các buổi họp của các nhóm WG 2-1, WG 2-2, WG 2-3, WG 2-4, WG 3, và WG 4, được trình bày trong các Bảng 4.4-1 đến Bảng 4.4-6.

Bảng 4.4-1 Kết quả họp thảo luận nhóm WG 2-1

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Góp ý chính và đề xuất của nhóm WG 2-1 | Hành động phản hồi của đối tác VN và JET |
|---------|--|--|--|---|
| HNI | Họp thảo luận lần thứ nhất (20/05/2011, CENMA) | 1. Mục tiêu và phương pháp tiếp cận cho Kết quả OP 2-1 và nội dung dự thảo Kế hoạch công tác WP | 1) CENMA đã đồng ý về các hoạt động theo dự thảo Kế hoạch công tác. 2) JET đề nghị CENMA chỉ định thành viên nhóm công tác WG 3) CENMA đồng ý sẽ tổ chức đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc vào tháng 8/2011. | 1) CENMA sẽ chỉ định cán bộ tham gia nhóm WG và cán bộ tham dự đợt đào tạo. 2) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ nhất |
| | Họp thảo luận lần thứ hai (23/08/2011, CENMA) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác | 1) CENMA cho rằng đợt đào tạo lần thứ nhất hữu ích đối với các cán bộ đặc biệt nội dung đào tạo về mối quan hệ tương tác giữa chất ô nhiễm và môi trường thủy sinh 2) CENMA đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ hai về xây dựng kế hoạch quan trắc trong tháng 12/2011. 3) CENMA đồng ý với Kế hoạch công tác. | 1) CENMA sẽ chỉ định cán bộ tham gia nhóm công tác WG và chuẩn bị thông tin cho đợt đào tạo lần thứ hai 2) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (09/12/2011, CENMA) | 1. Phản hồi về hội thảo lần thứ nhất 2. Kế hoạch công tác năm 2012 3. Chính sửa các chỉ số đánh giá theo mục tiêu trong Ma trận thiết kế dự án ban đầu | 1) CENMA đã nắm được mối quan hệ giữa các chất ô nhiễm và môi trường thông qua hội thảo, và đưa ra ý kiến rằng nếu hội thảo lần thứ nhất được tổ chức trong tháng 11/2011, nhiều cán bộ chủ chốt có thể tham dự và tham gia vào các cuộc thảo luận chuyên sâu. 2) CENMA đồng ý về các hoạt động sẽ thực hiện trong năm 2012, và đã chọn sông Hồng là con sông mục tiêu. 3) CENMA đồng ý về các chỉ số đánh giá theo mục tiêu đã được chỉnh sửa trong Ma trận thiết kế dự án ban đầu, và thống nhất về việc tổ chức đào tạo lần thứ 2 trong tháng 2 năm 2012. | 1) JET sẽ cập nhật Kế hoạch công tác cho năm 2012. 2) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ 2, bao gồm đào tạo về sửa đổi kế hoạch quan trắc. 3) CENMA sẽ chỉ định cán bộ tham gia nhóm công tác WG. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (02/03/2012, CENMA) | 1. Phản hồi về đào tạo lần thứ hai 2. Kế hoạch công tác được cập nhật | 1) CENMA đã xác định khu vực mục tiêu nhằm đánh giá kế hoạch quan trắc tại sông Hồng, và thu thập số liệu để chỉnh sửa kế hoạch quan trắc năm 2013. 2) CENMA đã cập nhật danh sách thành viên nhóm công tác WG để thực hiện các hoạt động của Kết quả 2-1 trong năm 2012 và đồng ý với Kế hoạch công tác năm 2012. | 1) CENMA sẽ thu thập số liệu để xây dựng kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa. 2) CENMA sẽ chỉ định cán bộ đối tác đảm nhiệm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (08/6/2012, CENMA) | 1. Kiểm tra các hoạt động trong năm 2012 2. Chia sẻ kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Hồng | 1) CENMA xác nhận về các hoạt động và kế hoạch thực hiện của nhóm công tác WG trong năm 2012. 2) CENMA trình bày về đề cương kế hoạch quan trắc sông Hồng năm 2012, và JET đã thuyết trình về cấu trúc của kế hoạch được xây dựng theo quy trình Mục tiêu chất lượng dữ liệu. 3) CENMA và JET thảo luận các nội dung sửa đổi trong kế hoạch quan trắc, bao gồm cả việc xác định mục tiêu quan trắc. | CENMA sẽ thu thập số liệu và thông tin để xây dựng kế hoạch quan trắc tại sông Hồng. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (20/6/2012, CENMA) | 1. Thảo luận về kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Hồng | 1) CENMA và JET đã thảo luận về các nội dung cần sửa đổi trong kế hoạch quan trắc tại sông Hồng. 2) CENMA sẽ xây dựng dự thảo kế hoạch quan trắc sông Hồng năm 2013 để xin ngân sách trước tháng 8/2012. | CENMA sẽ lập kế hoạch quan trắc tại lưu vực sông Hồng. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (25/9/2012, CENMA) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo 2. Kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Hồng | 1) Qua bài giảng và thực hành, CENMA đã nắm được cách thức thực hiện kiểm định thống kê và diễn giải thống kê số liệu quan trắc. 2) Đào tạo qua công việc (OJT) sẽ được tổ chức trong tháng 11/2012. 3) Hội thảo phối hợp giữa kết quả quan trắc và phân tích sẽ được tổ chức trong tháng 11. | 1) JET sẽ gửi chương trình Đào tạo qua công việc và giấy mời tham dự hội thảo. 2) CENMA sẽ chuẩn bị bài trình bày tại hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (13/12/2012, CENMA) | 1. Phản hồi về đợt Đào tạo qua công việc về xây dựng báo cáo 2. Kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Hồng | 1) CENMA đã nắm được cách thức xây dựng báo cáo quan trắc có hiệu quả và diễn giải và phân tích số liệu quan trắc vào báo cáo. 2) CENMA đã báo cáo về tiến độ phê duyệt kế hoạch quan trắc sông Hồng của Sở TNMT. 3) CENMA đề nghị JET hỗ trợ xây dựng kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch. | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết đối với CENMA trong việc xây dựng báo cáo quan trắc qua e-mail. 2) CENMA sẽ báo cáo tiến độ phê duyệt kế hoạch quan trắc sông Hồng. 3) CENMA sẽ gửi JET số liệu và thông tin cần thiết liên quan đến việc xây dựng kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (24/01/2013, CENMA) | 1. Tổng kết các hoạt động dự án trước đợt đánh giá cuối kỳ 2. Đánh giá kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch | 1) CENMA thông báo với JET rằng đã có phê duyệt chính thức về kế hoạch quan trắc sông Hồng. 2) CENMA và JET xác nhận về tình hình thực hiện các chỉ số của hợp phần quan trắc. 3) CENMA và JET đồng ý với kết quả đánh giá nội bộ của cán bộ Sở TNMT về hợp phần quan trắc. 4) JET đưa ra ví dụ về tối ưu hóa các chỉ số quan trắc nhằm xây dựng kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch. | 1) JET sẽ hoàn thiện báo cáo đánh giá nội bộ dựa trên kết quả đã đạt được và kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Góp ý chính và đề xuất của nhóm WG 2-1 | Hành động phản hồi của đối tác VN và JET |
|---------|---|--|--|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (11/03/2013, CENMA) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo về đặc tính hóa học 2. Tổng kết các hoạt động dự án 3. Đánh giá kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch | 1) CENMA đã nắm được cơ chế ô nhiễm nước thông qua các bài giảng về đặc tính hóa học. 2) JET đã tiến hành đào tạo qua bài giảng đặc biệt về sự cố nước sinh hoạt và ứng phó của phòng quan trắc ở lưu vực sông Tone tại Nhật Bản để học viên có thể hiểu được vai trò và tầm quan trọng của hoạt động quan trắc. 3) CENMA và JET thảo luận kế hoạch hành động quan trắc sau dự án. 4) CENMA và JET thảo luận hướng chỉnh sửa kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch. | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho cán bộ đối tác về chỉnh sửa kế hoạch quan trắc sông Tô Lịch qua email. |
| HPG | Họp thảo luận lần thứ 1 (11-12/5/2011, HACEM) | 1. Mục tiêu và phương pháp tiếp cận của dự thảo Kế hoạch công tác | 1) HACEM đồng ý về nội dung các hoạt động của Kết quả 2-1, và chỉ định cán bộ tham gia nhóm công tác WG để thực hiện các hoạt động của Kết quả 2-1. 2) HACEM đồng ý về tổ chức đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc trong tháng 8 năm 2011. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ nhất tới HACEM 2) HACEM sẽ chỉ định cán bộ tham gia đào tạo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (12/8/2011, HACEM) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác | 1) Theo nhận xét của HACEM, đợt đào tạo lần thứ nhất hữu ích đặc biệt nội dung về thời gian lấy mẫu phù hợp với sự thay đổi chất lượng nước trong ngày. 2) HACEM đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ hai về xây dựng kế hoạch quan trắc trong tháng 11/2011. 3) HACEM đồng ý về kế hoạch công tác. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ hai và đề nghị chuẩn bị. 2) HACEM sẽ chuẩn bị thông tin cho đợt đào tạo lần thứ 2 |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (18/11/2011, HACEM) | 1. Phản hồi về hội thảo lần thứ nhất 2. Kế hoạch công tác năm 2012 3. Chính sửa chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án | 1) HACEM tự tin về xây dựng kế hoạch quan trắc cho các con sông nhỏ, và đề nghị được đào tạo một ngày về các quá trình hóa học và sinh học tại các con sông. 2) HACEM đồng ý về các hoạt động dự kiến thực hiện trong năm 2012 và chọn sông Rê làm con sông mục tiêu, và cũng đồng ý với các chỉ số chỉnh sửa trong Ma trận thiết kế dự án. 3) Sẽ tổ chức đào tạo lần thứ hai trong tháng 2/2012. | JET sẽ cập nhật Kế hoạch công tác năm 2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (21/2/2012, HACEM) | 1. Phản hồi về đào tạo lần thứ hai 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác cho năm 2012 | 1) HACEM đã xác định khu vực mục tiêu để đánh giá kế hoạch quan trắc tại sông Rê và thu thập số liệu nhằm chỉnh sửa kế hoạch quan trắc năm 2013. 2) HACEM đã chỉ định đối tác phụ trách về nội dung này, xác nhận các hoạt động năm 2012, và đồng ý với Kế hoạch công tác năm 2012. | 1) HACEM sẽ thu thập số liệu để xây dựng kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa trước tháng 5 năm 2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (07/6/2012, HACEM) | 1. Kiểm tra các hoạt động trong năm 2012 2. Chia sẻ kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Rê | 1) HACEM xác nhận về các hoạt động và kế hoạch thực hiện của nhóm công tác WG 2-1 trong năm 2012. 2) HACEM trình bày về đề cương kế hoạch quan trắc sông Rê năm 2012, và JET đã thuyết trình về cấu trúc của kế hoạch quan trắc được xây dựng theo quy trình mục tiêu chất lượng dữ liệu. 3) HACEM và JET thảo luận các nội dung sửa đổi trong kế hoạch quan trắc hiện tại, bao gồm các mục tiêu quan trắc. | 1) HACEM sẽ thu thập số liệu và thông tin để xây dựng kế hoạch quan trắc sông Rê. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (02/7/2012, HACEM) | Thảo luận về kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Rê | 1) JET đã triển khai đào tạo qua các bài giảng đặc biệt về sự cố nước sinh hoạt và sự ứng phó của đơn vị quan trắc trước sự cố này tại con sông Tone ở Nhật Bản để học viên có thể hiểu được vai trò và tầm quan trọng của hoạt động quan trắc. 2) HACEM và JET đã thảo luận về các nội dung chỉnh sửa trong kế hoạch quan trắc tại sông Rê. | 1) HACEM sẽ lập dự thảo kế hoạch quan trắc sông Rê năm 2013 theo số liệu và thông tin đã thu thập. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (14/9/2012, HACEM) | 1. Phản hồi về đào tạo thống kê 2. Kế hoạch sửa đổi tại sông Rê | 1) Qua các bài giảng và thực hành, HACEM đã nắm được cách thức thực hiện kiểm định thống kê và diễn giải thống kê các số liệu quan trắc. 2) Đào tạo qua công việc sẽ được tổ chức trong tháng 12 năm 2012 để lập báo cáo. 3) Hội thảo phối hợp giữa kết quả phân tích và quan trắc chất lượng nước vào ngày 27/11. | 1) JET sẽ gửi chương trình Đào tạo qua công việc và thư mời hội thảo. 2) HACEM sẽ chuẩn bị bài trình bày cho hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (7/12/2012, HACEM) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo qua công việc về xây dựng báo cáo 2. Kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Rê | 1) HACEM đã nắm được cách thức xây dựng báo cáo quan trắc có hiệu quả và diễn giải và phản ánh số liệu quan trắc vào báo cáo. 2) HACEM và JET về cơ bản đã đồng ý với nội dung của kế hoạch quan trắc sông Rê. | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho HACEM về xây dựng báo cáo quan trắc qua e-mail. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (25/01/2013, HACEM) | 1. Tổng kết các hoạt động dự án trước đợt đánh giá cuối kỳ | 1) HACEM và JET xác nhận về tình hình thực hiện các chỉ số của hợp phần quan trắc. 2) HACEM và JET đã đồng ý với kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT về hợp phần quan trắc. 3) HACEM đề nghị JET hỗ trợ xây dựng báo cáo quan trắc năm tại Hải Phòng. | 1) JET sẽ hoàn thiện báo cáo đánh giá nội bộ dựa trên tình hình thực hiện các chỉ số và kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT. 2) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho HACEM về lập báo cáo quan trắc năm qua e-mail. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 | 1. Phản hồi về đợt đào tạo về đặc | 1) Sau khi được nghe giảng về đặc tính hóa học, HACEM đã nắm được cơ chế ô nhiễm nước. | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết về xây dựng kế hoạch quan |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Góp ý chính và đề xuất của nhóm WG 2-1 | Hành động phản hồi của đối tác VN và JET |
|---------|---|--|--|---|
| | (28/02/2013, HACEM) | tính hóa học 2. Tổng kết các hoạt động dự án 3. Báo cáo quan trắc năm năm tại Hải Phòng | 2) HACEM và JET thảo luận về kế hoạch hành động về quan trắc sau dự án. 3) HACEM và JET thảo luận dự thảo báo cáo quan trắc năm năm tại Hải Phòng. | trắc tại Hải Phòng thông qua e-mail. |
| TT-HUE | Họp thảo luận lần thứ 1 (04-05/05/2011, Chi cục BVMT) | Giới thiệu mục tiêu và phương pháp tiếp cận cho Kết quả 2-1 và thảo luận về nội dung. | 1) Phòng quan trắc thuộc Chi cục BVMT đã đồng ý về dự thảo nội dung các hoạt động của Kết quả 2-1 theo dự thảo Kế hoạch công tác, và đề xuất bổ sung hệ thống quản lý dữ liệu vào nội dung các hoạt động. 2) Chi cục BVMT đã chỉ định cán bộ tham gia nhóm công tác và đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc trong tháng 8/2011. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ nhất tới Chi cục BVMT 2) Phòng quan trắc thuộc Chi cục BVMT sẽ cử cán bộ tham gia đào tạo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (09/08/2011, Chi cục BVMT) | Phản hồi về đợt đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc | 1) Theo nhận xét của Chi cục BVMT, đợt đào tạo lần thứ nhất hữu ích đối với học viên đặc biệt về cách thức tư duy trong lập kế hoạch quan trắc; tuy nhiên, cần tổ chức làm việc theo nhóm để thảo luận về thực trạng quan trắc. Đợt đào tạo tới sẽ có làm việc theo nhóm để xây dựng các kế hoạch quan trắc. 2) Chi cục BVMT đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ 2 về xây dựng kế hoạch quan trắc trong tháng 11/2011. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ 2 đề nghị Chi cục BVMT thực hiện công tác chuẩn bị. 2) Chi cục BVMT sẽ chuẩn bị thông tin cho đợt đào tạo lần thứ 2 |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (12/09/2011, Chi cục BVMT) | 1. Phản hồi về đào tạo lần thứ nhất 2. Thảo luận Kế hoạch công tác | 1) Chi cục BVMT cho rằng đợt đào tạo lần thứ 1 hữu ích đối với cán bộ phòng quan trắc đặc biệt xây dựng quy tắc nhập dữ liệu, kiểm tra và sao lưu dữ liệu. 2) Chi cục BVMT đồng ý với Kế hoạch công tác. | 1) Chi cục BVMT sẽ vận hành hệ thống quản lý dữ liệu sơ bộ và đánh giá trong tháng 12 năm 2011. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (10/11/2011, Chi cục BVMT) | 1. Kế hoạch công tác năm 2012 2. Chính sửa các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án | 1) Chi cục BVMT sẽ chỉnh sửa kế hoạch quan trắc tại sông Hương. 2) Chi cục BVMT đồng ý về nội dung và kế hoạch thực hiện hoạt động trong năm 2012. 3) Chi cục BVMT lựa chọn sông Hương là con sông mục tiêu trong kế hoạch quan trắc sửa đổi, phân tích số liệu và lập báo cáo. 4) Chi cục BVMT đồng ý về: các chỉ số đánh giá theo mục tiêu của Kết quả 2-1 trong Ma trận thiết kế dự án, và việc tổ chức đào tạo lần thứ 2 về phân tích số liệu và viết báo cáo trong tháng 2/2012. | 1) JET sẽ cập nhật Kế hoạch công tác cho năm 2012. 2) JET sẽ gửi Chi cục BVMT chương trình đào tạo lần thứ 2, gồm đào tạo về chỉnh sửa kế hoạch quan trắc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (23/2/2012, Chi cục BVMT) | 1. Phản hồi về đào tạo lần thứ hai 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác năm 2012 | 1) Chi cục BVMT thiết lập vị trí các trạm quan trắc tại sông Hương theo kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa năm 2012. 2) Chi cục BVMT thu thập dữ liệu để chỉnh sửa kế hoạch quan trắc tại sông Hương cho năm 2013, và chỉ định đối tác phụ trách về vấn đề này. 4) Chi cục BVMT sẽ vận hành hệ thống quản lý dữ liệu sơ bộ về quan trắc theo dự thảo số tay hướng dẫn vận hành. 5) Chi cục BVMT đã cập nhật thành viên nhóm công tác và đồng ý về Kế hoạch công tác năm 2012 của nhóm. | 1) Chi cục BVMT sẽ sửa đổi kế hoạch trước tháng 5/2012. 2) Chi cục BVMT sẽ vận hành hệ thống quản lý dữ liệu sơ bộ về quan trắc trước tháng 5/2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (11/6/2012, Chi cục BVMT) | 1. Kiểm tra các hoạt động trong năm 2012 2. Chia sẻ kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Hương | 1) Chi cục BVMT xác nhận về các hoạt động và kế hoạch thực hiện năm 2012 và trình bày về đề cương của kế hoạch quan trắc sông Hương năm 2012. 2) JET trình bày cấu trúc của kế hoạch quan trắc được xây dựng theo quy trình Mục tiêu chất lượng dữ liệu. 3) Chi cục BVMT và JET thảo luận về nội dung cần chỉnh sửa trong kế hoạch quan trắc, bao gồm cả mục tiêu quan trắc. | Chi cục BVMT thu thập dữ liệu để chuẩn bị cho việc lập kế hoạch quan trắc sông Hương. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (05/7/2012, Chi cục BVMT) | Thảo luận về kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Hương | 1) JET triển khai đào tạo qua bài giảng đặc biệt về sự cố và sự ứng phó của đơn vị quan trắc trước sự cố này tại con sông Tone ở Nhật Bản trong tháng 5/2012. 2) Chi cục BVMT và JET thảo luận về sửa đổi kế hoạch quan trắc sông Hương. 3) Chi cục BVMT đồng ý lập dự thảo kế hoạch quan trắc tại sông Hương năm 2013 vào cuối năm 2012. 4) JET đã phỏng vấn Sở NN&PTNT nhằm giới thiệu về cấu trúc thủy văn và sử dụng nước tại lưu vực sông Hương. | JET sẽ tổng hợp kết quả phỏng vấn Sở NN&PTNT và chia sẻ kết quả với Chi cục BVMT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (07/9/2012, Chi cục BVMT) | 1. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu 2. Kế hoạch sửa đổi tại sông Hương | 1) Chi cục BVMT xác định rằng Chi cục BVMT bắt đầu nhập dữ liệu quan trắc vào CSDL phù hợp với hệ thống quản lý dữ liệu. 2) Chi cục BVMT và JET thảo luận các nội dung cần chỉnh sửa trong kế hoạch quan trắc theo vị trí các trạm quan trắc hiện hành, điểm lấy nước, cấu trúc thủy văn và các nguồn ô nhiễm dọc sông Hương. | 1) Chi cục BVMT tiếp tục lập kế hoạch quan trắc sông Hương. 2) Chi cục BVMT sẽ lập kế hoạch quan trắc sông Hương. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (28/9/2012, Chi cục BVMT) | Phản hồi về đào tạo phân tích số liệu thống kê | 1) Qua bài giảng và thực hành, Chi cục BVMT nắm được cách thức thực hiện kiểm định thống kê và diễn giải thống kê số liệu quan trắc. 2) Đào tạo qua công việc sẽ được tiến hành trong tháng 12/2012 để xây dựng báo cáo quan trắc. 3) Sẽ tổ chức hội thảo phối hợp giữa kết quả phân tích và quan trắc chất lượng nước vào ngày 27/11 | 1) JET sẽ gửi chương trình Đào tạo qua công việc và thư mời tham dự hội thảo. 2) Chi cục BVMT sẽ chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Góp ý chính và đề xuất của nhóm WG 2-1 | Hành động phản hồi của đối tác VN và JET |
|---------|---|--|--|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (6/12/2012, Chi cục BVMT) | 1. Phản hồi về đào tạo qua công việc về xây dựng báo cáo 2. Kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Hương | 1) Chi cục BVMT nắm được cách thức xây dựng báo cáo quan trắc hiệu quả và cách thức diễn giải và phân ánh số liệu quan trắc vào báo cáo. 2) Chi cục BVMT và JET đã viết lại nội dung của báo cáo quan trắc. | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Chi cục BVMT về xây dựng báo cáo quan trắc thông qua e-mail. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (30/01/2013, Chi cục BVMT) | 1. Tổng kết các hoạt động dự án trước đợt đánh giá cuối kỳ | 1) Chi cục BVMT và JET xác nhận về tình hình thực hiện các chỉ số của hợp phần quan trắc. 2) Chi cục BVMT và JET quyết định xây dựng báo cáo kỹ thuật về quan trắc tại sông Hương để có được kỹ năng và cách thức xây dựng báo cáo quan trắc. 3) Chi cục BVMT và JET đồng ý với kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT về hợp phần quan trắc. | 1) JET sẽ hoàn thiện báo cáo đánh giá nội bộ dựa trên tình kết quả đạt được của các chỉ số và kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT. 2) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Chi cục BVMT về xây dựng báo cáo quan trắc thông qua e-mail. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (26/02/2013, Chi cục BVMT) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo về đặc tính hóa học 2. Tổng kết các hoạt động dự án 3. Báo cáo kỹ thuật về quan trắc tại sông Hương | 1) Chi cục BVMT nắm được cơ chế ô nhiễm nước thông qua các bài giảng về đặc tính hóa học. 2) Chi cục BVMT và JET thảo luận về kế hoạch hoạt động về quan trắc sau dự án. 3) Chi cục BVMT và JET thảo luận về báo cáo kỹ thuật về quan trắc tại sông Hương. | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Chi cục BVMT về xây dựng báo cáo quan trắc thông qua e-mail. |
| HCMC | Họp thảo luận lần thứ 1 (11-12/05/2011, Chi cục BVMT t/p HCM) | Giới thiệu mục tiêu và phương pháp tiếp cận và thảo luận nội dung | 1) Phòng quan trắc thuộc Chi cục BVMT t/p đồng ý về nội dung các hoạt động của Kết quả 2-1 dựa trên dự thảo Kế hoạch công tác. 2) Chi cục BVMT t/p HCM chỉ định thành viên nhóm công tác để thực hiện các hoạt động của Kết quả 2-1. 3) Chi cục BVMT đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc trong tháng 8/2011. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ nhất tới Chi cục BVMT t/p HCM 2) Chi cục BVMT t/p HCM sẽ cử cán bộ tham dự đào tạo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (12/8/2011, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác | 1) Chi cục BVMT t/p HCM cho rằng đợt đào tạo lần thứ nhất hữu ích đặc biệt về nội dung xác định vị trí lấy mẫu sau điểm hợp lưu của dòng chính và phụ lưu. 2) Chi cục BVMT t/p HCM đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ 2 về xây dựng kế hoạch quan trắc từ tháng 11 đến tháng 12/2011. 3) Chi cục BVMT t/p HCM đồng ý về Kế hoạch công tác. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ 2. 2) Chi cục BVMT t/p HCM sẽ chuẩn bị thông tin cần thiết cho đợt đào tạo lần thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (2/12/2011, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Phản hồi về hội thảo lần thứ nhất 2. Kế hoạch công tác năm 2012 3. Chỉnh sửa các chỉ số đánh giá trong Ma trận thiết kế dự án ban đầu | 1) Chi cục BVMT có ý tưởng về thực hiện đào tạo trong tương lai, cơ sở dữ liệu chất lượng nước, phương pháp phân tích dữ liệu chất lượng nước, đặc tính chất ô nhiễm và mối quan hệ giữa nồng độ và lưu lượng nước sông, sử dụng mô hình toán, và xây dựng báo cáo chất lượng nước có hiệu quả hơn. 2) Chi cục BVMT t/p HCM đã đồng ý với nội dung và kế hoạch thực hiện các hoạt động của Kết quả 2-1 năm 2012, và lựa chọn sông mục tiêu là sông Sài Gòn. 3) Chi cục BVMT đồng ý về các chỉ số được chỉnh sửa trong Ma trận thiết kế dự án ban đầu. 4) Sẽ tổ chức đào tạo lần thứ 2 trong tháng 2/2012. | 1) JET sẽ cập nhật kế hoạch công tác năm 2012. 2) JET sẽ gửi Chi cục BVMT t/p HCM chương trình đào tạo lần thứ 2 về phân tích số liệu và lập báo cáo bao gồm đào tạo về chỉnh sửa kế hoạch quan trắc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (17/2/2012, Chi cục BVMT) | 1. Phản hồi về đào tạo lần thứ hai 2. Kế hoạch công tác cho năm 2012 | 1) Chi cục BVMT t/p HCM đã xác định khu vực mục tiêu để đánh giá kế hoạch quan trắc tại sông Sài Gòn, và thu thập số liệu nhằm chỉnh sửa kế hoạch quan trắc năm 2013. 2) Chi cục BVMT t/p HCM đã cập nhật về thành viên nhóm công tác thực hiện các hoạt động của Kết quả 2-1 năm 2012 và đồng ý với Kế hoạch công tác năm 2012 của nhóm. | 1) Chi cục BVMT t/p HCM sẽ thu thập dữ liệu xây dựng kế hoạch quan trắc sửa đổi. 2) Chi cục BVMT t/p HCM sẽ cử cán bộ đối tác phụ trách về nội dung này. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (13/6/2012, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Kiểm tra các hoạt động trong năm 2012 2. Chia sẻ kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Sài Gòn | 1) Chi cục BVMT t/p HCM mới thành lập Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường (CEMA) trong tháng 3/2012 nhằm tăng cường chức năng quan trắc và phân tích môi trường. 2) Chi cục BVMT t/p HCM trình bày về đề cương kế hoạch quan trắc sông Sài Gòn năm 2012, và JET giảng về cấu trúc kế hoạch quan trắc được xây dựng theo Quy trình Mục tiêu chất lượng dữ liệu. 3) Chi cục BVMT t/p HCM thảo luận về các nội dung cần chỉnh sửa trong kế hoạch quan trắc, bao gồm việc xác định mục tiêu quan trắc. | 1) Chi cục BVMT sẽ thu thập số liệu và thông tin xây dựng kế hoạch quan trắc ở sông Sài Gòn. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (26/6/2012, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Sài Gòn | 1) JET đã triển khai đào tạo qua các bài giảng đặc biệt về sự cố nước sinh hoạt và sự ứng phó của đơn vị quan trắc trước sự cố này tại con sông Tone ở Nhật Bản trong tháng 5/2012. 2) Chi cục BVMT t/p HCM đã thảo luận về các nội dung chỉnh sửa trong kế hoạch quan trắc tại sông Sài Gòn và lập dự thảo kế hoạch năm 2013. | Chi cục BVMT t/p HCM tiếp tục xây dựng kế hoạch quan trắc sông Sài Gòn dựa trên số liệu và thông tin đã thu thập. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Góp ý chính và đề xuất của nhóm WG 2-1 | Hành động phản hồi của đối tác VN và JET |
|---------|---|--|---|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (24/8/2012, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Sài Gòn | Chi cục BVMT t/p HCM đã thảo luận về các nội dung cần chỉnh sửa của kế hoạch quan trắc dựa trên vị trí các điểm quan trắc hiện tại, điểm lấy nước, cấu trúc thủy văn, và các nguồn ô nhiễm dọc sông Sài Gòn. | 1) Chi cục BVMT t/p HCM tiếp tục xây dựng kế hoạch quan trắc sông Sài Gòn. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (26/9/2012, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo thống kê 2. Kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Sài Gòn | 1) Chi cục BVMT t/p HCM đã học được cách thức thực hiện kiểm định thống kê và diễn giải thông kê số liệu quan trắc. 2) Sẽ tổ chức đào tạo qua công việc về phân tích số liệu và lập báo cáo trong tháng 11/2012 để xây dựng báo cáo quan trắc năm 2012. 3) Sẽ tổ chức hội thảo phối hợp giữa hai kết quả quan trắc và phân tích chất lượng nước trong tháng 11. | 1) JET sẽ gửi chương trình Đào tạo qua công việc, và thư mời tham dự hội thảo. 2) Chi cục BVMT t/p HCM sẽ chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (22/11/2012, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Phản hồi về đào tạo qua công việc về xây dựng báo cáo 2. Kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Sài Gòn | 1) Chi cục BVMT t/p HCM nắm được cách thức xây dựng báo cáo quan trắc hiệu quả và diễn giải và phân ánh số liệu quan trắc vào báo cáo. 2) Chi cục BVMT t/p HCM và JET đã viết lại nội dung báo cáo quan trắc 3) Về cơ bản, Chi cục BVMT t/p HCM và JET đồng ý với các nội dung của kế hoạch quan trắc sông Sài Gòn | 1) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Chi cục BVMT về xây dựng báo cáo quan trắc thông qua. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (29/01/2013, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Tổng kết các hoạt động dự án trước khi đánh giá cuối kỳ | 1) CHI CỤC BVMT T/P HCM và JET xác nhận về tình hình thực hiện các chỉ số của hợp phần quan trắc. 2) CHI CỤC BVMT T/P HCM và JET đồng ý với kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT về hợp phần quan trắc. 3) CHI CỤC BVMT T/P HCM đề nghị JET hỗ trợ xây dựng kế hoạch quan trắc tự động liên tục tại sông Sài Gòn | 1) JET sẽ hoàn thiện báo cáo đánh giá nội bộ dựa trên tình hình thực hiện các chỉ số và kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT. 2) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Chi cục BVMT t/p HCM về xây dựng kế hoạch quan trắc tự động liên tục thông qua e-mail. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (07/03/2013, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo về đặc tính hóa học 2. Tổng kết các hoạt động dự án | 1) Sau khi được nghe giảng về đặc tính hóa học, CHI CỤC BVMT T/P HCM đã nắm được cơ chế ô nhiễm nước. 2) CHI CỤC BVMT T/P HCM và JET thảo luận kế hoạch hành động về quan trắc sau dự án. | 1) JET tiếp tục cung cấp hỗ trợ cần thiết cho Chi cục BVMT t/p HCM về xây dựng kế hoạch quan trắc tự động liên tục thông qua e-mail. |
| BRVT | Họp thảo luận lần thứ 1 (28-29/4/2011, CEMAB) | Mục tiêu và phương pháp tiếp cận cho Kế hoạch hoạt động chung OP 2-1 và nội dung. | 1) CEMAB đồng ý về nội dung các hoạt động của Kết quả 2-1 theo dự thảo Kế hoạch công tác và chỉ định cán bộ tham gia nhóm công tác. 2) CEMAB đồng ý tổ chức đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc trong tháng 8/2011. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ nhất tới CEMAB 2) CEMAB sẽ cử cán bộ tham dự đào tạo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (18/08/2011, CEMAB) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo lần thứ nhất về đánh giá kế hoạch quan trắc 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác | 1) Theo CEMA, đợt đào tạo lần thứ nhất hữu ích đối với các cán bộ đặc biệt về độ chính xác của kết quả quan trắc theo số lượng lấy mẫu. 2) CEMAB đồng ý với Kế hoạch công tác và sẽ tổ chức đào tạo lần thứ 2 về xây dựng kế hoạch quan trắc trong tháng 11/2011. | 1) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ 2. 2) CEMAB sẽ chuẩn bị thông tin cần thiết cho đợt đào tạo lần thứ 2 |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (24, 25/ 11/2011, CEMAB) | 1. Phản hồi về hội thảo lần thứ nhất 2. Kế hoạch công tác năm 2012 3. Chỉnh sửa các chỉ số đánh giá trong Ma trận thiết kế dự án | 1) CEMAB đề nghị được hỗ trợ thêm khi thực hiện lên kế hoạch chi tiết. CEMAB đồng ý về nội dung các hoạt động năm 2012 có lựa chọn sông Dinh là con sông mục tiêu. 2) CEMAB đồng ý về các chỉ số đánh giá theo mục tiêu đã được chỉnh sửa trong Ma trận thiết kế dự án. 3) Đào tạo lần thứ 2 sẽ được tổ chức trong tháng 2/2012. | 1) JET sẽ cập nhật Kế hoạch công tác năm 2012. 2) JET sẽ gửi chương trình đào tạo lần thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (15/2/2012, CEMAB) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo lần thứ 2 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác năm 2012 | 1) CEMAB đã xác định các khu vực mục tiêu và thông số chính cho kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Dinh năm 2013. 2) CEMAB thu thập số liệu để chỉnh sửa kế hoạch quan trắc tại sông Dinh. 3) CEMAB chỉ định cán bộ đối tác phụ trách về vấn đề này, xác định các hoạt động sẽ được thực hiện trong năm 2012 và đồng ý về Kế hoạch công tác năm 2012. | CEMAB sẽ thu thập số liệu sẵn có tại Sở TNMT nhằm chỉnh sửa kế hoạch trước tháng 5/2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (12/ 06/2012, CEMAB) | 1. Kiểm tra các hoạt động trong năm 2012 2. Chia sẻ kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Dinh | 1) CEMAB xác định các hoạt động và kế hoạch thực hiện năm 2012. 2) CEMAB trình bày đề cương kế hoạch quan trắc sông Dinh năm 2012, và JET giảng về cấu trúc của kế hoạch quan trắc được xây dựng theo Quy trình Mục tiêu chất lượng dữ liệu. 3) CEMAB và JET thảo luận về các nội dung cần chỉnh sửa. 4) CEMAB đồng ý triển khai khảo sát thực địa để kiểm tra nguồn ô nhiễm, cấu trúc thủy văn và sử dụng nước tại lưu vực sông Dinh. | CEMAB sẽ thu thập số liệu và thông tin để xây dựng kế hoạch quan trắc tại sông Dinh. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Góp ý chính và đề xuất của nhóm WG 2-1 | Hành động phản hồi của đối tác VN và JET |
|---------|--|--|--|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (28/6/2012, CEMAB) | 1. Kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Dinh 2. Khảo sát thực địa tại sông Dinh | 1) JET đã triển khai đào tạo qua các bài giảng đặc biệt về trường hợp nghiên cứu cụ thể về sự cố nước sinh hoạt và sự ứng phó của đơn vị quan trắc trước sự cố này tại con sông Tone ở Nhật Bản trong tháng 5/2012 2) CEMAB thảo luận về sửa đổi kế hoạch quan trắc tại sông Dinh 3) CEMAB đồng ý lập dự thảo kế hoạch quan trắc sông Dinh năm 2013, và xác định về nội dung khảo sát. | 1) CEMAB tiếp tục chuẩn bị cho kế hoạch quan trắc sông Dinh. 2) CEMAB sẽ chuẩn bị cho đợt khảo sát thực địa. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (30/08/2012, CEMAB) | Kế hoạch quan trắc sửa đổi tại sông Dinh và khảo sát thực địa | 1) CEMAB và JET tổng kết về đợt khảo sát và thảo luận cách thức lập biên bản thực địa. 2) CEMAB và JET thảo luận các nội dung cần chỉnh sửa cho kế hoạch quan trắc dựa trên kết quả khảo sát thực địa. | 1) CEMAB chuẩn bị biên bản thực địa. 2) CEMAB tiếp tục lập kế hoạch quan trắc tại sông Dinh. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (21/9/2012, CEMAB) | Phản hồi về đợt đào tạo phân tích số liệu thống kê | 1) CEMAB đã học được cách thức thực hiện kiểm định thống kê và diễn giải thống kê về số liệu quan trắc. 2) Đào tạo qua công việc sẽ được tổ chức trong tháng 11/2012 về xây dựng báo cáo năm 2012. 3) Sẽ tổ chức hội thảo phối hợp giữa kết quả phân tích và quan trắc chất lượng nước (Kết quả 2-1 và Kết quả 2-2) vào 27/11. | 1) JET sẽ gửi chương trình Đào tạo qua công việc và thư mời tham dự hội thảo. 2) CEMAB sẽ chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (22/11/2012, CEMAB) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo qua công việc về xây dựng báo cáo 2. Kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa tại sông Dinh | 1) CEMAB đã nắm được cách thức xây dựng báo cáo quan trắc hiệu quả và diễn giải và phản ánh số liệu quan trắc vào báo cáo. 2) CEMAB và JET đã viết lại nội dung của báo cáo quan trắc. 3) CEMAB đề nghị JET cải thiện nội dung mẫu Kiểm soát chất lượng (QC) trong dự thảo kế hoạch quan trắc được chỉnh sửa. | 1) JET sẽ gửi email cho CEMAB, đưa ra ví dụ về mẫu QC. 2) JET sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết cho CEMAB về xây dựng báo cáo quan trắc qua e-mail. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (28/01/2013, CEMAB) | 1. Tổng kết các hoạt động dự án trước đợt đánh giá cuối cùng | 1) CEMAB và JET xác nhận về tình hình thực hiện các chỉ số của hợp phần quan trắc. 2) CEMAB và JET đồng ý với kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT về hợp phần quan trắc. 3) CEMAB và JET về cơ bản đã đồng ý với các nội dung của kế hoạch quan trắc sông Dinh. | 1) JET sẽ hoàn thiện báo cáo đánh giá nội bộ dựa trên tình hình thực hiện các chỉ số và kết quả đánh giá nội bộ của Sở TNMT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (07/03/2013, CEMAB) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo về đặc tính hóa học 2. Tổng kết các hoạt động dự án | 1) CEMAB đã nắm được cơ chế ô nhiễm nước thông qua các bài giảng về đặc tính hóa học. 2) CEMAB và JET thảo luận về kế hoạch hành động về quan trắc sau dự án. 3) CEMAB đề nghị JET xây dựng đề cương kế hoạch quan trắc tại sông Dinh để trình UBND tỉnh. | 1) Thông qua e-mail, JET sẽ tiếp tục cung cấp hỗ trợ cần thiết đối với việc xây dựng đề cương kế hoạch quan trắc tại sông Dinh để trình UBND tỉnh. |

Nguồn: JET

Bảng 4.4-2 Kết quả họp thảo luận (DM) của nhóm công tác WG 2-2

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-2 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|--|---|---|
| HNI | Họp thảo luận lần thứ nhất (20/5/2011, CENMA) | Thảo luận dự thảo kế hoạch đào tạo (dự thảo Kế hoạch công tác) | 1) JET kiểm tra về thực trạng phân tích và quản lý phòng thí nghiệm. 2) CENMA kiểm tra dự thảo Kế hoạch công tác và ưu tiên hàng đầu đối với hoạt động đào tạo về phân tích POP và sau đó là đào tạo về xác định các chất trong nước thải nhà máy. | 1) JET sẽ lập Kế hoạch công tác cụ thể thông qua thảo luận 2) JET sẽ triển khai đào tạo nhanh về phân tích POP từ 30/5 đến 1/6 năm 2011. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (18/8/2011, CENMA) | Thảo luận về thiết bị bổ sung cần mua sắm | 1) CENMA đồng ý tự lập danh sách ban đầu về thiết bị cần mua sắm (long list) và sẽ gửi tới JET trước 25/08. 2) Vào ngày 26/08, thảo luận về danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm (short list) với CENMA | CENMA sẽ lập danh sách ban đầu về thiết bị cần mua sắm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (26/8/2011, CENMA) | 1. Thiết bị bổ sung 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác CENMA | 1) Thảo luận về Danh sách thiết bị ban đầu dựa trên nhu cầu thực tế và mục đích của dự án. CENMA đã đồng ý về nội dung được ưu tiên này. 2) Về cơ bản, Kế hoạch công tác đã được CENMA xác định. | 1) JET và Tổng cục môi trường sẽ chuẩn bị danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (7/09/2011, CENMA) | Chỉnh sửa Kế hoạch công tác | 1) CENMA đã đồng ý về Kế hoạch công tác sửa đổi. 2) Xác định mục tiêu, phương pháp phân tích tham khảo và 9 hợp chất cần phân tích trong POP bằng máy GC-ECD. | 1) JET và đối tác sẽ bắt đầu Đào tạo qua công việc từ 8/9/2011. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (28/11/2011, CENMA) | Thảo luận về Kế hoạch công tác được sửa đổi | 1) Sẽ tổ chức đào tạo về phân tích thuốc BVTV bằng máy GC-ECD trong tháng 12. 2) CENMA đồng ý sử dụng máy GC/MS cho đợt đào tạo về phân tích PBDEs dự kiến tổ chức trong năm 2012. CENMA cần tiếp tục vận hành máy MS trong một vài tuần để phục vụ cho đợt đào tạo này. 3) Phân công lại cán bộ đối tác chịu trách nhiệm đối với đợt đào tạo này được. | CENMA sẽ khởi động lại hoạt động Đào tạo qua công việc từ 12/12/2011. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 | Thảo luận về Kế hoạch công tác | 1) CENMA đã đánh giá các hoạt động đào tạo được thực hiện trong năm 2011 và thảo luận về các kế hoạch đào tạo sắp tới. | Đào tạo về phân tích thuốc BVTV bằng máy GC-ECD sẽ sử dụng |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-2 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|---|--|
| | (07/6/2012, CENMA) | năm 2012 | 2) Có sự thay đổi về cán bộ đối tác chính; tuy nhiên mới chỉ bắt đầu thực hiện phân tích bằng máy GC. Sẽ tổ chức đào tạo về thuốc BVTV trong tháng 6. | một hỗn hợp chuẩn mới. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (06/8/2012, CENMA) | Thảo luận về Kế hoạch công tác và cải thiện phương pháp | 1) Thảo luận về hướng phân tích thuốc BVTV cần cải thiện 2) Cán bộ đối tác sẽ chỉnh sửa phương pháp riêng của mình thành phương pháp phù hợp hơn và gửi dự thảo tài liệu về các phương pháp được xây dựng. | CENMA bắt đầu Đào tạo qua công việc từ 07/08/2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (27/11/2012, CENMA) | 1. Phản hồi về đợt đào tạo 2. Thảo luận về kế hoạch công tác năm 2013 | JET và đối tác đồng ý tổ chức đào tạo thực hành về phân tích thuốc BVTV gốc clo bằng máy GC-ECD và đạt được mức mục tiêu đặt ra dựa trên thử nghiệm mẫu lặp và độ nhạy cần thiết. Đào tạo thực hành về phân tích PBDE bằng máy GC/MS sẽ được tiếp tục trong năm 2013 | 1) Đối tác sẽ tiếp tục tiến hành thí nghiệm nhằm cải thiện mức độ thu hồi trong phân tích thuốc BVTV 2) JET yêu cầu đối tác đảm bảo máy GC/MS được vận hành liên tục để thực hiện phân tích PBDE trong tháng 3/2013 |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (28/03/2012, CENMA) | Đánh giá các đợt đào tạo của dự án | 1) JET đánh giá các đợt đào tạo qua công việc về thuốc BVTV gốc clo và PBDE. 2) Đối tác hỏi về sự khác nhau về các kết quả thu được từ quy trình phân tích chuẩn. | Đối tác sẽ hoàn thiện quy trình phân tích chuẩn (SOP) đối với thuốc BVTV gốc clo vào cuối tháng 4. |
| HPG | Họp thảo luận lần thứ nhất (11/5/2011, HACEM) | Thảo luận dự thảo kế hoạch đào tạo (dự thảo Kế hoạch công tác) | 1) JET đã kiểm tra thực trạng phân tích quản lý phòng thí nghiệm. 2) JET xác định rằng không có nhu cầu đào tạo về phân tích bằng máy AAS. Thay vào đó, các cán bộ đối tác đề nghị được đào tạo thực hành về lấy mẫu nước và đo đạc tại hiện trường, QA/QC (đảm bảo chất lượng/kiểm soát chất lượng) trong phân tích, đào tạo về phân tích cơ bản theo TCVN: các thông số mục tiêu cần phân tích bao gồm COD, BOD, T-P, T-N, NH ₃ , phenol, NO ₃ , và NO ₂ . | JET sẽ xây dựng Kế hoạch công tác dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (19/8/2011, HACEM) | Thiết bị bổ sung | 1) Thảo luận về danh sách thiết bị ban đầu được lập theo nhu cầu thực tế và mục đích của dự án. CENMA và JET đồng ý về nội dung cần ưu tiên này. | JET và Tổng cục môi trường sẽ lập danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (4/10/2011, HACEM) | Xác định năng lực phòng thí nghiệm | 1) HACEM được cấp chứng nhận VILAS về các thông số BOD, COD, TSS, T-P, NH ₃ , Cl, TSP (bụi tổng) trong không khí, SO ₂ trong không khí, NO ₂ trong không khí, độ cứng, TDS, T-N(=Kjeldahl Nitrogen), Phenol, NO ₃ -N, PO ₄ -P, và S ²⁻ . Có tổng số 16 thông số. 2) HACEM đề nghị được đào tạo về giới hạn phân tích định lượng 3) JET phát hiện thấy độ chính xác cao trong phân tích NH ₄ ⁺ và T-N bằng phương pháp chuẩn độ, tuy nhiên phân tích bằng máy UV/VIS có độ chính xác thấp. | JET sẽ đào tạo về quy trình tính toán giới hạn phát hiện của phương pháp. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (08/6/2012, HACEM) | 1. Kiểm tra thiết bị do JICA mua sắm 2. Thảo luận về kế hoạch đào tạo phân tích | 1) Tất cả các thiết bị và hóa chất được chuyển tới HACEM trong tháng 4/2012 đã được lắp đặt và có thể sử dụng cho hoạt động đào tạo về phân tích. 2) Thanh tra Sở TNMT cần giữ lại máy đo lưu lượng và thiết bị phân tích chất lượng nước đa chỉ tiêu do JICA mua sắm mặc dù các thiết bị này hiện được giữ tại phòng thí nghiệm của HACEM. 3) Cần có sự thống nhất giữa HACEM và Thanh tra Sở TNMT về địa điểm cất giữ các thiết bị này. | Sẽ tổ chức đào tạo phân tích đối với 5 thông số (NO ₃ -N, NH ₄ -N, Kjeldahl-N, Phenol, và COD) từ 12-15/6. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (08/11/2012, HACEM) | Đánh giá hoạt động đào tạo về phân tích trong khuôn khổ dự án | 1) JET đã đánh giá các hoạt động đào tạo thực hành về phân tích chất lượng nước cơ bản. 2) JET và đối tác VN đã xác nhận rằng đối tác VN đã đạt được mục tiêu mong đợi của dự án. | Đối tác VN sẽ áp dụng phương pháp QC trong công việc thường ngày của mình. |
| TT-HUE | Họp thảo luận lần thứ nhất (06/5/2011, Chi cục BVMT) | Thảo luận về Kế hoạch công tác và danh sách thiết bị | 1) PTN đang được xây dựng và sẽ hoàn tất trong tháng 7/2011. JET đề nghị bổ sung thêm một số vòi nước. 2) Chi cục BVMT đồng ý về danh sách thiết bị trong Biên bản họp Ban Điều phối chung lần thứ nhất. 2) Chi cục BVMT đề nghị được Đào tạo qua công việc về lấy mẫu và đo đạc tại hiện trường, phân tích chất lượng nước cơ bản theo TCVN (pH, EC, độ mặn, DO, COD, BOD, TSS, TDS, NO ₃ , NO ₂ , NH ₄ , SO ₄ , và PO ₄), và quản lý PTN. | JET sẽ lập kế hoạch công tác dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (17/8/2011, Chi cục BVMT) | Thiết bị cần mua sắm bổ sung | 1) Chi cục BVMT về cơ bản đã đồng ý với các thiết bị cần ưu tiên mua sắm trong danh sách ban đầu. 2) Đường ống nước của PTN được cải thiện. | JET và Tổng cục môi trường sẽ lập danh sách cuối cùng về các thiết bị cần mua sắm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (13/2/2012, Chi cục BVMT) | 1. Kế hoạch công tác sửa đổi 2. Kế hoạch đào tạo 3. Quy trình lắp đặt thiết bị | 1) Kế hoạch công tác sửa đổi đã được xác nhận. 2) Đã thảo luận về Kế hoạch đào tạo sắp tới tại DANETC (Trung tâm Công nghệ môi trường Đà Nẵng). 3) Quy trình lắp đặt và bàn giao thiết bị do Dự án mua sắm đã được xác nhận. 4) Chi cục BVMT và JET thảo luận về việc bố trí các thiết bị đã lắp đặt. | 1) JET tiếp tục triển khai lắp đặt thiết bị. 2) Chi cục BVMT và JET tiếp tục tiến hành đào tạo tại DANETC |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-2 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|---|---|
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (27/2/2012, Chi cục BVMT) | Thiết bị được lắp đặt và chứng nhận bàn giao thiết bị | 1) Chi cục BVMT xác nhận về thiết bị đã được lắp đặt. 2) JET đã bàn giao tất cả các thiết bị do Dự án mua sắm cho Sở TNMT. | Đối tác VN sẽ bắt đầu thực hiện phân tích sử dụng các thiết bị do Dự án mua sắm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (07/6/2012, Chi cục BVMT) | 1. Kiểm tra thiết bị do JICA mua sắm 2. Nội dung và địa điểm đào tạo | 1) Tất cả các thiết bị và hóa chất được mua sắm trong tháng 2/2012 đã được lắp đặt. 2) PTN của Chi cục BVMT không hoạt động do không có đường dẫn và thải nước cho PTN và thiếu bồn rửa các đồ thủy tinh. 3) Từ năm ngoái, JET đã chỉ ra rằng máy biến thế có công suất nhỏ, không đủ để cấp điện cho PTN. 4) Chi cục BVMT giải thích nguyên nhân là do tiến độ thi công chậm của nhà thầu. Chi cục BVMT đã đề nghị đơn vị thi công hoàn thành trong tháng 7. Chi cục BVMT có kế hoạch sửa chữa máy biến thế sớm. 5) JET đề xuất với Chi cục BVMT rằng Tổng cục môi trường cần gửi công văn đến UBND tỉnh TT-Huế để đẩy nhanh tiến độ thi công. | 1) Chi cục BVMT và JET tiếp tục thực hiện đào tạo tại DANETC 2) Chi cục BVMT sẽ lắp đặt đường ống nước và tăng công suất điện cho PTN. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (09/8/2012, Chi cục BVMT) | Thảo luận kế hoạch đào tạo | 1) Chi cục BVMT và JET đã đánh giá về các hoạt động đào tạo được thực hiện trong năm 2011. 2) Sẽ tổ chức đào tạo qua công việc về các hoạt động quan trắc từ 13-24/8 gồm các nội dung về lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường, phân tích chất lượng nước cơ bản, và đào tạo về quản lý PTN. | JET sẽ tổ chức đào tạo phân tích trong tháng 8/2012 |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (18/10/2012, TT-HUE/ Chi cục BVMT) | Xác nhận tình hình đào tạo thực hành về phân tích chất lượng nước cơ bản (đầu, độ mặn) | 1) Chi cục BVMT TT-Huế đã xác nhận tiến độ đào tạo thực hành về phân tích độ mặn, dầu và mỡ. 2) JET đề nghị Chi cục BVMT TT-Huế chuẩn bị ngân sách và nguồn nhân lực ... để duy trì hoạt động của phòng thí nghiệm và để PTN được cấp chứng nhận VILAS trong tương lai gần. Chi cục BVMT TT-Huế cho rằng sau dự án, họ sẽ tiếp tục nỗ lực cải thiện năng lực phòng thí nghiệm thông qua các hoạt động đào tạo khác về phân tích ... | 1) JET sẽ tiếp tục đào tạo qua công việc trong tháng 11 và trong những tháng tiếp theo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (30/01/2013 TT-HUE/ Chi cục BVMT) | Xác nhận tình hình đào tạo thực hành về phân tích chất lượng nước cơ bản (NH4, BOD, COD, và TDS) | 1) JET và đối tác đánh giá các hoạt động đào tạo thực hành về phân tích chất lượng nước cơ bản. 2) JET đã yêu cầu cán bộ đối tác thuộc Chi cục BVMT tự đánh giá và thực hành phân tích trong đợt đào tạo qua công việc tới. 3) JET yêu cầu cán bộ đối tác thuộc Chi cục BVMT xây dựng quy trình phân tích chuẩn đối với các chỉ tiêu COD và BOD trong đợt đào tạo qua công việc tới. | 1) JET sẽ kiểm tra kết quả công việc do cán bộ đối tác tự làm trong buổi đào tạo qua công việc tới. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (23/04/2013 TT-HUE/Chi cục BVMT) | Đánh giá các hoạt động đào tạo trong khuôn khổ dự án | 1) JET đánh giá các hoạt động đào tạo thực hành về phân tích chất lượng nước cơ bản. 2) JET và đối tác VN xác nhận rằng đối tác VN đã đạt được mục tiêu mà dự án mong đợi. | Đối tác VN sẽ áp dụng phương pháp phân tích có kiểm soát chất lượng trong công việc thường ngày của mình. |
| HCMC | Họp thảo luận lần thứ nhất (18/5/2011, Chi cục BVMT t/p HCM) | Hoạt động quan trắc và Kế hoạch công tác đối với cán bộ PTN | 1) JET xác nhận về hệ thống quản lý dữ liệu hiện hành. 2) Chi cục BVMT yêu cầu được nghe giảng về QC (kiểm soát chất lượng) PTN bên ngoài. | JET sẽ xây dựng Kế hoạch công tác dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (25/8/2011, Chi cục BVMT t/p HCM) | 1. Thiết bị cần mua sắm bổ sung 2. Xác nhận Kế hoạch công tác | 1) Chi cục BVMT t/p HCM về cơ bản đồng ý với các thiết bị cần ưu tiên trong danh sách ban đầu. 2) Kế hoạch công tác đã được xác nhận với cán bộ đối tác tại Chi cục BVMT t/p HCM. | JET và Tổng cục môi trường sẽ xây dựng danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (02/11/2012, CHI CỤC BVMT T/P HCM) | Đánh giá các hoạt động đào tạo | 1) JET và Chi cục BVMT đánh giá các nội dung đào tạo trong khuôn khổ Dự án. 2) CHI CỤC BVMT T/P HCM về cơ bản đã đồng ý với phương pháp áp dụng nhằm kiểm soát phòng thí nghiệm bên ngoài. | Chi cục BVMT t/p HCM sẽ cố gắng áp dụng phương pháp kiểm soát phòng thí nghiệm bên ngoài. |
| BRVT | Họp thảo luận lần thứ nhất (16-17/5/2011, CEMAB) | 1. Điều kiện phân tích và quản lý PTN 2. Thảo luận về dự thảo Kế hoạch công tác | 1) Máy GC không hoạt động do không có cán bộ phụ trách sử dụng máy. Lò đốt để phân tích kim loại nặng được lắp đặt trong máy AAS. Không có thiết bị chưng cất để phân tích florua hoặc phenol. 2) CEMAB đề nghị được đào tạo qua công việc về việc sử dụng máy GC và phân tích florua và phenol, và đào tạo về lấy mẫu. | 1) JET sẽ xây dựng Kế hoạch công tác dựa trên kết quả thảo luận. 2) Sau khi CEMAB mua lò đốt, JET sẽ tổ chức đào tạo về máy AAS. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (24/8/2011, CEMAB) | 1. Thiết bị cần mua sắm bổ sung 2. Xác nhận Kế hoạch công tác | 1) CEMAB đồng ý về các thiết bị cần ưu tiên mua sắm trong danh sách ban đầu. 2) Kế hoạch công tác đã được xác nhận với các cán bộ đối tác thuộc Chi cục BVMT. | JET và Tổng cục môi trường sẽ lập danh sách cuối cùng về thiết bị cần mua sắm. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-2 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|---|--|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (12-13/9/2011, CEMAB) | 1. Hiện trạng máy GC và AAS 2. Thảo luận về Kế hoạch công tác | 1) JET đã kiểm tra các mục cần bảo trì và sửa chữa đối với máy GC và AAS để có thể thực hiện đào tạo theo như kế hoạch. Cán bộ đối tác đã đưa ra số liệu về độ nhạy cảm thấp của máy AAS. 2) CEMAB yêu cầu tập trung đào tạo về máy GS và AAS. | 1) Đối tác VN sẽ sắp xếp thời gian để thanh tra thiết bị. 2) Đối tác VN sẽ thu thập thông tin về đặc tính kỹ thuật của thiết bị |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (22/9/2011, CEMAB) | Thanh tra về dự toán kinh phí cho việc đại tu máy | 1) Nhà cung cấp đã kiểm tra về thực trạng máy. 2) Thảo luận về dự toán kinh phí cho việc đại tu máy và mua mới một số phụ kiện của máy AAS | Nhà cung cấp sẽ gửi dự toán kinh phí trong vòng 10 ngày. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (21/10/2011, CEMAB) | 1. Chi tiết về thiết bị 2. Thông số cần đào tạo và kế hoạch | 1) Nhà cung cấp máy GC và AAS (Công ty cổ phần thiết bị Sài Gòn) đã kiểm tra hiện trạng máy GC và AAS vào ngày 23/09. Báo cáo kiểm tra được gửi tới Sở TNMT. 2) Thảo luận về đặc tính kỹ thuật của thiết bị cần mua sắm. | JET triển khai hoạt động mua sắm thiết bị bổ sung. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (31/07/2012, CEMAB) | Kế hoạch đào tạo về máy GC-ECD và AAS | JET đã trình bày về thực trạng form A4 và kế hoạch đào tạo trước và sau khi lắp đặt thiết bị. CEMAB đồng ý với Kế hoạch công tác. | Cán bộ đối tác sẽ được đào tạo nhanh về AAS ngay từ 15 đến 17/08/2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (4/10/2012, BRVT CEMAB) | Tình hình mua sắm thiết bị bổ sung Xác nhận về tình hình đào tạo thực hành | 1) JET trình bày về tình hình mua sắm phụ kiện máy GC và AAS. 2) JET báo cáo hoạt động đào tạo thực hành về phân tích florua bằng phương pháp điện hóa và đã thu được kết quả tốt. 3) Quy trình phân tích chuẩn đối với thông số phenol do CEMAB xây dựng được JET đánh giá là phù hợp. | 1) JET sẽ tiếp tục đơn đốc việc phê duyệt form A4 từ phía VN. 2) CEMAB sẽ chuẩn bị xây dựng quy trình phân tích chuẩn đối với florua. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (30/01/2013, CEMAB) | Lắp đặt các phụ kiện của máy AAS và GC | 1) CEMAB, ông Tiệp –cán bộ văn phòng JICA tại Việt Nam, nhà cung cấp (SISC) và JET đã kiểm tra việc giao nhận các phụ kiện máy AAS và GC. 2) JET báo cáo tiến độ thanh tra thiết bị sau một vài ngày làm việc với SISC. CEMAB và JET xác nhận rằng thiết bị mới chỉ được lắp đặt và cần có thêm thời gian để đào tạo cơ bản cho cán bộ đối tác về sử dụng thiết bị và điều chỉnh điều kiện hoạt động của thiết bị. 3) Đã thảo luận về nội dung đào tạo trong năm 2013. | 1) Nhà cung cấp sẽ tiếp tục điều chỉnh thiết bị và tổ chức đào tạo cơ bản. 2) JET sẽ theo dõi tình hình kiểm tra thực trạng thiết bị và báo cáo văn phòng JICA VN về kết quả thanh tra sau khi nhà cung cấp kết thúc công việc của mình. 3) JET sẽ tiếp tục đào tạo bổ sung cho cán bộ CEMAB |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (26/03/2013, CEMAB) | Đánh giá các hoạt động đào tạo về phân tích của dự án | 1) Mỗi cán bộ đối tác sẽ trình bày về kết quả đào tạo. 2) Cán bộ tư vấn trong nước góp ý về hoạt động đào tạo qua công việc và đề xuất các hoạt động QA/QC (đảm bảo/kiểm soát chất lượng) trong phòng thí nghiệm. 3) JET đã đưa ra góp ý tổng quan rằng bây giờ họ có thể hiểu được cách thức sửa đổi quy trình phân tích chuẩn trong đó có các mục QA/QC. 2) JET và đối tác đã xác nhận rằng đối tác VN đã đạt được mục tiêu mong đợi của dự án. | Cán bộ đối tác sẽ áp dụng phương pháp phân tích có kiểm soát chất lượng trong công việc hàng ngày của mình. |

Nguồn: JET

Bảng 4.4-3 Kết quả họp thảo luận của nhóm công tác WG 2-3

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|---|--|
| HNI | Họp thảo luận lần thứ nhất (08/6/2011) | Khái niệm về PSI | Sở TNMT xây dựng Kiểm kê nguồn ô nhiễm (PSI) mặc dù một số dữ liệu đã được số hóa và quản lý trong biểu mẫu excel. | JET sẽ điều tra nghiên cứu về thực trạng PSI tại Sở TNMT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (09/8/2011) | Thực trạng CSDL PSI | UBND t/p đã phê duyệt ngân sách xây dựng CSDL môi trường mới tại Sở TNMT, tuy nhiên, kế hoạch thực tế không được xây dựng. | Đề nghị Sở TNMT làm rõ kế hoạch xây dựng CSDL PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (26-30/8/2011) | Thảo luận về dự thảo Kế hoạch công tác | JET trình bày về dự thảo Kế hoạch công tác và đề nghị sự tham gia của Chi cục BVMT, Thanh tra Sở và Phòng QLTNN. Đề nghị Sở TNMT đưa ra khái niệm về xây dựng PSI & và sử dụng CSDL. | JET sẽ chuẩn bị Kế hoạch công tác sửa đổi và đề xuất sử dụng PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (22/9/2011) | 1. Giới thiệu về sử dụng PSI 2. Sự liên kết của hệ thống CSDL | 1) Sở TNMT cho rằng CSDL môi trường tại Sở TNMT dự kiến được xây dựng theo cách thức tương tự và đề nghị JET hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng CSDL. 2) Sở TNMT sẽ thành lập nhóm phụ trách về xây dựng CSDL vào đầu năm 2012. | JET thảo luận về phương thức hỗ trợ Sở TNMT trong việc xây dựng PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (17/11/2011) | Phương thức hỗ trợ xây dựng CSDL | 1) Sở TNMT hứa sẽ gửi tài liệu về kế hoạch xây dựng CSDL. 2) Sở TNMT quyết định không đề nghị JET hỗ trợ về thu thập số liệu. | Sở TNMT sẽ cung cấp báo cáo khả thi và thông tin cho JET. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (14/2/2012) | 1. Xây dựng CSDL 2. Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án | 1) Sở TNMT đã không cung cấp thông tin về xây dựng CSDL. 2) Sở TNMT đề xuất họp với JET để thảo luận về sửa đổi Ma trận thiết kế dự án. | Đối tác VN thảo luận và thống nhất trong nội bộ Sở TNMT |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---------------------------------------|--|---|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (7/3/12) | 1. Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án 2. Hoạt động năm thứ 2 | 1) Các đơn vị trực thuộc khác thuộc Sở TNMT được nghe Sơ trình bày về sửa đổi Ma trận thiết kế dự án. 2) Sở TNMT đã gửi JET một số tài liệu về CSDL. | 1) JET đánh giá các tài liệu do Sở TNMT Hà Nội cung cấp. 2) JET theo dõi tiến độ các hoạt động của Sở TNMT Hà Nội. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (29/5/2012) | 1. Hội thảo về sử dụng PSI 2. Hoạt động trong năm thứ 2 | 1) Sở TNMT sẽ chuẩn bị tài liệu trình chiếu tại hội thảo. 2) Sở TNMT đề xuất xây dựng PSI tại lưu vực sông Cầu Bậy thuộc quận Long Biên trong nội dung hoạt động của năm thứ 2. | Sở TNMT sẽ lập kế hoạch thực hiện hoạt động cho năm thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (25/9/2012) | 1. Xây dựng báo cáo 2. Tính bền vững của hoạt động PSI | 1) Sở TNMT đồng ý với đề xuất xây dựng báo cáo. 2) Sở TNMT đã nắm được mục tiêu, đối tượng, và cập nhật thông tin và những nhân tố chính duy trì tính bền vững của PSI. | 1) JET sẽ xây dựng Bảng mục lục được sửa đổi. 2) Sở TNMT và JET sẽ tiếp tục thảo luận về tính bền vững của các hoạt động PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (25/10/12) | 1. Các hoạt động thanh tra 2. Báo cáo xây dựng PSI | 1) JET đề nghị Chi cục BVMT Hà Nội suy nghĩ để đưa ra và chia sẻ các ý kiến của đơn vị về cách thức sử dụng PSI tại Sở TNMT. 2) Sở TNMT đồng ý xây dựng Chương 3,4 (sử dụng PSI và tính bền vững). | 1) JET chuẩn bị ý tưởng về mục tiêu sử dụng PSI. 2) Sở TNMT chỉnh sửa biểu mẫu PSI (nếu cần thiết) |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (5/11/12) | 1. Xây dựng PSI. 2. Xây dựng Bản đồ nguồn ô nhiễm | 1) Sở TNMT kiểm tra biểu mẫu chỉnh sửa PSI. 2) JET đã lắp đặt máy tính để bàn với phần mềm ArcGIS 10.0, và hướng dẫn xây dựng Bản đồ nguồn ô nhiễm. | Sở TNMT cung cấp báo cáo quan trắc cho chuyên gia tư vấn trong nước/JET. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (7/12/12) | 1. Báo cáo về các hoạt động năm thứ 2 2. Xây dựng Bản đồ nguồn ô nhiễm | 1) Sở TNMT đề nghị thuê chuyên gia tư vấn trong nước về bản đồ nguồn ô nhiễm. 2) Sở TNMT bày tỏ mong muốn áp dụng PSI trong các hoạt động của năm tới qua đó Sở TNMT Hà Nội có thể xác nhận được thực trạng. | 1) Sở TNMT xây dựng Bản đồ nguồn ô nhiễm. 2) Sở TNMT bổ sung ý kiến cho Chương 4. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (5/3/13) | 1. Sổ tay hướng dẫn về PSI 2. Trình chiếu tại hội thảo đánh giá cuối kỳ | 1) JET giới thiệu về Sổ tay hướng dẫn 2) JET thông báo về nội dung trình chiếu tại hội thảo. JET đã giới thiệu về biểu mẫu bài trình chiếu. | Sở TNMT chuẩn bị bài trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (22/3/13) | 1. Tóm tắt các hoạt động | 1) JET đã trình bày tóm tắt về các hoạt động PSI tại Sở TNMT Hà Nội. 2) Sở TNMT Hà Nội chia sẻ báo cáo giữa các phòng ban liên quan. 3) Sở TNMT Hà Nội xem xét việc kết hợp các hoạt động PSI sau khi dự án kết thúc với các hoạt động khác của Sở TNMT Sở TNMT. | - |
| HPG | Họp thảo luận lần thứ nhất (20/05/11) | Thực trạng về PSI | 1) Sở TNMT đã nhập số liệu vào trong bảng excel, nhưng phần lớn các số liệu được lưu trên giấy (hard copy) và không có hệ thống. 2) Sở TNMT đang cố gắng làm theo quy trình của Thông tư 07/2007/TT-BTNMT. 3) JET đề xuất tổ chức hội thảo với sự tham dự của 5 Sở TNMT thuộc dự án và Sở TNMT Hải Phòng đã đồng ý với đề xuất này. | JET sẽ chuẩn bị tổ chức Hội thảo về quản lý số liệu vào tháng 6 hoặc tháng 7. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (17/6/2011) | Khái niệm về PSI | 1) JET giới thiệu về quy trình xây dựng PSI. 2) Sở TNMT được yêu cầu cung cấp báo cáo tự quan trắc của các doanh nghiệp. | JET sẽ xác nhận với Tổng cục môi trường về tài liệu hướng dẫn viết báo cáo tự quan trắc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (19/7/2011) | Tổ chức hội thảo và khu vực mục tiêu của PSI | 1) Sở TNMT đang viết tài liệu trình chiếu tại Hội thảo. 2) Sở TNMT đồng ý về kế hoạch công tác và lựa chọn sông Rế là khu vực mục tiêu. 3) Yêu cầu Sở TNMT thu thập số liệu về báo cáo ĐTM, CK BVMT, Đề án BVMT, và phí BVMT. | 1) JET sẽ chuẩn bị cho hội thảo trong tháng 7 2) Sở TNMT Hải Phòng sẽ bắt đầu thu thập số liệu về PSI tại sông Rế. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (28/7/2011) | Dự thảo Điều khoản tham chiếu về thu thập số liệu | 1) Sở TNMT đồng ý về dự thảo Điều khoản tham chiếu và đưa ra một số góp ý để làm rõ thêm nội dung của Điều khoản. | JET sẽ chuẩn bị thuê thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (04/8/2011) | Thực trạng PSI tại sông Rế | Sở TNMT đề xuất bổ sung các thông số sau: COD, Pb, Hg, As, Cd, TSS (các thông số này được nêu trong Nghị định 67 để tính toán phí xả nước thải). | JET sẽ đề xuất sử dụng PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (31/8/2011) | Dự thảo Kế hoạch công tác được sửa đổi | Về cơ bản, Sở TNMT đồng ý với dự thảo Kế hoạch công tác và chia sẻ kế hoạch này trong nội bộ Sở TNMT. | Sở TNMT sẽ tiếp tục thu thập số liệu cho PSI tại sông Rế. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (25/10/2011) | Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | Sở TNMT đã trả lời phiếu khảo sát. | JET hoàn thiện Điều khoản tham chiếu |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (10/11/2011) | Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu | Sở TNMT cung cấp danh sách các doanh nghiệp tại lưu vực sông Rế dựa trên kết quả khảo sát sơ bộ tại hiện trường, và tài liệu về các doanh nghiệp được chọn để thực hiện các hoạt động của đơn | 1) JET rà soát danh sách. 2) JET bắt đầu giải thích về dự thảo Điều khoản tham chiếu với |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|---|---|
| | | phụ | vị thầu phụ. | các công ty thuộc đối tượng khảo sát. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (5/12/2011) | Khảo sát PSI và phương pháp phân tích mẫu | Sở TNMT ban hành công văn giới thiệu để hỗ trợ cho đợt khảo sát của đơn vị thầu phụ và xác nhận về kế hoạch và quy trình thực hiện hoạt động của đơn vị thầu phụ. | JET rà soát danh sách cơ sở cần lấy mẫu nước thải |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (15/2/2012) | 1. Kết quả hoạt động của đơn vị thầu phụ 2. Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án | 1) Sở TNMT đề nghị dự thảo Kế hoạch công tác năm 2012, mô tả các doanh nghiệp, các vấn đề môi trường và khu vực mục tiêu. | JET lập Kế hoạch công tác sửa đổi bao gồm các hoạt động được đề xuất cho năm thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (29/2/12) | 1. Chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án. 2. Các hoạt động cụ thể cho năm thứ 2. | 1) Sở TNMT đồng ý với đề xuất chỉnh sửa Ma trận thiết kế dự án. 2) Sở TNMT sẽ trình bày về tiến độ thực hiện trong năm thứ nhất, áp dụng PSI trong công việc hàng ngày và tiếp tục cải tiến PSI. | JET hoàn thiện Kế hoạch công tác sau khi nhận được các góp ý của Sở TNMT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (31/5/2012) | 1. Tổ chức hội thảo 2. Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT đồng ý về chương trình hội thảo nhằm chia sẻ thông tin và kinh nghiệm và chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo. 2) Sở TNMT thảo luận thông tin cơ bản về sông Đa Độ - được chọn là khu vực mục tiêu cho năm 2012, và đồng ý về việc thực hiện khảo sát PSI của đơn vị thầu phụ. | 1) JET chuẩn bị tài liệu cho đợt đào tạo về chia sẻ thông tin trong tháng 6. 2) Sở TNMT điền các thông tin cơ bản trong Điều khoản tham chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (26/6/2012) | 1. Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ 2. Hội thảo trong tháng 7 | Sở TNMT đồng ý về Điều khoản tham chiếu được hoàn thiện và trình bày về tình hình chuẩn bị tài liệu trình chiếu tại hội thảo. | JET bắt đầu tiến hành đấu thầu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (9/7/2012) | Dự thảo hợp đồng và Kế hoạch công tác | Sở TNMT đồng ý với Kế hoạch công tác của đơn vị thầu phụ và đồng ý viết báo cáo môi trường năm. | Sở TNMT và JET bắt đầu quản lý hoạt động của đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (14/8/2012) | 1. Chỉnh sửa hợp đồng 2. Đào tạo GIS | Sở TNMT đề nghị JET cần tổ chức hai loại khóa đào tạo: đào tạo cơ bản cho cán bộ mới và đào tạo chuyên sâu cho cán bộ có chuyên môn cao. | JET sẽ xem xét chương trình đào tạo theo đề nghị của Sở TNMT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (24/9/2012) | 1. Xây dựng báo cáo 2. Tính bền vững của hoạt động PSI | 1) Sở TNMT đồng ý với đề xuất viết báo cáo cho lưu vực sông Rế. 2) Sở TNMT sẽ báo cáo với UBND tỉnh/thành để tìm ra giải pháp duy trì tính bền vững của PSI. | 1) Sở TNMT tiếp tục quản lý công việc của đơn vị thầu phụ. 2) JET chuẩn bị nội dung được sửa đổi để xây dựng báo cáo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 17 (13/11/12) | 1. Khảo sát nguồn ô nhiễm 2. Xây dựng báo cáo tóm tắt các hoạt động ứng dụng PSI của Sở | 1) Sở TNMT góp ý về báo cáo của đơn vị thầu phụ. 2) Sở TNMT đã nhận được báo cáo. | Sở TNMT sẽ gửi dự thảo báo cáo trước 30 tháng 11. |
| | Họp thảo luận lần thứ 18 (30/11/12) | 1. Xây dựng báo cáo tóm tắt các hoạt động ứng dụng PSI của Sở 2. Tính bền vững của hoạt động kiểm kê | 1) Sở TNMT xây dựng dự thảo báo cáo ứng dụng PSI tại sông Rế 2) JET đề xuất Chương 4 không chỉ phản ánh kế hoạch ngắn hạn mà cần nêu ra tầm nhìn/định hướng xây dựng PSI trong tương lai theo quan điểm của từng Sở TNMT | Sở TNMT góp ý về các Chương 1&2&3 và bổ sung ý kiến về Chương 4 của báo cáo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 19 (5/3/13) | 1. Sổ tay hướng dẫn quy trình xây dựng PSI: 2. Trình chiếu tại hội thảo đánh giá cuối kỳ | 1) JET hướng dẫn cách sử dụng Sổ tay ứng dụng PSI. 2) JET thông báo về nội dung trình chiếu tại hội thảo đánh giá cuối kỳ. | Sở TNMT Sở TNMT chuẩn bị bài trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 20 (28/3/13) | 1. Tóm tắt các hoạt động | 1) JET trình bày tóm tắt các hoạt động PSI tại Sở TNMT 2) Sở TNMT trình bày về tình hình thực hiện các hoạt động, nộp báo cáo cho UBND t/p và duy trì việc xây dựng PSI. 3) Sở TNMT đề nghị JET hỗ trợ Sở TNMT trong việc giới thiệu PSI cho Sở TNMT khác. | - |
| TT-HUE | Họp thảo luận lần thứ nhất (05/5/2011) | Tìm hiểu về thực tế | JET đề nghị cung cấp số liệu cơ bản để xây dựng PSI như tổ chức, vấn đề ô nhiễm và nguồn ô nhiễm. | JET sẽ nghiên cứu về thực trạng |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (27/6/2011) | Khái niệm PSI | JET giới thiệu về quy trình xây dựng PSI. | JET sẽ thu thập số liệu và thông tin. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (18/7/2011) | Trình bày về hội thảo và khu vực mục tiêu của PSI | 1) JET trình bày danh sách mẫu về các doanh nghiệp được đưa vào PSI và dự thảo chương trình hội thảo. 2) Sở TNMT đồng ý về danh sách này và dự thảo chương trình hội thảo. | JET sẽ chuẩn bị hội thảo trong tháng 7. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--------------------------------------|---|---|---|
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (12/8/2011) | Dự thảo Kế hoạch công tác | Sở TNMT về cơ bản đồng ý với dự thảo Kế hoạch công tác và xem xét bổ sung thêm cán bộ thực hiện xây dựng PSI. | Sở TNMT tiếp tục thu thập số liệu cho PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (24/10/2011) | Quy trình nhập số liệu cho PSI | 1) Trao đổi ý kiến về thực trạng số liệu 2) Cán bộ đối tác đồng ý về khảo sát bổ sung. 3) Sở TNMT thu thập số liệu và thông tin hiện hành. | JET cập nhật về quy trình xây dựng PSI |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (16/2/2012) | 1. Quản lý tài liệu 2. Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án | 1) Sở TNMT và JET xác nhận về thực trạng số liệu và thông tin sẵn có tại Chi cục BVMT. 2) Sở TNMT đồng ý thảo luận cụ thể về Ma trận thiết kế dự án và các hoạt động cho năm thứ 2 trong buổi họp tới. | 1) Đối tác tiếp tục thu thập và số hóa các số liệu sẵn có. 2) JET xây dựng Kế hoạch công tác được sửa đổi. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (23/2/2012) | Đề xuất danh sách về số liệu và thông tin ưu tiên thu thập | 1) Danh sách số liệu và thông tin ưu tiên thu thập được xây dựng dựa theo mục tiêu được sửa đổi về xây dựng PSI và được đề xuất tới Sở TNMT. 2) Sở TNMT và JET thảo luận về cách thức sửa đổi mẫu thu thập để có thể thu được thông tin sử dụng cho PSI. | JET sửa đổi mẫu thu thập và gửi lại Chi cục BVMT, và Thanh tra Sở. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (8/3/12) | Nhập số liệu vào biểu mẫu PSI | Sở TNMT đề nghị JET và tư vấn địa phương hoàn thành nhập dữ liệu trước 23/3. | Sở TNMT giám sát và hỗ trợ công việc của đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (24/5/2012) | 1. Nhập số liệu vào mẫu PSI 2. Thảo luận về công việc của đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT gặp khó khăn trong việc điền vào mẫu PSI. 2) Do thiếu nhiều số liệu nên việc khảo sát PSI sẽ được thực hiện thông qua thầu phụ. | Sở TNMT và JET chuẩn bị Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (7/6/2012) | 1. Hội thảo trong tháng 7 2. Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT đồng ý chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo và dự kiến tổ chức đào tạo về chia sẻ thông tin trong tháng 6. 2) Sở TNMT đồng ý về dự thảo Điều khoản tham chiếu. | 1) JET chuẩn bị tài liệu cho đào tạo về chia sẻ thông tin. 2) Sở TNMT điền thông tin cơ bản vào Điều khoản tham chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (14/6/2012) | Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ được sửa đổi | Sở TNMT đã chọn ra 100 doanh nghiệp mục tiêu, 40 doanh nghiệp trong số này được lấy mẫu nước thải. | 1) Sở TNMT chuẩn bị tài liệu trình chiếu. 2) JET hoàn thiện Điều khoản tham chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (11/7/2012) | 1. Kế hoạch công tác cho đơn vị thầu phụ 2. Hoạt động trong tháng 7 | 1) Sở TNMT đề nghị đơn vị thầu phụ nộp Kế hoạch công tác được sửa đổi, và báo cáo trước với Sở TNMT về dự thảo kế hoạch. 2) Sở TNMT cung cấp JET một số tài liệu cần thiết cho hoạt động sắp tới. | Sở TNMT bắt đầu quản lý công việc của đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (10/8/2012) | 1. Chỉnh sửa Kế hoạch công tác 2. Đào tạo GIS 3. Khảo sát hiện trường | 1) Sở TNMT đồng ý về Kế hoạch công tác được sửa đổi và chương trình đào tạo GIS. 2) Khảo sát thực địa lần thứ nhất được thực hiện dưới sự giám sát của Sở TNMT và JET. | Sở TNMT và JET tiếp tục quản lý công việc của đơn vị thầu phụ theo hợp đồng đã ký. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (13/9/2012) | 1. Xây dựng báo cáo 2. Tính bền vững của hoạt động PSI | 1) JET đề xuất Bảng mục lục của Báo cáo PSI, tuy nhiên, Sở TNMT đã đề xuất viết báo cáo tóm tắt về PSI và gửi lãnh đạo UBND tỉnh. 2) Sở TNMT tiếp tục thảo luận với JET về tính bền vững của PSI. | 1) Sở TNMT quản lý công việc của hợp đồng phụ. 2) JET gửi Bảng mục lục được cập nhật tới Sở TNMT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (14/11/12) | 1. Khảo sát các nguồn ô nhiễm/đoanh nghiệp mục tiêu 2. Chuẩn bị báo cáo các hoạt động ứng dụng PSI | 1) JET đề nghị đơn vị thầu phụ trình bày về tiến độ xây dựng báo cáo. 2) Chi cục BVMT đồng ý về báo cáo này | Chi cục BVMT sẽ gửi dự thảo báo cáo do Sở TNMT xây dựng |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (28/11/12) | 1. Khảo sát nguồn ô nhiễm 2. Báo cáo ứng dụng PSI 3. Tính bền vững của hoạt động kiểm kê | 1) JET trình bày tiến độ xây dựng báo cáo các hoạt động ứng dụng PSI, và đề nghị Sở TNMT TT-Huế nghiên cứu tài liệu. 2) Chi cục BVMT có ý định báo cáo và thu nhận ý kiến từ các phòng ban liên quan và sớm gửi phản hồi tới JET. | Sở TNMT góp ý về Chương 1&2&3 và bổ sung ý kiến cho Chương 4 của báo cáo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 17 (6/3/13) | 1. Sổ tay hướng dẫn quy trình xây dựng PSI 2. Nội dung trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ | 1) JET giới thiệu về Sổ tay 2) JET thông báo nội dung cần trình chiếu tại hội thảo đánh giá cuối kỳ. | 1) JET giới thiệu các điểm cần lưu ý để có thể duy trì và sử dụng PSI bền vững. 2) Sở TNMT chuẩn bị bài trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 18 | 1. Tóm tắt các hoạt động | 1) JET trình bày tóm tắt về các hoạt động PSI. 2) Sở TNMT và JET thảo luận về các hoạt động cần thực hiện sau | |

| Sở TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|---|--|
| | (29/3/13) | | khí dự án kết thúc. Theo góp ý của Sở, cần thiết phải xây dựng cơ sở pháp lý cho việc xây dựng PSI. | |
| HCMC | Họp thảo luận lần thứ nhất (27/4/2011) | Thực trạng về PSI | 1) JET đề xuất kế hoạch đào tạo về ước tính tải lượng ô nhiễm và phân tích tác động thông qua sử dụng PSI; kế hoạch này được xây dựng dựa trên Kế hoạch hoạt động của Sở TNMT. 2) Sở TNMT đã chọn CNN Tân Quy là đối tượng mục tiêu. Sở TNMT đã xây dựng PSI, nhưng không đánh giá về tác động. | Sở TNMT sẽ cung cấp số liệu về thực trạng tại CNN Tân Quy. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (16/5/2011) | Thực trạng về khu vực khảo sát | Sở TNMT và JET đã triển khai khảo sát thực địa. | JET sẽ chuẩn bị dự thảo Kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (20/5/2011) | Dự thảo Kế hoạch công tác | Sở TNMT đồng ý về dự thảo Kế hoạch công tác và đề nghị JET sửa đổi một số phần. | JET sẽ soạn thảo nội dung công việc đơn vị thầu phụ cần làm |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (22/6/2011) | Khái niệm về PSI | JET giới thiệu về quy trình xây dựng PSI. | JET sẽ đánh giá về thực trạng. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (15/7/2011) | 1. Chương trình hội thảo 2. Cụm công nghiệp Tân Quy | 1) JET đề xuất chương trình hội thảo và yêu cầu Sở TNMT chuẩn bị bài trình chiếu 2) Sở TNMT và JET xác nhận về thực trạng các cơ sở công nghiệp mục tiêu. | JET sẽ lập phiếu khảo sát và chuẩn bị cho công việc của đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (16/8/2011) | Trình bày về dự thảo Kế hoạch công tác và dự thảo công việc cho đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT đồng ý với dự thảo Kế hoạch công tác. 2) Sở TNMT góp ý về các cơ sở được chọn để khảo sát, và đồng ý thực hiện khảo sát hiện trường để cố định các điểm lấy mẫu. | Sở TNMT sẽ tiến hành khảo sát hiện trường cùng với JET. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (19/8/2011) | Phiếu khảo sát | Sở TNMT góp ý về phiếu khảo sát, và theo mẫu phiếu do Chi cục BVMT xây dựng. | JET sẽ hoàn thiện nội dung công việc thầu phụ cần làm và phiếu khảo sát. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (13/9/2011) | Cập nhật phiếu khảo sát | Sở TNMT đồng ý về Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | 1) JET bắt đầu mời thầu. 2) Đối tác VN chuẩn bị các giấy phép cần thiết |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (6/10/2011) | Công việc của đơn vị thầu phụ | Sở TNMT xác nhận về kế hoạch và quy trình thực hiện các công việc của đơn vị thầu phụ. | JET chuẩn bị mẫu PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (18/10/2011) | 1. Điều khoản tham chiếu cho đợt khảo sát 2. Danh sách nhà máy cần khảo sát và công việc lấy mẫu | 1) Sở TNMT và JET thực hiện giám sát đối với đợt khảo sát và lấy mẫu nước mặt tại CNN Tân Quy. 2) Sở TNMT và JET đã xác nhận về các điểm lấy mẫu trước khi thực hiện lấy mẫu. | Sở TNMT đã gửi công văn tới các nhà máy mục tiêu đề nghị cho phép đoàn khảo sát thực hiện khảo sát. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (17/2/2012) | 1. Báo cáo tổng kết của đơn vị thầu phụ. 2. Chính sửa Ma trận thiết kế dự án | 1) Sở TNMT đồng ý về kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm, và yêu cầu JET thực hiện ước tính các trường hợp tác động lớn nhất và nhỏ nhất. 2) Sở TNMT đề nghị tổ chức đào tạo về ước tính tải lượng ô nhiễm. 3) Giám đốc Sở TNMT sẽ xác định khu vực mục tiêu và các ngành/cơ sở công nghiệp cần khảo sát cho năm thứ 2. | 1) JET tính toán các trường hợp tác động lớn nhất và nhỏ nhất của tải lượng ô nhiễm. 2) C/P lựa chọn khu vực mục tiêu để thực hiện hoạt động trong năm thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (22/5/2012) | Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT đồng ý về đợt khảo sát do đơn vị thầu phụ sẽ thực hiện, gồm Điều khoản tham chiếu và chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo. | Sở TNMT điền thông tin cơ bản vào Điều khoản tham chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (14/6/2012) | Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | Sở TNMT thông qua bản Điều khoản tham chiếu. | JET bắt đầu mở thầu dựa trên Điều khoản tham chiếu |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (9/7/2012) | Dự thảo hợp đồng và Kế hoạch công tác | 1) Sở TNMT đồng ý về Kế hoạch công tác và quyết định về kế hoạch lấy mẫu lần thứ nhất. 2) Sở TNMT yêu cầu về số liệu thống kê để ước tính lượng nước thải. | Sở TNMT và JET quản lý công việc của đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (23/8/2012) | Báo cáo tiến độ công việc của đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT xác nhận tiến độ khảo sát của đơn vị thầu phụ. 2) Sở TNMT muốn sử dụng phần mềm MIKE 11 để mô phỏng tải lượng ô nhiễm. 3) Sở TNMT cung cấp bản đồ nền của khu vực mục tiêu. | 1) JET thảo luận về khảo sát bổ sung đối với phần mềm MIKE 11. |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (18/9/2012) | 1. Báo cáo PSI và hoạt động trong năm thứ 2 2. Tính bền vững của hoạt động PSI | 1) Sở TNMT sẽ lập và nộp báo cáo cho UBND t/p. 2) Sở TNMT đã bổ sung các vấn đề chia sẻ dữ liệu vào nội dung của báo cáo do JET đề xuất. 3) Sở TNMT tiếp tục thu thập số liệu từ các hoạt động quan trắc, thanh tra. | JET chuẩn bị nội dung báo cáo được chỉnh sửa. |
| | Họp thảo luận | Tiến độ thực hiện | Sở TNMT có một số góp ý về kết quả thực hiện của đơn vị thầu | JET xây dựng các phương pháp |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|---|---|
| | lần thứ 17 (31/10/12) | của đơn vị thầu phụ | phụ. | ước tính tải lượng ô nhiễm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 18 (23/11/12) | 1. Công việc của đơn vị thầu phụ 2. Báo cáo hoạt động ứng dụng PSI 3. Tính bền vững của hoạt động kiểm kê | 1) JET phân tích tải lượng ô nhiễm tại khu vực thí điểm và chuyển tài liệu cho Sở TNMT. 2) Sở TNMT sẽ xây dựng các biện pháp ban đầu để có thể sử dụng bền vững PSI. | Sở TNMT sẽ xây dựng các biện pháp ban đầu để có thể sử dụng bền vững PSI sau khi dự án kết thúc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 19 (26/2/13) | 1. Số tay hướng dẫn quy trình xây dựng PSI 2. Nội dung trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ | 1) JET giới thiệu về Sổ tay 2) JET thông báo nội dung cần trình chiếu tại hội thảo đánh giá cuối kỳ. | 1) JET giới thiệu các điểm cần lưu ý để có thể duy trì và sử dụng PSI bền vững. 2) Sở TNMT chuẩn bị bài trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 20 (2/4/13) | 1. Tóm tắt các hoạt động | 1) JET trình bày tóm tắt về các hoạt động PSI. 2) Sở TNMT và JET thảo luận về các hoạt động cần thực hiện sau khi dự án kết thúc. | - |
| BRVT | Họp thảo luận lần thứ nhất (28/4/2011) | Thực trạng về PSI | Sở TNMT xác nhận về việc tiến hành khảo sát khoảng 100 cơ sở dựa trên Kế hoạch hoạt động dự kiến. | Sở TNMT sẽ cung cấp danh sách 100 cơ sở. |
| | Họp thảo luận lần thứ hai (17/5/2011) | Khảo sát hiện trường | JET đã tiến hành khảo sát hiện trường và xác nhận về thực trạng. | JET sẽ chuẩn bị dự thảo Kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ ba (24/5/2011) | Dự thảo Kế hoạch công tác | Sở TNMT đã đồng ý về dự thảo Kế hoạch công tác và đề nghị JET bố trí/sắp xếp công việc của đơn vị thầu phụ. | Sở TNMT sẽ thu thập số liệu hiện có cho việc xây dựng PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ bốn (22/6/2011) | Khái niệm PSI | Sở TNMT đã đồng ý với quy trình xây dựng PSI được đề xuất. | JET sẽ đánh giá hiện trạng tại Sở TNMT BRVT |
| | Họp thảo luận lần thứ năm (15/7/2011) | Chương trình hội thảo và điều kiện/thực trạng PSI | Sở TNMT đồng ý về chương trình hội thảo và chuẩn bị bài trình chiếu và xác nhận về điều kiện/thực trạng các cơ sở công nghiệp mục tiêu. | Sở TNMT sẽ thu thập số liệu cho PSI. |
| | Họp thảo luận lần thứ sáu (15/8/2011) | Dự thảo Kế hoạch công tác | Sở TNMT đồng ý về dự thảo Kế hoạch công tác và đề nghị thuê chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện khảo sát về tình hình quản lý dữ liệu. | JET sẽ xây dựng Điều khoản tham chiếu cho chuyên gia tư vấn. |
| | Họp thảo luận lần thứ bảy (18/8/2011) | Điều khoản tham chiếu về thu thập số liệu | BRVT Sở TNMT đồng ý về Điều khoản tham chiếu được đề xuất. | JET sẽ hoàn thiện Điều khoản tham chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ tám (14/9/2011) | Kế hoạch công tác để xây dựng PSI | Sở TNMT đồng ý về tiêu chí lấy mẫu nước thải trong khuôn khổ hoạt động xây dựng PSI. | JET chuẩn bị dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ chín (4/10/2011) | Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ | Sở TNMT đồng ý về dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ (khảo sát đối với 100 cơ sở, thực hiện lấy mẫu nước thải tại 40 cơ sở trong số đó). | Sở TNMT chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ mười (19/10/2011) | Điều khoản tham chiếu và công việc của đơn vị thầu phụ | Sở TNMT được nghe tóm tắt về kế hoạch thực hiện hoạt động của đơn vị thầu phụ. | JET bắt đầu mở thầu để chọn ra đơn vị thầu phụ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (4/11/2011) | Kế hoạch công tác cho đơn vị thầu phụ | Sở TNMT xác nhận về kế hoạch và quy trình triển khai công việc của đơn vị thầu phụ. | JET rà soát danh sách các cơ sở cần lấy mẫu nước thải. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (8/11/2011) | Kế hoạch công tác cho đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT đã hoàn thiện danh sách 44 cơ sở cần lấy mẫu và thu thập số liệu. 2) Sở TNMT phân loại 100 cơ sở mục tiêu dựa trên mã số “phân loại ngành công nghiệp tiêu chuẩn Việt Nam 2007” (Quyết định 10/2007/QĐ-TTg), và xác nhận địa chỉ cụ thể. | Sở TNMT xác nhận và giám sát quy trình triển khai công việc của đơn vị tư vấn. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (8/2/2012) | Tiến độ thực hiện của đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT cho rằng khảo sát trong năm thứ 2 sẽ tập trung vào các cơ sở nằm trong khu công nghiệp. 2) Đơn vị thầu phụ cần báo cáo về tiến độ thực hiện cho Sở TNMT và JET. | Sở TNMT tiếp tục thảo luận với JET và xác định các doanh nghiệp cần khảo sát trong năm thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (15/2/2012) | 1. Kết quả thực hiện công việc của đơn vị thầu phụ 2. Chính sửa Ma trận thiết kế dự án | 1) Do hạn chế về thời gian của hợp đồng nên Sở TNMT không có nhiều thời gian để làm việc với đơn vị tư vấn về xây dựng PSI. 2) Trong năm thứ 2, Sở TNMT cần có thêm cơ hội làm việc với đơn vị thầu phụ. 3) Đã thực hiện khảo sát hiện trường đối với 100 doanh nghiệp. | 1) Đối tác VN sẽ quyết định về các doanh nghiệp cần khảo sát trong năm thứ 2. 2) Đơn vị thầu phụ sẽ nộp báo cáo tổng kết trong tháng 2/2012. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--------------------------------------|---|--|---|
| | | 3. Hoạt động trong năm thứ 2 | Sở TNMT hy vọng thực hiện khảo sát đối với 200 doanh nghiệp. | |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (8/3/12) | Tiến độ thực hiện của đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT sẽ có hai tuần để vận hành thử nghiệm trước khi chuyển giao phần mềm. 2) Trước khi tiến hành đấu thầu, trong năm thứ 2 của dự án, Sở TNMT đề nghị đơn vị thầu phụ hứa hẹn thực hiện các quyền, nghĩa vụ/nhiệm vụ được đưa ra. | Sở TNMT và JET tiếp tục thảo luận để quyết định các doanh nghiệp mục tiêu cho hoạt động của năm thứ hai. |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (23/5/2012) | 1. Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ 2. Hội thảo trong tháng 7 | 1) Sở TNMT đồng ý về đợt khảo sát PSI do đơn vị thầu phụ tiến hành và dự thảo Điều khoản tham chiếu. 2) Sở TNMT đồng ý sẽ chuẩn bị bài trình chiếu tại Hội thảo. | Sở TNMT chuẩn bị các tài liệu trình chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 17 (8/6/2012) | Điều khoản tham chiếu cho đơn vị thầu phụ được sửa đổi | Sở TNMT đã lập danh sách các doanh nghiệp mục tiêu và đề nghị JET bổ sung danh sách này vào Điều khoản tham chiếu được sửa đổi. | Sở TNMT điền thông tin cơ bản vào Điều khoản tham chiếu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 18 (13/7/2012) | 1. Dự thảo hợp đồng và Kế hoạch công tác cho đơn vị thầu phụ. 2. Hoạt động tiếp theo Hội thảo được tổ chức trong tháng 7 | 1) Sở TNMT đề xuất thực hiện khảo sát sơ bộ trong tuần tới. 2) Báo cáo tổng kết của đơn vị thầu phụ trước đã được gửi tới Sở TNMT. Báo cáo này đã được phân bổ trong nội bộ Sở TNMT. 3) Năm thứ 2 Sở TNMT thực hiện khảo sát 100 doanh nghiệp mục tiêu với quy trình xây dựng PSI tương tự như năm thứ nhất. | 1) Sở TNMT cung cấp tài liệu cần thiết cho hoạt động sắp tới. 2) Sở TNMT và JET bắt đầu quản lý công việc của đơn vị thầu phụ |
| | Họp thảo luận lần thứ 19 (22/8/2012) | 1. Hoạt động trong năm 2012. 2. Tiến độ thực hiện của đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT phân ánh kết quả PSI vào kế hoạch thanh tra năm 2013. 2) Sở TNMT cố gắng chia sẻ kết quả trong nội bộ Sở TNMT. 3) Trước khi kết thúc công việc của đơn vị thầu phụ, JET đã tổ chức đào tạo về bản đồ nguồn ô nhiễm. | Sở TNMT gửi các nội dung chi tiết về đợt đào tạo về Bản đồ nguồn ô nhiễm (PSM). |
| | Họp thảo luận lần thứ 20 (14/9/2012) | Chia sẻ thông tin về hoạt động được thực hiện trong năm thứ nhất | 1) Chia sẻ tiến độ thực hiện các hoạt động trong năm thứ nhất, số tay hướng dẫn quy trình xây dựng PSI, và hướng thực hiện các hoạt động trong năm 2012. 2) Sở TNMT đề xuất sử dụng PSI cập nhật để theo dõi xu hướng thay đổi theo thời gian. | Sở TNMT và JET tiếp tục quản lý công việc của đơn vị thầu phụ. |
| | Đào tạo lần thứ nhất (2/11/12) | 1. Đào tạo GIS 2. Dự thảo báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị thầu phụ | 1) Sở TNMT đã nghiên cứu về chính sách cơ bản, cách thức sử dụng phần mềm Arc GIS 2) Sở TNMT and JET thảo luận với đơn vị thầu phụ về PSI, và chỉnh sửa biểu mẫu nếu cần thiết. | JET hướng dẫn đơn vị thầu phụ hoàn thành công việc của mình. |
| | Họp thảo luận lần thứ 21 (29/11/12) | 1. Tiến độ thực hiện của đơn vị thầu phụ 2. Xây dựng báo cáo 3. Tính bền vững của hoạt động kiểm kê | 1) Sở TNMT đã tách mẫu PSI thành các bảng tính có các thông tin cụ thể để có thể quản lý dễ dàng và thuận tiện hơn. 2) Sở TNMT chuẩn bị vấn đề và các biện pháp xây dựng PSI để dựa vào nội dung báo cáo. 3) JET giới thiệu về tính bền vững của việc xây dựng PSI. | Sở TNMT góp ý về báo cáo |
| | Họp thảo luận lần thứ 22 (27/2/13) | 1. Số tay hướng dẫn quy trình xây dựng PSI 2. Nội dung trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ | 1) JET giới thiệu về Sổ tay 2) JET thông báo nội dung cần trình chiếu tại hội thảo đánh giá cuối kỳ. | 1) JET giới thiệu các điểm cần lưu ý để có thể duy trì và sử dụng PSI bền vững. 2) Sở TNMT chuẩn bị bài trình chiếu cho hội thảo đánh giá cuối kỳ. |
| | Họp thảo luận lần thứ 23 (3/4/13) | 1. Tóm tắt các hoạt động | 1) JET trình bày tóm tắt về các hoạt động PSI. 2) Sở TNMT và JET thảo luận về các hoạt động cần thực hiện sau khi dự án kết thúc. | - |

Nguồn: JET

Bảng 4.4-4 Kết quả họp thảo luận (DM) của nhóm công tác WG 2-4

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|--|--|--|
| HNI | Họp thảo luận lần thứ nhất (8/6/ 2011, Thanh tra Sở & Chi cục BVMT) | Thực trạng thanh tra và kiểm tra môi trường, và nhu cầu phát triển năng lực | 1) Sở TNMT nêu ra một số khó khăn trong việc thu thập thông tin từ các doanh nghiệp cần thanh tra và kiểm tra môi trường do số liệu và thông tin không được quản lý đầy đủ. 2) Thanh tra Sở and Chi cục BVMT thực hiện thanh tra và kiểm tra môi trường đối với 250 cơ sở /năm. Tuy nhiên, thông tin về các cơ sở này không được lưu trữ một cách hệ thống, do đó cần xây dựng cơ sở dữ liệu về các cơ sở công nghiệp. | JET sẽ lập dự thảo Kế hoạch công tác theo kết quả thảo luận và Kế hoạch hoạt động do Sở TNMT xây dựng. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (9/8/2011, Chi cục BVMT) | 1. Thảo luận về Kế hoạch công tác cho Kết quả 2-4 2. Tổ chức nhóm công tác | 1) JET đề xuất các hoạt động, i) Cải thiện quy trình lập kế hoạch thanh tra, ii) Cải thiện báo cáo tóm tắt năm về thanh tra và kiểm tra môi trường, và iii) Hỗ trợ xây dựng quy định để giải quyết các sự cố môi trường nước. Chi cục BVMT đã đồng ý với các mục hoạt động này. 2) JET đề xuất tổ chức nhóm công tác WG riêng cho từng kết quả. 3) Sở TNMT hiện đang xây dựng quy định để khắc phục các sự cố về môi trường nước, và yêu cầu được hỗ trợ để hoàn thiện quy định này. | 1) JET sẽ chỉnh sửa dự thảo Kế hoạch công tác. 2) Sở TNMT sẽ gửi JET dự thảo quy định phòng ngừa và kiểm soát các sự cố môi trường. 3) Sở TNMT sẽ xem xét tổ chức nhóm công tác WG riêng cho từng kết quả. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (26/8/ 2011, Thanh tra Sở) | 1. Dự thảo Kế hoạch công tác 2. Đề nghị được tham gia vào công tác thanh tra và kiểm tra môi trường | 1) Thanh tra Sở đã đồng ý với Kế hoạch công tác được đề xuất. Thanh tra Sở đề nghị bổ sung bài giảng về cách thức kiểm tra công tác xử lý nước thải tại một số ngành công nghiệp ưu tiên. 2) JET đề nghị được tham gia vào hoạt động thanh tra. Thanh tra Sở sẽ xin ý kiến của các lãnh đạo Sở TNMT. | JET đã hoàn thiện Kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (2/11/2011, nhóm công tác WG) | 1. Đánh giá quy trình lập kế hoạch thanh tra 2. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính | 1) Các cơ sở cần thanh tra được lựa chọn dựa trên danh sách thu được từ các phòng ban của Sở TNMT và Phòng TNMT quận huyện. Thanh tra Sở cần nộp bản danh sách hoàn thiện cho Sở TNMT trong tháng 11. 2) Thanh tra Sở không có tiêu chí rõ ràng để chọn ra các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm. 3) Thanh tra Sở đồng ý với đề xuất tập trung khảo sát các nguồn ô nhiễm thường xuyên vi phạm pháp luật và không theo hướng dẫn hành chính. | 1) Thanh tra Sở sẽ lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm. 2) JET sẽ xây dựng chương trình hội thảo nội bộ lần thứ nhất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (15/11/2011, nhóm công tác WG) | Chuẩn bị tổ chức hội thảo nội bộ lần thứ nhất | 1) Trong quá trình chọn ra các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm, Sở TNMT sẽ tập trung vào các ngành công nghiệp và lưu vực sông Nhuệ- Đáy. 2) Hội thảo nội bộ sẽ được tổ chức theo chương trình được đề xuất. 3) Nhóm công tác WG đồng ý về việc đề xuất chỉnh sửa các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án. | 1) Thanh tra Sở sẽ chọn ra các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. 2) JET sẽ chuẩn bị tổ chức hội thảo nội bộ lần thứ nhất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (16/1/2012, nhóm công tác WG) | 1. Hoạt động tiếp theo hội thảo nội bộ lần thứ nhất 2. Kế hoạch thanh tra năm 2012 | 1) Sở TNMT đang lập danh sách các cơ sở cần thanh tra trong năm 2012, tuy nhiên, danh sách này đang chờ được phê duyệt từ phía lãnh đạo UBND t/p. 2) Cần tiến hành kiểm tra đối với tổng số 700 cơ sở thuộc các lĩnh vực sử dụng đất, tài nguyên khoáng sản và tuân thủ môi trường. Trong số đó có khoảng 250 cơ sở thuộc đối tượng kiểm tra về tuân thủ môi trường. 3) Nhóm công tác WG đề nghị tổ chức đào tạo tại Nhật Bản cho các cán bộ thanh tra. | WG sẽ chọn ra các nguồn ô nhiễm để thực hiện Đào tạo qua công việc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (15/1/ 2012, nhóm công tác WG) | 1. Kế hoạch Đào tạo qua công việc về thanh tra năm 2012 2. Sự cố môi trường nước | 1) Nhóm công tác chọn ra 10 doanh nghiệp để thực hiện Đào tạo qua công việc. 2) Nhóm công tác WG mong muốn được học hỏi kinh nghiệm áp dụng các biện pháp khắc phục sự cố và hiệu quả của chúng tại Nhật Bản và tại các nước phát triển khác. 3) Nhóm công tác WG đề xuất cần soạn thảo số tay hướng dẫn chuyên môn về thanh tra. JET đề xuất chia sẻ Phiếu hướng dẫn thanh tra đang được Nhóm công tác WG của Sở TNMT Hải Phòng xây dựng, và chia sẻ các sách hướng dẫn hiện hành của IET/VAST được viết trong khuôn khổ dự án hợp tác kỹ thuật của JICA. | 1) Nhóm công tác WG sẽ lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm cần được đánh giá trong khuôn khổ Dự án. 2) JET sẽ thu thập thông tin về kinh nghiệm áp dụng các biện pháp khắc phục sự cố và hiệu quả của chúng tại Nhật Bản và tại các nước phát triển khác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (24/5/ 2012, nhóm công tác WG) | 1. Lên kế hoạch Đào tạo qua công việc 2. Sự cố môi trường nước | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về cuốn số tay và có thể đưa ra một số góp ý. 2) Thanh tra Sở sử dụng các tiêu chí lựa chọn để chọn ra 14 cơ sở thuộc đối tượng thực hiện Đào tạo qua công việc, bao gồm i) ngành mục tiêu do UBND t/p chọn ra, ii) Khối lượng nước thải, và iii) những cơ sở nằm trong danh sách cần đi दौर. 3) Nhóm công tác WG đồng ý về đợt Đào tạo qua công việc kéo dài khoảng 7 ngày trong tháng 8 và tháng 9. 4) JET giới thiệu tổng quan tình hình các sự cố môi trường nước tại Nhật Bản. | 1) Nhóm công tác WG sẽ xác nhận về quy trình chính thức để thực hiện Đào tạo qua công việc. 2) Nhóm công tác WG sẽ xác nhận về hoạt động cần thực hiện đối với các sự cố môi trường nước. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 | 1. Thảo luận về hoạt động Đào tạo | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về tổ chức Đào tạo qua công việc trong tháng 9. | 1) Nhóm công tác WG và JET sẽ chuẩn bị cho đợt Đào tạo qua |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|---|--|
| | (7/8/ 2012, nhóm công tác WG) | qua công việc 2. Đào tạo về kỹ thuật xử lý nước thải | 2) Nhóm công tác WG đề nghị tổ chức đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH trong các ngành giấy/nhà máy giấy, dệt nhuộm, thực phẩm và nước ngọt. 3) Nhóm công tác WG đồng ý sử dụng mẫu phiếu thu thập thông tin bổ sung tại hiện trường; mẫu phiếu này do JET đề xuất. | công việc. 2) JET sẽ liên hệ với Đại học Bách khoa Hà Nội. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (18/9/2012, nhóm công tác WG) | 1. Đánh giá kết quả thanh tra 2. Chương trình đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH | 1) Nhóm công tác WG đồng ý kết hợp nội dung của hai loại phiếu: phiếu cung cấp thông tin (đối với doanh nghiệp) và phiếu thu thập bổ sung về hệ thống XLNT do JET soạn thảo. 2) Nhóm công tác WG đề xuất cần sử dụng thông tin thu thập từ công tác thanh tra cho các mục đích khác như nâng cao nhận thức. 3) Nhóm công tác WG cho rằng khó có thể tìm được các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác môi trường để triển khai đào tạo tại hiện trường ở t/p Hà Nội. Nhóm công tác WG và JET sẽ tiếp tục tìm kiếm các doanh nghiệp phù hợp. | 1) Nhóm công tác WG sẽ chỉnh sửa phiếu cung cấp thông tin và sử dụng cho công tác thanh tra trong tháng 10. 2) JET sẽ tiếp tục công tác chuẩn bị cho đào tạo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (20/11/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Chuẩn bị đào tạo về kỹ thuật XLNT | 1) Nhóm công tác WG đồng ý với dự thảo tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. 2) Sở TNMT Hà Nội đồng ý lựa chọn ngành giấy là đối tượng thực hiện đào tạo về kỹ thuật XLNT. Sẽ tổ chức đào tạo trong tháng 12/ 2012 hoặc tháng 1/2013. Sở sẽ chọn một doanh nghiệp để học viên tham gia đào tạo có thể đến thăm quan. | Sở TNMT Hà Nội và JET sẽ phối hợp chuẩn bị cho đợt đào tạo về kỹ thuật SLNT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (12/12/2012, nhóm công tác WG) | 1. Chuẩn bị đào tạo về kỹ thuật XLNT và SXSH | 1) Sở TNMT Hà Nội và JET đã quyết định tổ chức đào tạo về kỹ thuật XLNT trong ngành giấy trong tháng 1/2013. 2) Sở TNMT Hà Nội đã lựa chọn doanh nghiệp cần đến thăm. | Sở TNMT Hà Nội và JET sẽ phối hợp chuẩn bị cho đợt đào tạo về kỹ thuật SLNT. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (29/1/2013, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Hoàn thiện Sổ tay | 1) Sở TNMT Hà Nội gửi góp ý về dự thảo Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) JET và Sở TNMT Hà Nội đánh giá kết quả đào tạo về kỹ thuật XLNT trong ngành giấy. Kết quả đánh giá sẽ được phản ánh trong Sổ tay. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường dựa trên kết quả thảo luận |
| HPG | Họp thảo luận lần thứ nhất (12/5/ 2011, Thanh tra Sở & Chi cục BVMT) | 1. Thực trạng thanh tra và kiểm tra môi trường, và nhu cầu phát triển năng lực 2. Tổ chức nhóm công tác WG | 1) Do thiếu biểu mẫu thống nhất về báo cáo tự quan trắc nên gặp khó khăn trong công tác rà soát/đánh giá. Cần xây dựng tài liệu hướng dẫn viết báo cáo. 2) Cán bộ đảm nhiệm công tác thanh tra và kiểm tra môi trường cần được nâng cao năng lực phát hiện các vấn đề quản lý môi trường trong các ngành công nghiệp ưu tiên như nước ngọt, chế biến thực phẩm, nhà máy giấy, dệt nhuộm và thuộc da. | JET sẽ chuẩn bị đề cương (initial framework) các hoạt động dựa trên Kế hoạch hoạt động do Sở TNMT xây dựng. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (20/5/ 2011, Thanh tra Sở & Chi cục BVMT) | 1. Thảo luận về đề cương các hoạt động 2. Tổ chức nhóm công tác WG | 1) JET đề xuất đề cương các hoạt động: i) tăng cường năng lực thanh tra trong các ngành công nghiệp ưu tiên thông qua việc xây dựng các Phiếu hướng dẫn thanh tra, và ii) Cải thiện hệ thống đánh giá/rà soát báo cáo tự quan trắc thông qua việc xây dựng biểu mẫu thống nhất và các tài liệu hướng dẫn viết báo cáo. Sở TNMT đồng ý về đề cương này. 2) Theo Sở TNMT, cần ưu tiên hơn đối với các nội dung cải thiện hệ thống đánh giá/rà soát báo cáo tự quan trắc, đặc biệt về xây dựng biểu mẫu thống nhất. Sở TNMT đề xuất tham khảo biểu mẫu của Bộ TNMT. 3) Sở TNMT đồng ý tổ chức nhóm công tác WG . | 1) JET sẽ chỉnh sửa đề cương các hoạt động dựa trên kết quả thảo luận. 2) Sở TNMT sẽ chuẩn bị các tài liệu và báo cáo mà JET yêu cầu. 3) Sở TNMT sẽ tổ chức nhóm công tác WG . |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (17/6/ 2011, Thanh tra Sở & Chi cục BVMT) | Thảo luận về Kế hoạch công tác ban đầu | 1) Sở TNMT đề nghị tập trung vào lưu vực sông Rế, nguồn cấp nước sạch cho thành phố; đây cũng là khu vực mục tiêu của Kết quả 2-3. 2) JET đề nghị lập danh sách các doanh nghiệp mục tiêu tại sông Rế. | 1) JET sẽ chỉnh sửa Kế hoạch công tác ban đầu. 2) Sở TNMT sẽ lập danh sách các doanh nghiệp mục tiêu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (4/8/ 2011, Chi cục BVMT & HACEM) | 1. Kế hoạch công tác ban đầu và tổ chức Nhóm công tác WG 2. Thảo luận về Phiếu hướng dẫn thanh tra 3. Tham gia công tác thanh tra và kiểm tra môi trường | 1) Sở TNMT xem xét/đánh giá lại các ngành công nghiệp mục tiêu tại lưu vực sông Rế. 2) Nhóm công tác WG sẽ được tổ chức trong tháng 8. 3) Theo Sở TNMT, các Phiếu hướng dẫn thanh tra được xây dựng theo một biểu mẫu chung cho tất cả các Sở và đề nghị mỗi Sở TNMT cần có một biểu mẫu riêng phù hợp với điều kiện của khu vực. 4) Sở TNMT đồng ý JET tham gia vào công tác thanh tra và kiểm tra môi trường trong tháng 11 và 12/2011. | 1) JET sẽ hoàn thiện Kế hoạch công tác. 2) Sở TNMT sẽ chuẩn bị danh sách các doanh nghiệp mục tiêu tại lưu vực sông Rế. 3) Sở TNMT sẽ chuẩn bị tài liệu do JET yêu cầu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (19/8/ 2011, | 1. Thảo luận về Kế hoạch công tác và tổ chức Nhóm | 1) Sở TNMT đề nghị cải thiện biểu mẫu do HACEM xây dựng, và tập trung vào các ngành thực phẩm/nước ngọt (đặc biệt là hải sản), giấy (thuộc da), đóng tàu, nhựa, thép và xi măng. | 1) JET sẽ chỉnh sửa Kế hoạch công tác. 2) Sở TNMT sẽ lập danh sách các |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|--|---|---|
| | Nhóm công tác WG) | công tác WG 2. Phiếu hướng dẫn thanh tra và biểu mẫu thông nhất về báo cáo tự quan trắc | 2) Sở TNMT đề xuất các thành viên của Nhóm công tác WG. 3) Sở TNMT đề nghị chuẩn bị công văn về sự tham gia của JET trong công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. 4) Nhóm công tác WG đồng ý với đề xuất hỗ trợ lập kế hoạch thanh tra năm 2012, và khảo sát về các biện pháp đánh giá năng lực (CA). | doanh nghiệp mục tiêu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (31/8/ 2011, nhóm công tác WG) | 1. Kế hoạch công tác được chỉnh sửa 2. Dự thảo Phiếu hướng dẫn thanh tra 3. Kết quả đánh giá sơ bộ về biểu mẫu viết báo cáo tự quan trắc | 1) Nhóm công tác WG nhận xét rằng biểu mẫu được xây dựng từ năm 2004, và cần được chỉnh sửa dựa trên các quy định hiện hành như Thông tư 07/2007/TT-BTNMT. 2) Nhóm công tác WG đồng ý với những góp ý về báo cáo do HACEM xây dựng: cần có các thông tin cần thiết để đánh giá về thực trạng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm của doanh nghiệp và bổ sung một số mục trong báo cáo để hỗ trợ công tác đánh giá như kết luận về các hoạt động tự quan trắc/giám sát. 3) Nhóm công tác WG đề xuất tổ chức hội thảo nội bộ về Phiếu hướng dẫn thanh tra trong tháng 11. | 1) JET tiếp tục xây dựng dự thảo phiếu hướng dẫn thanh tra. 2) JET sẽ xây dựng đề xuất về biểu mẫu viết báo cáo tự quan trắc. 3) Nhóm công tác WG sẽ lập danh sách các doanh nghiệp mục tiêu tại lưu vực sông Rế. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (25/10/2011, nhóm công tác WG) | Đánh giá quá trình lập kế hoạch thanh tra năm 2012 | 1) Thanh tra Sở và Chi cục BVMT họp định kỳ để trao đổi thông tin về các nguồn ô nhiễm. 2) Sở TNMT không có tiêu chí rõ ràng để chọn ra các nguồn ô nhiễm trọng điểm. 3) Thanh tra Sở cần nộp danh sách các doanh nghiệp cần thanh tra tới Sở TNMT trong tháng 11. | JET sẽ chuẩn bị kiến nghị về lập kế hoạch thanh tra năm 2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (3/11/2011, nhóm công tác WG) | Thảo luận về quá trình lập kế hoạch thanh tra năm 2012 | 1) Nhóm công tác WG cần kiểm tra i) hướng dẫn của UBND, ii) danh sách nguồn ô nhiễm do các phòng ban của Sở và các phòng TNMT quận huyện nộp, iii) góp ý của UBND quận/huyện về khiếu nại doanh nghiệp, và iv) biên bản vi phạm. 2) JET đề xuất về quy trình phát hiện các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm tại khu vực sông Rế. Nhóm công tác WG sẽ nghiên cứu đề xuất này. | Nhóm công tác WG sẽ chuẩn bị cho hội thảo nội bộ lần thứ nhất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (10/11/2011, nhóm công tác WG) | Chuẩn bị cho hội thảo nội bộ lần thứ nhất | 1) Hội thảo nội bộ sẽ được tổ chức theo chương trình đã đề xuất 2) Nhóm công tác WG sẽ mời Cảnh sát môi trường tham dự hội thảo. | Nhóm công tác WG chuẩn bị cho hội thảo nội bộ lần thứ nhất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (30/11/2011, nhóm công tác WG) | 1. Hoạt động tiếp theo hội thảo nội bộ lần thứ nhất 2. Kế hoạch thanh tra năm 2012 | 1) Dựa trên kết quả phiếu khảo sát, Sở TNMT cần xem xét i) các hướng dẫn về dự thảo kế hoạch thanh tra của chính quyền trung ương và địa phương, ii) Các nguồn ô nhiễm cần liệt kê theo loại ngành công nghiệp và khối lượng nước thải. 2) Nhóm công tác WG góp ý nên bổ sung sơ đồ chu trình XLNT ngành dệt nhuộm vào nội dung Phiếu hướng dẫn thanh tra. 3) Nhóm công tác WG đồng ý với đề xuất chỉnh sửa các chi số trong Ma trận thiết kế dự án. | Nhóm công tác WG sẽ lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm tại lưu vực sông Rế. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (6./1/2012, , nhóm công tác WG) | Lập kế hoạch Đào tạo qua công việc về thanh tra năm 2012 | 1) Nhóm công tác WG đã xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra năm 2012, và chính thức đưa các doanh nghiệp mục tiêu vào trong kế hoạch. 2) Kế hoạch sẽ được phê duyệt trước Tết. | Nhóm công tác WG và JET sẽ thảo luận về kế hoạch Đào tạo qua công việc năm 2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (8/2/ 2012, nhóm công tác WG) | 1. Kế hoạch Đào tạo qua công việc năm 2012 2. Lập kế hoạch tổ chức hội thảo lần thứ 2 3. Cập nhật Phiếu hướng dẫn thanh tra | 1) Nhóm công tác WG đã chọn ra 11 doanh nghiệp tại khu vực sông Rế là các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm và thuộc đối tượng để thực hiện Đào tạo qua công việc. 2) Hội thảo lần thứ 2 sẽ được tổ chức vào 17/2. JET đã đề xuất mời Sở TNMT Hà Nội và TT-Huế. 3) Theo nhóm công tác WG i) cần bổ sung sơ đồ chu trình XLNT của ngành chăn nuôi lợn và sẽ tập trung vào trang trại nuôi lợn, cần kiểm tra hệ thống XLNT ngành giấy khi sử dụng các vật liệu thô khác nhau như gỗ và tre. | 1) Nhóm công tác WG sẽ chuẩn bị bài trình chiếu tại hội thảo. 2) Nhóm công tác WG và JET sẽ chỉnh sửa phiếu hướng dẫn thanh tra. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (24/2/ 2012, nhóm công tác WG) | 1.Đào tạo qua công việc năm 2012 2.Hoạt động tiếp theo hội thảo nội bộ lần thứ 2 3. Phiếu hướng dẫn thanh tra 4. Báo cáo tự quan trắc | 1) Nhóm công tác WG đã đồng ý với đề xuất chỉnh sửa Phiếu hướng dẫn thanh tra trong tháng 3 và tháng 4. 2) Nhóm công tác WG đề nghị bắt đầu tiến hành Đào tạo qua công việc từ tháng 6, và yêu cầu công văn của Tổng cục về phối hợp thanh tra tại hiện trường giữa JET và cán bộ đối tác. 3) Nhóm công tác WG đề xuất hợp tác với Kết quả 2-3 để xác định thông tin và gửi Bộ TNMT Bảng mục lục đã được thống nhất và hoàn thiện trong khuôn khổ Kết quả 1. | 1) JET sẽ xây dựng kế hoạch Đào tạo qua công việc. 2) JET sẽ hợp tác với Kết quả 2-3 để xây dựng Bảng mục lục của báo cáo tự quan trắc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (25/5/2012, nhóm công | 1. Lên kế hoạch Đào tạo qua công việc 2. Sử dụng Phiếu | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về Sở tay tóm tắt các hoạt động của Dự án và có thể đưa ra một số nhận xét. 2) Thanh tra Sở lập danh sách 10 cơ sở để thực hiện Đào tạo qua công việc. Thiết bị do JICA mua sắm (máy đo lưu lượng và thiết bị | Thanh tra Sở sẽ xác nhận về quy trình/thủ tục chính thức để triển khai Đào tạo qua công việc. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|--|---|
| | tác WG) | hướng dẫn thanh tra | phân tích chất lượng nước) sẽ được sử dụng trong đợt Đào tạo qua công việc. 3) Nhóm công tác WG đồng ý về đợt Đào tạo qua công việc kéo dài 10 ngày trong tháng 8 và tháng 9. 4) Nhóm công tác WG tiến hành sử dụng thử nghiệm phiếu hướng dẫn thanh tra để có thể chỉnh sửa cho phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn. | |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (8/8/2012, nhóm công tác WG) | 1. Thảo luận về Đào tạo qua công việc 2. Đào tạo về xử lý nước thải | 1) Sở TNMT đồng ý tổ chức Đào tạo qua công việc trong tháng 8. 2) Nhóm công tác WG đề nghị tổ chức đào tạo về XLNT và SXSH trong ngành giấy/nhà máy giấy, dệt nhuộm và cơ khí. 3) Nhóm công tác WG đồng ý sử dụng phiếu thu thập thông tin bổ sung về hệ thống XLNT do JET đề xuất. | 1) Nhóm công tác WG và JET sẽ chuẩn bị cho đợt Đào tạo qua công việc. 2) JET sẽ liên hệ với các giảng viên theo đề xuất của Sở TNMT |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (27/11/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Kết luận về kết quả thu được từ đào tạo qua công việc | 1) Nhóm công tác WG đồng ý với dự thảo tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. 2) JET trình bày các điểm chính cần thảo luận nhằm cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường dựa trên kết quả thu được từ đào tạo qua công việc. Các vấn đề được thảo luận sẽ được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 17 (24/1/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Hoàn thiện Sổ tay | 1) Sở TNMT gửi góp ý về Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) JET và Sở TNMT đánh giá kết quả của dự án. Kết quả đánh giá sẽ được phản ánh trong Sổ tay. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 18 (8/3/2012, nhóm công tác WG) | Thảo luận về các hoạt động cần thực hiện trong giai đoạn sau dự án | 1) JET đề nghị Sở TNMT lập kế hoạch và triển khai các buổi đào tạo tương tự - đây được xem là một trong những hoạt động quan trọng cần thực hiện trong giai đoạn sau dự án. Sở TNMT và JET đã thảo luận các ví dụ về chương trình đào tạo và các hoạt động lập kế hoạch và tổ chức đào tạo cần thực hiện. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| TT-HUE | Họp thảo luận lần thứ nhất (5-6/5/ 2011, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLNN) | 1. Thực trạng thanh tra và kiểm tra môi trường | 1) Sở TNMT góp ý rằng các ngành mục tiêu chính cần thanh tra gồm chế biến hải sản, nuôi trồng thủy sản, bệnh viện và bãi đổ rác thải rắn. 2) Hiện tại, chỉ triển khai một số đợt thanh tra do thiếu nguồn nhân lực. 3) Sở TNMT cho rằng cần xây dựng hệ thống thông tin để lưu trữ thông tin các doanh nghiệp đã thanh tra. 4) Sở TNMT đề nghị sử dụng thiết bị đo đạc tại thực địa và máy đo lưu lượng trong thanh tra và kiểm tra môi trường. | JET sẽ lập Kế hoạch công tác sơ bộ theo Kế hoạch hoạt động do Sở TNMT xây dựng |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (27/6/ 2011, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLNN) | 1. Thảo luận về Kế hoạch công tác sơ bộ 2. Tổ chức nhóm công tác WG 3. Đề nghị phối hợp thanh tra và kiểm tra môi trường | 1) Sở TNMT đề nghị cả hai nội dung thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) Trong năm 2011, các ngành mục tiêu chính gồm chế biến hải sản, và bãi đổ rác thải rắn được nêu ra trong Quyết định 64/2003/QĐ-TTg. 3) Hiện tại, Sở TNMT quan tâm đến ô nhiễm nước từ các trại tôm - phần lớn các trại tôm này đều không có công trình XLNT. 4) Sở TNMT đồng ý tổ chức Nhóm công tác WG và cùng với JET tham gia thanh tra và kiểm tra môi trường. | 1) JET sẽ lập dự thảo Kế hoạch công tác. 2) Sở TNMT sẽ tổ chức nhóm công tác WG và bố trí lịch kiểm tra môi trường tại trại tôm trong tháng 9/2011 và JET sẽ tham gia. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (12/8/ 2011, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT) | Thảo luận về dự thảo Kế hoạch công tác | 1) Sở TNMT đồng ý về Kế hoạch công tác được đề xuất, đặc biệt về hỗ trợ lên kế hoạch và phân tích số liệu thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) Sở TNMT đề nghị được nghe giảng về công tác thanh tra và hệ thống kiểm soát ô nhiễm nước tại Nhật Bản. 3) JET đề nghị đối tác cung cấp hồ sơ khiếu nại môi trường để có thể hỗ trợ lập kế hoạch thanh tra và kiểm tra môi trường. Sở TNMT yêu cầu JET chuẩn bị công văn. 4) Sở TNMT sắp xếp kế hoạch kiểm tra môi trường tại trại nuôi tôm để JET có thể tham gia. | JET sẽ gửi tài liệu về hệ thống kiểm soát ô nhiễm nước và thanh tra tại Nhật Bản. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (28/10/2011, Nhóm công tác WG) | Đánh giá quy trình lập kế hoạch thanh tra năm 2012 | 1) Nhóm công tác WG cần tham khảo i) các khiếu nại của người dân, ii) Thông tin từ các phương tiện truyền thông đại chúng, iii) Thông tin từ Cảnh sát môi trường để xây dựng kế hoạch thanh tra. 2) Nhóm công tác WG đề nghị JET tổ chức hội thảo để có thể học hỏi về hệ thống thanh tra của Nhật Bản. | JET và nhóm công tác WG sẽ lên kế hoạch tổ chức Hội thảo nội bộ lần thứ nhất will plan to hold the tổ chức hội thảo nội bộ lần thứ nhất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (16/11/2011, nhóm công tác WG) | Chuẩn bị tổ chức hội thảo nội bộ lần thứ nhất | 1) Hội thảo nội bộ sẽ được tổ chức theo chương trình được đề xuất. 2) Nhóm công tác WG sẽ mời Phòng TNMT và Cảnh sát môi trường tham dự hội thảo. | Nhóm công tác WG sẽ chuẩn bị cho hội thảo nội bộ lần thứ nhất. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|--|---|
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (11/1/2012, nhóm công tác WG) | Lập kế hoạch Đào tạo qua công việc về thanh tra năm 2012 | 1) Sở TNMT đã chuẩn bị kế hoạch thanh tra năm 2012, và đối tượng cụ thể cần thanh tra sẽ được xác định sau Tết. 2) Nhóm công tác WG và JET đã thảo luận về chỉnh sửa các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án. | Nhóm công tác WG và JET sẽ tiếp tục thảo luận kế hoạch Đào tạo qua công việc năm 2012. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (10/2/2012, nhóm công tác WG) | 1. Kế hoạch Đào tạo qua công việc năm 2012 2. Lập kế hoạch tổ chức hội thảo lần thứ 2 tại Hải Phòng 3. Giới thiệu Phiếu hướng dẫn thanh tra | 1) Sở TNMT đã xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2012. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm gồm i) các khiếu nại của người dân, ii) vi phạm về xả nước thải được xác nhận qua kết quả quan trắc về chất lượng nước thải, và iii) Hướng dẫn của UBND tỉnh. 2) Nhóm công tác WG đồng ý về đợt Đào tạo qua công việc, nhưng cần có công văn của Tổng cục môi trường đề nghị JET tham gia thanh tra cùng với cán bộ Sở TNMT. 3) Nhóm công tác WG đồng ý về Phiếu hướng dẫn thanh tra và tham gia hội thảo tại Hải Phòng. | 1) JET sẽ thực hiện các hành động cần thiết để cán bộ Sở có thể tham dự hội thảo tại Hải Phòng. 2) Nhóm công tác WG sẽ gửi góp ý về Phiếu hướng dẫn thanh tra. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (21/2/2012, nhóm công tác WG) | 1. Kế hoạch Đào tạo qua công việc năm 2012 2. Hoạt động tiếp theo Hội thảo lần thứ 2 | 1) Nhóm công tác WG đề xuất trong Phiếu hướng dẫn thanh tra cần bổ sung thông tin về các ngành như bệnh viện, sản xuất đồ uống có cồn, và hệ thống XLNT tập trung tại các khu công nghiệp và hướng dẫn về các thông số cần quan trắc tại mỗi ngành công nghiệp. 2) Nhóm công tác WG đề nghị được đào tạo về i) hệ thống XLNT, ii) các thông số cần quan trắc tại mỗi ngành công nghiệp, và iii) tính toán các giá trị chuẩn về lưu lượng nước thải. 3) Nhóm công tác WG đồng ý tổ chức Đào tạo qua công việc về viết báo cáo tóm tắt trong tháng 3 và tháng 4. | 1) JET sẽ xây dựng chương trình Đào tạo qua công việc 2) JET sẽ gửi Sở TNMT Hải Phòng đề xuất của nhóm công tác WG về Phiếu hướng dẫn thanh tra. 3) Nhóm công tác WG sẽ bắt đầu chuẩn bị báo cáo tóm tắt về thanh tra năm 2011. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (18/6/ 2012, nhóm công tác WG) | Lên kế hoạch Đào tạo qua công việc và các hoạt động khác | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về Sổ tay tóm tắt các hoạt động được tóm tắt và có thể đưa ra một số nhận xét. 2) Các cơ sở mục tiêu để thực hiện Đào tạo qua công việc gồm các cơ sở trong KCN và các cơ sở độc lập khác. Kế hoạch Đào tạo qua công việc đang được thảo luận tại UBND tỉnh. 3) Báo cáo tóm tắt về thanh tra giai đoạn 6 tháng sẽ được Nhóm công tác WG hiệu đính. | Sở TNMT sẽ gửi công văn đề nghị tới Tổng cục môi trường về Đào tạo qua công việc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (13/8/ 2012, nhóm công tác WG) | Lên kế hoạch Đào tạo qua công việc và sự cố môi trường nước | 1) Sở TNMT nêu ra những khó khăn khi JET tham gia vào công tác thanh tra tại hiện trường. Nhóm công tác WG quyết định sẽ tổ chức đào tạo về thanh tra tại hiện trường độc lập với hoạt động thanh tra. 2) Đào tạo về thanh tra tại hiện trường sẽ được thực hiện trong tháng 9. 3) Nhóm công tác WG đề nghị một buổi đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH trong các ngành nước ngọt, dệt nhuộm và hóa chất. | Nhóm công tác WG và JET sẽ chuẩn bị cho đợt Đào tạo qua công việc vào đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11th DM (22/11/ 2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Tiếp theo hoạt động đào tạo qua công việc | 1) Nhóm công tác WG đồng ý với dự thảo tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. 2) Sở TNMT TT-Huế và JET đánh giá kết quả đào tạo qua công việc và thảo luận các điểm chính cần kiểm tra tại hiện trường. Kết quả thảo luận sẽ được phản ánh trong Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (29/1/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Hoàn thiện Sổ tay | 1) Sở TNMT TT-Huế gửi góp ý dự án Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) JET và Sở TNMT TT-Huế đánh giá kết quả của dự án. Kết quả đánh giá sẽ được phản ánh trong Sổ tay. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (8/3/2012, nhóm công tác WG) | Thảo luận về các hoạt động cần thiết thực hiện trong giai đoạn sau dự án | 1)JET đề nghị Sở TNMT lập kế hoạch và triển khai các buổi đào tạo tương tự - đây được xem là một trong những hoạt động quan trọng cần thực hiện trong giai đoạn sau dự án. Sở TNMT và JET đã thảo luận các ví dụ về chương trình đào tạo và các hoạt động lập kế hoạch và tổ chức đào tạo cần thực hiện. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (21/3/2012, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QL TNN) | Thuyết trình về Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. | JET có bài thuyết trình về nội dung Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. | Sở TNMT TT-Huế sẽ gửi góp ý về Sổ tay nếu có. |
| HCMC | Họp thảo luận lần thứ nhất (16/5/ 2011, Thanh tra Sở, Phòng | Thực trạng thanh tra và kiểm tra môi trường, và nhu cầu phát triển năng lực | 1) Sở TNMT xác nhận có khoảng 500 báo cáo ĐTM và 3.000 đăng ký CK BVMT và đã kiểm tra tình hình thu phí BVMT đối với 400 – 500 doanh nghiệp trong mỗi năm. 2) Sở TNMT đề nghị tập trung vào CNN Tân Quy. 3) Sở TNMT có kế hoạch họp nhất Phòng QLMT và Chi cục | JET sẽ xây dựng Kế hoạch công tác sơ bộ theo Kế hoạch hoạt động do Sở TNMT xây dựng. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|---|---|---|
| | QLMT, Chi cục BVMT t/p HCM, Phòng QLTTNN) | | BVMT t/p, và tăng cường các hoạt động hợp tác về kiểm soát ô nhiễm nước. Do đó, Sở TNMT đề nghị tổ chức các hoạt động đào tạo chéo để tất cả các phòng ban liên quan có thể tham gia và giúp cho công tác kiểm soát nguồn ô nhiễm nước được tốt hơn. | |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (16/5/ 2011, nhóm công tác WG) | 1. Thảo luận về Kế hoạch công tác sơ bộ. 2. Tổ chức nhóm công tác WG | 1) Sở TNMT đồng ý về Kế hoạch công tác trong đó có tổ chức hội thảo đào tạo chéo giới thiệu về các trường hợp tại Nhật Bản nhằm chia sẻ thông tin với các phòng ban khác nhau, thảo luận về các kỹ năng và kiến thức chuyên môn cần thiết. 2) Sở TNMT tổ chức nhóm công tác WG, bao gồm Thanh tra Sở, Phòng QLMT, Chi cục BVMT t/p HCM, và Phòng QLTTNN. | JET sẽ xây dựng Kế hoạch công tác được sửa đổi. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (23/6/ 2011, nhóm công tác WG) | Phiếu khảo sát về nhu cầu đào tạo tạo cho hội thảo đào tạo chéo | Nhóm công tác WG đồng ý gửi phiếu khảo sát về nhu cầu đào tạo cho hội thảo đào tạo chéo. | Nhóm công tác WG sẽ gửi và thu lại các phiếu khảo sát. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (14/7/ 2011, nhóm công tác WG) | Thu Phiếu khảo sát về nhu cầu đào tạo cho hội thảo đào tạo chéo | 1) Nhóm công tác WG đã thu lại phiếu khảo sát. 2) Nhóm công tác WG đề nghị đưa mục sau vào nội dung đào tạo i) phân loại nguồn ô nhiễm , ii) các biện pháp đánh giá tác động nguồn ô nhiễm nước tại hiện trường, và chính sách và công cụ pháp lý áp dụng trong thanh tra và kiểm tra môi trường tại Nhật Bản | JET sẽ chỉnh sửa Kế hoạch công tác và lập dự thảo chương trình hội thảo đào tạo chéo lần thứ nhất |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (16/8/ 2011, nhóm công tác WG) | Thảo luận về dự thảo Kế hoạch công tác và chương trình hội thảo chéo lần thứ nhất | 1) Nhóm công tác WG về cơ bản đã đồng ý với dự thảo Kế hoạch công tác và chương trình hội thảo lần thứ nhất gồm i) Kết quả thanh tra và kiểm tra môi trường trong thời gian gần đây, và ii) giảng bài về hệ thống pháp luật của Nhật Bản. 2) Nhóm công tác WG đề nghị được nghe giảng về kiến thức và kỹ năng đánh giá các biện pháp BVMT tại hiện trường trong ngành giấy và dệt. Hội thảo đào tạo chéo lần thứ nhất sẽ được tổ chức vào ngày 30/08/2011. | 1) Nhóm công tác WG sẽ tổ chức hội thảo lần thứ nhất. 2) JET hoàn thiện Kế hoạch công tác và chương trình hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (9/11/2011, nhóm công tác WG) | 1. Đánh giá về việc lập kế hoạch năm 2012 2. Lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính | Nhóm công tác WG đồng ý về các nhiệm vụ nhằm chọn ra các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm tại CNN Tân Quy có xét đến các trường hợp bị phạt tiền và xử phạt hành chính, các biện pháp khắc phục áp dụng và hồ sơ khiếu nại về các nguồn ô nhiễm. | Nhóm công tác WG sẽ kiểm tra thông tin để chọn ra các nguồn ô nhiễm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (23/11/2011, nhóm công tác WG) | 1. Lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2.Hội thảo lần thứ 2 | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về quy trình lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. 2) Nhóm công tác WG đồng ý về dự thảo chương trình của hội thảo nội bộ lần thứ 2. 3) Nhóm công tác WG và JET thảo luận về chỉnh sửa các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án. | 1) Nhóm công tác WG sẽ lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm tại CNN Tân Quy. 2) JET sẽ chuẩn bị tổ chức hội thảo lần thứ 2 |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (2/12/ 2011, nhóm công tác WG) | Lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm Chuẩn bị Hội thảo nội bộ lần thứ 2 | 1) Các đơn vị sau được chọn là cơ sở mục tiêu: - Công ty TNHH Gò Sao - Công ty TNHH Tắt Thắng - Công ty TNHH Thừa Huân - Công ty TNHH Lai Phú - Công ty TNHH Worth Wooden - Công ty Tân Việt Xuân - Công ty ô tô Sam Co - Công ty TNHH Hoàng Dũng 2) Thông tin do đơn vị đầu phụ cung cấp sẽ được nhóm công tác WG kiểm tra. 3) Nhóm công tác WG đồng ý về chương trình thăm doanh nghiệp có hoạt động tốt tại hội thảo nội bộ lần thứ 2. | 1) JET sẽ chuẩn bị tổ chức hội thảo lần thứ 2. 2) Nhóm công tác WG sẽ lựa chọn doanh nghiệp sẽ đến thăm tại hội thảo nội bộ lần thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (6/1/ 2012, nhóm công tác WG) | Chuẩn bị Hội thảo nội bộ lần thứ 2 | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về tổ chức Đào tạo qua công việc từ tháng 5/2012, bao gồm công tác sau khi tiến hành thanh tra. 2) Nhóm công tác WG đề nghị Tổng cục môi trường gửi công văn về hoạt động thanh tra chung. 3) Tại hội thảo lần thứ 2, Nhóm công tác WG đề xuất thăm cơ sở dệt. | JET sẽ chuẩn bị tổ chức hội thảo lần thứ 2. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (14/2/2012, nhóm công tác WG) | Kế hoạch Đào tạo qua công việc năm 2012 | 1) Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm gồm i) khối lượng nước thải, ii) lượng xả thải trái phép và iii) những vấn đề cần quan tâm 2) Nhóm công tác WG sẽ thực hiện Đào tạo qua công việc về kiểm tra môi trường từ tháng 5/2012. Công tác sau kiểm tra môi trường sẽ được thực hiện trong tháng 9/2012. 3) Nhóm công tác WG đề nghị tổ chức đào tạo về i) tính thải lượng ô nhiễm, ii) lưu trữ thông tin được thu thập, và iii) thông số cần quan trắc tại mỗi ngành. 4) Nhóm công tác WG đã không triển khai hoạt động SXSH ở CNN Tân Quy. | JET sẽ chuẩn bị kế hoạch Đào tạo qua công việc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (11/6/2012, | 1.Lên kế hoạch Đào tạo qua công việc và các hoạt | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về Sơ tay tóm tắt các hoạt động của dự án. 2) Đào tạo qua công việc được tiến hành tại 4 cơ sở ở CNN Tân | Sau Đào tạo qua công việc, sẽ tổ chức họp tổng kết để thảo luận về kết quả đạt được và các vấn đề |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|--|--|
| | nhóm công tác WG) | động khác 2.Họp chuẩn bị cho Đào tạo qua công việc | Quy 3) Máy đo lưu lượng và thiết bị phân tích chất lượng nước được sử dụng trong đợt Đào tạo qua công việc. 4) Đã gửi phiếu cung cấp thông tin tới doanh nghiệp trước khi tiến hành Kiểm tra môi trường để thu thập thông tin cần thiết | được phát hiện. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (10/8/ 2012, nhóm công tác WG) | Thảo luận về Đào tạo qua công việc và đào tạo về XLNT | 1) Đào tạo qua công việc về công tác sau Kiểm tra môi trường sẽ được tiến hành trong tháng 8. 2) Nhóm công tác WG đề nghị tổ chức đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH trong ngành dệt nhuộm. | 1) Nhóm công tác WG và JET sẽ chuẩn bị Đào tạo qua công việc về Kiểm tra môi trường. 2) JET sẽ liên hệ với Trung tâm SXSH Việt Nam để hỏi về giảng viên sẽ thuyết trình trong buổi đào tạo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (2/11/ 2012, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLTNN) | 1. Thảo luận về Sổ tay 2. Lấy mẫu và phân tích nước thải do đơn vị thầu phụ thực hiện | 1) JET trình bày về các điểm chính cần kiểm tra nhằm kiểm soát chất lượng đối với công việc lấy mẫu và phân tích nước thải của đơn vị thầu phụ. 2) JET thảo luận với Sở TNMT về các điểm chính cần đánh giá nhằm cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường, trong đó có chủ đề được đề cập ở trên. Kết quả thảo luận sẽ được phản ánh trong cuốn Sổ tay. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (21/1/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Hoàn thiện Sổ tay | 1) Sở TNMT t/p HCM gửi góp ý dự thảo Sổ tay cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) JET và Sở TNMT đánh giá kết quả của dự án. Kết quả đánh giá sẽ được phản ánh trong Sổ tay. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (1/3/2012, nhóm công tác WG) | Thảo luận về các hoạt động cần thực hiện trong giai đoạn sau dự án. | 1)JET đề nghị Sở TNMT lập kế hoạch và triển khai các buổi đào tạo tương tự - đây được xem là một trong những hoạt động quan trọng cần thực hiện trong giai đoạn sau dự án. Sở TNMT và JET đã thảo luận các ví dụ về chương trình đào tạo và các hoạt động lập kế hoạch và tổ chức đào tạo cần thực hiện. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (22/3/2012, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLTNN) | Thuyết trình về Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. | JET có bài thuyết trình về nội dung cuốn Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. | Sở TNMT t/p HCM sẽ gửi góp ý về Sổ tay nếu có. |
| BRVT | Họp thảo luận lần thứ nhất (29/4/ 2011, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLTNN) | Thực trạng về thanh tra và kiểm tra môi trường | 1) Sở TNMT quan tâm đến các ngành i) chế biến hải sản, ii) chăn nuôi, iii) du lịch, và iv) phát triển cảng biển. 2) Sở TNMT tập trung vào các cơ sở công nghiệp quy mô vừa và nhỏ như chế biến hải sản và các cơ sở ô nhiễm khác nằm ngoài KCN. | Sở TNMT sẽ chuẩn bị tài liệu mà JET yêu cầu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (17/5/2011, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLTNN) | Xác định nhu cầu phát triển năng lực | 1) Sở TNMT nêu ra hai điểm nóng i) khu vực Rạch Bà, và ii) khu vực sông Cửa Lấp. 2) Các biện pháp khắc phục đối với các nguồn ô nhiễm nước tại Rạch Bà đã được đề xuất tới UBND tỉnh. 3) Sở TNMT đề nghị về đo đạc lưu lượng nước thải tại hiện trường và được cải thiện năng lực về đo đạc. | 1) JET chuẩn bị Kế hoạch công tác sơ bộ dựa trên kết quả thảo luận và Kế hoạch hoạt động đo Sở TNMT xây dựng. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (24./5/2011, Thanh tra Sở, Chi cục BVMT, Phòng QLTNN) | Thảo luận về Kế hoạch công tác và tổ chức Nhóm công tác WG | 1) Sở TNMT đồng ý về Kế hoạch công tác nhằm xác định tác động của cơ sở chế biến hải sản tại sông Cửa Lấp và đánh giá các biện pháp khắc phục. 2) JET đề nghị tổ chức nhóm công tác WG và thu thập số liệu về các nguồn ô nhiễm nước tại khu vực sông Cửa Lấp. 3) Sở TNMT đề nghị hợp tác với các phòng TNMT quận huyện | 1) JET sẽ lập dự thảo Kế hoạch công tác. 2) Sở TNMT sẽ thu thập thông tin về các nguồn ô nhiễm tại khu vực Cửa Lấp. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (15/8/ 2011, nhóm công tác WG) | Thảo luận về dự thảo Kế hoạch công tác | 1) Sở TNMT đồng ý về dự thảo Kế hoạch công tác nhằm tăng cường năng lực để xuất các biện pháp khắc phục tại các nguồn ô nhiễm nước trong khu vực sông Cửa Lấp. 2) Nhóm công tác WG cung cấp danh sách các cơ sở chế biến hải sản ở khu vực Cửa Lấp. 3) Nhóm công tác WG đồng ý về phối hợp thực hiện thanh tra và kiểm tra môi trường, và sẽ bố trí thực hiện thanh tra tại cơ sở chăn | 1) JET hoàn thiện Kế hoạch công tác. 2) Nhóm công tác WG sẽ sắp xếp kế hoạch phối hợp thanh tra. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 2-4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|--|--|---|
| | | | nuôi vào ngày 18/08/2011. | |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (15/9/2011, nhóm công tác WG) | Đề nghị thu thập dữ liệu và phiếu thu thập thông tin | 1) Nhóm công tác WG đồng ý thu thập số liệu từ công tác thanh tra và kiểm tra môi trường tại các cơ sở chế biến hải sản tại khu vực sông Cửa Lấp. 2) Nhóm công tác WG đồng ý thu thập những thông tin được yêu cầu. | Nhóm công tác WG sẽ thu thập số liệu theo như JET đề nghị. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (9/11/2011, nhóm công tác WG) | 1. Đánh giá về lập kế hoạch năm 2012 2. Cách thức lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm | 1) Nhóm công tác WG đã cung cấp thông tin về các cơ sở chế biến hải sản tại khu vực sông Cửa Lấp và đề xuất thu thập thêm thông tin từ Cảnh sát môi trường. 2) Nhóm công tác WG đồng ý lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính trọng điểm theo quan điểm được thảo luận với JET. 3) Nhóm công tác WG đề xuất tổ chức hội thảo sau năm 2012. | Nhóm công tác WG sẽ liên hệ với Cảnh sát môi trường để thu thập thêm thông tin về các cơ sở chế biến hải sản tại khu vực sông Cửa Lấp |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (2/12/2011, nhóm công tác WG) | Thảo luận về cách thức lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm | 1) Cảnh sát môi trường đã tham gia họp và đưa ra ý kiến rằng họ đã phát hiện thấy tình xả nước trái phép từ các cơ sở chế biến hải sản ở khu vực Cửa Lấp trong tháng 7/2011, và một số cơ sở không có công trình XLNT. 2) Sở TNMT sẽ tổ chức hội thảo đào tạo trong tháng 2/ 2012. 3) Nhóm công tác WG đồng ý các quan điểm được đề xuất về lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. 4) Nhóm công tác WG và JET thảo luận về chỉnh sửa các chỉ số trong Ma trận thiết kế dự án. | Nhóm công tác WG sẽ lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (7/2/2012, nhóm công tác WG) | 1.Kế hoạch đào tạo qua công việc năm 2012 2.Lên kế hoạch tổ chức hội thảo nội bộ lần thứ nhất | 1) Nhóm công tác WG đã lựa chọn 14 nguồn ô nhiễm chính và trọng điểm trong số các cơ sở tại khu vực Cửa Lấp theo các tiêu chí i) không có công trình XLNT và ii) công trình XLNT vận hành không hiệu quả/đầy đủ. 2) Nhóm công tác WG đề nghị tổ chức đào tạo về hệ thống XLNT. 3) Hội thảo nội bộ lần thứ nhất sẽ được tổ chức vào ngày 23/02. Nhóm công tác WG sẽ lựa chọn một doanh nghiệp để thực hiện đào tạo tại hiện trường trong thời gian hội thảo. | 1) JET sẽ chuẩn bị kế hoạch Đào tạo qua công việc tổ chức hội thảo nội bộ lần thứ nhất. 2) Nhóm công tác WG sẽ chuẩn bị tài liệu trình chiếu tại hội thảo và lựa chọn một doanh nghiệp để thực hiện đào tạo tại hiện trường. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (19/6/2012, nhóm công tác WG) | 1.Lập kế hoạch Đào tạo qua công việc và thực hiện các hoạt động khác 2.Họp chuẩn bị cho đợt Đào tạo qua công việc | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về kế hoạch và nội dung cuốn Sổ tay tóm tắt các hoạt động và có thể có một số góp ý. 2) Đào tạo qua công việc được tiến hành tại 4 cơ sở chế biến hải sản tại huyện Long Điền. 3) Máy đo lưu lượng và thiết bị phân tích chất lượng nước đo dự án cung cấp được giữ tại CEMAB. Cần có công văn để chuyển các thiết bị này cho Thanh tra Sở. | Sau đợt Đào tạo qua công việc,sẽ tổ chức họp tổng kết để thảo luận về kết quả đạt được và các vấn đề được phát hiện. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (10/8/2012, nhóm công tác WG) | 1.Thảo luận về Đào tạo qua công việc 2. Đào tạo về kỹ thuật XLNT | 1) Theo góp ý của nhóm công tác WG, cần tập trung hơn vào ngành chế biến thủy sản vì đây là ngành gây ô nhiễm nghiêm trọng tại tỉnh và Sở TNMT cần kiểm tra/thanh tra cơ sở có quy mô vừa và nhỏ có lưu lượng xả thải 20-50m3/ngày do sự thay đổi về quy định. 2) Đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH cần được đưa vào phiên họp thảo luận và đào tạo tại hiện trường. | JET sẽ chuẩn bị đào tạo về XLNT và kỹ thuật SXSH. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (25/10/2012, nhóm công tác WG) | 1. Đánh giá đợt đào tạo về kỹ thuật XLNT | 1) Qua kết quả đánh giá bằng phiếu khảo sát được phát cho các học viên tham gia đào tạo, có thể thấy rằng tất cả các học viên đã được cải thiện về các nội dung năng lực liên quan sau đợt đào tạo. 2) Sở TNMT BRVT đề nghị cung cấp bổ sung những thông tin sau (a) thông tin về chi phí xây dựng công trình XLNT (b) tiêu chí thiết lập đập chắn để xác định lưu lượng nước thải. | JET sẽ chuẩn bị các tài liệu liên quan đến các thông tin mà Sở TNMT BRVT đề nghị cung cấp. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (13/11/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Phản hồi về cuộc họp ngày 25/10/2012 | 1) Sở TNMT BRVT xây dựng Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm đã được thống nhất tại Sở. 2) JET đã cung cấp thông tin theo yêu cầu của Sở TNMT. | Sở TNMT BRVT sẽ xem xét các hành động cần thực hiện để có thể sử dụng các tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (21/1/2012, nhóm công tác WG) | 1. Tiêu chí lựa chọn các nguồn ô nhiễm chính/trọng điểm 2. Hoàn thiện Sổ tay | 1) Sở TNMT BRVT đã gửi góp ý về dự thảo Sổ tay Cải thiện công tác thanh tra và kiểm tra môi trường. 2) JET và Sở TNMT BRVT đã đánh giá kết quả của dự án. Kết quả đánh giá sẽ được phản ánh trong Sổ tay. | JET sẽ chỉnh sửa Sổ tay dựa trên kết quả thảo luận. |

Nguồn: JET

Bảng 4.4-5 Kết quả họp thảo luận (DM) nhóm công tác WG 3

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm WG 3 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|---|---|
| HNI | Buổi họp tổng quan (14/4/2011) | Kế hoạch công tác của Kết quả 3 | 1) Sở TNMT đồng ý với Kế hoạch công tác được đề xuất 2) Thượng lưu sông Nhuệ cần được chọn là khu vực thí điểm. 3) Trưởng nhóm công tác WG 3 sẽ được chọn ra từ Chi cục BVMT. | Buổi họp tới sẽ được tổ chức vào 26/4/2011 |
| | Họp thảo luận lần thứ nhất (26/4/2011) | Tổ chức nhóm công tác WG | 1) Sở TNMT trình bày tổ chức nhóm WG được dự kiến với trưởng nhóm là Phó phòng QLTNN&KTTV. 2) Sở TNMT đã chọn lựa chọn khu vực thí điểm là huyện Từ Liêm và quận Hà Đông. 3) JET đề xuất về ma trận các nhiệm vụ được phối hợp thực hiện và yêu cầu Sở TNMT cung cấp số liệu theo phiếu thu thập thông tin. | 1) JET đồng ý về khu vực thí điểm do Sở TNMT đề xuất. 2) Sở TNMT đồng ý bắt đầu triển khai thu thập số liệu. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (13/5/2011) | Thu thập số liệu và Bảng nguồn ô nhiễm (PST) | JET trình bày và hướng dẫn cách thức xây dựng Bảng nguồn ô nhiễm (PST). | Sở TNMT sẽ tiếp tục thu thập số liệu |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (26/5/2011) | Tổ chức nhóm công tác WG và xây dựng PST | 1) Sở TNMT đề xuất thay đổi trưởng nhóm là Phó Chi cục trưởng Chi cục BVMT. 2) Sở TNMT đề nghị JET thuê chuyên gia tư vấn trong nước đảm nhiệm việc xây dựng PST. | Việc thuê chuyên gia tư vấn vẫn chưa được thực hiện (pending). |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (16/6/2011) | Nhóm công tác WG và xây dựng PST | Sở TNMT cho rằng tổ chức nhóm công tác WG được thực hiện không chỉ đối với Kết quả 3 mà còn đối với các Kết quả 2 và Kết quả 4. | Đã được JET ghi lại |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (21/7/2011) | Thu thập số liệu và PST | JET trình bày tiến độ xây dựng PST sử dụng các số liệu đã thu thập. | JET tiếp tục xây dựng PST có thuê chuyên gia tư vấn. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (11/8/2011) | PST và đánh giá năng lực | 1) JET trình bày về tiến độ xây dựng PST. 2) Thảo luận và sắp xếp kế hoạch đánh giá năng lực và phỏng vấn từng đơn vị riêng lẻ. | JET gửi phiếu đánh giá năng lực. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (30/8/2011) | 1. Biên bản thảo luận bao gồm PST 2. Kế hoạch khảo sát thực địa lần thứ nhất | 1) Thảo luận về nội dung biên bản thảo luận. 2) Thảo luận về Kế hoạch và Điều khoản tham chiếu về đợt khảo sát thực địa lần thứ nhất. 3) Cần cập nhật biên bản thảo luận khi có thêm số liệu phù hợp/hiệu quả. | JET sẽ lựa chọn chuyên gia tư vấn cho đợt khảo sát thực địa lần thứ nhất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (9/9/2011) | Chuẩn bị khảo sát thực địa lần thứ nhất về các dự án nguồn ô nhiễm | 1) Thảo luận và lựa chọn các cơ sở mục tiêu. 2) Thảo luận về kế hoạch khảo sát. 3) Sở TNMT xây dựng kế hoạch công tác thực tế tại các cơ sở và lựa chọn bổ sung một số cơ sở. | Chuyên gia tư vấn theo dõi và xác định về kế hoạch khảo sát và triển khai khảo sát tại hiện trường. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (27/9/2011) | Kiểm tra sơ bộ về đợt khảo sát thực địa lần thứ nhất | Rà soát/đánh giá và kiểm tra kết quả khảo sát của 3 cơ sở đầu tiên. | Tiếp tục khảo sát thực địa theo như kế hoạch. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (27/12/2011) | Chia sẻ kết quả khảo sát thực địa lần thứ nhất tại khu vực thí điểm | 1) JET trình bày và chia sẻ kết quả khảo sát thực địa lần thứ nhất qua “Biên bản khảo sát thực địa lần thứ nhất”. 2) JET trình bày và chia sẻ kết quả thu thập số liệu bổ sung qua “Biên bản thảo luận về thực trạng kiểm soát ô nhiễm nước tại t/p Hà Nội”. | Thành viên nhóm WG-3 được thông báo về thực trạng kiểm soát ô nhiễm nước. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (12/1/2012) | Chia sẻ kết quả bước đầu về phân tích vấn đề trong kiểm soát ô nhiễm nước. | 1) JET đã bước đầu phân tích vấn đề trong công tác kiểm soát ô nhiễm nước hiện tại và chia sẻ kết quả phân tích với các thành viên nhóm công tác WG. 2) Đề xuất khảo sát thực địa bổ sung nhằm đánh giá đầy đủ hơn về tình hình xử lý nước thải. 3) Các thành viên nhóm công tác WG được thông báo về kết quả phân tích vấn đề. | JET chuẩn bị cho đợt khảo sát thực địa bổ sung. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (22/5/2012) | Kết quả khảo sát thực địa và phân tích vấn đề | 1) Chia sẻ kết quả khảo sát thực địa bổ sung tại khu vực thí điểm. 2) Đánh giá lại kết quả bước đầu về phân tích vấn đề. 3) Thảo luận kế hoạch hoạt động cho năm 2012 | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (11/6/2012) | Đào tạo kỹ thuật về CSDL nguồn ô nhiễm | Xác nhận về nhập các số liệu/thông tin đã thu thập từ đợt khảo sát thực địa lần thứ nhất. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (12/9/2012) | Các hoạt động và Kế hoạch hoạt động chung | Xác nhận về kế hoạch hoạt động trong giai đoạn cuối cùng của dự án. | JET sẽ xây dựng dự thảo kế hoạch các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước. |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (16/10/2012) | Dự thảo đề cương kế hoạch cải thiện | 1) Thảo luận và xác định các nội dung chính của Đề cương Kế hoạch cải thiện 2) Nhóm WG sẽ gửi góp ý về Đề cương Kế hoạch cải thiện. | JET sẽ chuẩn bị dự thảo Đề cương lần thứ 2, dựa trên kết quả thảo luận. |
| | Họp thảo luận lần thứ 16 (05/11/2012) | Dự thảo đề cương kế hoạch cải thiện | Đánh giá và xác định ý kiến và góp ý của nhóm công tác WG. | To review and elaborate the draft Outline of Improvement Plan |
| | Họp thảo luận lần thứ 17 (01/03/2013) | Thảo luận về Dự thảo đề cương kế hoạch cải thiện | 1) Nhóm công tác WG đồng ý về dự thảo Đề cương và các đề xuất được đưa vào dự thảo. 2) Nhóm công tác WG sẽ báo cáo giám đốc Sở TNMT và sau đó trình UBND t/p Đề cương kế hoạch cải thiện. | JET sẽ giám sát hoạt động của nhóm công tác WG. |

Nguồn: JET

Bảng 4.4-6 Kết quả họp thảo luận (DM) nhóm công tác WG 4

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm Nhóm công tác WG4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|---|---|
| HNI | Họp thảo luận lần thứ nhất (27/5/2011, Chi cục BVMT) | 1. Hiện trạng về nhận thức môi trường 2. Thảo luận về khu vực mục tiêu | 1) Phòng Quản lý dự án và Truyền thông thuộc Chi cục BVMT phụ trách về nhận thức môi trường. 2) Sở TNMT đồng ý cung cấp cho JET báo cáo về nhận thức môi trường và phân công thành viên tham gia nhóm công tác 4. 3) Sở TNMT sẽ quyết định khu vực mục tiêu của hoạt động nhận thức môi trường. | JET sẽ rà soát hoạt động nhận thức môi trường trước đây và xem xét phương pháp tiếp cận phát triển năng lực |
| | Họp thảo luận thứ 2 (05/9/2011, Chi cục BVMT) | Dự thảo Kế hoạch công tác và Khu vực mục tiêu | Sở TNMT đã quyết định chọn quận Hà Đông và huyện Từ Liêm là khu vực mục tiêu và đồng ý tổ chức Hội thảo ở những quận, huyện này. | JET sẽ đề xuất chương trình Hội thảo. |
| | Họp thảo luận thứ 3 (16/9/2011, Chi cục BVMT) | Thảo luận về Hội thảo | 1) Sở TNMT đồng ý về chương trình Hội thảo, nhưng nội dung về các doanh nghiệp được mời cần phải thảo luận thêm. 2) Ngày giờ, địa điểm, và việc bố trí các công tác hậu cần chi tiết cho Hội thảo sẽ được thảo luận với thầu phụ. | JET sẽ đề xuất các doanh nghiệp được mời dựa trên PST. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (03/10/2011, Chi cục BVMT) | Các doanh nghiệp được mời tham dự Hội thảo | 1) Sở TNMT yêu cầu mời các doanh nghiệp là đối tượng nghiên cứu trong khảo sát của nhóm Kết quả 3. 2) Sở TNMT và JET – từng đơn vị sẽ lựa chọn 20 và 30 doanh nghiệp. | Sở TNMT và JET sẽ chọn lựa các doanh nghiệp để mời tham dự. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (17/11/2011, Chi cục BVMT) | 1. Danh sách 20 doanh nghiệp được mời 2. Chương trình Hội thảo và công tác chuẩn bị | 1) Sở TNMT dự định mời thêm 20 doanh nghiệp tham gia các dự án khác của Hà Nội, và sẽ gửi danh sách đến JET. 2) Việc chuẩn bị thư mời và phân công nhiệm vụ giữa Sở TNMT HNI, JET và thầu phụ đã được thống nhất, xác nhận. | 1) Sở TNMT sẽ ký và gửi thư mời đến các doanh nghiệp được mời. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (23/11/2011, Chi cục BVMT) | Chương trình Hội thảo và công tác chuẩn bị | 1) Hội thảo sẽ được tổ chức vào tháng 12. Danh sách 20 doanh nghiệp sẽ được gộp với danh sách 30 doanh nghiệp hiện tại – danh sách các doanh nghiệp sử dụng cho Kết quả 3. 2) Sở TNMT sẽ mời một tạp chí môi trường và hoàn tất phần bài trình bày của Sở. | Sở TNMT và JET sẽ chuẩn bị Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (28/11/2011, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo | 1) Chi cục BVMT sẽ thực hiện phần việc chuẩn bị các hỗ trợ viên cho phần thảo luận nhóm. 2) JET sẽ chuẩn bị bản thảo bảng hỏi và gửi đến Sở TNMT. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (5-7/12/2011, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo | Nhóm công tác tổng kết các bài trình bày và công việc chuẩn bị của Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (10/2/2012, Nhóm công tác) | Các chỉ số của Ma trận thiết kế dự án và hoạt động của năm thứ 2 | Nhóm công tác thống nhất về việc sửa đổi các chỉ số và xem xét hoạt động của năm thứ 2 dựa trên Kế hoạch công tác và kế hoạch năm. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (07/6/2012, Nhóm công tác) | Kế hoạch công tác của năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác thống nhất các hoạt động i) Sách hướng dẫn ban đầu về Quản lý nước thải công nghiệp, và ii) Lễ trao thưởng kết hợp với nhóm Kết quả 3, và iii) tập huấn cho các cán bộ của Sở TNMT. 2) Nhóm công tác đề xuất xây dựng, lắp đặt Máy tập thể dục xanh tại các công viên ở Hà Nội. JET sẽ hỗ trợ để làm rõ hơn về hoạt động này. 3) Nhóm công tác đồng ý về công việc của thầu phụ để phối hợp trong công tác của năm thứ 2. | Nhóm sẽ gửi kế hoạch chi tiết cho Máy tập thể dục xanh đến JET. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (10/7/2012, Chi cục BVMT) | Thảo luận về hoạt động lễ trao giải | Sở TNMT yêu cầu hủy phần trao giải trong buổi Hội thảo và ý tưởng về Máy tập thể dục xanh vì những khó khăn trong việc xin phê duyệt của Sở TNMT và Ủy ban Nhân dân Thành phố. JET đồng ý. | Sở TNMT sẽ thông báo quyết định cuối cùng về lễ trao giải đã đề xuất. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (04/9/2012, Nhóm công tác) | 1) Thảo luận về chương trình Hội thảo và 2) Sách hướng dẫn ban đầu về quản lý nước thải công nghiệp | 1) Nhóm công tác thống nhất sẽ bao gồm Sách hướng dẫn ban đầu, tập huấn cho cán bộ của Sở TNMT, và Hội thảo của nhóm Kết quả 3 và nhóm Kết quả 4. 2) Nhóm công tác xác nhận hủy lễ trao thưởng trong Hội thảo ngành. 3) Nhóm công tác đồng ý hầu hết cấu trúc chính và các nội dung sơ thảo trong bản thảo của quyển sách hướng dẫn ban đầu. 4) Nhóm công tác đồng ý về nội dung của tập huấn và sẽ cung cấp thông tin về Quỹ BVMT Hà Nội. | JET sẽ chỉnh sửa Kế hoạch công tác và Hội thảo. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm Nhóm công tác WG4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|---|---|---|
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (05/12/2012, Nhóm công tác) | 1. Hội thảo ngành của nhóm Kết quả 3 và nhóm Kết quả 4 2. Sách hướng dẫn ban đầu | 1) Hội thảo ngành sẽ được tổ chức vào ngày 12 tháng 3 năm 2013. Nhóm công tác sẽ chuẩn bị danh sách khách mời. 2) Nhóm công tác đồng ý các bước thực hiện tiếp theo để chuẩn bị sách hướng dẫn, và sẽ đề xuất các thành viên tham gia đánh giá. | Nhóm công tác sẽ quyết định đại diện phát biểu khai mạc. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (01/3/2013, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo ngành | 1) Nhóm công tác thống nhất, xác nhận danh sách khách mời và phân công nhiệm vụ cho Hội thảo. 2) Khoảng 13 thành viên từ Sở TNMT sẽ tham gia Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 15 (06/3/2013, Nhóm công tác) | 1. Hội thảo ngành 2. Sách hướng dẫn 3. Các hoạt động đánh giá | 1) Nhóm công tác thống nhất, xác nhận tất cả các nội dung liên quan đến Hội thảo. 2) Sách hướng dẫn về Quản lý nước thải công nghiệp đã được thống nhất cần có thêm ảnh. JET sẽ hỗ trợ việc cho thêm ảnh. 3) Tổng kết các ý kiến và định hướng các hoạt động trong tương lai đã được nhóm công tác thảo luận. JET sẽ gửi phần tổng hợp và kết quả khảo sát bảng hỏi đến nhóm công tác. | 1) Nhóm công tác WG sẽ gửi bài trình bày đến JET. 2) JET sẽ gửi kết quả khảo sát bảng bảng hỏi. |
| HPG | Họp thảo luận lần thứ 1 (11/5/2011, Sở TNMT) | 1. Thực trạng hoạt động về nhận thức môi trường 2. Thảo luận về khu vực mục tiêu | 1) Phòng Hành chính của Chi cục BVMT phụ trách về nhận thức môi trường. 2) Sở TNMT đồng ý lựa chọn các thành viên tham gia nhóm công tác và cung cấp cho JET báo cáo về các hoạt động nhận thức môi trường đã thực hiện. 3) Tham quan thực địa ở những địa điểm dự kiến lựa chọn làm khu vực mục tiêu bao gồm lưu vực sông Rế. Sở TNMT sẽ quyết định khu vực mục tiêu trong buổi họp tới. | JET sẽ xem xét phương pháp tiếp cận phát triển năng lực dựa trên hoạt động nhận thức môi trường trước đây. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (17/6/2011, Nhóm công tác) | Các thủ tục của kế hoạch bảo vệ môi trường và khu vực mục tiêu | 1) Nhóm công tác hiểu về các thủ tục, các bước lập kế hoạch và đã đồng ý để áp dụng trong Dự án. 2) Hoạt động nhận thức môi trường nên thực hiện ở sông Rế. | JET sẽ đề xuất Kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (15/9/2011: Nhóm công tác) | Thảo luận về Bản thảo Kế hoạch công tác và khu vực mục tiêu | 1) Hoạt động nhận thức môi trường nên thực hiện ở sông Rế. 2) Nhóm công tác đồng ý sẽ thực hiện tổ chức Hội thảo và tham quan học tập tại sông Rế và thảo luận. 3) Khảo sát thực địa đến trạm bơm ở sông Rế, nhà máy nước An Dương, và các nguồn gây ô nhiễm đã được tiến hành. | 1) Nhóm công tác sẽ cung cấp thêm thông tin về hoạt động nhận thức môi trường activity. 2) JET sẽ đề xuất một chương trình Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (20/9/2011, Nhóm công tác WG) | Thảo luận về khách mời và chương trình Hội thảo | 1) Nhóm công tác đồng ý, thống nhất chương trình Hội thảo, khách mời, và chuyển tham quan học tập. 2) Ngày giờ, địa điểm và công việc chuẩn bị hậu cần chi tiết cho Hội thảo sẽ được thảo luận với thầu phụ. | Nhóm công tác và JET sẽ thực hiện việc chuẩn bị cho Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (29/11/2011, Nhóm công tác) | Chương trình Hội thảo và Tham quan học tập | 1) Hội thảo sẽ được tổ chức vào ngày 20 tháng 12 năm 2011 và Nhóm công tác sẽ hoàn tất các bài trình bày. 2) Nhóm công tác đã thảo luận về lịch trình cho chuyến tham quan học tập. | Nhóm công tác và JET sẽ chuẩn bị Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (19/12/2011, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo | Nhóm công tác xác nhận tất cả các công việc chuẩn bị của Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (13/2/2012, Nhóm công tác) | Sửa đổi các chỉ số và hoạt động của năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác đồng ý về việc sửa các chỉ số, các hoạt động của năm thứ 2. 2) Nhóm công tác sẽ thảo luận về Kế hoạch công tác với các tổ chức liên quan tại sông Rế. | Nhóm công tác sẽ phối hợp thảo luận với các tổ chức liên quan. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (08/6/2012, WG) | Kế hoạch công tác năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác đồng ý, thống nhất để thực hiện Kế hoạch công tác và Hội thảo cho doanh nghiệp. Nhóm công tác và JET sẽ chuẩn bị danh sách các bài trình bày của Hội thảo, các nội dung chính của các phóng sự, và các nội dung tập huấn. 2) Nhóm công tác đồng ý về công việc của thầu phụ. | Nhóm công tác và JET sẽ xây dựng và phát triển những hoạt động này. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (17/8/2012, Nhóm công tác) | Thực hiện Kế hoạch công tác | 1) Nhóm công tác cơ bản đồng ý về chương trình Hội thảo dự kiến sẽ được tổ chức vào tháng 11 và các chủ đề của các đoạn phóng sự. 2) Nhóm công tác yêu cầu thay thế bằng rôn bằng biển truyền thông. | JET sẽ xem xét về biển truyền thông. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (06/9/2012, Nhóm công tác) | Thực hiện Kế hoạch công tác | 1) Nhóm công tác sẽ quyết định tất cả các nội dung liên quan đến biển truyền thông và chương trình tập huấn. Nhóm công tác và JET sẽ thảo luận về kịch bản cho các đoạn phóng sự truyền hình. 2) Sở TNMT thông báo về Quỹ BVMT Hải Phòng đã được chính thức thành lập và sẽ giới thiệu sơ lược tại Hội thảo. 3) Phiếu đánh giá năng lực đã được Tổng Cục Môi trường gửi đến | JET sẽ gửi phiếu khảo sát trước tập huấn đến nhóm công tác. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm Nhóm công tác WG4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|---|--|
| | | | Nhóm công tác phục vụ cho việc đánh giá cuối kỳ. | |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (27/9/2012, Nhóm công tác) | Thực hiện Kế hoạch công tác | 1) Nhóm công tác thông báo về công văn chính thức phê duyệt bảng truyền thông, ngày giờ của Hội thảo và khung nội dung của kịch bản cho các phóng sự đã được quyết định. 2) Tập huấn sẽ được tổ chức vào tháng 11, và nhóm công tác đã gửi bản khảo sát trước tập huấn đến JET. | Nhóm công tác sẽ gửi khung nội dung của kịch bản về các đoạn phóng sự truyền hình đến JET. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (08/11/2012, Nhóm công tác) | 1) Biên truyền thông và các đoạn phóng sự truyền hình 2) Hội thảo cho Doanh nghiệp | 1) Việc thiết kế và phê duyệt biên truyền thông, quá trình sản xuất các đoạn phóng sự truyền hình, và chương trình hội thảo đã được xác nhận. 2) Nhóm công tác sẽ gửi bài trình bày, địa điểm, danh sách các ngành công nghiệp chính, đĩa DVD của các đoạn phóng sự truyền hình và thư mời đến JET. | JET sẽ hỗ trợ trong việc thu thập các bài trình bày và dịch. |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (26/2/2013, Nhóm công tác) | Đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường và thảo luận về định hướng tương lai | 1) Các hoạt động nhận thức môi trường đã được đánh giá, tổng kết và định hướng tương lai đã được thảo luận giữa nhóm công tác và JET. Nhóm công tác sẽ đề xuất về việc phân công nhiệm vụ và sự đóng góp của mỗi bên liên quan. 2) Khảo sát hiện trường để kiểm tra biên truyền thông bảo vệ môi trường đã được lắp đặt. | JET sẽ gửi kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. |
| TT-HUE | Họp thảo luận lần thứ 1 (24/5/2011, Chi cục BVMT) | 1. Hiện trạng hoạt động nhận thức môi trường 2. Thảo luận về khu vực mục tiêu | 1) Phòng Thẩm định ĐTM của Chi cục BVMT chịu trách nhiệm về các hoạt động nhận thức môi trường. 2) Chi cục BVMT đồng ý cung cấp cho JET báo cáo về các hoạt động nhận thức môi trường. 3) Khảo sát thực địa tại đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. 4) Sở TNMT sẽ phân công thành viên tham gia nhóm công tác và quyết định khu vực mục tiêu. | JET sẽ xem xét phương pháp tiếp cận phát triển năng lực. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (15/6/2011, Nhóm công tác) | 1. Các bước lập kế hoạch cho nhận thức môi trường 2. Xác định khu vực mục tiêu | 1) Nhóm công tác hiệu các bước lập kế hoạch và đồng ý áp dụng trong Dự án. 2) Hoạt động nhận thức môi trường nên thực hiện tại đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. | JET sẽ đề xuất kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (15/8/2011, WG) | Thảo luận về bản thảo Kế hoạch công tác | 1) Hoạt động nhận thức môi trường nên tập trung vào ô nhiễm nước bởi nuôi tôm ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. 2) Nhóm công tác sẽ có một buổi họp với dự án IMOLA để thảo luận về phương pháp hiệu quả cho nhận thức môi trường. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (17/8/2011, Nhóm công tác) | 1. Kế hoạch công tác cho năm thứ 1 2. Chương trình Hội thảo và tham quan thực địa | 1) Nhóm công tác đồng ý tổ chức Hội thảo và tham quan thực địa, nhờ đó mà hiệu được thực trạng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và các biện pháp chống ô nhiễm do nuôi tôm. 2) Nhóm công tác sẽ xem xét về thành phần tham dự, nội dung của các bài trình bày và các địa điểm để đi khảo sát thực địa. 3) Nhóm công tác sẽ mời Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trình bày về nuôi tôm thân thiện với môi trường. | JET sẽ đề xuất chương trình của Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (12/9/2011, Nhóm công tác) | Thảo luận về chương trình của Hội thảo | 1) Nhóm công tác đồng ý chương trình Hội thảo, số lượng khách mời và chuyên tham quan thực địa. 2) Ngày giờ, địa điểm và việc chuẩn bị hậu cần chi tiết của Hội thảo sẽ được thảo luận với thầu phụ. | Nhóm công tác và JET sẽ tiến hành các việc chuẩn bị cho Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (22/11/2011, Nhóm công tác) | Chương trình Hội thảo và tham quan học tập | 1) Hội thảo sẽ được tổ chức vào ngày 13 tháng 12 năm 2011. Nhóm công tác xác nhận về lịch trình của chuyên tham quan thực địa đến đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. 2) Nhóm công tác đã chuẩn bị tài liệu trình bày tại hội thảo. | Nhóm công tác và JET sẽ chuẩn bị Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (12/12/2011, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo | Nhóm công tác đã xác nhận tất cả công việc chuẩn bị của Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (9/2/2012, WG) | Sửa đổi các chỉ số của Ma trận thiết kế dự án và hoạt động cho năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác đồng ý về việc sửa đổi các chỉ số và kế hoạch công tác cho năm thứ 2 bắt đầu vào tháng 5 năm 2012. 2) Nhóm công tác sẽ liên hệ với các tổ chức liên quan đến Kế hoạch công tác của năm thứ 2. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (12/6/2012, Nhóm công tác) | Kế hoạch công tác của năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác đồng ý về Kế hoạch công tác, Hội thảo cho doanh nghiệp, sự kiện làm sạch và thử chất lượng nước, tập huấn cho các cán bộ Sở TNMT và công việc của thầu phụ. 2) JET sẽ gửi danh sách các bài trình bày cho Hội thảo. | Nhóm công tác và JET sẽ chuẩn bị Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (09/7/2012, Nhóm công tác) | Khảo sát thực địa đến địa điểm tổ chức sự kiện | 1) Nhóm công tác chỉ ra 5 địa điểm dự kiến cho các sự kiện. 2) Nhóm công tác sẽ gửi các chương trình dự kiến cho 3 sự kiện và chuẩn bị Áo phông và băng rôn. | - |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm Nhóm công tác WG4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|--|--|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (20/8/2012, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo cho doanh nghiệp | 1) Nhóm công tác đồng ý về các nội dung và ngày giờ của Hội thảo. 2) Kiểm tra địa điểm tổ chức lần cuối. | Nhóm công tác sẽ liên hệ liên tục với các tổ chức liên quan. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (25/02/2012, Nhóm công tác) | Hội thảo, Các sự kiện làm sạch và tập huấn cho các cán bộ Sở TNMT | 1) Nhóm công tác đồng ý tất cả các nội dung liên quan đến Hội thảo, các sự kiện làm sạch, và tập huấn cho cán bộ Sở TNMT bao gồm ngày giờ, khách mời, chương trình và phân công nhiệm vụ. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (09/11/2012, Nhóm công tác) | Chuẩn bị Hội thảo cho Doanh nghiệp | 1) Nhóm công tác xác nhận về chương trình cuối cùng của Hội thảo, địa điểm và các ngành công nghiệp chính. 2) Nhóm công tác sẽ gửi danh sách khách mời đến JET và gửi thư mời. | Nhóm công tác và JET sẽ chuẩn bị Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 14 (27/2/2013, Nhóm công tác) | Đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường và định hướng tương lai | 1) Nhóm công tác đã thảo luận về các hoạt động nhận thức môi trường và định hướng tương lai dựa trên các kết quả đạt được. | JET sẽ gửi kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. |
| HCMC | Họp thảo luận lần thứ 1 (16-18/5/2011, Chi cục BVMT) | 1. Hiện trạng hoạt động nhận thức môi trường 2. Thảo luận về khu vực mục tiêu | 1) Phòng Thông tin và Giáo dục Môi trường của Chi cục BVMT phụ trách về hoạt động nhận thức môi trường của Dự án. 2) Sở TNMT đã đồng ý phân công các thành viên tham gia nhóm công tác và sẽ cung cấp báo cáo về hoạt động nhận thức môi trường cho JET. 3) Hoạt động nhận thức môi trường đã được đồng ý sẽ thực hiện kết hợp cùng Kết quả 2. 4) Sở TNMT sẽ quyết định khu vực mục tiêu cho hoạt động nhận thức môi trường. | JET sẽ xem xét phương pháp tiếp cận phát triển năng lực. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (07/7/2011, Nhóm công tác) | 1. Các bước lập kế hoạch nhận thức môi trường 2. Xác định khu vực mục tiêu | 1) Nhóm công tác hiểu về các bước lập kế hoạch và đồng ý áp dụng trong Dự án. 2) Hoạt động nhận thức môi trường nên được thực hiện tại cụm Công nghiệp Tân Quy. | JET sẽ đề xuất Kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (24/8/2011, Nhóm công tác) | Thảo luận về bản thảo Kế hoạch công tác | 1) Nhóm công tác đồng ý tổ chức Hội thảo cho doanh nghiệp ở cụm công nghiệp Tân Quy, để hiểu được thực trạng môi trường nước ở Rạch Bà Bép, việc quản lý môi trường của các doanh nghiệp và các biện pháp có thể áp dụng. 2) Nhóm công tác sẽ xem xét về thành phần tham dự và nội dung của các bài trình bày. | JET sẽ đề xuất chương trình Hội thảo. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (13/9/2011, Nhóm công tác) | Thành phần tham dự Hội thảo | 1) Nhóm công tác sẽ liệt kê các doanh nghiệp ở cụm công nghiệp Tân Quy sẽ được mời tham dự Hội thảo. 2) Nhóm công tác đã đồng ý chương trình Hội thảo và sẽ đề xuất ngày giờ phù hợp cho Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (14/12/2011, Nhóm công tác) | Chương trình Hội thảo và chuẩn bị | 1) Hội thảo sẽ được tổ chức vào tháng 02 năm 2012, và nhóm công tác đã đồng ý chương trình Hội thảo và danh sách khách mời. 2) Nhóm công tác sẽ thực hiện công việc chuẩn bị của Hội thảo và chuẩn bị tài liệu cho bài trình bày của Hội thảo. | Nhóm công tác và JET sẽ thực hiện công tác chuẩn bị. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (06/2/2012, WG) | Xác nhận việc chuẩn bị Hội thảo | Nhóm công tác xác nhận tất cả các công việc chuẩn bị cho Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (15/6/2012, Nhóm công tác) | Kế hoạch công tác của năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác đồng ý thực hiện xây dựng và phát triển quyền sách hướng dẫn ban đầu về quản lý nước thải công nghiệp và tập huấn cho các cán bộ Sở TNMT. 2) Nhóm công tác đề xuất sản xuất quạt tay để phát cho người dân cho phần truyền thông cho công chúng. | Nhóm công tác và JET sẽ thực hiện các hoạt động. |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (29/8/2012, Nhóm công tác) | Thực hiện Kế hoạch công tác | 1) Nhóm công tác xác nhận nội dung chi tiết của cuốn sách hướng dẫn ban đầu và các công việc cuối cùng cho việc phân phát quạt tay. JET sẽ tham gia chiến dịch làm sạch thể giới vào tháng 09 năm 2012 và phân phát quạt tay. 2) Nhóm công tác sẽ đóng góp ý kiến về các văn bản và danh sách các thành viên tham gia tập huấn. 3) Phiếu đánh giá năng lực đã được Tổng Cục Môi trường gửi đến nhóm công tác phục vụ cho đánh giá cuối kỳ. | Nhóm công tác WGand JET will continue activities. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (04/12/2012, Nhóm công tác) | Sách hướng dẫn ban đầu | 1) Nội dung chi tiết và thời gian biểu của việc sản xuất sách hướng dẫn đã được nhóm công tác đồng ý. 2) Nhóm công tác sẽ chỉnh sửa bản thảo sách hướng dẫn thông qua đợt đánh giá. | JET sẽ trả lời về đợt đánh giá cho quyền sách. |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm Nhóm công tác WG4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|--|---|--|--|
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (04/3/2013, Nhóm công tác) | Đánh giá các hoạt động nhận thức môi trường và định hướng tương lai | 1) Nhóm công tác thảo luận về các hoạt động nhận thức môi trường và định hướng tương lai dựa trên các kết quả đạt được. | JET sẽ gửi kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. |
| BRVT | Họp thảo luận lần thứ 1 (17/5/2011, Cục BVMT) | 1. Hiện trạng hoạt động nhận thức môi trường 2. Thảo luận về khu vực mục tiêu | 1) Phòng Kiểm soát Ô nhiễm của Chi cục BVMT phụ trách các hoạt động nhận thức môi trường của Dự án. 2) Sở TNMT đã đồng ý phân công thành viên tham gia nhóm công tác và cung cấp cho JET báo cáo về các hoạt động nhận thức môi trường. 3) Khảo sát thực địa đến các khu vực mục tiêu bao gồm sông Cửa Lấp. Sở TNMT sẽ quyết định khu vực mục tiêu. | JET sẽ xem xét phương pháp tiếp cận phát triển năng lực. |
| | Họp thảo luận lần thứ 2 (08/6/2011, Nhóm công tác) | 1. Các bước lập kế hoạch cho hoạt động nhận thức môi trường 2. Xác định khu vực mục tiêu | 1) Nhóm công tác hiệu các bước lập kế hoạch và đồng ý áp dụng trong dự án. 2) Hoạt động nhận thức môi trường nên thực hiện ở sông Cửa Lấp. 3) Khảo sát thực địa đến các nhà máy chế biến thủy hải sản đã có trạm xử lý nước thải. 4) Nhóm công tác sẽ mời các Phòng TNMT và các tổ chức xã hội thảo luận về kế hoạch các hoạt động nhận thức môi trường tại sông Cửa Lấp. | JET sẽ đề xuất kế hoạch công tác. |
| | Họp thảo luận lần thứ 3 (30/8/2011, Nhóm công tác) | Thảo luận về bản thảo Kế hoạch công tác | 1) Nhóm công tác đồng ý tổ chức Hội thảo và tham quan thực địa, đề hiệu về thực trạng môi trường sông Cửa Lấp, và thảo luận về các hoạt động sẽ được tổ chức trong năm tới. | Nhóm công tác sẽ có buổi họp với các Phòng TNMT và các tổ chức xã hội. |
| | Họp thảo luận lần thứ 4 (14/9/2011, Nhóm công tác) | Xác nhận về thành phần tham dự và chương trình Hội thảo | 1) Sở TNMT đã đồng ý chương trình Hội thảo và sẽ liệt kê các thành phần khách mời của Hội thảo. 2) Sở TNMT sẽ đề xuất ngày giờ phù hợp cho Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 5 (02/12/2011, Nhóm công tác) | Chuẩn bị cho Hội thảo và tham quan tham học tập | 1) Hội thảo sẽ được tổ chức vào ngày 16 tháng 12 năm 2011. Nhóm công tác sẽ chỉnh sửa chương trình Hội thảo và danh sách khách mời dự trên bản dự thảo đề xuất bởi JET. 2) Nhóm công tác sẽ chuẩn bị tài liệu trình bày và chương trình tham quan học tập đến một trại giống tôm và nhà máy chế biến cá. | Nhóm công tác và JET sẽ tiếp tục các công việc chuẩn bị. |
| | Họp thảo luận lần thứ 6 (15/12/2011, Nhóm công tác) | Xác nhận việc chuẩn bị Hội thảo | Nhóm công tác xác nhận toàn bộ công việc chuẩn bị của Hội thảo. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 7 (8/Feb/2012, Nhóm công tác) | Sửa đổi chỉ số của Ma trận thiết kế dự án và kế hoạch công tác của năm thứ 2 | 1) Nhóm công tác đồng ý về việc sửa đổi chỉ số của Ma trận thiết kế dự án và Kế hoạch công tác của năm thứ 2 đề xuất bởi JET. 2) Các hoạt động cho năm thứ 2 sẽ bắt đầu từ tháng 5 năm 2012. Nhóm công tác sẽ liên hệ liên tục với các tổ chức liên quan. | - |
| | Họp thảo luận lần thứ 8 (14/6/2012, Nhóm công tác) | Kế hoạch công tác của năm thứ 2 và việc thực hiện kế hoạch | 1) Nhóm công tác đã đồng ý Kế hoạch công tác và nội dung của bộ phim môi trường về sông Cửa Lấp cho hoạt động làm sạch. 2) Một buổi họp nhỏ để truyền thông và đánh giá bộ phim bởi các lãnh đạo xã được xác nhận là sẽ được tổ chức sau khi sản xuất xong bộ phim. 3) Nhóm công tác đã đồng ý về công việc của thầu phụ cho việc sản xuất phim. | JET sẽ gửi nội dung sơ bộ của bộ phim. |
| | Họp thảo luận lần thứ 9 (30/8/2012, Nhóm công tác) | 1. Kịch bản của bộ phim môi trường 2. Tập huấn cho cán bộ Sở TNMT | 1) Nhóm công tác đồng ý chỉnh sửa kịch bản đầu tiên của bộ phim môi trường về khu vực Cửa Lấp và tổ chức tập huấn cho cán bộ Sở TNMT. 2) Nhóm công tác sẽ trả lời về phương thức phát sóng và thành phần tham gia tập huấn. 3) Phiếu đánh giá năng lực đã được Tổng Cục Môi trường gửi đến nhóm công tác phục vụ cho đánh giá cuối kỳ. | JET sẽ gửi phiếu khảo sát trước tập huấn. |
| | Họp thảo luận lần thứ 10 (25/9/2012, Nhóm công tác) | 1. Kịch bản phim môi trường 2. Công việc chuẩn bị cho tập huấn | 1) Nhóm công tác cơ bản đồng ý các ý kiến về sửa đổi kịch bản chi tiết, phương thức phát sóng và lịch trình hoạt động quay phim. 2) Nhóm công tác xác nhận tất cả công việc chuẩn bị cho tập huấn cho cán bộ Sở TNMT tổ chức vào tháng 10. | Nhóm công tác và JET sẽ tiếp tục hoạt động. |
| | Họp thảo luận lần thứ 11 (24/10/2012, Nhóm công tác) | Kịch bản của bộ phim môi trường | 1) Nhóm công tác xác nhận tiến trình sản xuất bộ phim môi trường về quản lý môi trường nước tại khu vực sông Cửa Lấp. Lịch trình đã được nhóm công tác thống nhất. | Nhóm công tác sẽ gửi ý kiến đóng góp cho kịch bản đến JET. |
| | Họp thảo luận lần thứ 12 (20/11/2012, | Hoạt động quay phim | 1) Nhóm công tác đã đồng ý về hoạt động chuẩn bị cho việc quay phim. Quá trình xử lý sau khi quay xong cũng đã được xác nhận. 2) Nhóm công tác sẽ gửi kịch bản cập nhật và DVD đến JET. | - |

| Số TNMT | Họp thảo luận | Chủ đề | Đề xuất và góp ý chính của nhóm Nhóm công tác WG4 | Hành động phản hồi của đối tác và JET |
|---------|---|---|---|--|
| | Nhóm công tác) | | | |
| | Họp thảo luận lần thứ 13 (05/3/2013, Nhóm công tác) | Đánh giá hoạt động nhận thức môi trường và định hướng tương lai | 1) Nhóm công tác thảo luận về các hoạt động nhận thức môi trường và định hướng tương lai dựa vào các kết quả đạt được; 2) Thực hiện đánh giá phim môi trường thông qua khảo sát bằng bảng hỏi. | JET sẽ gửi kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. |

Nguồn: JET

CHƯƠNG 5. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Các bài học kinh nghiệm

(1) Kế hoạch hoạt động do các Sở TNMT xây dựng

Một trong những đóng góp quan trọng đối với việc thực hiện Dự án là dự thảo Kế hoạch hoạt động chi tiết (action plan) cho Kết quả 2. Dự thảo này được xây dựng tại từng Sở TNMT trong giai đoạn thiết kế dự án. Kế hoạch hoạt động đã khuyến khích sự tham gia của các cán bộ chủ chốt tại các Sở TNMT, là cơ sở hướng dẫn xây dựng Kế hoạch công tác và góp phần thiết lập các mục tiêu cụ thể và thực tế của Dự án. Cần lưu ý rằng nếu các Kết quả 3 và 4 cũng lập các Kế hoạch hoạt động chi tiết như kết quả 2 thì hai kết quả này có thể có nhiều tác động tích cực tương tự. Do vậy, cần áp dụng phương pháp tiếp cận này trong các dự án hỗ trợ kỹ thuật tương tự trong tương lai.

(2) Năng lực của Tổng cục môi trường/Bộ TNMT trong việc phối hợp thực hiện với các Sở TNMT

Dự án gồm năm hợp phần liên quan đến các vấn đề chính sách tại các phòng ban trực thuộc Tổng cục môi trường/Bộ TNMT và các công việc thường ngày tại Sở TNMT. Hơn nữa, mục tiêu hướng đến của Dự án là năm Sở TNMT với các mức năng lực khác nhau và các hướng phát triển năng lực. Do vậy mà công tác điều phối do Vụ HTQT và KHCN/Tổng cục môi trường đảm nhiệm tương đối khó khăn và phức tạp. Vụ HTQT và KHCN/Tổng cục môi trường được đánh giá cao về nỗ lực thực hiện điều phối. Nếu Vụ HTQT và KHCN/Tổng cục môi trường được trao thêm thẩm quyền và nhân lực để giải quyết một số vấn đề như phê duyệt Dự án, chuẩn bị vốn đối ứng, cung cấp địa điểm làm việc cho nhóm chuyên gia ngắn hạn và phê duyệt form A4 thì Dự án hẳn sẽ được thực hiện trôi chảy hơn.

(3) Giai đoạn lập kế hoạch của Dự án

Nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET) được giao nhiệm vụ thực hiện dự án tại VN chậm hơn khoảng nửa năm so với nhóm chuyên gia dài hạn (LET). Điều này đã gây khó khăn cho nhóm LET và các đơn vị trực thuộc Bộ TNMT trong việc thảo luận cụ thể với các Sở TNMT vào giai đoạn đầu của Dự án về cách thức cùng nhau thực hiện Dự án, và kết hợp năm hợp phần của Dự án đặc biệt là Kết quả 1 và Kết quả 5. Trên thực tế, ngay sau khi SET đến VN và các hợp phần địa phương (với các Sở TNMT) (Kết quả 2, 3 và 4) được bắt đầu triển khai trong tháng 4 năm 2011, báo cáo khởi động dự án đã được chính thức thông qua tại cuộc họp JCC lần thứ 2 và các hoạt động dự án bắt đầu được thực hiện trôi chảy. Các hợp phần trung ương (với Bộ TNMT) và các hợp phần địa phương cần được bắt đầu cùng thời điểm từ giai đoạn lập kế hoạch, ban đầu của Dự án.

(4) Thời gian thực hiện dự án và kết quả đạt được

Nhìn chung, các kết quả của dự án hỗ trợ kỹ thuật này chủ yếu đạt được trong năm thứ ba của Dự án. Trên thực tế, thời gian thực hiện cho hợp phần địa phương khoảng gần hai năm rưỡi. Điều này nghĩa là nhiều hoạt động bị ngừng lại trước khi có thể gặt hái nhiều thành công lớn hơn nữa; và dự án chưa thể thực hiện một số hoạt động quan trọng để tiếp tục phát huy các năng lực có được từ kinh nghiệm dự án, và phổ biến các sản phẩm quan trọng của dự án tới các Sở TNMT khác tại Việt Nam. Như vậy, phía Việt Nam sẽ phải tiếp tục thực hiện các hoạt động này mà không có sự hỗ trợ của JET. Đây cũng chính là một tác động của việc hợp phần trung ương và hợp phần địa phương không được tiến hành cùng một thời điểm và các hoạt động dự án không được triển khai đồng đều trong ba năm.

(5) Các đối tác của Kết quả 4

Đối tượng phát triển năng lực chính của Kết quả 4 (nhằm nâng cao nhận thức môi trường) là các cán bộ đối tác VN tại các Sở TNMT mục tiêu. Nhưng trên thực tế, có nhiều đối tượng hơn có thể tham gia vào công tác quản lý môi trường nước. Dự án không nên giới hạn đối tượng tham gia là các cán bộ Sở

TNMT mà nên mở rộng ra các đơn vị khác như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ và Hội nông dân. Nếu các bên tham gia này được tăng cường năng lực thì tính hiệu quả và hiệu suất của các kết quả thu được sẽ cao hơn và sẽ có thể mang lại những tác động mạnh mẽ hơn đối với các nguồn ô nhiễm.

5.2 Kiến nghị

(1) Thể chế hóa và phát triển các kết quả của Dự án

Dự án đã mang lại nhiều kết quả hữu ích như kiến thức về Khung phát triển chính sách cơ bản, các kế hoạch quan trắc được xây dựng một cách có hệ thống, sẽ là mô hình để phát triển các kế hoạch quan trắc khác, phương pháp tiếp cận thực tiễn nhằm cải thiện công tác kiểm soát chất lượng tại phòng thí nghiệm, Kiểm kê nguồn ô nhiễm (PSI) phục vụ công tác quản lý ô nhiễm nước, kiến thức của thanh tra viên về quản lý nước thải, đề cương các chiến lược cải thiện kiểm soát ô nhiễm nước, đa dạng các công cụ nâng cao nhận thức và biểu mẫu thu thập thông tin từ các Sở TNMT đến Bộ TNMT nhằm cải thiện chính sách. Tất cả các cơ quan đối tác đều được khuyến khích tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để biến những kết quả này thành năng lực của cá nhân và tổ chức đã tham gia dự án, tiến đến mở rộng đến các cá nhân và cơ quan ngoài phạm vi Dự án, bao gồm cả những cán bộ mới tại các Sở TNMT, các cán bộ/chuyên viên cấp xã, huyện và các Sở TNMT tại các tỉnh thành khác.

(2) Cam kết mạnh mẽ và vai trò lãnh đạo của UBND tỉnh/thành

Dự án đã đạt được một số kết quả thực tế, vì vậy, sự cam kết mạnh mẽ và chỉ đạo của UBND các tỉnh thành mục tiêu sẽ giúp công tác thực thi các quy định môi trường tại các Sở TNMT địa phương được tăng cường, vì khi có sự cam kết và chỉ đạo của UBND tỉnh/ thành phố thì các kiến thức và kỹ năng có được từ dự án sẽ được áp dụng thực tế và bền vững. Tương tự, sự chỉ đạo và hướng dẫn của các UBND tỉnh/thành cũng rất có ý nghĩa rất nhiều đối với các cơ quan khác như Ban Quản lý khu công nghiệp, chính quyền cấp xã và huyện, các cơ sở công nghiệp và ngay cả cộng đồng dân chúng. Đây chính là tất cả các bên tham gia trực tiếp vào công tác quản lý môi trường nước. Chính vì vậy, Ma trận thiết kế dự án (PDM) đã nhấn mạnh rằng “UBND tỉnh/thành tại các tỉnh/thành mục tiêu cần cam kết hợp tác thực hiện dự án”. Dự án kêu gọi các UBND tỉnh/thành phổ biến tiếp tục hỗ trợ đối với các Sở TNMT cũng như các đối tượng khác có liên quan để cải thiện công tác quản lý môi trường nước tại địa phương mình.

(3) Đào tạo tại Nhật Bản

Trong khuôn khổ Dự án, JICA đã tổ chức ba khóa đào tạo tại Nhật Bản trong tháng 2 – tháng 3 năm 2012, tháng 8 năm 2012 và tháng 4 năm 2013. Các khóa đào tạo này tạo cơ hội quý báu cho các đối tác VN được học hỏi lịch sử phát triển về quản lý môi trường nước tại Nhật Bản, trao đổi kinh nghiệm, và ý kiến giữa Bộ TNMT, các Sở TNMT và các UBND tỉnh/thành phố. Các khóa đào tạo tại Nhật Bản dành cho các đơn vị đối tác Việt Nam cần tiếp tục được tổ chức trong các dự án hợp tác kỹ thuật tương tự sau này.